

VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA
LIÊN BANG ĐỨC • ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND BUDDH.
VIETNAM-FLÜCHTLINGE IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

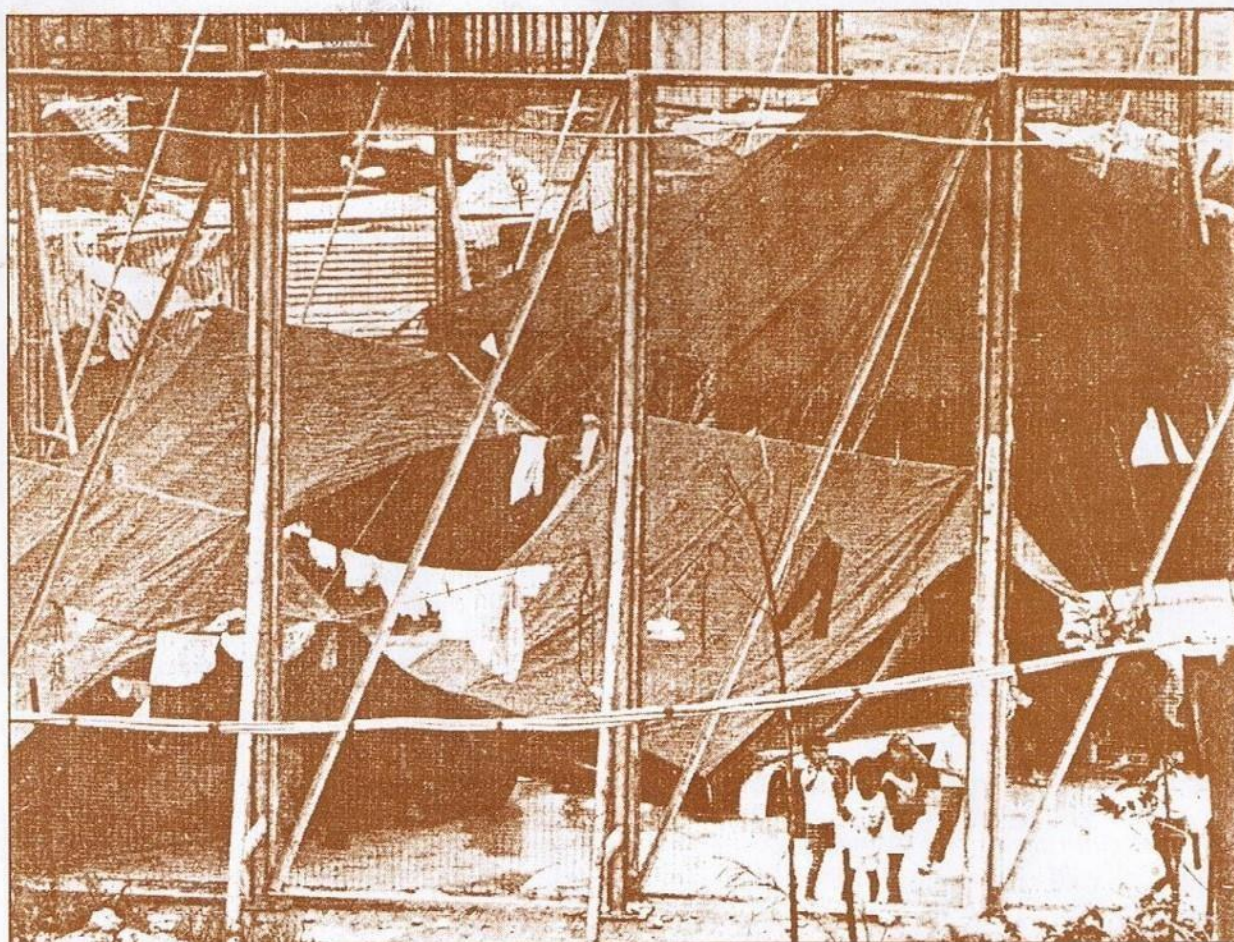


53

THÁNG MƯỜI 1989

OKTOBER 1989

AUSGABE IN VIETNAMESISCH UND DEUTSCH



THÂN PHẬN NGƯỜI VIỆT TỶ NẠN
ZUR SITUATION DER VIETNAMESISCHEN FLÜCHTLINGE

THƯ TÒA SOẠN

Vào ngày 13 và 14 tháng 6 năm 1989 vừa qua tại trụ sở Liên Hiệp Quốc, Genève Thụy Sĩ, hơn 40 quốc gia đã nhóm họp để giải quyết vấn đề của người tỵ nạn Đông Dương chúng ta. Tuy tất cả những yêu sách của người Việt quốc gia chúng ta hiện sống rải rác khắp trên thế giới, Liên Hiệp Quốc chưa đáp ứng được cho người tỵ nạn Đông Dương. Nhưng đâu sao đi nữa, sự có mặt của 1.000 người biểu tình và hơn 50 vị Đại Diện các Tôn Giáo cũng như đồng bào đã tuyệt thực trước trụ sở Liên Hiệp Quốc và hàng trăm ngàn chữ ký gửi đến Liên Hiệp Quốc cũng đã đánh động được phần nào lương tâm của thế giới tự do và cũng đã chia xẻ được một phần nhỏ khổ đau mà đồng bào chúng ta đang phải gánh chịu trong các trại tạm cư ở Đông Nam Á Châu.

Mặc dầu biết rằng cuộc hội nghị trên nhằm mục đích giảm thiểu số người ra đi; nhưng cũng đã có rất nhiều thuyền nhân đến các nước Hồng Kông, Mã Lai, Thái Lan v.v... sau ngày 14 tháng 6 năm nay. Điều đó chứng tỏ rằng tại Việt Nam người dân đã chán ghét chế độ cộng sản rất nhiều, nên mới bỏ nước ra đi. Mặc dầu biết rằng ra đi là chín phần chết, một phần sống và chưa chắc gì sẽ được đi định cư ở một đệ tam quốc gia.

Thế giới cộng sản sau mấy mươi năm cai trị dân chúng như ở Trung Hoa, Nga Sô và Đông Đức hay ngay cả Việt Nam đã làm cho người dân hết tin tưởng vào sự lãnh đạo của đảng và nhà nước. Vì thế trong thời gian gần đây dân Đông Đức đã tràn sang Tây Đức cả mấy chục ngàn người, chỉ cốt tìm hai chữ Tự Do. Điều đó cho ta biết rằng "Thiên Đường Cộng Sản" chỉ là một thiên đường ảo tưởng mà thôi. Vẫn còn cảnh người bóc lột người, các loại tự do đều bị kềm chế, mọi giá trị căn bản của con người đều bị hủy hoại và đời sống tinh thần bị thoái hóa; nên người dân mới tìm đến những đất nước Tự Do để tìm kiếm những nhu cầu trên, mà trong một xã hội cộng sản không thể nào có được.



Trở lại vấn đề của chúng ta; mặc dầu Liên Hiệp Quốc đã đồng ý không chấp nhận việc hồi cư người tỵ nạn tại các đảo, trừ trường hợp tự nguyện trở về; nhưng mới đây chính quyền Anh quốc và Hồng Kông đã ký kết với cộng sản Việt Nam sẽ trao trả hơn 50.000 người hiện ở tại Hồng Kông về lại Việt Nam; cộng sản Việt Nam nhờ đó hưởng được một số quyền lợi nhỏ nhoi và chính quyền Hồng Kông cũng như Anh quốc giải quyết được số người quá thặng dư tại đất nước của họ.

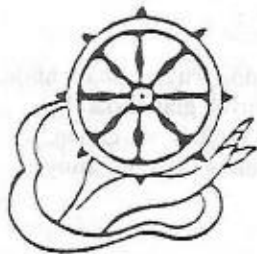
Quả thật lòng nhân đạo của con người cũng rất có giới hạn, khi mà quyền lợi của đất nước họ không được giải quyết thỏa đáng. Vì thế nếu không có áp lực của các nước lớn như Hoa Kỳ và các nước tự do khác trên thế giới, chắc chắn số phận của hơn 50.000 người Việt Nam hiện ở tại Hồng Kông rất đáng lo ngại.

Nghĩ cho cùng, thân phận của người tỵ nạn Việt Nam chúng ta chẳng khác nào một quả bóng. Nếu loài người để yên thì quả bóng đứng yên, mà loài người bị động thì quả bóng cũng phải di chuyển theo. Tuy nhiên chúng ta phải tranh đấu và cố gắng kết đoàn lại để yêu cầu thế giới mở rộng tầm tay nhân đạo rộng hơn nữa để cho nhân loại được nhờ, trong đó có những người đồng loại của chúng ta.

Nguyên cầu cho sân hận và khổ đau không còn đeo đuổi loài người nữa. Chiến tranh và hận thù sớm chấm dứt, để nhà nhà an cư lạc nghiệp, lo xây dựng đời sống hạnh phúc cho gia đình và quốc gia xã hội.

Viên Giác

VIÊN GIÁC



Tạp Chí của Kiều Bào và Phật Tử
Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa
Liên Bang Đức

Zeitschrift der Vietnamesen und-
Buddhistische Vietnam-Flüchtlinge
in der Bundesrepublik Deutschland

Chủ Trương: *T.T. Thích Như Điển*
Herausgeber
Kỹ Thuật: *Thị Chơn*
Layout

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung von
*Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại
Cộng Hòa Liên Bang Đức*
Vereinigung der Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge i. d. BRD e.V

Tòa Soạn và Ấn Quán
Reaktion und Verlag
*Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật
Giáo Việt Nam tại Tây Đức*
Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kultur-
zentrum i. d. BRD
c/o Viên Giác Pagode
Eichelkampstr.3, 3000 Hannover 81
Tel. 0511 - 864638

* Viên Giác Phát hành mỗi 2
tháng, vào tháng chẵn, nhằm mục
đích phục vụ lợi ích cho cộng
đồng người Việt tỵ nạn tại Tây
Đức.

* Viên Giác bảo tồn và phát huy
truyền thống văn hóa Phật Giáo
và Dân Tộc Việt, cùng những sinh
hoạt Tôn Giáo, Xã Hội Viên Giác
hoàn toàn không có tính cách
thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ
qua hình thức cúng dường Viên
Giác xin chân thành cảm tạ

* Ủng hộ Viên Giác, quý vị sẽ
nhận được biên nhận để khai làm
đơn xin quân bình thuế cuối năm.
mại

TRONG SỐ NÀY

TÔN GIÁO

- Tổ Thiên Tông* Thích Thanh Từ 2
Hương Quê Cực Lạc Liên Du 5
Sự Phục Hưng PG Tại Ấn Độ Thích Trí Chơn 7
Tin Có Luân Hồi Lưu Hoàng Nguyên 9
Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời Tâm Như 12
Tái Sanh Trích Báo PGVN 14
Phép Mẫu Nhiệm Trong Đạo Phật Trương Thanh Vân 13
Ưu Cái Lạc Thích Nữ Thế Quán 17

ĐỨC NGŨ - INS DEUTSCH

- Die Lehre Buddhas* B.Dendo Kyokai 20
Das Leben Eines Buddh. Moenches Thích Bảo Lạc 23
Buddhistische Aktivitaeten Viên Giác 26

CHỦ ĐỀ

- Tình Hình Tỵ Nạn Tại Hồng Kông* Phạm Thạch Hồng 27
Tình Hình Giáo Dục Trẻ Em Tại HK Phạm Thạch Hồng 31
Chuyện Tỵ Nạn Của Tôi Nguyễn Hồng Dũng 35
Chức Tước Mới Hoài Việt 38
Nghịệt Ngã Phạm Hồng Sáu 39

VĂN NGHỆ

- Học Với Thầy* Lê Thị Bạch Nga 41
Nghề Chằm Nón Thế Nhơn 43
Chữ Duyên Trong Truyện Kiều Phù Vân 44
Bài Kinh Cuối Cùng Vũ Nam 49
Tôi Ra Miền Bắc Nhiên Hồng 52
Đường Sang Thiên Trúc Trần Phong Lưu 56
Vườn Thơ Viên Giác Người Làm Vườn 58

SÁNG TÁC

- Tuổi Học Trò* Lê Thị Thanh Trang 62

TRANG SEN

- Lá Thư Trang Sen* Tâm Bạch 63
Sức: Lý Thánh Tông Thiện Hạnh 64
Cuộc Đời Đức Phật Chùa Khánh Anh 65
Trại Lộc Uyển giai đoạn II Thiện Căn 66

THỂ GIỚI THỜI SỰ

- Tổng Kết Thời Sự Trong Tháng Qua* Vũ Ngọc Long 67
Tin Thể Thao Người Giám Biên 75
Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng Viên Giác 81
Thông Cáo Về Việc Xin Đoàn Tụ Bộ Ngoại Giao 83
Tin Phật Sự Viên Giác 85
Diễn Tiến Việc Xây Chùa Viên Giác Thích Như Điển 88

THƠ

*Của các Thi Hữu: Đoàn Đức Nhân, Hạ Long, A.L.T.N,
Hoài Việt, Hoài Khê, Tùy Anh, Trà Giang Nguyễn-Phổ Đức.*

- Phương Danh Cúng Dường* Viên Giác 90
Hợp Thơ Viên Giác

TỔ THIÊN TÔNG

THÍCH THANH TỬ

(Tiếp theo)

15.- BỒ TÁT CA NA ĐỀ BÀ (Kanadeva)

(Cuối thế kỷ thứ sáu sau
Phật niết bàn)

Ngài dòng Tỳ Xá Ly ở Nam Ấn. Thuở nhỏ Ngài bẩm tánh thông minh, biện tài vô ngại. Ban sơ Ngài học phong tục trong nước, ưa làm việc phước thiện. Khi Tổ Long Thọ đến nước này, Ngài tìm đến yết kiến. Tổ Long Thọ muốn thử Ngài, sai đồ đệ múc một thau nước đầy để ở trước lối vào. Ngài đi qua lấy cây kim bó vào, rồi thẳng đến yết kiến Tổ. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lãnh hội. Khi Tổ Long Thọ thuyết pháp hiện tướng vàng trắng tròn. Ngài thầm ngộ yếu chỉ. Ngài theo Tổ xuất gia và được truyền tâm ấn.

Sau khi đắc pháp, Ngài vân du khắp nơi, lần lượt sang nước Ca Tỳ La để giáo hóa. Trong nước này có ông trưởng giả tên Tịnh Đức sanh được hai người con trai, người cả tên La Hầu La Điem, người thứ tên La Hầu La Đa. Ông hằng ngày chỉ săn sóc vườn tược. Hôm nọ, một cây trong vườn nảy sanh thứ nấm lạ, ông nhổ về ăn thử, thực ngon lành. Song chỉ ông và người con thứ hằng ngày đều nhỏ được nấm ăn, ngoài ra không ai nhỏ được. Ông bảo con thứ : "Nấm cây này chỉ ta và người được ăn, ắt là việc phi thường. Ước gì có ai thông hiểu giải thích cho việc này". La Hầu La Đa nói kệ :

Thử mộc sanh kỳ nhĩ,
Ngã thực bất khô khao.
Trí giả giải thử nhơn,
Ngã hồi hướng Phật đạo.

Dịch :
Cây này sanh nấm lạ,
Con ăn rất ngon lành.
Người trí giải nhơn này,
Con xin theo Phật đạo.

Chợt gặp Bồ Tát Đề Bà đến nhà, cha con ông Tịnh Đức vui mừng đem việc này ra hỏi. Ngài dạy :

Khi xưa lúc ông hai mươi tuổi thường mời một vị Tỳ Kheo về nhà cúng dường. Vị Tỳ Kheo ấy tuy có chút ít giới hạnh mà con mắt pháp chưa sáng, tâm không thấu lý, luống nhận sự cúng dường của ông. Song vị Tỳ Kheo ấy có chút ít tu hành nên khỏi sa vào đường ác, vẫn phải làm cây sanh nấm này để trả nợ cho ông. Xưa khi vị Tỳ Kheo ấy đến nhà ông, trong nhà chỉ có ông và người con thứ này thành kính cúng dường, còn bao nhiêu người đều không vui. Vì thế, nên năm hiện nay chỉ hai cha con ông được hưởng.

Ngài lại bảo :
- Ông nay được bao nhiêu tuổi ?
Trưởng giả thưa :
- Tôi được 79 tuổi.
Ngài nói kệ :

Nhập đạo bất thông lý,
Phục thân hoàn tín thí.
Nhữ niên bát thập nhất,
Thử mộc diệc vô nhĩ.

Dịch :
Vào đạo không thông lý,
Hoàn thân đền tín thí.
Trưởng giả tuổi tám một,
Cây này không sanh nấm.

Ông trưởng giả nghe nói xong, biết rõ duyên trước càng thêm thân phục. Ông thưa :

- Tôi già yếu tuy muốn xuất gia không kham theo thầy. Đứa con thứ của tôi hết lòng mộ đạo, tôi xin cho nó theo làm thị giả cho thầy, mong thầy dung nạp.

Ngài hoan hỷ chấp nhận La Hầu La Đa xuất gia và triệu tập các vị thánh tăng đến truyền giới.

Ngài du hóa đến nước Ba Liên Phật gặp lúc ngoại đạo hưng thịnh Phật pháp lu mờ. Ngài đem hết khả năng chuyển hóa ngoại đạo trở về quy y Tam Bảo, khiến xứ này Phật pháp hưng thịnh lại.

Khi già yếu, Ngài gọi La Hầu La Đa đến phó chúc pháp nhãn tạng và dặn đồ đệ đừng để đoạn diệt. Kể nối kệ :

Bổn đối truyền pháp nhơn,
Vị thuyết giải thoát lý.
Ư pháp thật vô chúng,
Vô chung diệc vô thủy.

Dịch :
Xưa đối người truyền pháp,
Vì nói lý giải thoát.
Nơi pháp thật không chúng,
Không chung cũng không thủy.

Dặn dò xong, Ngài nhập định ngồi nghiêm chính thị tịch. La Hầu La Đa và đồ chúng xây tháp cúng dường.

Ngài là Bồ Tát thứ ba làm nổi bật giáo lý Đại Thừa. Những tác phẩm Ngài trước thuật :

1. Bách luận
2. Bách tự luận
3. Đại trưởng phu luận
4. Đề Bà Bồ Tát phá Lãng Già kinh trung ngoại đạo tiểu thừa tứ tông luận.
5. Đề Bà Bồ Tát thích Lãng Già kinh trung ngoại đạo tiểu thừa Niết Bàn luận.

Những bộ luận trên nổi tiếng nhất là bộ Bách luận và Đại Trưởng Phu luận.

16.- TỔ LA HẦU LA ĐA (Rahulata)

(Đầu thế kỷ thứ bảy sau
Phật niết bàn)

Ngài dòng Phạm Ma ở nước Ca Tỳ La. Thuở nhỏ đã có sẵn lòng mộ đạo. Khi lớn do cơ duyên trong vườn có cây mọc nấm, Tổ Đề Bà giải thích nhơn do, mà Ngài được xuất gia.

Sau khi được truyền tâm ấn, Ngài thống lãnh đồ chúng du hóa nhơn gian, lần lượt đến phía Nam thành Thất La Phiệt gặp sông Kim Thủy. Ngài bảo chúng :

- Các người biết chăng ? Vừa thấy bóng năm đức Phật hiện dưới dòng sông, ta lấy bát múc nước ném có mùi vị lạ, ngược dòng sông này chừng năm trăm dặm sẽ có bậc chỉ nhơn ở, hiệu là Tăng Già Nan Đề.

Ngài bèn dẫn chúng theo ven bờ sông trở lên, quả nhiên thấy Nan

Đề dang ngồi thiền trong thất đá. Ngài và đồ chúng dừng lại xem, chờ đến bảy ngày Nan Đề mới xuất định. Ngài hỏi Nan Đề :

- Thân ông định hay tâm ông định? Nan Đề đáp :

- Thân tâm đều định.

- Thân tâm đều định sao có xuất nhập ?

- Tuy có xuất nhập mà không mất tướng định, như vàng ở trong giếng, vàng ra ngoài giếng, thể vàng vẫn yên lặng.

- Nếu vàng ở trong giếng, vàng ra ngoài giếng, thể vàng không động tịnh, thì vật gì ra vào ?

- "Nơi vàng không động tịnh thì vật gì ra vào" ? Đã thừa nhận vàng ra vào mà thể vàng không động tịnh.

- Nếu vàng ở trong giếng thì ra là vật gì ?

- Vàng nếu ra ngoài thì ở trong giếng không phải vàng. Vàng nếu ở trong giếng thì ra không phải vật.

- Nghĩa này không đúng.

- Lý kia chẳng nhằm.

- Nghĩa này đã ngã.

- Nghĩa kia chẳng thành.

- Nghĩa kia chẳng thành mà nghĩa của ta thành.

- Nghĩa ta tuy thành mà pháp không có ta.

- Nghĩa ta đã thành vì ta mà không ta.

- Ta mà không ta lại thành nghĩa gì ?

- Vì ta không ta nên thành nghĩa của người.

- Nhơn giả thờ vị thánh nào mà được "không ta" ấy ?

- Thầy ta là Bồ Tát Ca Na Đề Bà chúng được "không ta". Nan Đề tán thán :

- Cúi đầu lễ Đề Bà, người tạo thành nhơn giả.

- Vì nhơn giả "không ta", tôi muốn thờ nhơn giả.

Ngài bảo :

- Vì ta đã "không ta", người cần thấy ta ta.

- Người nếu thờ nói ta, biết ta chẳng ta ta.

Nan Đề tâm được rỗng rang liền đánh lễ nói kệ :

Tam giới nhất minh dăng,
Hồi quang nhì chiếu ngã.
Thập phương tất khai lãng,
Như nhật hư không trụ.

Dịch :

Ba cõi một ngọn đèn,
Ánh sáng soi chiếu con.
Mười phương đều sáng lặng,
Như mặt trời trong không.

Nan Đề nói kệ xong, lại đánh lễ cầu xin thế độ.

Ngài bảo :

- Tâm người tự tại chẳng lệ thuộc vào ta, cần gì nương nhờ mà cần giải thoát.

Một hôm, Ngài gọi Nan Đề đến bảo :

- Nay ta đã già không còn ở đời bao lâu, đại pháp nhân tạng của Như Lai trao lại cho người. Nghe ta nói kệ :

Ư pháp thật vô chúng,

Bất thủ diệt bất ly.

Pháp phi hữu vô tướng,

Nội ngoại vân hà khởi.

Dịch :

Nơi pháp thật không chúng,

Chẳng giữ cũng chẳng lìa.

Pháp chẳng tướng có không,

Trong ngoài do đâu khởi.

Nan Đề nghe kệ xong càng thêm cung kính, nói kệ tán thán :

Thiền tại đại thánh giá,

Tâm minh du nhật nguyệt.

Nhất quang chiếu thế giới,

Ám ma vô bất diệt.

Dịch :

Lành thay ! bậc đại thánh,

Tâm sáng như nhật nguyệt.

Ánh sáng chiếu thế giới,

Ma tối diệt hết sạch.

Ngài ngồi trên tòa lạng lẽ thị tịch. Bốn chúng xây tháp cúng dường.

17.- TỔ TĂNG GIÀ NAN ĐỀ (Sanghanandi)

(Giữa thế kỷ thứ bảy sau Phật niết bàn)

Ngài là hoàng tử con vua Báo Trang Nghiêm ở thành Thất La Phiệt. Ngài sanh chưa bao lâu đã biết nói, mà thường nói việc Phật pháp. Năm bảy tuổi, Ngài chán thú vui ở đời, cầu xin xuất gia. Ngài nói kệ xin cha mẹ :

Khế thủ đại từ phụ,
Hòa nam cốt huyết mẫu.
Ngã kim dục xuất gia,
Hạnh nguyện ai mãn cố.

Dịch :

Cúi đầu lễ cha lành,
Nếp mình lạy mẹ hiền.
Nay con muốn xuất gia,
Xin thương xót nhận cho.

Cha mẹ cố khuyên giải không cho. Ngài phải nhịn ăn nài nỉ cho

kỳ được. Đối cùng cha mẹ thấy chí Ngài quá mạnh không sao ngăn nổi, nên cho xuất gia với điều kiện ở một ngôi nhà riêng trong hoàng cung. Vua thỉnh Sa Môn Thiền Lợi Đa về dạy Phật pháp cho Ngài. Từ đây Ngài được pháp danh là Tăng Già Nan Đề. Ngài ở trong hoàng cung chín năm tu hành, mỗi được thọ giới cụ túc. Một hôm, Ngài tự cảnh tỉnh :

- Ta đã thọ giới cụ túc mà còn ở trong nhà thế tục này sao ?

Chợt một buổi chiều trời quang mây tạnh, Ngài nhìn thấy một con đường bằng phẳng, ở xa đầu kia lộ dạng một ngọn núi xanh. Ngài liền cất bước nhắm hòn núi thẳng tiến. Ngài đi đến dưới núi mà trời chưa tối. Tự Ngài tìm được thất đá rồi ngồi thiền nơi ấy. Năm ấy Ngài 26 tuổi.

Sáng hôm sau, vua nghe mất Thái Tử cho người tìm kiếm khắp nơi không được. Bực mình, vua đuổi Sa Môn Thiền Lợi Đa ra khỏi thành. Ngài tu thiền ở đây ngót mười năm, mới có cơ duyên gặp Tổ La Hầu La Đa được truyền chánh pháp.

Sau khi đắc pháp. Ngài thống lãnh đồ chúng du hóa khắp nơi làm lợi lạc quần sanh. Một hôm, Ngài bảo đồ chúng :

- Thầy ta La Hầu La Đa thường nói nước Ma Đề sẽ ra đời một vị thánh tên Già Đa Xá Đa nổi ta truyền pháp. Nay ta và các người sang nước ấy tìm.

Ngài liền dẫn đồ chúng du hóa nước Ma Đề. Đang đi trong nước này, bỗng có một luồng gió mát lành từ phương tây thổi đến làm mát khỏe toàn chúng. Ngài bảo chúng :

- Đây là đạo đức phong, ba ngàn dặm về phía tây ắt gặp thánh nhơn. Thầy trò đi đến một hòn núi nhìn lên đánh có áng mây nam sắc.

Ngài bảo chúng :

- Trên đỉnh núi có mây tím như cái lọng ắt là chỗ thánh nhơn ở.

Lên đến đỉnh, quả nhiên thấy một mái nhà tranh nằm bên cạnh núi. Một đứa bé cầm gương tròn, đến trước bái Ngài. Ngài hỏi :

- Người bao nhiêu tuổi ?

Đứa bé thưa :

- Trăm tuổi. Người còn bé mà sao trăm tuổi ?- Tôi chẳng hiểu sao , chính tôi một trăm tuổi. Người có căn cơ lành chăng ?

- Phật đâu không nói kệ : "Nếu người sanh trăm tuổi không hội được cơ duyên chừ Phật, chẳng bằng sanh một ngày, mà được hiểu rành rõ".

- Người cầm gương tròn ý muốn làm gì ?

Đứa bé nói kệ :

Chư Phật đại viên giám,

Nội ngoại vô hà ế.
Lưỡng nhơn đồng đắc kiến,
Tâm nhơn giai tương tợ.

Dịch :

Chư Phật gương tròn lớn,
Trong ngoài không vết che.
Hai người đồng được thấy,
Tâm mắt đều giống nhau.

Cha mẹ thấy đứa bé đối đáp hợp đạo như thế, đồng ý cho Ngài làm thị giả, Ngài nhận đứa bé dẫn về tinh xá cạo tóc thọ giới, cho hiệu là Già Da Xá Đa.

Một hôm, gió thổi cái linh treo trên điện Phật khua động. Ngài hỏi Xá Đa :

- Linh kêu hay gió kêu ?

Xá Đa thưa :

- Chẳng phải linh kêu, chẳng phải gió kêu, mà tâm con kêu.

- Tâm người là cái gì ?

- Đều lặng lẽ.

- Hay thay ! người khéo hội lý Phật, nên nói pháp yếu, nối đạo cho ta, chẳng phải người còn ai ? Ngài liền nói kệ :

Tâm địa bốn vô sanh,
Nhơn địa từng duyên khởi.
Duyên chủng bất tương phòng,
Hoa quả diệc phục nhi.

Dịch :

Đất tâm vốn không sanh,
Nhơn đất từ duyên khởi,
Duyên giống chẳng ngại nhau,
Hoa trái cũng như thế.

Nói kệ xong, Ngài nắm cành cây mà hóa.

Đồ chúng bàn nhau : "Thầy ta diệt độ ở dưới tàng cây, cũng là điềm che mắt cho kẻ sau". Liên làm lễ hóa táng tại đây.

18.- TỔ GIÀ DA XÁ ĐA (Gayasata)

(Cuối thế kỷ thứ bảy sau Phật niết bàn)

Ngài họ Uất Đầu Lam ở nước Ma Đề, cha hiệu Thiên Cái, mẹ là Phương Thánh. Bà Phương Thánh thọ thai, một đêm mộng thấy có người cầm cái gương báu đến nói : "Tôi đến". Bà chợt tỉnh giấc, nghe toàn thân nhẹ nhàng thanh thản, khác hơn ngày thường. Trong nhà có mùi hương lạ, vài lần hào quang xuất hiện. Bảy ngày sau, Bà sanh ra Ngài. Thân Ngài trong sáng giống như lưu ly. Ngài thích chỗ vắng vẻ, nói ra những lời siêu việt. Nhà cha mẹ Ngài ở trên núi Bảo Lạc Ca. Sau khi Ngài ra đời,

ngôi nhà này luôn luôn có áng mây tia chớp dậy trên không. Tổ Tăng Già Nan Đề nhơn thấy áng mây ấy, tìm đến gặp Ngài. Từ đó, Ngài theo làm đệ tử Tổ.

Về sau, Ngài được Tổ truyền tâm ấn và thống lãnh đồ chúng. Tùy duyên, Ngài đi vân du khắp nơi để giáo hóa làm lợi ích cho quần sanh.

Khi tuổi đã già, Ngài du hóa đến nước Nguyệt Chi. Trong nước này có người dòng Bà La Môn tên Cưu Ma La Đa tuổi được 30 tu theo ngoại đạo, chủ thuyết tự nhiên. Ông có nuôi một con chó, mỗi khi ăn xong, con chó ra hành lang dưới tấm rèm nằm. Có những khi mưa gió ướt cả mình, mà nó vẫn nằm đó. Người nhà sợ nó lạnh đuổi đi chỗ khác, rồi nó cũng trở lại chỗ đó nằm. Ông Cưu Ma Đa La lấy làm lạ. Dem việc đó hỏi thầy ông, nhưng không giải được điều gì. Ông mong có dịp gặp những bậc tu hành đạo đức cao cả để nhờ giải nghi.

Ngài cùng đồ chúng đi đến gần nhà người Bà La Môn này, bỗng thấy khí đại thừa xông lên. Ngài dừng lại bảo chúng :

- Khí này nếu vòng tròn như khoen đeo tai là có Bồ Tát bên cạnh. Nay khí này tương tợ vòng tròn át cổ thánh nhơn ở gần đây.

Thầy trò đi đến một đồi, bỗng có người Bà La Môn đến hỏi thị giả : "Thầy đây là người gì ?" Thị giả đáp : "Là đệ tử Phật". Người ấy liền chạy thẳng vào nhà đóng cửa lại. Ngài đi theo đến nơi gõ cửa. Trong nhà nói vọng ra rằng :

- Nhà này không có người.

Ngài hỏi :

- Đáp không người đó là ai ?

Cưu Ma La Đa nghe nói bèn có vẻ lạ, nghi là bậc đạo hạnh bèn mở cửa. Ra thấy Ngài, ông chào và thỉnh ngồi ghế giữa, đoạn đem nghi vấn về con chó ra hỏi.

Ngài giải thích :

- Con chó này là cha của ông, bởi có chút ít nghiệp nên đọa làm súc sanh. Xưa kia cha ông đem cả ngàn đĩnh vàng để trong cái hũ lén chôn dưới rèm. Đến khi người chết, chưa gặp ông để trời lại, vì còn tiếc của này nên sanh ra làm chó để gìn giữ. Nếu ông đào lấy được, ắt nó sẽ bỏ đi.

Cưu Ma La Đa liền cho người đào chỗ con chó nằm, quả nhiên được hũ vàng đúng như lời Ngài nói. Ông hết lòng kính phục phát nguyện xuất gia. Ngài hoan hỷ chấp nhận làm lễ xuất gia thọ giới và cho làm thị giả.

Thấy cơ duyên đã mãn, Ngài kêu Cưu Ma La Đa đến dặn dò :

- Xưa Như Lai đem đại pháp nhân trao cho Tổ Ca Diếp truyền lần đến ta, nay ta truyền lại cho người. Người nghe ta dạy :

Hữu chủng hữu tâm địa,

Nhơn duyên năng phát mạnh.
Ư duyên bất tương ngại,
Đương sanh sanh bất sanh.

Dịch :

Có giống có đất tâm,
Nhơn duyên hay nảy mầm.
Đối duyên chẳng ngại nhau,
Chính sanh, sanh chẳng sanh.

Cưu Ma La Đa cung kính vâng dạy, đánh lễ thọ lãnh. Ngài dùng mười tám phép thần biến rồi vào viên tịch. Đồ chúng hỏa táng và lượm xá lợi xây tháp cúng dường.

19.- TỔ CƯU MA LA ĐA (Kumarata)

(Đầu thế kỷ thứ tám sau Phật niết bàn)

Ngài dòng Bà La Môn ở nước Nguyệt Chi. Gia đình Ngài trước kia giàu có, song cha Ngài vì bệnh tham tiếc chỉ một bề bo bo giữ của. Nhơn việc con chó nằm ngoài rèm, gặp Tổ Già Da Xá Đa giải nghi, Ngài phát tâm theo đạo Phật, xuất gia thọ giới.

Sau khi được Tổ Xá Đa phó chúc và truyền tâm pháp, Ngài đi vân du khắp nơi để hoằng pháp lợi sanh. Ngài đi giáo hóa đến miền Trung Ấn, trên đường gặp một du khách tên Xà Đa Đa đến lễ bái Ngài. Ông hỏi :

- Nhà con cha mẹ đều kính tin Tam Bảo tu hành đúng pháp, mà sao nhiều bệnh hoạn, làm việc gì thất bại việc ấy. Hàng xóm gần nhà con, có người hung bạo giết hại làm ác càng ngày càng nhiều, mà thân thể khỏe mạnh, ra làm việc đều được như ý. Như vậy, nhơn quả nghiệp báo đâu không phải quá suông ư ? Con rất nghi lễ này, mong Ngài giải nghi.

Ngài bảo :

- Phật nói nghiệp báo thông cả ba đời, bởi do đời trước tạo nghiệp lành nên đời này hưởng quả lành. Dù đời này có làm ác thì quả ác sẽ chịu ở đời sau. Cho nên, có người đời này tuy làm lành mà đời này không hưởng được quả lành, vì nghiệp ác trước mạnh hơn. Có người đời này tuy làm ác mà không chịu quả ác, vì nghiệp lành trước mạnh hơn. Nếu do đời này không được quả lành, rồi lại tạo ác, thì đời sau càng sa vào đường ác. Nếu do đời này được quả lành, rồi lại tạo lành, thì đời sau càng tiến trên đường lành.

Lại, có người đời trước làm lành được nửa đời, đời sang làm ác, đến đời này nửa đời trước hưởng phước, nửa đời sau mắc họa. Hiện nay cha mẹ ông và người hàng

xóm lễ báo ứng thiện ác cũng giống như thế, bởi nghiệp đời trước chiêu cảm nên vậy. Đầu thế căn cứ trong hiện đời mà hiểu được ?

Dạ Đa nghe giải liền tan hết nghi ngờ.

Ngài dạy thêm :

- Tuy ông đã tin nghiệp ba đời, mà chưa rõ nghiệp tử hoặc sanh, hoặc nhơn thức có, thức y nơi bất giác, bất giác y nơi tâm. Song tâm vốn thanh tịnh, không sanh diệt, không tạo tác, không báo ứng, không hơn kém, lặng lẽ linh thông. Ông nếu vào pháp môn này có thể đồng với chư Phật, tất cả thiện, ác, hữu vi, vô vi, đều như mộng huyễn.

Dạ Đa nghe được lời này liền phát huệ đời trước, bèn xin xuất gia.

Ngài hỏi :

- Ông người xứ nào ? Cha mẹ còn chăng ? Nếu thật tâm cầu đạo, nên trở về nhà xin với cha mẹ, xin xong trở lại cũng chẳng muộn.

Dạ Đa thưa :

- Con là người Bắc Ấn, cách đây hơn ba ngàn dặm, đầu thế trở lại được. Xin thỉnh Ngài đến xứ con, cho gia đình con cúng dường và nhơn đó con xuất gia.

Ngài bằng lòng, thầy trò và đồ chúng đồng sang Bắc Ấn. Đến nhà, Dạ Đa xin phép cha mẹ được xuất gia. Ngài làm lễ xuất gia và truyền giới cụ túc cho Dạ Đa tại một ngôi tháp cổ, nơi quê hương của Dạ Đa.

Một hôm, Ngài gọi Dạ Đa đến dặn dò :

- Xưa Phật ghi rằng người sẽ làm Tổ thứ hai mươi, nay ta trao pháp nhãn tạng cho người, người khéo giữ gìn và truyền bá. Nghe ta nói kệ :

Tánh thượng bốn vô sanh,
Vị đối cầu nhơn thuyết.
Ư pháp ký vô đắc,
Hà hoài quyết bất quyết.

Dịch :

Trên tánh vốn không sanh,
Vị đối người cầu nói.
Nói pháp đã không được,
Đâu cần giải chẳng giải.

Lại dặn :

- Kệ này là lời diệu, do Như Lai thấy tánh thanh tịnh nói ra, người nên vâng giữ.

Dạ Đa cung kính đánh lễ vâng dạy.

Ngài ngồi ngay trên tòa chấp tay hờ ra như hoa sen nở, phóng hào quang sáng suốt soi khắp trong chúng, rồi yên lặng thị tịch. Toàn chúng xây tháp phụng thờ.

(còn tiếp)

HƯƠNG QUÊ CỰC LẠC

LIÊN DU

(Tiếp theo)

TỬ GIÁC ĐẠI SƯ

(Đại sư húy là Tông Trách, người đất Tương Dương. Ngài xuất gia theo Tú thiền sư ở chùa Trường Lô tu hành, phát minh được chỗ tâm yếu. Trong năm Ngươn Hưu, đại sư nước mẹ già về ở nơi phương trượng phía đông chùa, khuyên mẹ niệm Phật. Bảy năm sau bà được vãng sanh. Ngài tuân theo quy cũ ở Lô Sơn, kết Liên Hoa thắng hội, khuyên hàng tăng tục niệm Phật, cảm đến hai vị Bồ Tát Phổ Hiền, Phổ Huệ ứng mộng xin ghi tên vào hội, để tỏ sự mật hộ tán thành. Từ đó, những người hướng về theo ngài càng lúc càng đông. Linh Chi luật sư khen ngài là bậc Đại thừa đạo sư ở thời buổi ấy. Khi lâm chung ngài ngồi kiết già niệm Phật mà hóa).

Đại sư nói : Người mới học Đạo, nhãn lực chưa thuần, nên phải mượn tịnh duyên để giúp phần tăng tiến. Tại sao thế ?

- Bởi ở cõi Ta Bà, Phật Thích Ca đã nhập diệt, đức Di Lạc chưa giáng sanh; miền Cực Lạc thì từ phụ A Di Đà hiện đương thuyết pháp. Với Đức Quan Âm, Thế Chí, người cõi Ta Bà lưỡng khát ngưỡng danh lành, nếu về Tịnh độ thì bậc thượng thiện nhơn như hai ngài ấy, đều là bạn tốt. Ở Ta Bà, các loài ma nổi dậy, làm loạn người tu; trái lại nơi cõi Cực Lạc trong ánh đại quang minh đâu còn ma sự ? Ở Ta Bà dễ bị tiếng tà quấy loạn, sắc đẹp mê tâm; miền Cực Lạc thì chìm nước rừng cây đều tuyên diệu pháp, chánh báo thanh tịnh, đâu có nữ nhơn ! Thế thì duyên tu hành thuận tiện đầy đủ, không đâu hơn cõi Tây phương, tiếc cho kẻ nông cạn kém tin, trở lại nghĩ ngờ huy băng ! Xin đưa ra đây ít điều để luận :

Ở cõi này, cảnh nhà thế ồn ào dễ khiến cho người chán, nên có nhiều kẻ mến cảnh chùa vắng

lặng, bỏ tục xuất gia. Nhưng nỗi khổ ở Ta Bà đâu phải chỉ có sự phiền phức của nhà đời, sự vui ở Cực Lạc mầu nhiệm không cùng, đâu phải chỉ như cảnh chùa thanh tịnh ? Biết xuất gia là tốt mà không chịu cầu vãng sanh, đó là điều lầm thứ nhất. Ở cõi này, người tu hành khó nhọc, trái muốn dăm đường xa đi tìm bậc trí thức để phát minh việc lớn giải quyết sự sống chết luân hồi. Cõi Cực Lạc, đức Di Đà Thế Tôn nghiệp sắc tâm đều thắng, nguyện lực rộng sâu, một khi diễn tiếng viên âm, người nghe đều tỏ ngộ. Nguyện tham phông bậc trí thức mà không muốn thầy Phật là điều lầm thứ hai. Người tu ở cõi này thấy chùa lớn chúng đông đều ưa thích muốn ở, những chỗ chúng ít lại không muốn nương theo. Cõi Cực Lạc, hàng nhứt sanh bố xứ rất nhiều, các bậc người thượng thiện đều hội lại một chỗ. Muốn gần gũi chùa lớn mà không mến hải chúng thanh tịnh ở Tây phương, là điều lầm thứ ba. Ở cõi này, kẻ thượng thọ không quá trăm tuổi, tính lại lúc thơ ấu dài khờ, khi già cả suy yếu, lúc đau bệnh, khi ngủ nghỉ, bao nhiêu đó đã chiếm hơn phân nửa đời người; phương chi bậc Bồ Tát còn mê khi cách âm, hàng Thanh văn còn muội lúc xuất thai, tác bóng ngàn vàng mười phần hao hết chín, mà tu hành chưa lên ngôi bất thối, thật đáng kinh lòng ! Người ở Tây phương thọ mạng không lường, một khi gói chặt nơi hoa sen thì không còn sự khổ sanh già bệnh chết, tu hành tiếp tục mãi cho đến khi chứng quả bồ đề. Cam chịu luân chuyển ở cảnh Ta Bà ngàn khổ, mà quên miền Cực Lạc trường xuân, là điều lầm thứ tư. Ở cõi này, như bậc đã chứng quả vô sanh, sống trọng dục trần mà không mê nhiễm mới có thể vận lòng từ bi, trí phương tiện, cứu độ muôn loài. Còn kẻ trí huệ cạn, mới tương ứng với đời chút pháp lành, bèn cho mình là bậc cao siêu tự tại, chê bai Tịnh độ, tham luyến Ta Bà, không biết tự lượng, mong sánh với bậc đại quyền Bồ Tát, để rồi ngày kia phải bị luân hồi đọa lạc, đó là điều lầm thứ năm. Trong kinh nói : "Phải nên phát nguyện cầu sanh về cõi kia", mà có kẻ chẳng tin lời Phật, khinh

rẽ sự cầu sanh, há chẳng phải là mê ư ? Than ôi ! Người không biết lo xa, ắt có sự buồn gần một khi mất thân này, muôn kiếp đành ôm hận, chừng ấy hối sao cho kịp

TỪ CHIẾU ĐẠI SƯ

(Sư húy là Từ Ngươn, hiệu Vạn Sự Hưu, họ Mậu, người ở Côn Sơn. Bà mẹ nằm mơ thấy Phật vào cửa mà sanh ra ngài. Năm 19 tuổi, ngài xuất gia tu môn chỉ quán, sau nghe tiếng quạ kêu mà ngộ đạo. Lòng lợi tha sâu thiết, đại sư lập ra Bạch Liên sám đường, soạn nghi thức Bạch Liên sám pháp, thay chúng sanh lễ Phật sám hối, khuyên mọi người trì giới niệm Phật, cầu sanh Tây phương. Ngài lại trứ thuật tập "Viên dung tử độ tam quán tuyển Phật đồ", chỉ bày phần nhân mục của Liên Tông. Vua Hiếu Tôn triệu ngài đến điện Đức Thọ giảng về pháp môn Tịnh độ, ban cho hiệu là Bạch Liên đạo sư. Khi lâm chung ngài chấp tay mà tịch, lúc lâm lễ trà tỳ, xá lợi hiện ra vô số).

Đại sư dạy : Nay người muốn tu pháp Niệm Phật tam muội, cầu sanh về Tịnh độ để cho mau thành quả bồ đề, thì phần chánh hạnh là phải chuyên niệm Phật. Về phần trợ hạnh, phải dứt trừ điều ác, làm những việc lành, rồi đem công đức ấy hồi hướng về Tây phương. Đó gọi là tha thuyên theo nước xuôi, lại thêm chèo chống, tất nhiên mau đến bờ vậy.

Sớm tối chuyên tâm lễ Phật Di Đà như châu bạc để vương không để lồi thối, hành trì như thể lâu ngày sẽ được thêm sự thân thiết. Đến như niệm Phật thì miệng niệm, tâm tưởng, tâm và miệng hợp nhau, lại phát lòng ân trọng, tin chắc không nghi, công phu mỗi ngày càng thêm thuần thực, tự nhiên tam muội được thành tựu.

Khi lâm chung thường có ba điều ngại cho sự vãng sanh, phải dự bị suy nghĩ trước để phá trừ. Ba điều ngại là :

- 1) Nghi mình túc nghiệp sâu nặng, thời gian công phu tu hành ít, e không được vãng sanh.
- 2) Nghi mình bốn nguyện trả chưa xong, tham sân si chưa dứt e không được vãng sanh.
- 3) Nghi mình niệm Phật, Phật không đến rước e không được vãng sanh.

Bốn cửa ải là : 1) Hoặc nhân bị bệnh khổ mà trở lại hủy báng Phật không linh. 2) Hoặc nhân tham sống mà giết vật mạng cúng tế. 3) Hoặc nhân uống thuốc mà dùng rượu cùng chất máu huyết tanh hôi. 4) Hoặc nhân ái luyện mà tự ràng buộc với gia đình.

Lời phụ : Đại sư nêu ra thuyết tam nghi tứ quan, nhưng không thấy nói phương pháp giải quyết, vì thời xưa người tín tâm hiểu đạo nhiều, có thể tự suy xét đề phòng, hoặc già ngài có nói mà sự sao truyền bị thất lạc đi chăng ? Dù sao, đối với kẻ có lòng tin cạn, kém hiểu biết, mấy điều trên đây gây ra sự nguy hại không ít. Nay tôi xin nói sơ qua cách phá trừ, độc già có thể nhân đây tự suy nghĩ hiểu rộng thêm ra.

Phá điều nghi thứ nhất.- Phật A Di Đà có bốn nguyện : những chúng sanh nào chí tâm tưởng muốn về Cực Lạc, niệm danh hiệu ngài cho đến mười niệm, nếu không được vãng sanh thì ngài sẽ không thành Phật. Phật không khi nào nói dối, vậy hành giả phải tin nơi ngài. Mười niệm là thời gian, công phu tu hành rất ít mà còn được vãng sanh, huống chi ta niệm nhiều hơn số đó ! Lại nữa, dù kẻ nào nghiệp chướng nặng nề đến đâu, nếu khi lâm chung chí tâm tin tưởng niệm Phật thì quyết định sẽ được vãng sanh. Thuở xưa, Trương Thiện Hòa là người trọn đời giết trâu bò, khi lâm chung tưởng địa ngục hiện, sợ hãi niệm Phật, liền thấy Phật đến rước, cho đến loài chim sáo, két, niệm Phật còn được vãng sanh, huống chi ta chưa phải là tệ đến mức ấy !

Phá điều nghi thứ hai.- Kinh Na Tiên nói : Ví như hột cát nhẹ, bỏ xuống nước liền chìm, trái lại, tảng đá to nặng nếu được thuyền chở, có thể đem từ chỗ này sang chỗ khác". Người niệm Phật cũng như thế, nếu ta tin tưởng niệm Phật thì dù còn nghiệp chướng tội nặng bao nhiêu cũng được vãng sanh, vì nhờ nguyện lực của Phật tiếp độ, ví như tảng đá to mà được thuyền chở. Trái lại, nếu ta không tin tưởng niệm Phật, thì dù nghiệp tiêu nhẹ hết chỉ còn như mấy tờ cũng vẫn bị luân hồi, vì không có Phật lực tiếp độ, ví như hột cát không có vật chi chuyên chở, tất phải bị chìm. Môn Niệm Phật là pháp "đối nghiệp vãng sanh", vậy người tu đừng nghĩ rằng mình còn tham, sân, si, e không được sanh về Tây phương. Thí dụ trên đây có thể phá luận khoảng nghi về nghiệp nặng ở điều thứ nhất. Còn về bốn nguyện, có hai : đạo và đời.

Về đạo, hoặc có người nguyện cất chùa hay nguyện tụng số kinh chú bao nhiêu, chưa làm tròn đã đến ngày giờ chết. Phải nghĩ rằng : chí tin tâm niệm Phật thì được vãng sanh, còn bốn nguyện rồi hoặc chưa rồi không có hai chi cả. Về đời, hoặc có người vì nhiệm vụ gia đình chưa xong, như trên có cha mẹ già không ai săn sóc, hay dưới có vợ con thơ dại không nơi

nương tựa, tâm nguyện chẳng tròn nên lòng chưa yên. Phải nghĩ rằng : hiện thời ta sắp chết, dù có lo hay không cũng không làm sao được. Nếu ta gát bỏ qua, chí tâm niệm Phật, khi giờ ngộ thì tự sanh ra chướng ngại. Tóm lại, khi lâm chung dù thấy điềm tốt hay không cũng đừng quản đến, chỉ hết lòng niệm Phật cho đến giây phút cuối cùng mà thôi.

Phá điều nghi thứ ba.- Người niệm Phật, do bốn nguyện của Phật và công đức của mình, khi lâm chung tất nhiên có Phật, Bồ Tát hay thánh chúng đến tiếp dẫn, chỉ cần yếu là lúc ấy mình phải chí tâm tưởng Phật, đừng nghĩ chi khác, nếu nghĩ ngờ thì tự sanh ra chướng ngại. Tóm lại, khi lâm chung dù thấy điềm tốt hay không cũng đừng quản đến, chỉ hết lòng niệm Phật cho đến giây phút cuối cùng mà thôi.

Phá chung bốn cửa ải.- Người niệm Phật mà bị tai bệnh khổ, đó là do nhờ công đức tu hành, nên chuyển quả báo nặng đời sau thành quả báo nhẹ đời này, trả cho hết để được vãng sanh. Nếu trở lại nghĩ ngờ hủy báng, là người kém tin hiểu, phụ ơn Phật, tự gây tội chướng cho mình. Thuở xưa, ông Ngô Mao tu hành chơn chánh, nhân loạn lạc bị giặc đâm bảy thương mà chết. Khi người em đến ông bỗng tỉnh lại nói : "Tôi đời trước gây tội nặng, đáng lẽ khi chết phải bị dọa, nhưng nhờ đời này ăn chay niệm Phật làm lành, nên chuyển quả nhẹ lại, phải chịu bảy vết thương này để trả bảy kiếp làm heo đời sau. Hiện thời Phật tiếp dẫn tôi về Tây phương". Lấy một chuyện này có thể tỷ lệ suy ra để hiểu những điều khác. Lại thân này giả tạm tùy theo tội phước mà kiếp sống có vui khổ lâu mau. Người đã biết ăn chay, giữ quy giới, niệm Phật, phải triệt để tin tưởng nơi Phật, tin chắc lý nhân quả. Khi bình hoạn hay lúc lâm chung chỉ nên sám hối, niệm Phật mà thôi. Rất không nên rước thầy pháp, đồng bóng, giết sanh vật cúng tế, hoặc nghe lời kẻ chưa hiểu đạo, trở lại ăn mặn, uống rượu, hay dùng chất thuốc bằng máu huyết tanh hôi. Lại trong gia đình từ cha mẹ, anh em, chồng vợ, con cái, đều là do đời trước có nợ nần ân oán nên mới tạm hội ngộ nhau, khi nhân duyên đã hết thì mỗi người đi mỗi ngã. Vậy ta nên rũ sạch tình trần, cầu sanh Tây phương để độ tất cả người ân oán. Khi cái chết sắp đến nơi, dù có quyến luyến cũng không thể đem theo, không làm chi được, mà chính mình phải bị luân hồi, không được vãng sanh. Nên suy nghĩ ghi nhớ kỹ. L.D.G.)

(Còn tiếp)

SỰ PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO TẠI ẤN ĐỘ

THÍCH TRÍ CHƠN

(tiếp theo)

SỰ TÁI LẬP CÁC ĐOÀN THỂ TẠI ẤN ĐỘ

Các nhà lãnh đạo tinh thần phong trào phục hưng Phật Giáo Ấn Độ đã kêu gọi những người theo họ đứng ra gánh vác những vấn đề của xã hội Ấn mà vốn không thể giải quyết bằng các phương pháp chính trị diêm của phong trào này thành hình vào năm 1956 khi hàng trăm ngàn dân chúng "giai cấp hạ tiện" đã từ bỏ Ấn Độ Giáo (70) và quy y Phật Giáo. Họ hành động theo gương Tiến sĩ Ambedkar (71), lãnh tụ chính trị của 40 triệu dân chúng Ấn bị bỏ rơi, người đã đích thân đến trước Đại Hội Kết Tập Kinh Điển kỳ thứ sáu tại thủ đô Ngưỡng Quang, Rangoon (Miến Điện) để tự tuyên bố ý định quay trở về theo Phật Giáo của ông. Một sự kiện xảy ra tuy xúc động bất ngờ nhưng đã có từ trước trong chương trình hoạt động của Hội Ma Ha Bồ Đề.

Một trong những lãnh tụ Ấn Độ của phong trào đó là giáo sư Lakshmi Narasu mà cuốn sách "Tinh Yếu Phật Giáo" (The Essence of Buddhism) của ông ấn hành năm 1912 đã gây nên sự cổ vũ đáng kể. Trong tác phẩm này, ông đã trình bày sự liên quan thiết yếu giữa Phật Giáo và tiếng gọi của ý thức xã hội. Ông cũng nêu lên quan niệm cổ truyền cho rằng khi cố gắng mong đạt Niết Bàn, con người thường nghĩ phải nhắm mắt trước mọi bốn phần luân lý ở cuộc sống thế gian :

"Đời sống đức Phật đã rõ ràng và trực tiếp phản đối ý kiến Niết Bàn như sự chấm dứt mọi hành động. Đức Phật thành đạo, giác ngộ vào năm 35 tuổi và đã dành 45 năm sau trong đời Ngài để truyền bá chánh pháp và hành thiện. Cho nên, Niết Bàn không có nghĩa là sự hủy diệt hay chấm dứt tất cả mọi hoạt động. Mà

theo một nghĩa, Niết Bàn là sự tận diệt hoàn toàn ba ngọn lửa tham, sân, si và nghĩa khác là sự toàn thiện tối thắng trong mọi thiện nghiệp của loài người...

"Người chúng Niết Bàn, họ tiêu biểu cho hiện thân của cuộc sống hoàn toàn hạnh phúc, là điều chỉ có thể thực hiện bởi sự giác ngộ hoàn toàn khả năng trí tuệ cùng tốt, và hoàn thành một cuộc sống thuần luân lý và đạo đức... Thay vì cảnh tuyệt đối hư vô như nhiều người lầm tưởng, thực tế Niết Bàn là cuộc sống của lòng từ bi vô lượng trong cảnh giới thanh tịnh của chân lý, thiện tâm, giải thoát và giác ngộ. Vì Niết Bàn là sự tận diệt mọi ác tâm vị kỷ, là sự đạt chứng hoàn toàn lòng từ bi và trí tuệ. Nói tóm, đó là thể hiện đầy đủ của con người trong ý nghĩ và cuộc sống nhưng đức tính vừa kể, được xem như căn bản cho việc tạo dựng một nhân loại toàn thiện".

Theo ý kiến của giáo sư diễn đạt, Niết Bàn được trình bày như phương thuốc giải độc đối với quan niệm ích kỷ của sự thánh hóa (sanctification). Giải thoát tinh thần không có nghĩa là con người xa lìa hành động thương yêu đối với đồng loại của nó :

"Người chúng Niết Bàn không thể hướng dẫn đời sống hạn cuộc trong sự thỏa mãn dục vọng cá nhân của bản ngã. Điều chắc là họ sẽ tiếp tục cuộc sống, nhưng không phải sống cho sự tán dương chính họ hay để trở thành mục tiêu sùng kính cho những kẻ khác, mà đúng hơn, sống như một tấm gương khích lệ và một hội viên hoạt động của Tăng Già trong đó tất cả đều nỗ lực tu tập theo cùng một pháp môn để đạt đến sự toàn thiện là Niết Bàn mà mọi chúng sanh có thể thành tựu".

Như vậy, thái độ tích cực về đạo đức xã hội được gắn liền với ý niệm thiết định của bản chất Niết Bàn :

"Việc phủ nhận mọi định nghĩa cụ thể trong sự diễn đạt Niết Bàn không phải là Hư Vô, nhưng đúng hơn nó có nghĩa như một trạng thái tích cực, hàm súc sự diễn đạt thâm sâu vô tận đến nỗi không một ý nghĩa nào có thể xác định".

Một nhân vật Âu Châu đọc báo khác trong phong trào phục hưng Phật Giáo trên là bà Alexandra

David Neel (72) đã viết nhiều tác phẩm Phật Giáo, trong đó bà trình bày sự tương quan trực tiếp giữa đạo đức xã hội của đức Phật với những lý tưởng của chủ nghĩa xã hội. Bà đồng ý rằng Phật Giáo có thể thủ tiêu mọi bất công của xã hội Ấn Độ, trong đó những tệ đoan xã hội thời xưa của hệ thống giai cấp Ấn Giáo đã bị pha trộn bởi những điều xấu xa hiện đại của tư bản chủ nghĩa Tây phương :

"Thật không khó cho các Phật Tử hiện đại nhận thấy rằng với tôn giáo có thể làm giảm thiểu nhiều nhất mọi khổ đau, thăng hoa sự cao siêu tinh thần, lại không thể hòa hợp với đời sống của đại chúng, với hạng dân lao động mà điều kiện cùng khổ đã hạ thấp họ xuống ngang hàng với những cái máy sống. Đó chỉ là một bước trong nhận thức sáng suốt tiến đến chủ nghĩa xã hội, và nhiều Phật Tử đã thực hiện bước đi đó; trong khi những kẻ khác hoàn toàn gạt sang bên mọi cái cách chính trị, đã tìm cách nâng cao trình độ giáo dục dân chúng để hướng trực tiếp hành động đó vào tình trạng tự giúp chính họ. Một trong những lời giải thích về giới điều Phật Giáo có thể đọc thấy ở nhiều kinh sách ngày nay là : "Các bạn không nên bóc lột và trộm cắp, nhưng các bạn cần giúp mọi người chiếm hữu quyền lợi công tác của họ".

Bà David Neel đã diễn tả không khác ý niệm của giáo sư Lakshmi Narasu, người bạn Ấn Độ có tinh thần cải cách Phật Giáo của bà :

"Tinh thần của Phật Giáo là căn bản xã hội, có nghĩa là đạo Phật dạy con người hành động nhằm đến các mục tiêu lợi ích xã hội. Cho nên nó hoàn toàn chống lại kỹ nghệ chủ nghĩa với mọi cuộc tranh chấp thường xuyên tệ hại tàn ác cho quyền lợi của cải được xem như mục đích tối thượng của nỗ lực con người, đang khoét sâu tại nhiều quốc gia tiến bộ trên thế giới...Việc tập trung tài sản vào tay một ít người có thể là hành động thiếu đạo đức, bất công. Vì tư bản như nhiều kinh tế gia định nghĩa không hẳn là sự dành dụm cá nhân mà là tích lũy nhiều phần tiền lấy cấp của những người sản xuất. Hành động này với trộm cắp khác gì nhau? ...Phật Giáo cấm chỉ mọi hình thức trộm cắp, dù

dưới bất cứ uyển từ nào nó được giải thích".

Lối diễn đạt đạo đức Phật Giáo này rất trùng hợp với ý tưởng "Giáo Lý Xã Hội" (Social Gospel) xuất hiện ở Hoa Kỳ như một sản phẩm của thần học Thiên Chúa.

Chúng ta cũng tìm thấy chủ trương đạo đức Phật Giáo này trong giáo thuyết của Đại Đức Anagarika Dharmapala, lãnh tụ người Tích Lan của phong trào chấn hưng Phật Giáo. Có thể Đại Đức đã biết đến phong trào xã hội của Thiên Chúa trong thời gian Đại Đức lưu trú tại Hoa Kỳ qua tác phẩm quan trọng "Thiên Chúa Giáo và Khủng Hoảng Xã Hội" (Christianity and the Social Crisis) của Walter Rauschenbusch, phát hành tại New York (New York) năm 1907.

Sự kiện đáng lưu ý là tháng 9 năm 1913, nói chuyện trước số đông thính giả Phật Tử Trung Hoa tại Quốc Tế Viện ở Thượng Hải (Shanghai), Anagarika Dharmapala đã gọi bài diễn thuyết của Đại Đức là "Giáo Lý Xã Hội của Đức Phật" (The Social Gospel of the Buddha) mặc dù danh từ "Giáo Lý Xã Hội" không thấy xuất hiện tại Hoa Kỳ cho đến năm 1917 - khi danh từ trên được dùng trong sách của Walter Rauschenbusch nhan đề "Thần Học với Giáo Lý Xã Hội". Cả danh từ lẫn ý tưởng này đã được phổ biến mau lẹ khắp thế giới Thiên Chúa Giáo.

Tại Trung Hoa, cuộc cách mạng Tôn Dật Tiên (Sun Yat Sen) (73) lật đổ triều đại Mãn Thanh và toàn quốc gia vĩ đại này đang đương đầu với công cuộc cải cách xã hội, Đại Đức Dharmapala nhận cơ hội đó, đã đề cao đức Phật như nhà đại cách mạng xã hội mà bức thông điệp của Ngài đặc biệt còn thích hợp trong thời hiện đại :

"Đức Phật đã chống đối lại những kiến chấp của các tu sĩ Bà La Môn và bày tỏ làm sao có thể hoàn toàn bảo thủ được quan niệm cho rằng họ sinh ra từ giai cấp cao nhất, rằng không có sự sai biệt giữa tế bào của vị Bà La Môn với tên Thủ Đà La (Sudra) cùng khổ; rằng không có gì khác giữa hai bào thai này và việc kỳ thị giai cấp là nhân tạo. Không phải sự sinh trưởng hay giàu sang làm con người vĩ đại mà do bởi đức tính hành động phù hợp với chân lý, thiện nghiệp và trí tuệ; rằng con người là nhân vật có tiềm năng để thực hiện mục tiêu cao cả nhất của cuộc sống. Mục đích cuộc sống là phải hành thiện và trở nên thiện..."

"Rằng con người nên có lòng từ bi đối với mọi chúng sanh và kiến thức được phát triển bởi nỗ lực kỹ nghệ; rằng con người nên làm những nghề nghiệp hòa bình như

canh nông, chế tạo, thương mại và nghệ thuật. Con người nên quảng bá kiến thức, giúp đỡ xây dựng cầu cống, đường sá, nhà thương, viện tế bần, nhà tắm và công viên. Nên giúp đem điện vào những vùng tối tăm, nuôi và phát quần áo cho người nghèo, tránh giết hại sinh vật; nên tham gia công tác gia đình, hiếu thảo với cha mẹ...; dùng tài sản cho hạnh phúc kẻ khác và sau hết, cuộc sống không ngừng tích cực hy sinh, hành thiện tránh ác, là quả báo của tâm niệm hạnh phúc trong hiện kiếp và đời sau..."

"Sự phát triển tiến bộ với một lý tưởng cụ thể thực hiện trong hiện tại và ngay đây, làm cuộc đời trở nên vui vẻ, đầy nghị lực, thanh tịnh, đáng sống nhằm cứu giúp hành thiện vì hạnh phúc của kẻ khác; đó là lời dạy của Như Lai đã thuyết bày... Đây là giáo lý của Đức Phật, cần được áp dụng trong cuộc sống hằng ngày, cho xã hội và nhân loại".

Việc trình bày sự gắn liền đạo đức xã hội Phật Giáo với chương trình của chủ nghĩa xã hội này đã gây nguồn cảm hứng mạnh mẽ trong hàng ngũ các Phật Tử trí thức Trung Hoa, hầu hết là đồ đệ của Tôn Dật Tiên thời đó.

Tại Thượng Hải (Trung Hoa), Đại Đức Dharmapala đã nói chuyện với số đông thính giả mà quê hương của họ vừa trải qua giai đoạn đầu tiên của một cuộc cách mạng quốc gia và xã hội. Tại Ấn Độ, Đại Đức đã phải đối đầu với tình trạng trong đó các lực lượng chính trị quốc gia đang đoàn kết sức mạnh để tranh đấu cho nền tự do đất nước. Các nhà trí thức Ấn Độ đang còn chuẩn bị cho các công trình cải tân chính trị và xã hội.

Một sự kiện ý nghĩa cho hành động thất chặt giữa phong trào phục hưng Phật Giáo với giải phóng Ấn Độ là bài giảng: "Tôn giáo của người Quán Gia" (The Householder's Religion) Đại Đức Dharmapala thuyết trình tại Đại học Y Khoa Bengal ở Calcutta vào hè năm 1915. Đại Đức trình bày bản chất của Phật Giáo là đạo đức xã hội. Đại Đức bảo rằng Ấn Độ đã thành đạt những tiến bộ vĩ đại về tinh thần, đạo đức và chính trị dưới thời vua A Dục (Asoka) khi Phật Giáo được xem như quốc giáo.

(70) **ẤN ĐỘ GIÁO (Hinduism) :** Tôn giáo chiếm đa số dân chúng tại Ấn Độ, thờ ba vị thần chính : Brahman (Sáng Lập), Shiva (Hủy Diệt) và Vishnu (Bảo Tồn) - Dịch giả.

(71) **AMBEDKAR :** Tiến sĩ Bimrao Ramji Ambedkar xuất thân là một

trang sư. Đầu tiên ông là hội viên của Hội Nghị Lập Pháp thị trấn Bombay, thủ đô tiểu bang Maharashtra; sau giữ chức Bộ Trưởng Tư Pháp chính phủ Trung Ương tại Tân Đê Li (New Delhi). Trong thời gian này, ông đã giúp chính quyền thảo bản Hiến Pháp Ấn Độ hiện nay. Ông là cha đẻ phong trào kêu gọi hàng dân chúng "hạ tiên" bỏ Ấn Độ Giáo quy y theo Phật Giáo. Ngày 31.10.1956, ông và vợ ông cùng với khoảng nửa triệu dân Ấn theo ông, đã làm lễ thọ tam quy ngũ giới, với số đông chư Tăng Đại Đức Ấn Độ và ngoại quốc trong một buổi mít tinh Phật Giáo khổng lồ tại Nagpur (tiểu bang Maharashtra). Vì có bệnh sán, ông đã mất vào năm 1956, sau ngày lịch sử đó không lâu. Ông là tác giả cuốn sách Phật Giáo nổi tiếng : "The Buddha and His Dhamma" (Đức Phật và Giáo Pháp của Ngài), ấn hành năm 1957. (D.G.)

(72) **ALEXANDRA DAVID NEEL (1868-1969),** một nữ Phật Tử người Pháp, sinh tại Saint Mandé, vùng ngoại ô phía đông Paris, là nhà văn, du lịch, chuyên nghiên cứu về thần bí, Lạt Ma giáo của Tây Tạng. Bà bắt đầu tìm hiểu tôn giáo Á Đông năm 23 tuổi tại Bảo tàng Viện (Musée) Guimet ở Paris. Trước tiên bà làm ca sĩ, rồi quay sang nghề ký giả. Sau năm 1894, Bà rời Châu Âu qua sống tại các nước Á Châu, phần lớn ở Tây Tạng trong vòng 20 năm để nghiên cứu về Phật Giáo. Trong thời gian này, lần đầu tiên bà được gặp đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 tại cao nguyên Darjeeling (Ấn Độ) và Lạt Ma Yongden tại vương quốc Sikkim (đông bắc Ấn Độ). Sau này, Lạt Ma Yongden trở thành con nuôi và thường theo bà trong mọi chuyến đi hành hương sang thăm các nước Miến Điện, Tích Lan (Sri Lanka), Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Mông Cổ v.v... Bà đã học tiếng Tây Tạng và Phật Giáo trong lúc bà vào sống ẩn tu trong một hang đá ở Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya). Bà mạo hiểm ba lần đến viếng thăm Tây Tạng và nghiên cứu Phật Giáo Tây Tạng tại chùa Kumbum, miền đông Tây Tạng. Năm 1924, nhờ cài trang, bà là người phụ nữ Châu Âu đầu tiên đến được Lhasa, thủ đô Tây Tạng. Năm 1925, bà trở về Châu Âu, mua nhà tại Digne (Haute Provence). Năm 1937, bà lại sang Trung Hoa và sống tại đây suốt trong thời kỳ đệ nhị thế chiến. Sau đó, bà trở về Pháp qua ngã Ấn Độ, chuyên nghiên cứu viết sách và sống tại Digne cho đến ngày bà qua đời năm 1969, hưởng thọ 100 tuổi. Bà viết rất nhiều sách bằng tiếng Pháp, có một số đã được dịch ra Anh văn như : "My Journey to Lhasa"

(Chuyến du hành của tôi qua Lhasa); "Tibetan Journey" (Chuyến đi thăm Tây Tạng); "Magic and Mystery in Tibet" (Tây Tạng, Pháp Thuật và Huyền Bí) v.v.. (D.G.)

(73) TÔN DẤT TIÊN (Sun Yat Sen : 1866-1925), tên hiệu là Tôn Trung Sơn, sinh năm 1868 tại huyện Trung Sơn, tỉnh Quảng Châu, nhà đại cách mạng Trung Hoa, người đã có công lật đổ triều đại Mãn Thanh, lập nên Cộng Hòa Dân Quốc năm 1911. Lúc nhỏ, ông học tại một trường do người Hoa Kỳ dạy. Lớn lên, ông học y khoa tại Hồng Kông. Sau khi tốt nghiệp, tiên sinh mở phòng mạch tại Quảng Châu, mục đích là để liên lạc với các nhà cách mạng. Năm 1894, ông thành lập hội kín tên là Hưng Trung, mưu toan lật đổ triều đại Mãn Thanh. Sau ba lần khởi nghĩa thất bại, năm 1911 cách mạng mới thành công. Tiên sinh được cử giữ chức Lâm Thời Tổng Thống đầu tiên của Trung Hoa Dân Quốc và mất ngày 13.3.1925 tại Bắc Kinh. (D.G.).

Trích tác phẩm "BUDDHISM OR COMMUNISM WHICH HOLDS THE FUTURE OF ASIA" (Phật Giáo hay Cộng Sản sẽ nắm giữ Tương Lai của A Châu).

(Còn tiếp)

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến nhà Bank của Quý vị làm đơn chuyển tịnh tài theo lối:

DAUERAUFTRAG

vào trường mục của Chùa như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

TIN CÓ LUÂN HỒI

Nguyên tác : Tin có luân hồi
Tác giả : JOE FISHER
Người dịch : Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn

CHƯƠNG X

HA SANH ĐẤU THAI
VÀO NHỮNG CẢNH
GIỚI THẤP KÉM
(Lesser lives: Rebirth in the
lower kingdom)

(tiếp theo)

Theo triết học Đông phương, linh hồn thâm nhập vào tất cả vật thể. Là những đơn vị tâm thức, năng lực tinh thần này làm cuộc viên du dằng dặng qua nhiều xác thân thăng tiến. Sau nhiều kiếp là loại khoáng chất này hay khoáng chất khác, chúng tiến lên một mức để sống vô lượng kiếp là cỏ cây để rồi đầu thai thành thú vật. Cuối cùng, khi được làm người, vẫn chưa dứt luân hồi. Thời gian cứ miên man trôi, tạo cơ duyên bất tận cho các hạt giống tái sinh. Những điều các bậc minh triết Đông phương nói về tâm thức hướng thượng của chuỗi kiếp sống này đã lưu dấu vết trong quyển Barddas, một tài liệu của người Celtic cổ xưa trình bày khúc chiết tiến trình của một linh hồn trải qua từng giai đoạn vật thể trước khi được làm người. Mật giáo Rosicrucian cổ xưa cũng từng cho rằng mỗi khoáng chất đều hàm chứa "lửa háo hức" hay "bầu quang" (tinh hoa của sự phát triển tiến hóa). Hơn nữa, những khám phá của khoa học ngày nay hỗ trợ cho thuyết nói rằng vạn vật vạn hữu đều có tâm thức. Marcel Vogel, khoa học gia về IBM trưng các bức ảnh chụp với hồng ngoại tuyến, cho thấy các tinh thể thạch anh (quartz) tàng trữ và phóng ra năng lượng. Ông còn chứng minh rằng sự tăng trưởng của các tinh thể có thể bị tư tưởng con người làm biến đổi.

Nhiều cuộc thí nghiệm cho thấy cây cỏ "là những sinh vật sống động, biết thở, biết truyền thông, có cá tính và có thể nói rằng có linh hồn". Câu này trích từ quyển "Cuộc Sống Bí Ẩn của Loài Thảo Mộc" (The Secret Life of Plants)

của Peter Tompkins và Christopher Bird. (Chủ thích của người dịch : Quyển sách này do Penguin Books xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1974, dày 340 trang, khổ bô túi, là một tổng hợp công phu các thành quả khảo cứu về đời sống tâm linh của thực vật. Sách được tuần báo Newsweek khen ngợi và giới thiệu như sau : "Cuộc khảo cứu này đôi khi làm chúng ta sững sốt và hầu hết đều là những chuyện khó tin nhưng có thật. Các sự kiện hiển nhiên, các khám phá, các giả thuyết khoa học của nhiều

trường phái từ thời Thượng cổ đến nay đều quy về một thuyết : Thực vật (gồm cả củ cải đỏ bạn gọt vỏ, củ hành bạn xắt lát) dường như có những cảm giác, trí khôn chỉ đến khả năng truyền thông, chẳng những với các cây cỏ khác mà cả với loài người và không chừng còn với những sinh thể bí mật đang sống trong vũ trụ". (Quyển The Secret Life of Plants chưa được dịch ra Việt ngữ).

Và các động vật, khả năng tình cảm và trí khôn là điều hiển nhiên. Điểm khác biệt vô tưởng giữa người và thú có tính cách "tri thức" hơn là "tâm linh" (nghĩa là thú vật và người đều có linh hồn, chỉ hơn kém nhau về mức độ khôn ngoan).

Tuy nhiên, mối thoạt trông ta khó chấp nhận sự tiến hóa của tâm thức nếu xét mật lượng. Chỉ riêng trong cơ thể một người, có đến hàng triệu triệu (10 lũy thừa mười hai) linh hồn li ti đang thi đua với nhau. Tuy nhiên sự giới hạn việc thâm nhập của linh hồn các khoáng chất vào cây cỏ rồi sau đó vào thú vật, loài người, đã được ông Manly P.Hall, chủ tịch kiêm sáng lập viên Hội Khảo Cứu Triết Học ở Los Angeles, Hoa Kỳ, giải thích. Ông cho rằng chỉ có hình thể của khoáng chất, thực vật, động vật có tính cách cá biệt, còn bản thể và tâm linh của chúng đều có tính cách tập thể. Trong khi con người có thể tăng trưởng riêng biệt, các chủng loại (species) sinh vật và vật thể thấp kém hơn thì lại phát triển qua sự tiến hóa của tâm thức của chúng loại mình.

Bà Dorothy Maclean có khả năng truyền thông (nói chuyện) với cây cỏ. Bà là một trong những nguồn cảm hứng chính yếu của cộng đồng Findhorn ở miền bắc Tô Cách Lan, nơi mà những dứa hoa vĩ đại, những rau cải tươi tốt nảy nở trên các mảnh đất khô cằn, chỗ trước kia chỉ có những lùm bụi kim tước và cỏ gai mọc mà thôi. Bà cũng đồng quan điểm về "linh hồn tập thể". Viết về người đàn bà có thần thông, có thể trò chuyện với thảo mộc để cải tiến chúng, ông Paul Hawken trong quyển "Phép Mầu ở Findhorn" (Magic of Findhorn) đã viết :

"Hiển nhiên là cái đã đi qua không phải là linh hồn của riêng một cây đậu hay một cây cà chua, mà là linh hồn của kế hoạch, khuôn mẫu, kiến trúc của giống đậu, giống cà chua trên quả đất". Theo Manly Hall, các giới khoáng chất, thực vật, động vật được những "dạng chuyển tiếp" móc nối, liên kết với nhau. Chẳng hạn giữa các khoáng chất và thảo mộc có loài địa y, rong rêu; giữa thảo mộc và thú vật có những cây chỉ ăn thịt động vật để sống, những cây có hệ thống thần kinh sơ đẳng. Giữa cầm thú và loài người thì có loại khỉ, vượn, cũng như giữa loài người và những sinh thể ở cõi trên thì có các bậc đại giác, các vị thần thánh, các á thánh thời thượng cổ.

Việc xác nhận con người có liên hệ đến thú vật chẳng những được tìm thấy trong quyển "Nguồn Gốc Các Chủng Loài" (Origin of Species) của Charles Darwin, mà còn thấy ở cả trong hồ sơ lưu trữ của các nhà chữa bệnh bằng tiền kiếp trị liệu pháp. Nhiều vị khám phá rằng các thân chủ của họ, nếu được đưa lùi về một trạng thái tâm thức khác, thì bệnh nhân sẽ thấy chính họ đang mang lột thú. Tiến sĩ Morris Netherton bảo rằng khi truy cứu đến tận nguồn cội vấn đề khó khăn mà thân chủ ông gặp phải, thì "hầu như họ đều" mô tả họ là một con thú đang bị thương hoặc trong cơn hấp hối. Năm dài trên trường kỳ ở văn phòng của Netherton, thiên hạ thường lui về tiền kiếp từng là một con thú thời tiền sử. Nhiều thân chủ của Joe Keeton cũng nói thế. Trong số các trường hợp hỏi tường mà ông đã khảo sát, là chuyện một phụ nữ đã thấy chính bà mình mấy phủ đầy lông màu đỏ và đang nằm dưới một tảng đá. Một bà khác lại thấy mình đang bắt côn trùng ở một thân cây mục. Còn một nhà thầu khoán xây cất thì bảo rằng ông đang bò sát mặt đất, mình phủ đầy vảy. Tuy tiến sĩ Helen Wambach không có ý định sưu tập dữ kiện về các tiền kiếp từng là thú vật, vài thân chủ của bà cho biết họ đã bò bốn chân dù muốn dù không. Họ nhìn

xuống và thấy bàn chân họ có lông, có móng vuốt.

Những người tham dự các cuộc thí nghiệm với LSD do bác sĩ Stanislav Grof tổ chức, cũng đã báo cáo thấy chính họ là thú vật thuộc loài hữu nhũ, loài chim, loài lưỡng thể, loài cá, v.v... Grof nói rằng các đối tượng nghiên cứu của ông còn tiến xa đến mức có được các cảm giác của một con rắn bị đổi như thế nào, cảm giác của một con rùa đang động cõn hoặc của một con cá đang thở bằng mang. Còn những tiền kiếp là cây cỏ, khoáng chất thì ít được mô tả, tuy nhiên có người đã thấy mình là một hạt giống đang nảy mầm, thấy rễ cây đang vươn ra để hút chất bổ dưỡng, hoặc ý thức mình là một khối kim cương, đá hoa cương hoặc khối vàng. Grof viết : "Những kinh nghiệm tương tự có thể đưa đến thế giới vi tế và mô tả cấu trúc sinh động của nguyên tử".

I/ GIÁO LUẬT MÃ NỔ (MANU SMRTI) :

Khi đã là người, có thể nào đầu thai vào những cảnh giới thấp kém? Người Ấn Độ cổ xưa tin rằng mấy kẻ bạc ác chắc chắn sẽ đầu thai làm cầm thú, và giáo luật Mã Nổ nêu rõ chuyện quả báo xảy ra như thế nào. Mã Nổ là một nhà làm luật, một vị thánh, tương truyền là đã sống cách đây hơn 2.000 ngàn năm, ông viết rằng cuộc sống mỗi người bị ba yếu tố sau đây ảnh hưởng sâu đậm : thiện tâm, hoạt động, vô minh. Kẻ vô minh chạy theo khoái lạc nhục dục, sẽ đầu thai làm cầm thú, côn trùng hoặc cỏ cây. Mã Nổ viết : "Vì nich ái các giác quan, không làm tròn bốn phận, những kẻ điên khùng, những tên ti tiện sẽ thác sinh vào các kiếp thấp kém nhất".

Ngài còn nêu thí dụ về những hành vi đặc biệt sẽ dẫn đến các lột thuộc cảnh giới hạ đẳng : trộm cắp ngũ cốc sẽ đầu thai làm chuột, trộm mật sẽ đầu thai làm côn trùng, trộm sữa thì thác sinh làm quạ, trộm thịt thì sẽ đầu thai làm kền kền, trộm giường ngủ của đạo sư sẽ đầu thai một trăm kiếp làm cỏ dại, lùm bụi, loài bò sát. Đàn bà ngoại tình thì dọa làm chó rừng, vằn vằn và vằn vằn.

Thời xưa, các đạo sĩ Bà La Môn thấy giáo luật Mã Nổ rất hữu ích cho việc duy trì các đẳng cấp trong xã hội, dùng mỗi đe dọa kiếp sau sẽ bị thác sinh vào cảnh giới thấp kém để khiến người ta tuân phục. Nhưng những người theo Ấn Độ giáo ngày nay có khuynh hướng chẳng tin giáo luật Mã Nổ theo từng chữ, từng lời, mà lại hiểu rằng các thú tánh, tật xấu (tức phần vĩa) chứ không phải linh hồn, sẽ đầu thai thành thú

vật. Họ lập luận rằng thú vật, cỏ cây chẳng thể thoát hóa thành loài thấp kém hơn, cho nên, dù con người có làm bao điều man rợ, cũng sẽ không bao giờ hạ sanh thành cầm thú, cỏ cây.

Người theo Ấn giáo cổ thời tin tưởng là có cả thảy 8.400.000 loại khác nhau để đầu thai, và cao tột nhất trong số này là được làm người.

Phật giáo chủ trương có luân hồi, cho rằng chúng sinh có thể dọa vào những đạo thấp kém, vì vậy Phật tử là những người đầu tiên trên thế giới thiết lập bệnh viện chăm sóc thú vật. Thế nhưng các vị uyên thâm Phật pháp thì cho rằng những lời dạy này có tính cách biểu tượng hơn là phải tin bằng lời. Các ngài cho rằng cách trả quả hữu hiệu nhất là sẽ đầu thai trở lại làm người. Các vị này không hiểu theo nghĩa đen câu cảnh cáo ghi trong "Quyển Sách Tây Tạng của Những Người Quá Vãng" là nếu sắp đầu thai làm thú vật, thân trung ấm sẽ thấy những hang động, hầm hố, các mái nhà tranh qua lớp khói sương.

Ở Ai cập thời xưa, thần chú ghi trong "Quyển Sách Ai Cập của Những Người Quá Vãng" (The Egyptian Book of the Dead) được liệt chung với thi hài người chết để y có quyền năng "biến hóa thành loại nào cũng được". Người Ai Cập tin rằng họ phải luân hồi 3.000 năm từ chủng loại này sang chủng loại khác trước khi được thành người. Ý tưởng này cũng được tìm thấy ở người Inuit. Trong quyển "Thần Thoại Bắc Mỹ của Những Bộ Lạc ở Bắc Cực" (North American Mythology of Arctic Tribes), tiến sĩ Hartley B. Alexander kể chuyện linh hồn có thể đầu thai làm người hoặc làm thú, và vài người đã từng luân hồi qua suốt các giai tầng cầm thú trước khi trở lại làm người.

Chúng ta chỉ có thể thoát khỏi yếu tính của quá khứ từng là động vật bằng cách phủ nhận việc các loài sinh vật thấp kém hơn ta có linh hồn.

SRI AUROBINDO

Số phận nghiệt ngã của vua Nebuchadnezzar là điển hình cho thuyết luân hồi của dân Do Thái. Trong quyển "Sách Đa-ni-en" (The Book of Daniel, 4:33) có cảnh nhà vua "đã bị đuổi khỏi loài người. Ngài đã phải ăn cỏ như bò. Thân mình ngài đã phải dầm sương ngoài trời cho đến khi tóc và lông ngài mọc lên như lông chim ưng, và móng tay, móng chân ngài

giống như móng chim". Theo Mật Tông Do Thái giáo Kabala, linh hồn mấy kẻ ác sẽ mang xác thú, chẳng hạn một kẻ ngoại tình sẽ bị dọa làm con cò. Hơn nữa, cấm không được pha trộn các hạt giống hoặc bắt thú lai giống với nhau, để chẳng gây đau khổ cho các linh hồn đang ở trong những thân xác đó.

Những nhà hiền triết Hy Lạp cũng tin vào thuyết hạ sinh. Plato cho rằng loài cầm thú có tiến hóa, đó là do các linh hồn con người bị dọa thành động vật. Người ta kể chuyện một hôm khi nghe tiếng kêu la của một con chó bị đánh, ông Pythagoras đã nói : "Xin đừng đập nữa! Tôi nhận ra hồn nó là hồn của một người bạn quá cố, nghe qua tiếng kêu". Nhưng chính Plotinus, người sáng lập trường phái Tân Plato đã dám mô tả tí mĩ (tương tự Mã Nỗ) các loại lột thú phải mang vì những việc ác đã làm lúc sinh tiền :

"Kẻ nào chỉ chuyên chú thỏa mãn dâm dục, tham ăn, sẽ dọa làm thú vật dâm dục, tham ăn. Kẻ chẳng biết xử dụng ngũ quan của mình để cho chúng bị thoái hóa đi, tất sẽ đầu thai làm cỏ cây. Kẻ quá mê thích âm nhạc và chẳng làm ác sẽ thác sinh làm chim hót hay. Kẻ cai trị dân chúng một cách tàn ác sẽ trở thành con ung. Kẻ khinh mạn cõi trên sẽ hóa kiếp làm chim bay cao, để mất lúc nào cũng hưởng thượng. Ai biết giữ đạo làm người sẽ trở lại làm người. Nếu ăn ở trái đạo, bạc ác, sẽ dọa làm gia súc hoặc loài ong mật".

Vào thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch, thi sĩ La mã tên Ovid đã tưởng tượng mình là một nạn nhân của tái sinh, ông sáng tác bài thơ "Sự Biến Thái" (Metamorphoses) :

"Rất hổ thẹn khi kể bạn nghe,
Nhưng mà tôi sẽ kể :
Thân hình sao mọc đầy những sợi lông thô,
Chẳng thể nói năng, chỉ biết kêu ùn ùn,
Môi miệng giờ sao dày cứng thế này.
Rồi tôi có mồm thay vì chiếc mũi,
Mặt cúi gầm để nhìn xuống đất đen.
Cổ trương phình với bắp thịt nở to,
Còn bàn tay từng nâng ly nhấp rượu
Giờ chỉ in những dấu chân trên nền đất mà thôi".

Các khúc ca ba lát của người Anh và Tô Cách Lan xa xưa cũng nói về linh hồn con người đầu thai làm cầm thú, cỏ cây. Cổ tích Bretagne (Pháp quốc) kể chuyện hồn những người đánh cá, thủy

thủ đầu thai làm loài chim biển lông trắng. Chim mòng biển (seagull) tự chúng đã nói lên một cách hùng hồn trong đề tài luân hồi ở quyển tiểu thuyết rất phổ thông "Jonathan Livingston Seagull" của Richard Bach. Con chim mòng biển Sullivan nói :

"Bạn có biết chúng tôi đã phải trải qua bao nhiêu kiếp mỗi ý thức rằng cuộc sống còn có những gì khác hơn là ăn uống, đấu đá nhau, tranh quyền trong bầy đàn? Jon ơi, một ngàn kiếp, một vạn kiếp! Rồi phải trải qua hàng trăm kiếp nữa mới bắt đầu học được những thứ như là sự toàn hảo. Phải mất một trăm kiếp nữa để hiểu cứu cánh của cuộc sống là phải đạt đến hoàn hảo và biểu lộ nó ra. Dĩ nhiên giờ chúng ta cũng chịu cùng một định luật : Mình chọn lựa kiếp sau qua việc học tập ở kiếp này".

Chúng ta chẳng ngạc nhiên khi thấy khái niệm cho rằng con người tái sinh làm thú có móng ché hai (như trâu, bò, hươu,...), có mỏ nhọn (loài chim), đuôi dài lông lá,... luôn là đề tài trong các mẫu chuyện cốt đùa, ngay cả đối với những người tin có luân hồi. William Shakespeare trong tác phẩm "Đêm Thứ Mười Hai" (Twelfth Night) cũng cho nhân vật Malvolio điều cốt nói của Pythagoras cho rằng "Hồn bà nội của chúng ta biết đâu có thể nhập vào lột chim".

Từ thế hệ này qua thế hệ khác, niềm tin đó vẫn tồn tại. Ngày nay có đến hàng triệu người thuộc đủ mọi nền văn hóa khác biệt đều cho rằng con người có thể và lắm lúc bị đầu thai vào những kiếp hạ sinh. Người Nhật sống trong rừng núi khi nghe tiếng côn trùng rên rĩ trong rừng thông già, nghĩ rằng đó là tiếng nói của các thần nhân quá cố bị đầu thai vào nơi lùm bụi ngoài đồng. Còn ở đảo Yap trong quần đảo Micronesia, dân địa phương tin rằng hồn những người vừa chết sẽ đầu thai làm may con bọ da (cockchafer) nhỏ xíu, lấp lánh. Vào tháng năm năm 1975, dân làng ở trung tâm nước Tích Lan không chịu giúp nhân viên khảo cổ của chính phủ xua đuổi đàn ong bắp cây (hornet) vẫn vũ công trường khai quật một thành quách cổ. Lý do thật giản dị : Họ cho rằng hồn phách quân lính của vua Kassapa Đệ Nhất (hồi thế kỷ thứ năm) đã đầu thai thành bầy ong này để báo vệ thành lũy.

Năm năm trước đó, bà Josephine Ralston ở Glasgow, Tô Cách Lan, chú ý theo dõi một con chim sáo đá (starling) đang bay sà xuống để dự hôn lễ con gái bà. Bà sau đó tuyên bố : "Tôi quả quyết rằng con sáo này là anh George, người chồng quá cố của tôi". Theo tạp

chí Weekend xuất bản ở Anh, George Ralston trước khi tạ thế cách đây hai năm, thường bảo vợ rằng ông tin thuyết luân hồi. Nếu có đầu thai trở lại dương trần, ông sẽ là chim. Con sáo đá này chẳng những đậu bên cạnh bà Ralston gần suốt cả cuộc hôn lễ mà còn vỗ cánh bay theo tân lang, tân giai nhân đến trước bàn thờ, rồi sau đó theo họ vào văn phòng của giáo đường để xem kỹ tên giấy giá thú. Lúc quan khách tản mạn ra về, con chim bay đậu trên cây ngoài sân, nó cất tiếng hót vang rồi bay đi mất.

Theo Heinrich Harrer, người Tây Tạng thấy việc một con ruồi rơi vào chung trà là một tai họa. Trong quyển "Bảy năm trên đất Tây Tạng" ông viết : "Với bất cứ giá nào họ cũng phải cứu cho được con ruồi này khỏi chết đuối, vì nó có thể là hậu thân của bà nội, bà ngoại mình. Trong một buổi ăn uống ngoài trời, nếu có một con kiến bò lên quần áo ai, thì người đó nhẹ nhàng bắt nó rồi bỏ xuống chỗ khác. Vào thời kỳ Harrer ở trên, chính phủ ra sắc luật cấm xây cao ốc vì e rằng sẽ có nhiều sâu bọ, côn trùng bị sát hại khi công tác được tiến hành.

Rồi vào mùa xuân 1976 xảy ra chuyện bi thương : cậu bé Steven Shea, mười lăm tuổi, đã phóng mình từ một bãi đậu xe trên lầu cao mười lăm thước xuống đất ở thành phố quê nhà Letchworth, Anh quốc. Cảnh sát tìm thấy trong nhật ký của cậu manh mối cái chết kỳ lạ này, đó là một đoạn trích tác phẩm "Watership Down" của Richard Adams, một quyển tiểu thuyết được bán rất chạy, nói về cuộc sống một đàn thỏ, và câu ghi chú của Steven : "Tôi sẽ tự vận để trở thành một con thỏ". Tuy nhiên nổi ám ảnh của Steven về việc tái sinh thành thú vật (đã được báo chí Anh quốc đăng với lớn : Thảm kịch của cậu bé tưởng tượng mình sẽ là thỏ) đâu có gì lạ nếu ta ngược dòng lịch sử.

Không những các tôn giáo Đông phương triển khai thuyết luân hồi, thí dụ như các tín đồ Kỳ Na giáo (còn gọi là Vô tam giáo, Jainism) ở Ấn Độ cho rằng mỗi chúng sinh phải trải qua hàng triệu kiếp làm đất đá, nước, gió, lửa, cỏ cây, côn trùng, cầm thú, con người. Chỉ nội giai đoạn làm nước cũng phải mất từ một sát na đến bảy nghìn năm luân lưu nơi biển cả, ao hồ, sông rạch, hoặc làm hạt sương, hạt mưa, băng giá, tuyết, mây, sa mù, v.v... Cho rằng mỗi một vi thể vật chất đều chứa đựng những linh hồn lạc nẻo trong vòng luân hồi nghiệt ngã, tín đồ Kỳ Na giáo chủ trương thuyết Bất bạo động (Ahimsa) đối với vạn vật vạn hữu. Giáo lý của họ còn tồn tại đến ngày nay. Những tín đồ Kỳ Na

giáo thuần thành đều triệt để tuân theo thuyết Bất bạo động. Họ chẳng nỗ giết cả đến mấy con sâu bọ sống trong rau quả.

Du khách Tây phương đến viếng Ấn Độ đều ngạc nhiên khi thấy một đoàn tu sĩ Kỳ Na giáo mặc áo trắng, mang mặt nạ để không hít vào và giết hại các sinh vật nhỏ, họ vừa chậm rãi bước, vừa cẩn thận xua đuổi tất cả côn trùng, sâu bọ trên lối họ đi. Nhưng vì theo Kỳ Na giáo triệt để còn khước từ đi chuyên bằng xe, vì cho rằng sẽ giết hại nhiều côn trùng. Nếu phải lên núi lễ bái nơi các thánh địa, họ ngồi cangk do những người theo Ấn Độ giáo khiêng. Ấn Độ giáo cũng chủ trương tôn trọng sinh mạng, song chẳng tiến xa đến mức phải bảo vệ các côn trùng.

Thuyết chủ trương ăn rau quả (vegetarianism) cho rằng các động vật đều có linh hồn, vậy mình chớ nên ăn. Do đó, ta thử hình dung nỗi khổ tâm của các ngư phủ Miến Điện vì nghề nghiệp của họ trái với giáo lý của nước. Trong các giai tầng xã hội, chỉ có các đạo tỳ là khó gả con gái hơn là các bác ngư phủ. Dân chúng tin rằng kẻ làm nghề hạ bạc kiếp sau sẽ bị dọa vào những cảnh giới thấp kém, có thể làm loài thủy tộc. Vì vậy nên ngư dân vẫn còn duy trì cổ tục (hy vọng được nhẹ tội) là đem các con cá đánh bắt được để trên bờ cho chết, thay vì chính tay họ giết chúng. Cá có bị chết đó là tại kém may mắn, không nhảy xuống nước được. Cho nên chẳng thể trách kẻ đánh cá! Chính quyền Miến Điện cũng hành xử quyền bính tương tự như vậy trong thời gian thiết quân luật vào cuối thập niên 1950. Khi quân đội muốn diệt trừ đám chó hoang trong thủ đô Ngưỡng Quang, họ đặt những miếng thịt tẩm thuốc độc bên cạnh những miếng thịt tươi nguyên dọc theo đường phố. Như vậy chó nào tới số mới xơi phải bả. Và những kẻ sát sinh này nghĩ rằng họ đâu phạm sát giới.

Các tu sĩ Shamanism thuộc bộ tộc da đỏ Cherokee cũng có một phương cách giảm tội kỳ diệu tương tự như vậy đối với các bác thợ săn. Sau khi ấn định mỗi loại thú sẽ sống được bao nhiêu năm là tối đa và chớ nên sát sanh, các tu sĩ Shamanism nói thêm rằng nếu con thú nào bị yếu vong thì nó sẽ hóa kiếp ngay tức khắc từ những giọt máu chảy ra, để đầu thai trở lại sống nốt quãng đời còn lại của kiếp này.

*Đón xem kỳ tới :
"Bộ Lạc TUPINAMBI vì sao lại ăn thịt người"*

ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI

TÂM NHƯ

Trong thời gian qua Tâm Như có nhận được một số thư và các câu hỏi của một số độc giả dưới đây gởi đến chùa. Như một bạn ẩn danh tại Hannover; một bạn ẩn danh tại Flen; bạn Phạm Dũng tại Frankfurt; bạn Nhứt Hồng tại Montréal và bạn Bùi Văn Hân từ Hồng Kông gởi sang. Xin thành thật cảm ơn các bạn nhiều và Tâm Như sẽ cố gắng giải đáp 5 bức thư và nhiều câu hỏi này, trong các số Viên Giác tới.

Có một bạn đã viết như sau :

Hỏi 86 :

Thời gian qua tôi có theo dõi mục "Đạo Phật đi vào cuộc đời" do Tâm Như phụ trách đăng trên báo Viên Giác. Nay nhờ Tâm Như giải đáp dùm tôi một thắc mắc :

Nhơn dịp dịp lễ Phật Đản và Vu Lan năm vừa qua, tôi đến chùa Viên Giác vào lúc quý vị Thầy Cô đang dùng cơm trưa trên Chánh điện, còn bên ngoài cửa Chánh điện và xéo 2 bên có các Bác lớn tuổi, các Anh Chị Em lớn có nhỏ có đang quỳ lạy quý vị Thầy Cô. Tôi rất ngạc nhiên tại sao họ làm như vậy? Vì từ xưa tôi chỉ nghe có thần dân lạy vua, con cái lạy cha mẹ, vợ chồng lạy nhau; chớ chưa bao giờ nghe và thấy việc như ghi trên. Tôi lấy làm khó hiểu. Thứ đến quý vị Thầy Cô tại sao ngồi tĩnh bơ ăn cơm, mà để cho người ta quỳ lạy mình, không sợ tổn đức sao? Phải chi toàn là Thầy Cô lớn tuổi thì tôi không lạ, dẫu này có vị rất nhỏ mà để các bà già đáng cha mẹ mình quỳ lạy. Tôi thấy khó hiểu, nên có đôi lời ghi ra đây để hỏi Tâm Như.

Chúc Tâm Như an khang trường thọ để phục vụ độc giả.

Kính thư,

Một độc giả báo Viên Giác

Đáp :

Có lẽ bạn mới đi chùa lần đầu hoặc giả bạn chưa làm quen với lễ nghi của Phật Giáo nên mới chưa biết vấn đề này. Thật ra cũng chẳng có gì khó hiểu cả.

Bạn thấy ngày xưa thần dân lạy vua. Điều ấy đúng. Vì vua là cha mẹ của dân; nên dân có bốn phần phải lạy vua. Nhưng từ xưa đến nay bất cứ luật pháp của nước nào cũng miễn cho tăng sĩ lạy vua, mà ngược lại nhà vua còn lạy các vị

Sư nữa như vua Trần Nhân Tông đã lạy Phù Vân Quốc Sư, như vua chúa Lào, Cao Miên, Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện v.v... đều lạy quý Sư cả. Dầu cho vị sư đó là nhỏ, là lớn, là sang, là giàu; nhưng khi đã bỏ tục xuất gia rồi thì người Tăng sĩ ấy vượt lên trên cái đời dãi tầm thường của thế gian. Ngày xưa hay ngày nay cũng vậy, các vị Vua, Thủ Tướng, Đại Sư của các nước theo Nam Tông Phật Giáo thấy quý Sư đi ở đâu thì lễ bái ở đó để tỏ lòng cung kính. Và cũng chính ngày xưa ở Ấn Độ có một vị vua rất cung kính chư Tăng, đi đâu Ngài gặp chư Tăng là Ngài lạy. Có một vị Đại Thần tên là Gia Tát không chịu khuất phục hành động của vua nên đã khuyên vua không nên lạy chư Tăng và sau đây là mẫu chuyện đạo ấy.

KÍNH TRỌNG CHƯ TĂNG

Một trăm năm sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, ở Ấn Độ có một vị vua ra đời tên là A Dục. Lúc đầu tính tình ông vô cùng tàn bạo, thường lấy chém giết làm thú tiêu khiển. Bấy giờ có một tỷ khưu nghe nhân gian sợ hãi và ta thần quá, bèn đến tận hoàng cung tự nguyện dâng mình chịu chết để cứu sinh linh vô tội. Nghe báo, vua A Dục cho nhà sư vào triều kiến rồi hỏi :

- Giết người đối với ta đã thành thói quen, tay ta nhuộm đỏ máu người nay ta không muốn thấy máu chảy nữa. Vì vậy, nếu ông tự nguyện chịu chết cứu người, ta sẽ thiêu sống ông, ông có can đảm nhận chăng?

Vị tỷ khưu đáp :

- Mô Phật, vì sinh mệnh chúng sinh, bần tăng sẵn sàng chịu đựng bất cứ đau đớn nào, kể cả bị thiêu sống.

Vua A Dục cười to lên, rồi sai thuộc hạ chất đầy củi khô, đoạn trối chặt chân tay nhà sư, bẻ lên đồng củi châm lửa đốt.

Lửa bốc cháy bùng bùng, sức nóng lan ra kinh khủng, khiến nhà vua

và quần thần phải dang ra xa. Cho đến khi lửa tàn, mới xông tới định nhặt đồng xương cốt nhà sư, thì thấy ông vẫn bình yên, ngồi kiết già trên đồng tro tàn, sợi dây thừng trói chân tay đã cháy tan mất. Mục kích cảnh tượng rùng rợn và phi thường đó, vua A Dục vô cùng sợ hãi, cảm thấy ăn năn về hành động bạo ác của mình vội quỳ xuống thưa :

- Thưa Hòa Thượng, từ giờ phút này quả nhân thấy vô cùng hối hận về những việc tàn bạo hiếu sát của mình, kính xin Hòa Thượng từ bi hỷ xả và cứu vớt quả nhân thoát khỏi si mê tâm tối.

Vị tỳ khưu từ tốn nói :

- Hay lắm, khi Đức Phật còn tại thế, Ngài đã thụ ký cho nhà vua rồi. Ngài nói, sau khi Ngài nhập Niết Bàn một trăm năm sẽ có một vị vua tên là A Dục ra đời. Nhà vua này có thể sẽ là sử gia Như Lai truyền bá chánh pháp.

Nghe xong, Vua A Dục mừng rỡ vô cùng, xin Hòa Thượng quy y tam bảo cho ông. Tất cả những niệm ác từ trước chắt chứa trong lòng ông giờ đây tan biến. Ông thành tâm sám hối và ông được cứu độ.

Từ đó vua A Dục hết lòng theo Phật Pháp, kính trọng tăng bảo, nên mỗi khi ngự ngoài đường, hề gặp bất cứ vị tỳ khưu nào đi ngang qua liền xuống kiệu khấu đầu lạy.

Bấy giờ trong đám quần thần có quan thượng thư tên là Gia Tát vẫn chưa tin Phật Pháp. Ông cho rằng chuyện nhà sư tự nguyện chịu bị thiêu kia chỉ là một tà thuật nhằm lung lạc nhà vua. Vì vậy, khi thấy Vua quỳ lạy các chư Tăng, ông rất bất bình bèn tâu :

- Các thầy tỳ khưu chẳng qua là những người hành khát ngoài đường, không đáng tôn trọng lắm. Hạ thần không hiểu tại sao Hoàng Thượng lại hạ mình dập đầu lạy dưới chân đờ bán của họ? Phải chăng Hoàng Thượng đã bị mê hoặc bởi chuyện thiêu sống nhà sư trước đây? Vua A Dục đáp :

- Không, Ta không còn quan tâm đến hành động quá cảm và phi thường của Hòa Thượng kia. Cái đáng để Ta tôn quý là đức hạnh của chư Tăng. Họ xả thân cho đại nghĩa, thực hiện chân tướng giải thoát xuất thế, truyền bá hạt giống Chánh Pháp để quang độ quần sinh. Gia Tát lại tâu :

- Hạ thần trộm nghĩ, cái đầu là nơi cao đẹp nhất của con người, hơn nữa lại là cái đầu của vị Hoàng Đế, không thể hạ thấp giá trị của nó.

Vua A Dục im lặng không trả lời. Cách vài ngày, Vua truyền các quan mỗi ông đem bán một đầu súc vật. Riêng Gia Tát phải đem

bán một đầu người và báo cáo cho Vua biết giá trị cái đầu như thế nào.

Hôm sau các quan tề tựu báo cáo làm xong nhiệm vụ, duy có đầu người của Gia Tát chẳng ai mua. Vua A Dục hỏi : - Nhà người nói đầu người quý trọng lắm kia mà, tại sao chẳng ai chịu mua? Gia Tát đáp : - Vì đầu người là vật hèn hạ, không giá trị bằng đầu súc vật. Vua A Dục lại hỏi : - Chỉ cái đầu này hèn hạ, hay tất cả đầu người đều hèn hạ khi rời khỏi thân mình. Vua A Dục bèn giảng : - Chính cái đầu Trám đây cũng hèn hạ không ai thêm mua, bây giờ cúi xuống kính lễ chư Tăng được thêm công đức, thêm giá trị thì phỏng có hại gì? Nhà người có ý kiêu căng tự đắc, coi các vị tỳ khưu là hạng tầm thường không sang trọng. Gia Tát khấp nép tâu : - Tâu bệ hạ, trước đây vì tự ái quá cao làm ngu muội tâm trí, nên hạ thần dám cãi bướng như thế. Nay nhờ bệ hạ vạch rõ chỗ tâm tối ngu đốt ấy, mới hiểu rằng vì mê chấp địa vị, cho mình là sang quý nên chẳng nhận ra cái giá trị thật sự của con người. Hạ thần xin sám hối và từ đây không còn dám hống hách kiêu căng nữa.

Vua A Dục nói : - Tốt lắm, phải biết rằng ta lạy để tượng trưng sự cung kính phục tùng để diệt trừ tánh kiêu ngạo, không tự phụ cái "Ta" đáng ghét của mình, sánh với lòng rộng lớn, vị tha vô bờ bến của chư Tăng vậy. Gia Tát tâu : - Hạ thần thật là kẻ mù nhận được ánh sáng. Từ nay xin phát nguyện kính trọng Tăng Bảo cùng cầu nguyện cho mọi người nhận ra cái chân ý nghĩa của sự kính lạy mà được muôn phần lợi lạc. Vua A Dục khen :

Ta khen khánh sáng suốt, mau hiểu, như thế khanh đã có tục duyên với Phật Pháp rồi đó. Chúng ta cần nắm lòng lợi dạy của Đức Phật "NGƯỜI CÓ TRÍ THỜI DÙ, VẬT KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ CỨNG LẮM NÊN GIÁ TRỊ" vậy.

Trích trong tập ::
MẤU CHUYỆN ĐẠO

Ban nói con cái lạy Cha Mẹ. Điều đó đúng. Vì cha mẹ là bậc sanh thành ra mình. Muốn đến công ơn dưỡng dục thì có nhiều cách báo hiếu khác nhau, mà lạy bái cha mẹ lúc còn sống cũng là một hành động hiếu. Nhưng đó là hiếu với đời. Chứ với Đạo thì khác hẳn. Ở Đạo, nhất là ở Thái Lan và một vài nơi ở Việt Nam, trước khi người con đi tu, người con ấy lạy tạ công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha và sau khi xuất gia thọ giới rồi thì cha mẹ lại lạy con

minh. Lạy đây không phải là lạy cái xác phàm của người con, mà lạy là lạy cái giáo pháp của Đức Phật được truyền thừa qua hình ảnh của người con đó.

Ban bảo vợ chồng lạy nhau. Điều đó không sai với Đạo Tào Khang. Nhưng với Đạo Phật, Phật Tử lạy chư Tăng theo Tâm Như nghĩ chẳng có gì lạ cả. Đó chẳng qua là thể hiện lòng cung kính đối với giáo pháp của Đức Phật qua hình ảnh của chư Tăng, chư Ni, đầu cho vị ấy có mối xuất gia đi chẳng nữa. Nếu người tu ấy chẳng có phước đức thì coi như bị trừ thêm điểm khi được đánh lễ. Nếu vị ấy có đức hạnh thì người lễ, cũng như người thọ lễ đều được lợi lạc cả hai. Như vậy người lạy chư Tăng, đầu là Vua, Thái Tử, Thủ Tướng, Bộ Trưởng hay là gì đi chẳng nữa, về phần mình vẫn được lợi lạc như thường. Lạy để phá trừ cái ngã chấp của mình và lạy để tỏ lòng tôn kính chư Phật và giáo pháp của Ngài qua hình ảnh của chư Tăng.

(còn tiếp)

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Thượng Tọa Thích Như Điển vừa viết xong tác phẩm thứ 14 với nhan đề là "Lòng Từ Đức Phật"; Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức ấn hành. Bìa in 2 màu. Sách dày 164 trang gồm những hình ảnh đi chiêm bái các Phật tích tại Ấn Độ. Nội dung sách giới thiệu về những nơi động tâm như Đền Thánh, Thành Đạo, Thuyết Pháp lần đầu tiên và nơi Đức Phật nhập Niết Bàn. Quý Đạo Hữu và quý Phật Tử nên tham khảo sách này, trước khi thực hiện chuyến hành trình đi về phương Đông, rất hữu ích vô cùng. Sách hiện có tại chùa Viên Giác Hannover. Giá ung hộ kể cả cước phí gửi là 10DM. Xin giới thiệu đến các độc giả xa gần và mong quý vị lưu tâm.

TÁI SANH

Cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 này, vấn đề tái sinh không còn là vấn đề xa xôi, huyền bí mà "người trần" chúng ta không thể không hiểu tới được. Nghĩa là chúng ta có thể hiểu được qua công phu tu niệm của mình. Vừa rồi, vào 2 giờ chiều ngày 9 tháng 7 năm 1989, Đức Đạt Lai Lạt Ma, vị Phật sống thứ 14 của Tây Tạng đã đến Lễ Phật và nguyện an lành cho Phật Tử Việt Nam tại Chùa Việt Nam Los Angeles, mang lại niềm hoan hỷ cho mọi người.

Trong niềm hoan hỷ đó, đa số Phật Tử muốn biết tại sao lại gọi Ngài là Phật Sống? Theo truyền thống của Phật Giáo Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma là hiện thân của Bồ Tát Quán Thế Âm từ gần 1.000 năm nay và hiện tại Ngài là đời thứ 14. Một lần xả thân, tái sinh trở lại đều phải kinh qua các sự trắc nghiệm nhiệm mầu của Phật Giáo Tây Tạng.

Muốn rõ hơn, kỳ này báo PGVN xin tóm lược câu chuyện sự chết đi và sống lại của Ngài Lama Thubten Yeshe. Câu chuyện này được tường thuật dài trên báo ASIA Magazine số April 5, 1987.

Chuyện tái sinh này làm chấn động báo chí Âu Châu, giúp chúng ta biết rõ giáo lý Luân Hồi của Phật dạy.

Nguyên Ngài Yeshe muốn thác sinh (Reincarnation) trong hình thể của một người Tây phương, giúp việc hoằng dương Phật Pháp ở Âu Châu cho được dễ dàng. Nhân gặp hai Ông Bà Paco và Maria, Ngài xin được làm con của hai Ông Bà trong kiếp sau. Paco và Maria hoan hỷ nhận lời, nhưng không nghĩ rằng việc đó có thể xảy ra.

Ngài Lama Thubten Yeshe đề nghị Paco và Maria nên tu trì để tăng trưởng tâm linh cho chính mình, thì hai Ông Bà nhận lời. Hai Ông Bà thường đáp tàu đến một Tu Viện nằm sâu trong nội địa Tây Ban Nha để thực hành. Tu Viện này đã được đức Đạt Lai Lạt Ma đặt tên là OSEL LING (Thành phố Ánh Sáng). Trong lúc Paco và Maria tiếp tục trì niệm tại OSEL LING, thì một hôm được tin Ngài Lama Thubten Yeshe đã từ trần vì bệnh tim, hưởng được 49 tuổi đời. Đến ngày 12 tháng 5 năm 1985, ở Bệnh Viện Grenade Sierra Nevada, Tây Ban Nha, bà Maria sinh hạ được một bé trai đặt tên là OSEL. Lúc OSEL được 1 tuổi, chú bé đã nhìn chăm chú cuốn băng Video kể chuyện đức Đạt Lai Lạt Ma... Và cũng từ đó, Osel có thói quen xoa đầu như Lạt Ma Yeshe... Ăn trái cây thì chỉ nút lấy nước rồi bỏ xác, hay làm hề vui nhộn như Lạt Ma Yeshe lúc còn sinh tiền.

Theo truyền thống Tây Tạng, Lạt

Ma Zopa đã làm các cuộc trắc nghiệm chót, ngài mời một số đệ tử cũ của Lạt Ma Yeshe tới, mặc áo cho Osel, bông Osel ngồi lên ghế sứ phụ, rồi nói với họ: "Đây là sứ phụ của các anh". Bà Maria thuật giây phút này như sau: Osel lúc ấy có vẻ mệt nhọc, đang nằm dài, nhưng nghe Lạt Ma Zopa nói, liền đứng dậy ngay... Tay vói lấy Thiên Trương và chuông, giống như các vị Sư Phụ... Rồi Osel để lại các vật vào chỗ cũ. Động tác này, Osel lập đi lập lại 7 lần rất nghiêm trang, sau đó cười thật to. Chỉ nhìn vào lúc đó, tôi có cảm giác rằng con trai của tôi, thằng Osel, đúng thật là Lạt Ma Yeshe tái sinh.

Khi ở Ấn Độ, lúc ấy Osel được 14 tháng, trước khi vào bái yết đức Đạt Lai Lạt Ma, Osel tự mình sửa soạn y phục, hái một cành hoa, sau đó mới vào ra mắt Ngài. Đức Đạt Lai Lạt Ma và các vị Trưởng Lão trong Giáo Hội KARDAMPA theo nguyên tắc, không bao giờ tuyên bố một vị Lạt Ma thác sinh vào một xác thân của một đứa bé chưa tròn 5 tuổi. Nhưng, với trường hợp của Osel thì mọi người đã xem như Lạt Ma Yeshe thác sinh vào em Osel.

Báo PGVN số này in hình Lạt Ma Thubten Yeshe, lúc ngài đang thuyết pháp tại Los Angeles. Hình thứ hai, em bé Osel, hậu thân của Lạt Ma Thubten Yeshe, sinh tại Tây Ban Nha.

(Trích Tạp Chí Phật Giáo Việt Nam số 69/8.89)



Ngài Lama Thubten đang thuyết pháp tại Los Angeles



Bé Osel, hậu thân của Lama Thubten Yeshe

PHÉP MẪU NHIỆM TRONG ĐẠO PHẬT

Đọc báo Viên Giác số 52 phát hành vào tháng 8.89, trong mục ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI, đạo hữu Tâm Như có trả lời câu hỏi thứ 80:

"H.- Trong Đạo Phật có phép mẫu nhiệm nào không?

"Đ.- Đức Phật thường bảo đệ tử Ngài rằng: "Ta chẳng phải một vị thần, chẳng phải Bà La Môn, chẳng phải tiên tri. Mà ta chỉ là một Sa môn, biết và hiểu chân lý về sự khổ của cuộc đời." Nếu đọc kỹ câu này, ta thấy không lạ, nhưng có nhiều người lại hỏi tại sao Đức Phật có thần thông? Điều ấy có phải là một phép mẫu nhiệm? Thật ra đó chỉ là công năng tu hành mà có được, chứ tuyệt không do một phép mẫu nào cả...Tuy nhiên, thỉnh thoảng chúng ta vẫn được nghe Đức Quan Âm ứng hiện ở chỗ này hay chỗ nọ...v.v... đó chẳng qua là việc hiện thân độ đời của các vị Bồ Tát mà thôi".

Đạo hữu Tâm Như trả lời rất đúng. Và câu hỏi trên có lẽ cũng là một thắc mắc của số đông Phật tử sơ cơ, trong đó có tôi, khi mới bước vào con đường học đạo. Ai lại không thích cái đạo mình theo, vị Giáo chủ mình thờ cúng, có những quyền pháp mẫu nhiệm có thể đưa phước, họa đến cho mình, nếu mình tin theo, hoặc chối bỏ. Nhưng trong kinh kệ, chỉ thấy Phật và chư Bồ Tát nói đến luân hồi, quả báo, giải thoát, niết bàn. Tu sao cho diệt được tam độc: tham, sân, si, cho thoát khỏi sinh tử luân hồi, cho thành Chánh đẳng chánh giác!

Thú thật với quý vị, có một đạo tôi không thâm hiểu nổi lý thuyết cao siêu của đạo, tôi thấy lâu xa và khó khăn quá nên đâm ra chán nản và giao động lòng tin. Làm thế nào mà mình cùng muôn loài đồng viên mãn chánh trí, chúng nhập như như, thành Phật đạo hoàn toàn, Phật đạo vô thượng? Mình còn lúng túng trong cái chấp có chấp không, trong cái Sắc có khác gì cái Không, cái Không có khác gì cái Sắc đâu? Sắc tức là Không, Không tức là Sắc!...Thật là nát óc khó hiểu cho những người còn nặng cái Tôi, như tôi trước ấy. Và nếu không có những điều mẫu nhiệm trợ duyên cho tôi, tôi vẫn u mê mãi trong cái vô minh đầy đặc.

Tôi xin mạn phép kể ra đây, trên là trình chư Đại Đức, sau giải bày cùng chư đạo hữu, xin cao minh chỉ dạy.

Năm 1956, thân mẫu tôi mất. Tôi buồn chán, không biết cách nào cầu nguyện cho mẹ. Trong một tình cờ, tôi gặp ông Đồ Nam ở đường Gia Long Sài Gòn, ông nghe tôi nguyện chay trường hai năm để cầu nguyện cho mẹ, ông

TRƯỜNG THANH VÂN

liên khuyên tôi nên đọc Kinh Kim Cang. Ông bảo trong Kinh Kim Cang có nói nhiều đến việc phước đức. Tu lấy phước đức có thể thay đổi ngay đến cả vận mạng con người. Phật chỉ cho chúng sanh con đường giải thoát tránh sự đau khổ. Trong sự tránh đau khổ có những mẫu nhiệm hiển nhiên không thể ngờ được. Đạo Phật không đặt sự thần thông, hay mẫu nhiệm làm cứu cánh. Nhưng tu cho chín chắn thì một số đồng có thần thông, hoặc có được nhiều sự mẫu nhiệm. Vì thi hành theo lời Phật dạy để thoát ly sinh tử luân hồi, vào Phật tánh hoàn toàn, đó là một thần thông hệ trọng và lớn lao không còn có thần thông nào bị được!

Có lẽ ông Đồ Nam dùng phương tiện để đưa tôi vào đạo, nên chỉ nói đến lý lẽ thông thường để hiểu cho một người chưa hiểu gì về Phật pháp: trong cái như duyên hòa hợp rất tinh vi ấy, luật như quả hiển hiện rõ ràng, làm phước gặp phước, làm lành gặp lành, gieo như nào gặt được quả nấy, chứ không có đấng Thiêng liêng nào cầm nắm vận mệnh mình cả, ngoài chính mình. Tôi như một số đồng người đã lầm tưởng là giữ như đạo cho đúng, hiểu để với cha mẹ, làm mục cùng mọi người, không làm điều gì trái lương tâm và đạo lý con người là được rồi. Tôi chưa hiểu gì về đạo Phật. Cũng không biết kinh sách phải thỉnh ở đâu. Nhưng tôi nghe lời khuyên của ông Đồ Nam, cố tìm Kinh Kim Cang để đọc cầu nguyện cho mẹ.

Tôi được bà Thường Lạc, bạn của mẹ tôi, cho mượn quyển chép tay Kinh Kim Cang, bản dịch của ông Đoàn Trung Còn. Cứ mỗi đêm, khập cửa nhà lại xong, tôi ngồi trước bàn thờ mẹ, lớn tiếng đọc kinh. Tôi đọc sang sáng như đọc sách. Lời Phật dạy bí nhiệm quá, khó hiểu quá, nhưng tôi đem hết lòng tin vào. Tôi nghĩ rằng nhà ở chung quanh là người Hoa kiều, không ai dòm ngó đến việc nhà của ai, có ai biết mình đọc những gì? Thế nhưng có khi đọc kinh xong, tôi mở cửa đi ra ngoài thì trông thấy có nhiều bà Việt Nam đứng bên ngoài lắng nghe.

Mỗi ngày, đi làm việc về hai buổi, tôi chưa thay đồ ra đã lay bàn thờ mẹ và niệm chú Bát Nhã Ba La Mật Đa rồi mới thay đồ dùng cơm. Vì nhà chật hẹp, tôi cũng chả có bàn thờ Phật. Cũng ít khi đi đến chùa. Tôi tin Phật tại tâm. Cần giữ thanh tịnh từ từ tưởng, lời nói đến việc làm, diệt dần tam độc: tham sân si, thực thi được phần nào sáu ba la mật của người cư sĩ còn nhiều dính líu với đời sống trần tục. Đọc kinh được hai năm, tuy tôi chưa hiểu làm thế nào lia khỏi các tướng, chẳng chấp trước, thấy ra là Không, tâm trí hoàn toàn trở nên thanh tịnh, đối với tướng bèn lia tướng, đối với Không bèn lia không. Song tôi cũng mang máng hiểu: hễ có gây ra Nhưn thì phải thọ lấy Quả, Nhưn lành đem lại Quả lành, Nhưn dữ đem lại Quả dữ, không hề sai chày, đó kêu là Định Nghiệp. Người ta có thể chuyển biến cái Định Nghiệp dữ, làm cho tội lớn hóa ra nhỏ, nhờ làm phước đức, thi hành trí huệ độ. Và quả báo của Kinh Kim Cang là đưa nhưn duyên lành đến cho người tin, và cái phước báo, công đức thu hoạch được do sự thọ trì, đọc tụng và giải thuyết Kinh ấy là vô cùng, vô tận, nghĩ không xiết. Nhờ thi hành Trí Huệ Độ mà người Thiện nam, Tín nữ thay vì bị tội báo nặng nề, được hai thì chỉ bị nhẹ, chẳng hạn những lời dèm pha, chê bai của kẻ phạm phu, ác tâm mà thôi. Trả xong tội nhẹ ấy, hành giả sẽ dễ dàng noi theo Bồ tát đạo để đi đến quả Phật vậy.

Sau đó, khi mãn tang mẹ, tôi ngưng đọc Kinh Kim Cang vào mỗi tối, một phần nghĩ đã hoàn nguyện, một phần cũng bận rộn quá nhiều công việc, trong đó có nghiệp dư là cho tái bản tờ báo BÔNG LỬA. Đó là một công việc làm bất kể ngày đêm, bù đầu rồi trí miên man, ăn ngủ thất thường và cày nhiều tóc bạc lên cái đầu thanh xuân xanh tóc của tôi. Tôi làm báo hăm hui, trẻ tàu hơn nhiều bạn đồng nghiệp. Lại cứ hay húc đầu vào những cái cửa đá đóng! Nhưng tôi nhận thấy tánh tình tôi có nhiều thay đổi. Trầm tĩnh hơn, rộng hơn, hay nghĩ đến người nhiều hơn nghĩ đến mình. Lại hiểu được cuộc đời vô thường, việc làm của mình cũng chỉ là một

trò chơi mà mình phải chơi cho hay, cho đẹp, vinh cùng không quá mừng, mà khổ nhục cùng không sâu nan. Phải chăng trong tôi có được một vài vi trần rơi rớt của hằng hà sạ số phật sát vi trần cộng đức của Kinh Kim Cang ?

Tuy không còn đọc Kinh, song câu chú Bát Nhã Ba La Mật vẫn nằm lòng, tôi niệm chú khi gặp những khó khăn, cho qua những chán nản, cho những đám tang tình cờ trông thấy, cho những đau địa trải qua, cho chúng sanh đau khổ, đói rách, họa hoạn và bệnh tật. Tôi tin câu chú giải thoát trí tuệ, cởi mở những ràng buộc, cứu rỗi được tất cả. Tôi hành đạo theo tâm tánh phóng dăng của một nghệ sĩ, không cầu chấp, không bó buộc. Xem Phật như cha tinh thần mình nối dõi, kính Sư như Thầy, song chưa thụ giáo Sư nào.

Chính vì thế mà gặp một lòng leo, một sự mất lòng tin. Đó là sau ngày 30.4.75. Trước một xáo trộn hỗn mang, và sụp đổ ấy, ai lại không bị giao động? Nhứt là những người tin tưởng vào giá trị tinh thần qua những trào lưu giũ rũ vật chất mà mình đang giữ mình và cố gắng sửa chữa. Thế mà đánh dùng một cái băng hoại cả. Như một trận động đất khủng khiếp chưa từng có của Gió, Nước, Lửa, của trời tru đất diệt! Tôi trông thấy những Kinh kệ bị ném sọt rác, những tượng Phật bị gỡ kim cương và xô nhào, những Sư bị bắt bớ, tù đầy. Những tu viện bị giải tán, các Sư còn tu học phải đuổi về tỉnh, hoàn tục. Ở tỉnh, các Thầy trụ trì phải làm giấy hiến chùa. Và khắp nơi, Ủy Ban Quân Quản đến nhà lập danh sách kiểm kê gia đình, câu hỏi đầu tiên là: có đạo gì - Dạ, tôi Đạo Phật.

- Đạo Phật là thế nào? Có ở chùa không?

- Dạ, tôi là cư sĩ. Gia đình tu ở nhà.

- Thế thì không là đạo. Đi đạo là phải cạo đầu, mặc áo tràng và ở chùa tháp hương. Có phải thế không?

- Dạ, vậy thì tôi...là đạo thờ ông bà.

- Ông bà thì ai lại chửi thờ. Thế ghi là không đạo nhé !

Người Cộng sản bảo tôn trọng tín ngưỡng. Nhưng họ diệt đạo bằng những mảnh khốc như thế. Và đạo đó, tôi cũng mất lòng tin vài tháng. Cho đến một hôm, tôi trông thấy một trung niên người Công giáo, di ngang một nhà thờ Thánh Phao Lồ, thốt ra những lời chửi bới và toan ném đá...

Tôi chợt tỉnh ngộ. Thông cảm tâm lý giao động nhứt thời của người trung niên Công giáo ấy. Anh ta có thể là một tín đồ ngoan đạo, tin tưởng cầu nguyện cho những điều tốt đẹp, Đất Nước

không rơi vào tay bọn vô thần, thế mà dùng một cái trông thấy cái nón cối ngắt ngưỡng khắp thành phố, dấp râu giày đập trên đầu khổ và đổ nát tất cả ! Anh ta thất vọng vì mong muốn một phép lạ, một sự nhiệm mầu thiêng liêng mà không thấy! Cũng như tôi vậy. Nhưng sao tôi ngu muội, tối tăm? Tôi đã hiểu về luật vô thường, về nhơn quả. Mấy năm đọc ra lời dạy của Phật, cũng biết chút đỉnh lẽ vô ngã của mình, của người, của chúng sanh, của các pháp, thế sao còn vướng vào sự bất như ý rồi đâm buồn khổ, giận hờn, chán nản? Chúng sanh chỉ là Năm Uẩn, Bốn Đại, các Pháp chỉ là nhân duyên tạm hiệp mà thôi. Đến cả thế giới là vật lớn nhất còn có thể tan vỡ thành vi trần. Và những vi trần, những nguyên tử ấy, là vật nhỏ nhất vẫn có thể tích tụ thành thế giới. Luân chuyển, biến hóa mãi như thế theo luật thành, hoại và hủy. Thế thì một hưng phế nhứt thời, tuy đau đớn thật, nhưng đối với thời gian vô tận có nghĩa gì? Ngay cả chủ nghĩa cộng sản, chỉ một trong vòng 60 năm, đã thấy lung cùng, suy sụp, rã bèn sắp đến nơi! Cái kiếp sống ngắn ngủi của con người tí xu vẩn nghệ, ham ưa chân, thiện, mỹ còn bao nhiêu hơi sức nào còn cố gắng làm hưng lại cái bị phế, dựng lên cái đã đổ, xây lại cái bị phá vỡ, thì sao tôi ngu tối đến đánh mất niềm tin chánh đáng !

Và suy gẫm lại, từ khi tôi bắt đầu đọc Kinh Kim Cang đến năm đó, gần hai mươi năm trời, tôi đã lam hưởng quá nhiều phước báo mà tôi không biết đó thôi. Thế đứng trong xa hội của tôi được vững vàng, có tí chút hư danh bằng hạt cát, tiền bạc gia đình thoai mái phần nào, và trong một thời gian tranh đấu cho tự do báo chí, biểu tình đòi quyền sống, tuyệt thực ủng hộ sinh viên tranh đấu và công nhân bị áp bức, tôi suýt chết trong lần tởn kẻ tóc biết bao phen! Như thế có phải tôi đã nhờ phước báo vi diệu ? Một con người tâm thường như tôi, có duyên đưa đến cho gánh vác những việc làm quá sức ấy, nếu bảo không một sự màu nhiệm che chở, thì không sao giải thích được.

Tôi suy nghĩ và hối hận vô cùng. Đêm ấy, tôi đến chùa Giác Ngộ nơi Ngã Sáu Chợ Lớn, lặng lẽ đứng ngoài sân tối nhìn vào đại điện. Bên trên Phật đài, Đức Như Lai từ bi ngó xuống, như hỷ xả cho tôi, cũng như hằng hỷ xả thập loại chúng sanh thế giới này, cùng Tam thiên đại thiên thế giới khác. Trong đại điện, đầy đàn bà và trẻ vị thành niên, diềm đạm đọc kinh, dù bị cúp điện, bên ngoài tối tăm, vô minh bao trùm ! Cộng sản "còn khuya" mỗi tiêu diệt được tôn giáo! Có chứng kiến, tôi mới hiểu tại sao Cộng sản thù ghét tôn

giáo. Vì nó thuộc về tâm linh không nắm bắt, không kiểm soát được. Nó vượt trên sự nhồi sọ của chúng. Cộng sản cuồng tín muốn làm chủ khối óc thế giới. Chúng dụng vào sự bất khả. Tôi thường trông thấy những anh bộ đội, lột nón cối, rón chân bước vào nhà thờ công giáo. Những anh cán bộ cao lột dấp râu, thấp nhang qùy dưới tượng Phật. Hoặc lánh mặt cho vợ rước Sư về nhà làm ma cho thân nhân đã khuất. Ngay ở Bắc, nhang trầm bán đắt kinh khủng.

Nhất định Cộng sản không tiêu diệt nổi tôn giáo. Trái lại, nó thua tôn giáo. Nhất là đạo Phật, tự giác giác tha, không ràng buộc tin đồ vào một lẽ luật nào, bàng bạc trong không gian, qua tất cả thời gian. Có ai nhốt được không gian? Đo nổi thời gian? Nghìn năm trước, nghìn năm sau, mãi mãi vẫn có người lễ Phật, vì chúng sanh là Phật, là vĩnh hằng.



Hiếu được phước báo vi diệu của Kinh, tôi thành khẩn đọc Kinh lại như trước. Ngoài Kinh Kim Cang, tôi còn đọc Diệu Pháp Liên Hoa. Lời Phật dạy kín nhem quá, càng đọc càng nhận thấy mình ngu dốt, làm sao dứt được cái ta nặng nề, u ám, cứ mãi bị sáu căn che mờ, ba nghiệp tối tăm, trong trí mờ mờ mà thấy không tịnh, trong cảnh giải thoát mà sanh ràng buộc mãi !

Không hiểu cao tam hiểu thấp: tin Sắc Không theo trình độ sơ cơ của mình. Tôi tin chắc lời tán tụng khi đọc Kinh :

*Trong cổ nước cam lồ rịn
nuân*

*Trong miệng chất đề hồ nhỏ
mát*

*Bên răng ngọc trắng tuông xá
lợi*

*Trên lưỡi sen hồng phóng hào
quang*

*Đầu cho tọt hơn núi cả
Chẳng nhọc Diệu Pháp vãi
ba hàng .*

Tôi đọc Kinh cầu nguyện cho chúng sanh bớt tội lỗi, bớt phiền não, bớt đau thương, bớt đói khổ, họa hoạn, bình tật. Người học tập, từ đây được bình an trở về. Kẻ vượt biên được toại nguyện an lành đến bến tốt. Tôi cầu nguyện tất cả chúng sanh đều này nở thiện căn, gieo rắc chủng tử lành, chủng tử hóa sanh hằng hà sa số chủng tử, thiện nhiều tất phải thắng ác. Sẽ tiêu diệt cái ác ở mình, ở mọi loài. Ai đi vào vườn hoa bát ngát muôn hương mà khi ra khỏi vườn hoa không phảng phất hương thơm ướt áo?

Tôi nghiệm thấy hơn 14 năm sống dưới chế độ khắc nghiệt vừa qua, tôi cũng đã hưởng được rất nhiều phước báo nói không kể xiết. Vì thế tôi tin chắc chắn có những nhiệm màu vô cùng. Riêng về cá nhân tôi, gia đình tôi, trại không biết bao nhiêu thăng trầm, điều linh nguy biến. Nhiều khi tưởng đã tan rã cả. Đã bị kẻ ác vu khống bòn đen, ngấp ngựa trong chợ kinh tởm nhất. Thế rồi vạn sự rồi ra đầu voi, đuôi chuột cả. Trong cuộc đổ phế, đau thương, tang tóc của dân tộc, tôi may phước gánh rất ít. Có mất người nhưng chưa đến nỗi tan tác. Từ khổ ải, điều linh mà nhồi lên. Như không mất gì cả, dầu đã mất nước, mất sự nghiệp, mất người thân. Nhưng tôi tìm quê hương và tình ruột thịt nơi triệu triệu con tim của cộng đồng tỵ nạn, cũng là một an ủi rất lớn vậy.

Đấy phải chăng cũng là một khía cạnh của Sắc Không?

Và hôm nay, thưa quý vị, tôi viết những giòng chữ này, vào giữa khuya, nơi một làng nhỏ ở miền Nam Pháp, rất thích ứng cho người ẩn dật mà tôi ao ước, tôi vẫn còn bàng hoàng như chưa dứt tính cơn ác mộng: sao mình thoát khỏi cảnh địa ngục trầm luân?

Vì chuyện ra đi của tôi cũng là một điều đã đến rất huyền diệu cho tôi. Tôi đã bị mất tuyệt hy vọng. Song tôi tin và cầu nguyện Phật cùng chư Bồ Tát cho tôi một việc chưa từng có.

Việc chưa từng có ấy đã có. Nếu không báo do sự mâu nhiệm, một phép lạ, thì giải thích thế nào? Vì chính tôi, ba ngày trước, vẫn chưa biết có được đi hay không? Phật và chư Bồ Tát đã ban cho tôi cái việc chưa từng có ấy, chắc chắn như vậy!

**NAM MÔ CÔNG ĐỨC LÂM
BỒ TÁT.
NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH
CÁ MAU NI PHẬT.**

Miền Nam Pháp, 10.1989

ƯA CÁI LẠ

Thích Nữ Thế Quán

Chi vậy bà con? chi mà coi đồng thể?

Chỉ năm bảy người nhìn ra; rồi họ vẫn tiếp tục chen nhau để xem.

Nhưng khi nghe giọng đồng đặc: này bà con hãy xê ra một chút để Công tử vào xem may ra có dàn xếp được chăng? Người ta đang lúi búi chưa biết chuyện giải thế nào, nay nghe có Công tử vào dàn xếp thì tất cả đều đổ dồn nhìn ra.

Công tử một chàng thanh niên anh tuấn mà nghiêm trang, thoạt nhìn người ta đã kính mến và tin tưởng, họ bảo nhau đứng rẽ ra để Công tử có lối chen vào.

Đây một đám thường dân đứng xem một vụ cãi vã của hai thanh niên nghèo. Thấy Công tử vào, một trong hai người đứng ra phân bua: tôi mới mua được một chai dầu phụng vội vã đem về dâng mẹ tôi, vì mẹ tôi rất ưa thứ dầu này mà tôi vì nghèo nên ít khi mua được, nay tôi làm thuê có tiền tôi nhịn ăn để mua dầu về dâng mẹ, tôi tâm tâm niệm niệm đi mau về để mẹ tôi mừng. Nhưng khi ngang qua dây đường vắng không có ai, tôi bị đau bụng, sẵn có gốc đa tôi bèn gói chai dầu cho y tôi có nói: "cho tôi gói chút nghe". Nhưng khi ra thì bị anh cưới ngựa này làm bể của tôi, xin Công tử xét cho.

Đến phiên anh cưới ngựa: thưa Công tử, nhà tôi nghèo làm nghề bán củi, tôi có bà mẹ già năm nay ngoài 70, mẹ tôi thường ưa thịt nai tươi, tôi vì nghèo ít khi mua được, xót xa phận làm con không cung phụng mẹ được như ý. Hôm nay tôi đến bán củi cho ông nhà giàu thấy ông có nhiều thịt nai tươi, tôi mừng quá, đổi hết củi lấy một miếng thịt về dâng mẹ, tôi chăm chú đi mau về để kịp bữa cơm chiều, khi ngang qua đây tôi dục ngựa đi mau vấp phải cây đa rúi rụng cái chai dầu của anh đây, tôi thật hết tiền không có để đền cho anh, xin Công tử xét cho. Một

nét buồn thoáng qua trên mặt Công tử. Chàng vội bảo người tùy tùng đưa ra hai nén bạc đền cho anh dầu phụng, và biểu anh cỡi ngựa, chàng bảo: đây là lỗi tại con ngựa và gốc đa chứ không phải lỗi hai vị. Thôi hai vị hãy cầm bạc về kéo chiều. Tôi sẽ có cách trị tội con ngựa và gốc đa. Chàng lại tán thán tấm lòng hiếu thảo ít có của hai người kia, và hỏi tên họ mới biết người mua dầu tên Hiếu Nhi. Người cỡi ngựa là Hiền Sĩ.

Thiên hạ giải tán lần và không ngọt trầm trở khen ngợi lòng nghĩa hiệp của chàng Công tử nọ.

Công tử và hai người tùy tùng rẽ qua một con đường vắng. Chàng thẩn thờ than: Trăm lên ngôi vua ngự trị trăm họ. Nhưng muốn theo gương phụ hoàng thương yêu dân như con, thế mà trong nước có những người hiền hiếu thế kia trăm lại không biết, thật là trăm có lỗi vậy.

Phải, chàng Công tử đây chính là Nhân Hậu hoàng đế. Khi Nhân Hiền truyền ngôi lại cho con thì Nhân Hậu mới 16 tuổi. Ngài thay cha lên trị vì thiên hạ, nhờ sự giáo dục của vua cha thường nhắc nhở con trong khuôn đạo đức nên Nhân Hậu hoàng đế là một ông vua thanh niên mà dù cả tử đức khoan, dung, nhã, tiết, đối với tự thân thì tiết chế tâu sắc trong 6 năm chấp chánh, địa vị tuy ngồi trên chính bệ nhưng ngài lại hay mặc thường phục cùng vài người hầu thân cận trà trộn vào trong dân gian để có dịp thông cảm với thường dân, nhờ vậy mà thấu hoạch được nhiều kinh nghiệm để bổ túc vào công việc trị an, nên dân chúng thời ấy bốn phương đều an vui, mưa thuận gió hòa trong nước được thái bình vô sự.

Sau buổi ngự du của hoàng đế Nhân Hậu, ngài trở về hoàng cung, ngay ngày hôm sau người ta thấy có sắc lệnh của vua ban ra cho tất cả nhơn dân đều biết: ba ngày nữa thì trong cung vua có mở cuộc thuyết pháp; và đồng thời có xử án gốc đa và con ngựa. Vua truyền sẽ mở cả 4 cửa thành cho dân chúng từ trí thức đến thường dân tự do ai muốn nghe thuyết pháp thì do cửa Chánh Đông đi thẳng vào điện Giác Hoàng; ai muốn xem xử án gốc đa và con ngựa thì do cửa Chánh Tây đi thẳng vào điện Minh Trực. Lại có chiếu văn tất: "Quả nhân vâng di mệnh Tiên Đế nối ngôi vua giữ giềng mối cho trăm họ, trong 6 năm nay quả nhân thường lấy hai chữ "cẩn tín" mà dạy dân. Nhờ lương dân ai nấy đều tuân theo, nên trong nước được hưởng thái bình, nhơn dân được yên vui. Nay có gốc đa và con ngựa đã làm trái phép nước, không tuân kỷ luật dâm vi phạm như câu chuyện của

trăm đã chứng kiến hôm nọ : "Gốc đa, người ta gọi đầu cho, mình làm thỉnh tức là bằng lòng hứa giữ, lẽ ra phải thủ tín giữ gìn cho người ta, vậy mà để chai bể, dầu đổ thế là không thủ tín; còn con ngựa thì bắt cần chạy sấn sắc lăm đổ đầu bể chai, để hai vị hiền sĩ phải cãi vã nhau mất thái độ ôn tồn sĩ phải cãi vã nhau mất thái độ ôn hòa. Vì vậy đến ngày rằm tháng 6 này quả nhân phải lâm triều để trị tội con ngựa và gốc đa mà làm gương cho dân".

Thế là những cô con gái, những bà cụ già đi đường đều dừng lại để nghe mấy anh thanh niên hoặc đoàn học sinh đọc lời chiếu của vua, đây là nói về thôn quê; còn ở thành thị thì thôi vô số người đến xem, người ta không khỏi ngạc nhiên thì thăm bảo nhau : quái lạ ai lại xử án gốc đa và con ngựa bao giờ ? Thôi hôm ấy tôi có bận việc chỉ mấy cũng để đó đi coi cái đã. Vàng, tôi ngày ấy có lời bạc van cũng dẹp để đi coi cái đã. Thế là trăm người nghìn người cũng nói một câu như nhau.

Sáng hôm ấy (15.6) hoàng đế Nhân Hậu cùng năm bảy vị lão thần lên đài thượng nguyệt (át đài rất cao) vọng về hai cửa thành. Bên cửa chánh đông (là chỗ nghe pháp) thì lơ thơ năm bảy người đi vào, lâu lâu mới lại có năm bảy người thế thôi; còn bên cửa chánh tây (là chỗ xử án) thì thôi vô số là người, lũ lượt kéo vào đông như kiến, từ 6 giờ đến 9 giờ mà chưa hết.

Hoàng đế Nhân Hậu thờ ra, ngài bảo với mấy vị lão thần : Quả nhơn không ngờ dân chúng hiếu kỳ hơn hiếu đạo đến thế. Vậy lời chiếu của quả nhơn sắp đọc để kêu gọi tình thần đạo đức thật không quá đáng.

Trước điện Minh Trục rộng hàng nghìn thước và người ta sắp đặt trật tự khéo mấy cũng không tài nào dung hết số người vào xem cho khỏi lộn xộn được. Trước bệ cao trên chánh điện là chỗ vua ngự, 2 hàng ghế đối nhau là chỗ bá quan văn võ, thấp xuống một chút người ta đặt 1 bàn nhỏ và 2 ghế là chỗ Hiền Nhi và Hiền Sĩ hôm nọ, nay áo quần lộng lẫy ngồi bệ vệ như 2 pho tượng.

Tiếp đó là chỗ 2 tội nhân (con ngựa và gốc đa) gốc đa trông có vẻ buồn bã lắm, đầu tóc rũ rượi nằm làm thỉnh làm thỉnh; còn chi ngựa thì mắt ngó ngó phe phe thấy đuôi, thật là diệc không sợ súng.

Rồi cứ lâu lâu một hồi trống đục liên thanh, người ta lại nhao nhao lên, những người đứng sau cứ kiểng chơn nghênh cổ hỏi ! Vua mô ? Vua mô ? người đứng trước nóng quá bức quá, bức mình họ lẫn nhau xô nhau ỷ ạch. Mặt trời lên cao, sảy cần như chết, con nít

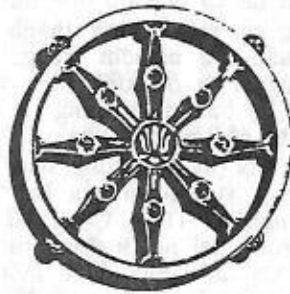
khóc hét lên, mẹ đánh, càng khóc to. Mùi phấn sáp mùi nước hoa, mùi áo xông đủ hạng và các mồ hôi trộn thành một mùi hỗn độn quái lạ. Những bà cụ già, mấy em bé bị ngột đã được đưa ra khỏi cửa.

Công chuyện bộn bề như vậy mà chưa thấy vua mô cả, hai hàng ghế là chỗ bá quan cũng chỉ thấy cả ghế là ghế. Lâu lâu người ta bỏ cho chi ngựa một nắm cỏ tươi, còn gốc đa thì đáng chừng tuyệt thực nên cứ nằm trơ trơ.

Nắng bao nhiêu, nóng bấy nhiêu, người ta lại lẫn nhau xô nhau, lần này có vẻ kịch liệt hơn lần trước.

Hồi trống này là hồi trống thứ ba, người ta đoán chắc vua quan lâm triều. Họ bớt chen nhau, nín thở để lại kiểng chân nghênh cổ mà nhìn cho rõ. Thì thấy một vị lão thần áo mào chính tề ra tuyên chiếu chỉ của vua :

"Thừa thiên hưng vận Hoàng đế chiếu rằng : Trẫm rất buồn khi thấy dân chúng trong nước bỏ làm lung, bỏ buôn bán rù nhau lũ lượt đi xem một chuyện vô lý như hôm nay. Còn chi làm cho trẫm đau



lòng bằng ngự trị trên một đám dân thiếu suy xét, ưa chuyện lạ và vô lý mà không biết quý đạo đức ! thử hỏi con ngựa là loài súc vật, gốc đa là vật vô tri không lẽ bắt nó mà giam ư ? Đi coi một chuyện vô lý như vậy mà bỏ cả công ăn việc làm. Còn đạo đức là nền tảng tối cần, giúp ích thực tế cho tự thân gia đình và xã hội thì lại ít người tha thiết cầu nghe.

Than ôi ! Nhân loại mà thiếu đạo đức thì có khác chi một đàn thú dữ ở chốn rừng hoang...

Trẫm trị vì thiên hạ, chẳng những lo cho toàn dân no ấm, mà còn có bốn phận đem đạo đức gico rắc vào lòng dân chúng, đó là một cách để cung cố, xây dựng hạnh phúc cho toàn dân.

Hôm nay sở dĩ có câu chuyện này là trẫm muốn có dịp để tìm hiểu ý dân thêm. Khi trẫm được biết lòng dân chưa mến đạo thì trẫm phải bố túc vào cái khuyết điểm tối cần ấy. Vậy nay mai đây

trẫm sẽ mở những buổi thuyết pháp những lớp dạy đạo đức, trẫm rất mong toàn dân hãy sốt sắng hưởng ứng đồng đảo cũng như đi xem vụ xử án con ngựa và gốc đa này vậy.

Từ sáng đến giờ trẫm đã làm phiền dân chúng nhiều. Thôi cho về kéo nạng".

Thế là người ta ùn ùn kéo nhau ra như đê vỡ, họ lại lẫn nhau xô nhau, khi chen ra cửa thành, mấy bác lính thỉnh thoảng dặn với một câu : "lần sau nhớ đừng đi xem những chuyện vô lý nữa nghe", làm mấy cô con gái thẹn đỏ mặt. Chỉ có hai anh Hiền Sĩ và Hiền Nhi cỡi 2 con lừa và thêm nhiều lụa, vàng, của vua ban, là mặt mày hân hoan.

Cũng giờ phút ấy tại điện Giác Hoàng trên pháp tòa cao vòi vọi là chỗ Giảng sư thuyết pháp. Đối trước pháp tòa là một đỉnh đồng lớn người ta xông bằng thứ gỗ chiên đàn khói trầm quyện lên từng đợt trước khi tòa hương khắp điện, những cặp chậu sứ song song cắm nhiều thứ hoa tươi thơm quí, chính giữa điện là một hồ sen xây chìm, kiểu lục giác trên thành hồ lát toàn đá cẩm thạch nước trong như pha lê có hàng trăm đóa hoa sen toàn màu trắng như tuyết...

Đức vua và tất cả đỉnh thần cùng một nhóm Phật tử thuần thành ngồi dưới chiếu thấp, chấp tay kính cẩn hướng lên Pháp tòa. Pháp sư Minh Đức nhấp chút nước thơm giọng ngài giảng tiếp... "hỡi Phật tử ! "đây là điều giác ngộ thứ ba của các đức Phật và các bậc Thánh nhân : Phải hiểu rõ nguồn gốc của tội ác chính do lòng tham dục gây nên, vì vậy người Phật tử phải học hỏi để đủ trí tuệ mà quan sát. Khi biết được thân tâm cảnh vật đều vô thường biến dịch như huyễn, thì mới ngự trị lòng tham dục được, và muốn ngự trị lòng tham dục thì phải quán pháp tri túc, phải nguyên trừ tham dục, tu hạnh bố thí và kiên chí giữ đạo thanh bạch"...

Tiếng Pháp sư sang sảng đập mạnh vào tâm khảm mọi người.

Những chuỗi mã thiềm (1) treo trên mấy cành cổ thụ thỉnh thoảng có cơn gió nhẹ làm rung rinh xen lẫn với tiếng Thuyền vô cùng linh động. Làm cho những ai ngồi trong hội giảng tâm hồn phiêu phiêu thanh thoát như đương ở cảnh giới Tây phương Cực Lạc vậy.

(1) Mã thiềm : người ta chuốt các thứ : vàng, ngọc, pha lê, thủy tinh thành hình móng ngựa buộc khít vào nhau treo trước thềm, mỗi khi va chạm vào nhau tiếng kêu rất hay.

DIE LEHRE BUDDHAS

BUKKYO DENTO KYOKAI
gesellschaft der buddhist.förderer
3-14,4-chome, Shiba
Minato-ku, Tokyo, Japan
Telephone: (03) 455-5851

ERSTE AUFLAGE 1982

Druck
Kosaido Printing Co.,Ltd.
Tokyo, Japan

Buddhas Weisheit ist so unendlich wie der weite Ozean und sein Geist ist von gro em Mitleid erfüllt. Buddhas hat keine Gestalt, aber er offenbart sich auf erhabene Weise und führt uns mit seinem ganzen mitfühlenden Herzen.

Dieses Buch ist kostbar, da es das Wesentliche der Lehren Buddhas enthält, die einst in über fünftausend bänden niedergeschrieben wurden, sich seit mehr als 2500 Jahren bis auf den heutigen Tag erhalten haben und über die Grenzen aller Länder und Rassen der Welt hinaus an uns weitergegeben wurden.

Die in diesem Buch enthaltenen Worten Buddhas offenbaren und erläutern auf wunderbare Weise wirkliche Geschehnisse des menschlichen Lebens und Geistes.

INHALT Buddha

Erstes Kapitel: SHAKYAMUNI BUDDHA

- I. Das Leben des Buddha
- II. Die letzte Lehre des Buddha

Zweites Kapitel: DER UNENDLICHE UND VERKLÄRTE BUDDHA

- I. Sein Mitgefühl und Sein Gelübde
- II. Buddhas Hilfe, Seine Mittel und Wege der Erlösung
- III. Der unendliche Buddha

Drittes Kapitel: DIE GESTALT VON BUDDHA UND SEINE TUGENDEN

- I. Drei Wesenszüge von Buddha
- II. Die Erscheinung Buddha
- III. Buddhas Tugend

Dharma

Erstes Kapitel: DIE WIRKUNGEN DER URSACHEN

- I. Die vierfache Edle Wahrheit
- II. Die Wirkungen der Ursachen
- III. Die Kette der Verursachungen

Zweites Kapitel: DAS REIN GEISTIGE UND DIE WIRKLICHKEIT ALLER DINGE

- I. Unbeständigkeit und Ichlosigkeit
- II. Die Tatsache des "Rein Geistigen"
- III. Der wirkliche Stand der Dinge
- IV. Der Weg der Mitte

Drittes Kapitel: DAS WESEN BUDDHAS

- I. Das menschliche Geist
- II. Das Wesen Buddhas
- III. Das Buddhawesen und die Selbstlosigkeit

Viertes Kapitel: IRDISCHE LEIDENSCHAFTEN

- I. Die Menschliche Natur
- II. Das Wesen des Menschen
- III. Das Leben des Menschen
- IV. Die Wirklichkeit des menschlichen Leben

Fünftes Kapitel: DIE HILFE, DIE VON BUDDHA ANGEBOTEN WIRD

- I. Die Rettung durch Buddha
- II. Amida Buddhas, Land der Reinheit

Der Weg der Übung

Erstes Kapitel: DER WEG DER LAUTERUNG

- I. Die Läuterung des Geistes
- II. Der Weg des richtigen Verhalten
- III. Die Lehre in alten Fabeln

Zweites Kapitel: DER WEG Z. PRAKT. ERKENNTNIS

- I. Die Suche nach der Wahrheit
- II. Die Wege der Übung
- III. Der Weg des Vertrauens
- IV. Tugendhafte Grundsätze

Die Brüderlichkeit

Erstes Kapitel: PFLICHTEN D. BRÜDERLICHKEIT

- I. Brüder der Hauslosigkeit
- II. Laienanhänger

Zweites Kapitel: PRAKTISCHER WEGWEISER ZUR WAHREN LEBENSWEISE

- I. Das Familiensleben
- II. Das Leben der Frauen
- III. Im dienst

Drittes Kapitel: AUFBAU EINES BUDDHA-LANDES

- I. Die Harmonie der Brüderschaft
- II. Das Buddha-Land
- III. Über diejenigen, die im Buddha Land die Herrlichkeit genießen

Anhang

- I. Kurze Geschichte des Buddhismus
- II. Die Überlieferung der Lehre Buddhas
- III. Die Geschichte des Buches "Die Lehre Buddhas"
- IV. Index zu "Die Lehre Buddhas"
- V. Sanskrit Glossar
- VI. Dhammapada

Buddhistische Gesellschaft zur Förderung und Verbreitung der Schrift "Die Lehre Buddhas".

Zweites Kapitel

DER WEG ZUR PRAKTISCHEN ERKENNTNIS

III. DER WEG DES VERTRAUENS

1. Diejenigen, die in den drei Schätzen, Buddha, Dharma und Samgha Zuflucht suchen, werden die Jünger Buddhas genannt. Die Schüler Buddhas beachten die vier Regeln der Geisteskontrolle; die Gebote, das Vertrauen, das Geben und die Weisheit.

Die Jünger Buddhas haben Vertrauen auf Buddhas Gebote : nicht zu toten, nicht zu stehlen, keinen Ehebruch zu begehen, nicht zu lügen und keinerlei Rauschmittel einzunehmen.

Die Jünger Buddhas haben Vertrauen auf Buddhas vollkommene Weisheit. Sie versuchen, sich von Habgier und Egoismus fernzuhalten und sich im Schenken zu üben. Sie beachten das Gesetz von Ursache und Wirkung, indem sie immer an die Vergänglichkeit des Lebens denken und sich entsprechend der Regel der Weisheit verhalten.

Ein Baum, der sich gen Osten neigt, wird natürlicherweise ostwärts fallen, und so werden diejenigen, welche die Lehre Buddhas vernehmen und ihr ganzes Vertrauen in sie setzen, mit Gewißheit in Buddhas Reinem Lande wiedergeboren werden.

2. Es wurde bereits ganz richtig gesagt, daß jene, die den drei Reichtümern-Buddhas, Dharma und Samgha - vertrauen, die Jünger Buddhas genannt werden. Buddha ist derjenige, der vollkommene Erleuchtung erwarb und das Erworbene dazu benützte, die ganze Menschheit zu befreien und zu segnen. Dharma ist die Wahrheit, der Geist der Erleuchtung und die Lehre, die dies erklärt. Unter Samgha ist die vollkommene Brüderlichkeit der Vertrauenden in den Buddha und Dharma zu verstehen.

Wir sprechen von Erleuchtung, Dharma und Brüderlichkeit, als ob sie drei verschiedene Dinge wären, aber sie sind in Wirklichkeit nur ein und dieselbe Sache. Buddha wird in seinem Dharma offenbart und durch die Brüderlichkeit verwirklicht. Deshalb, vertraut man

dem Dharma und pflegt die Brüderlichkeit, so heißt das, daß man Vertrauen in den Buddha hat. Und hat man Vertrauen in den Buddha, so heißt das, daß man auch dem Dharma vertraut und die Brüderlichkeit pflegt. Deshalb werden die Menschen befreit und erleuchtet, indem sie einfach Vertrauen in den Buddha haben. Buddha ist der Vollkommen Erleuchtete, der jeden liebt, als ob jeder sein einziger Sohn wäre. Deshalb wird jeder Mensch, wenn er Buddha als seinen eigenen Vater betrachtet, sich mit Buddha identifizieren und auf diese Weise zur Erleuchtung gelangen.

Diejenigen, die den Buddha so betrachten, werden durch seine Weisheit unterstützt und durch seine Würde beeinflusst werden.

3. Nichts ist auf der Welt von größerem Nutzen als Buddha zu vertrauen. Allein seinen Namen zu hören, auf diesen zu vertrauen, und sich über ihn zu freuen, wenn auch nur für einen Augenblick, ist lohnenswert.

Deshalb sollte man daran Gefallen finden, die Lehre Buddhas zu vernehmen, unabhängig von der Feuersbrunst, welche die ganze Welt erfüllt. Es wird schwer sein, einem Lehrer zu begegnen, der den Dharma zu erläutern vermag. Es wird noch schwerer sein, einem Buddha zu begegnen. Es wird aber das Schwierigste sein, seiner Lehre Vertrauen entgegenzubringen.

Aber jetzt, da Du dem Buddha begegnet bist, welchen man selten antrifft, und der Dich vernehmen ließ, was kaum zu hören ist, solltest Du Dich daran erfreuen, darauf bauen und Vertrauen in den Buddha haben.

4. Auf der langen Reise des menschlichen Lebens ist das Vertrauen der beste Gefährte, die beste Erfrischung und zugleich das größte Vermögen. Vertrauen ist die Hand, die den Dharma empfängt, die reine Hand, die alle Tugenden empfängt. Vertrauen ist

das Feuer, das all die Unreinheiten der irdischen Leidenschaften verschlingt. die Last von uns nimmt und ist der Führer, der uns auf unserem Wege leitet.

Vertrauen beseitigt Habgier, Furcht und Stolz, es lehrt Höflichkeit und gewinnt Achtung. Es befreit aus der Knechtschaft der Verhältnisse und gibt einem Mut, der Mühsal entgegenzutreten. Vertrauen gibt einem die Kraft, den Versuchungen zu widerstehen und befähigt jeden, glänzende und reine Taten zu vollbringen. Zudem bereichert es den Geist mit Weisheit.

Vertrauen ist die Ermütigung, wenn der Weg lang und mühsam ist, und führt einen zur Erleuchtung. Vertrauen läßt uns fühlen, daß Buddha gegenwärtig ist, und es bringt uns dahin, wo Buddhas Arm uns unterstützt. Vertrauen besänftigt unseren harten und egoistischen Geist und vermittelt uns einen freundlichen Geist sowie einen solchen, der Mitgefühl beinhaltet.

5. Diejenigen, die vertrauen, verfügen über die Weisheit, die Lehre Buddhas in allem, was sie hören, zu erkennen. Sie besitzen die Weisheit, zu sehen, daß alles nur Schein ist, der durch das Gesetz von Ursache und Bedingung entsteht, und sie verfügen über die Gnade des geduldigen Hinnehmens und die Fähigkeit, den Bedingungen friedlich zu entsprechen.

Das Vertrauen verleiht ihnen die Weisheit, die Vergänglichkeit des Lebens zu erkennen, und die Gnade, nicht überrascht oder betrübt zu sein über das, was ihnen zustoßen konnte oder über das Vorübergehen des Lebens selbst, denn sie wissen, daß die Wahrheit des Lebens immer unverändert bleibt, wie sich die Bedingungen und Erscheinungen auch immer verändern mögen.

Das Vertrauen hat drei bedeutsame Aspekte : ein demütiges und nachsichtiges Absehen von der eigenen Person, eine freudige und aufrichtige Achtung gegenüber den Tugenden anderer und eine dankbare Annahme der Erscheinung Buddhas.

Die Menschen sollten diese Aspekte des Vertrauens pflegen : Sie sollten für ihre Fehlritte und Unreinheiten sensibel sein, sich darüber schamen und diese sich eingestehen. Sie sollten sich fleißig in der Anerkennung der guten Charakterzüge und Taten anderer üben und sie um ihretwillen loben. Zudem sollten sie sich ständig wünschen, im Geiste Buddhas zu handeln und zu lieben.

Der Geist des Vertrauens ist der Geist der Aufrichtigkeit. Er ist ein starker Geist, nämlich ein Geist, der aufrichtig froh darüber ist, durch Buddhas Kraft in dessen Reines Land hingeführt zu werden.

Deshalb verleiht Buddha dem Vertrauen eine Kraft, welche die Menschen ins Reine Land führt, die reinigt und sie vor Selbsttäuschung schützt. Selbst wenn sie nur für einen Augenblick Vertrauen haben, sobald sie Buddhas Namen in der ganzen Welt gepriesen hören, werden sie doch in sein Reines Land hingeführt werden.

6. Vertrauen ist nicht etwas, das dem irdischen Geist hinzugefügt wird. Es ist die Offenbarung des Wesens Buddhas im Geiste, weil jemand, der Buddha versteht, selbst ein Buddha ist; jemand, der in Buddha vertraut, ist selbst ein Buddha. Aber es ist schwierig, seine Buddhanatur zu enthüllen und sie dann wieder zu verbergen. Ebenso ist es schwierig, einen reinen Geist zu bewahren in dem ständigen Auf und Ab von Habgier, Zorn und irdischer Leidenschaft. Dennoch befähigt einen das Vertrauen es zu tun.

Im Wald der giftigen Erandabäume sollen nur Erandabäume wachsen, nicht aber der duftende Candana. So ist es ein Wunder, wenn ein Candanabaum in einem Erandawald wächst.

Ebenso bleibt es ein Wunder, daß das Vertrauen auf Buddha in den Herzen der Menschen gedeiht. Deshalb wird dieses Vertrauen "wurzelloses" Vertrauen genannt. Es hat keine Wurzel, durch die es im menschlichen Geist wachsen kann, dagegen verfügt es aber über eine besondere, um so in dem mitfühlenden Geiste Buddhas zu wachsen.

7. Somit ist das Vertrauen fruchtbar und tugendhaft, aber es kann kaum in einem tragen Geist erweckt werden. Es existieren insbesondere fünf Zweifel, die in den Schatten des menschlichen Geistes lauern und danach trachten, das Vertrauen aufzuheben.

Zuerst bestehen Zweifel an der Weisheit Buddhas.

Zweitens existieren Zweifel an der Lehre Buddhas sowie solche an der Person desjenigen, der die Lehre Buddhas auslegt.

Viertens bestehen Zweifel darüber, ob die Wege und Methoden, von denen angenommen wird, daß sie mit dem Edlen Pfade übereinstimmen, verlässlich sind.

Fünftens mag es zudem eine Person geben, die wegen ihres ar-

roganten und ungeduldigen Geistes an der Aufrichtigkeit der anderen zweifelt, welche die Lehre Buddhas verstehen und ihr folgen.

In der Tat gibt es nichts Schrecklicheres als Zweifel. Zweifel entzweit die Menschen und ist ein Gift, welches Freundschaften und erfreuliche Beziehungen auflöst. Er ist ein Dorn, der reizt und verletzt sowie ein Schwert, das tötet.

Die Anfänge des Vertrauens wurden vor langer Zeit durch das Mitleid Buddhas gesetzt. Wenn man darauf baut, sollte man diese Tatsache anerkennen und Buddha für seine Gute sehr dankbar sein.

Man sollte nie vergessen, daß es nicht das eigene Mitleid ist, durch welches das Vertrauen erweckt wurde, sondern es allein Buddhas Barmherzigkeit war, die vor langer Zeit sein reines Licht des Vertrauens in den Geist der Menschen warf und dadurch die Dunkelheit ihrer Unwissenheit aufgelöst hat. Er, der sich des gegenwärtigen Glaubens erfreut, ist in ihr Erbe eingetreten.

Selbst wer ein weltliches Leben lebt, kann im Reinen Lande wiedergeboren werden, weil bei ihm durch Buddhas unermeßliche Barmherzigkeit Vertrauen aufzusteigen beginnt.

Es ist in der Tat schwer, in diese Welt hineingeboren worden zu sein. Es ist schwierig, den Dharma zu hören und noch schwieriger, das Vertrauen zu erwecken. Deshalb sollte jeder alle Anstrengungen unternehmen, um die Lehren Buddhas zu vernehmen.

IV. TUGENDHAFTE GRUNDSATZE

1. "Er verachtete mich, er lachte mich aus, er schlug mich". So denkt jeder gewöhnlich, und solange man solche Gedanken pflegt, halt der Zorn an.

Der Zorn wird nie verschwinden, solange Gedanken des Grolls im Geiste gehegt werden, sondern er wird erst dann überwunden sein, wenn die Gedanken des Grolls vergessen worden sind.

Wenn das Dach fehlerhaft gedeckt wurde oder reparaturbedürftig ist, wird der Regen in das Haus sickern. Ebenso tritt die Habgier in den Geist ein, der fehlerhaft geubt oder außer Kontrolle ist.

Faul zu sein, ist ein kurzer Weg in den Tod. Untätige Menschen

sind träge, weise dagegen sind fleißig. Ein Pfeilhersteller versucht, seine Pfeile gerade zu schnitzen. So versucht auch ein weiser Mensch, seinen Geist offen zu halten.

Ein beunruhigter Geist ist immer tätig, springt hin und her und ist schwer zu kontrollieren. Dagegen ist ein ruhiger Geist friedlich. Deshalb ist es weise, den Geist unter Kontrolle zu halten.

Es ist der eigene Geist des Menschen und nicht etwa sein Feind oder Widersacher, der ihn auf die üblen Pfade lockt.

Allein derjenige, der seinen Geist vor Gier, Haß und Verblendung bewahrt, genießt den wirklichen und dauerhaften Frieden.

2. Angenehme Worte zu äußern, ohne sie in die Tat umzusetzen, ist wie eine feine Blume ohne Duft.

Der Duft einer Blume weht nicht gegen den Wind, aber die Ehre eines guten Menschen weht sogar gegen den Wind in die Welt hinein.

Die Nacht scheint für einen schlaflosen Menschen endlos zu dauern wie die Reise für einen müden Reisenden; so verhält es sich auch mit der Zeit des Irrglaubens und Leidens für einen Menschen, der die richtige Lehre nicht kennt.

Auf eine Reise sollte sich ein Mensch mit einem Gefährten begeben, der gleichen Sinnes ist oder eine bessere Gesinnung hat. Dagegen sollte man lieber allein reisen als mit einem törichten Menschen zusammen.

Ein unaufrichtiger und bosser Freund ist mehr zu fürchten als ein wildes Tier: Ein wildes Tier kann den Körper verwunden, aber ein bosser Freund wird den Geist verletzen.

Solange ein Mensch nicht seinen eigenen Geist zu kontrollieren vermag, wie kann er dann zufrieden werden mit solchen Gedanken wie: "Das ist mein Sohn" oder "Das ist mein Schatz"? Ein törichter Mensch leidet an solchen Gedanken. Töricht zu sein und zu erkennen, daß man töricht ist, ist besser, als sich einzubilden, man sei weise.

Ein Löffel kann die Nahrung, die er trägt, nicht schmecken. Ebenso kann ein törichter Mensch die Weisheit eines Weisen nicht verstehen, selbst wenn er sie mit Salbei vermischt.

Frische Milch gerinnt oft langsam; so bringen üble Taten nicht immer unmittelbare Ergebnisse. Übeltaten sind eher wie Feuerkohlen, die in der Asche verborgen liegen und noch weiter

glimmen, um schließlich ein größeres Feuer zu verursachen.

Ein Mensch ist töricht, wenn er das Verlangen nach Vorteilen, Beförderung, Gewinn oder Ehre hegt, denn solche Wünsche können nie Glück bringen, sondern werden stattdessen nur Leiden herbeiführen.

Ein guter Freund, der auf Fehler und Unvollkommenheiten hinweist und Böses tadelt, ist zu achten, als ob er das Geheimnis eines verborgenen Schatzes aufdeckt.

3. Ein Mensch, der erfreut ist, wenn er eine gute Unterweisung erhält, wird friedlich schlafen, weil sein Geist dadurch gereinigt wurde. Ein Zimmermann ist bemüht, sein Gebälk gerade zu bauen; ein Pfeilhersteller versucht, eine Pfeile gut ausbalanciert herzustellen; derjenige, der einen Bewässerungsteich grabt, bemüht sich, das Wasser gleichmäßig fließen zu lassen: So versucht ein weiser Mensch, seinen Geist zu kontrollieren, so daß dieser gleichmäßig und genau arbeiten kann.

Ein großer Felsen wird durch den Wind nicht zerstört: Der Geist eines weisen Menschen wird weder durch Ehre noch durch Verachtung beunruhigt.

Sich selbst zu erobern, ist ein größerer Sieg als Tausende in einer Schlacht gefangenzunehmen.

Einen einzigen Tag zu leben und dabei eine gute Lehre zu hören, ist besser, als hundert Jahre zu leben, ohne solch eine Lehre vernommen zu haben.

Diejenigen, die sich selbst achten, müssen beständig auf der Hut sein, bösen Wünschen nicht nachzugeben. Wenigstens einmal zu ihren Lebzeiten sollten sie Vertrauen entwickeln, entweder in ihrer Jugend, in ihren mittleren Jahren oder im Alter.

Die Welt brennt immer, nämlich mit den Feuern der Gier, des Hasses und der Verblendung: Man sollte vor solchen Gefahren so schnell wie möglich fliehen.

Die Welt ist wie eine Blase, wie ein zartes Spinnengewebe oder wie der Schmutz in einem schmutzigen Topf: Man sollte beständig die Reinheit seines Geistes bewahren.

4. Jegliches Böse zu vermeiden, das Gute zu suchen, den Geist rein zu halten: das ist der Kernpunkt der Lehre Buddhas.

Das Erdulden ist eine der schwierigsten Disziplinen, aber man sagt, daß für denjenigen, der erduldet, der letzte Sieg nahe ist.

Man muß den Haß entfernen, wenn man haßt; man muß Kummer begraben, solange man

mitten im Kummer steckt; man muß Habgier beseitigen, wenn man in Habgier versickert. Um ein reines, selbstloses Leben zu führen, muß man inmitten des Überflusses nur mit sich selbst rechnen.

Gesund zu sein, ist von großem Vorteil; zufrieden zu sein mit dem, was man hat, ist mehr wert als der Besitz großen Reichtums; als verlässlich angesehen zu werden, ist echtes Kennzeichen der Freundlichkeit; Erleuchtung zu erwerben, ist das höchste Glück auf Erden.

Wenn man das Gefühl hat, das Böse zu verabscheuen, und man sich gelassen fühlt sowie Gefallen daran findet, guten Lehren zuzuhören; wenn man alle diese Gefühle besitzt und schätzt, ist man frei von Furcht.

Laß Dich von den Dingen vereinnahmen, die Du magst; behalte nicht Deine Abneigung bei gegenüber Dingen, die Du verabscheust. Kummer, Furcht und Zwang werden von den Neigungen und Abneigungen hervorgerufen.



5. Rost bildet sich auf Eisen und zerstört es: Genauso wächst das Böse im Geiste des Menschen und zerstört ihn.

Eine Schrift, die nicht mit Aufmerksamkeit gelesen wird, wird bald mit Staub bedeckt sein; ein Haus, das nicht wiederhergestellt wird, sobald es reparaturbedürftig ist, wird unansehnlich: Ebenso wird ein träger Mensch bald verachtet werden.

Unreine Taten entehren eine Frau, Geiz entehrt ein Geschenk: So verunreinigen üble Taten nicht nur dieses Leben, sondern auch die folgenden.

Aber die Verunreinigung, welche am meisten gefürchtet werden sollte, ist die durch Unwissenheit. Ein Mensch kann nicht hoffen, seinen Körper oder Geist zu

lautern, bevor nicht die Unwissenheit beseitigt ist.

Es ist leicht, in Schamlosigkeit zu geraten, wie eine Kuh vorlaut und unerschrocken zu sein, sowie andere zu verletzen, ohne dabei irgendein Gefühl des Bedauerns für solche Tat zu hegen.

Es ist in der Tat schwer, bescheiden zu sein, Achtung und Ehre zu kennen, alle negativen Neigungen loszuwerden, sowie sich in Gedanken und Taten reinzuhalten und weise zu werden.

Es ist leicht, auf die Fehler der anderen hinzuweisen, während es dagegen schwer ist, seine eigenen Fehler einzugestehen. Ein Mensch verbreitet die Übeltaten anderer ohne nachzudenken, aber er verbirgt seine eigenen, so wie ein Spieler seinen extra Würfel verbirgt.

Der Himmel hinterläßt keine Spur von einem Vogel, von Rauch oder Sturm. Eine unheilvolle Lehre bringt keine Erleuchtung. Nichts auf dieser Welt ist beständig. Ein erleuchteter Geist ist stets ungetrübt.

6. So wie ein Ritter sein Schloßtor hütet, muß man seinen eigenen Geist vor äußeren und inneren Gefahren beschützen. Man darf ihn nicht für einen Augenblick außer acht lassen.

Man ist der Herr über sich selbst und die Oase, von der man gespeist werden kann. Deshalb sollte man vor allem sich selbst kontrollieren.

Der erste Schritt zur geistigen Freiheit von den irdischen Ketten und Fesseln ist der, seinen Geist unter Kontrolle zu bringen, eitles Gerede zu beenden und nachdenklich zu werden.

Die Sonne erhellt den Tag, der Mond macht die Nacht schon. Disziplin vergrößert die Würde eines Soldaten: So kennzeichnet die ruhige Meditation den nach Erleuchtung Suchenden.

Derjenige, der seine fünf Sinne (Augen, Ohren, Nase, Zunge und Körper) nicht überwachen kann, und durch seine Umgebung in Versuchung gerät, ist nicht derjenige, der für die Erleuchtung üben kann.

7. Derjenige, der durch seine Neigungen und Abneigungen beeinflusst wird, kann die Bedeutung der Umstände nicht richtig verstehen und neigt stets dazu, von ihnen überwältigt zu werden. Derjenige, der frei von Bindungen ist, versteht die Umstände richtig, und für ihn werden alle Dinge neu und bedeutsam.

DAS LEBEN EINES BUDDHISTISCHEN MÖNCHES

Das Glück folgt dem Kummer, der Kummer folgt dem Glück. Aber wenn man nicht länger zwischen Glück und Kummer, einer guten und einer schlechten Tat unterscheidet, kann man Freiheit verwirklichen.

Sich im voraus Sorgen zu machen oder für Vergangenes Bedauern zu hegen, ist ähnlich den Grashalmen, die geschnitten werden und dahinwelken.

Das Geheimnis der Gesundheit, sowohl für den Geist wie für den Körper, besteht nicht darin, der Vergangenheit nachzutruern, oder sich um die Zukunft zu sorgen, oder kommende Schwierigkeiten vorwegzunehmen, sondern darin, in jedem Augenblick weise und aufrecht zu leben.

Bleib nicht in der Vergangenheit stecken, träume nicht von der Zukunft, sondern konzentriere Deinen Geist auf den jetzigen Augenblick.

Es ist ehrenwert, die augenblickliche Pflicht gut und makellos auszuführen; versuche nicht, sie zu meiden oder auf morgen zu verschieben. Wenn man im Jetzt handelt, kann man einen guten Tag verbringen.

Weisheit ist der beste Führer, und Vertrauen ist der beste Gefährte. Man muß versuchen, der Dunkelheit der Unwissenheit und des Leidens zu entkommen und das Licht der Erleuchtung zu suchen.

Wenn Leib und Seele eines Menschen unter Kontrolle stehen, sollte er es durch tugendhafte Taten offenbaren. Dies ist eine tugendhafte Pflicht. Das Vertrauen wird dann sein Reichtum sein, Aufrichtigkeit wird seinem Leben einen süßen Geschmack geben, und es wird seine ehrenhafte Aufgabe sein, Tugenden zu vermehren.

Auf der Reise des Lebens ist das Vertrauen die Nahrung, tugendhafte Taten sind ein Zufluchtsort, Weisheit ist das Licht am Tag, und richtige Achtsamkeit ist der Schutz bei Nacht. Wenn ein Mensch ein heilsames Leben lebt, kann ihn nichts zerstören; hat er die Habgier besiegt, kann nichts seine Freiheit begrenzen.

Man sollte sich seiner Familie zuliebe vergessen. Man sollte seine Familie um seines Dorfes willen vergessen. Man sollte sein Dorf um der Nation willen vergessen. Und man sollte alles vergessen um der Erleuchtung willen.

Alles ist veränderlich. Alles kommt und geht. Es gibt keinen seligen Frieden, bis daß man den Kampf um Leben und Tod überwunden hat.

(Fortsetzung folgt)

Von
Ehrw. Thích Bảo Lạc
Ehrw. Thích Như Điển
Deutsche Übersetzung von
Nguyễn Ngọc Tuấn und Nguyễn Thị Thu Cúc

(Fortsetzung)

Im folgenden erwähne ich zwei wichtige Punkte über die Freude, die ich mit ihnen während der Meditationskurse I und II teilte.

Zunächst ist die Zeitbestimmung während jeder Versammlung in dieser Pagode zu nennen. Sicherlich haben Sie das Gefühl, daß hier die Zeit schneller läuft, nicht wahr? - Und warum? Sehen Sie, durch die logisch richtige und zweckmäßige Zeiteinteilung bleibt uns kein Moment übrig, in dem wir uns langweilen oder die Zeit überflüssig finden. Außerdem möchte ich Sie bitten, die untenstehenden 5 Regeln einzuhalten:

1. Der Meditationsschüler meidet jedes Töten; er öffnet das Herz der Liebe und Barmherzigkeit weit und respektiert das Leben jedes Wesens.
2. Der Meditationsschüler unterdrückt jede Begierde und greift nicht nach Dingen, die anderen gehören.
3. Der Meditationsschüler pflegt die Reinheit des Körpers und des Geistes. Er schnt sich nicht nach Unsittlichkeit.
4. Der Meditationsschüler äußert sich in Eintracht, Ehrlichkeit und im Vertrauen allen Mitmenschen gegenüber.
5. Der Meditationsschüler lebt bescheiden und meidet jeden Alkoholgenuß als schadbringenden Störfaktor für seine Geistesammlung.

Innerhalb jeder Organisation, ob groß oder klein, gibt es ein Mindestmaß an Disziplin und Ordnungsvorschriften, das vorhanden sein muß, wenn sich diese Organisation entwickeln will. Die Zusammenfassung dieser Regeln konnte bei einer kleinen Organisation oder einem Verein ein Vertrag oder eine Satzung sein, bei größeren Gesellschaften werden sie Verfassung genannt.

Aus persönlicher Erfahrung kann ich Ihnen sagen, daß sie allein durch das strenge Einhalten dieser

5 Regeln ein wahres Leben führen werden und somit einen Teil der grundlegenden Prinzipien eines erfahrenen Buddhisten einhalten.

Einige von ihnen erzählten mir von ihren Erfahrungen mit der Nützlichkeit der 5 Gebote für sich selbst und für das Gemeinschaftsleben. Wenn ein Mitglied sich verbessert, kann die Familie dadurch glücklich werden. Das Glück breitet sich aus, und es wird weniger Neid, Haß, Mißachtung von privatem Eigentum und weniger Gesetzesverletzungen geben.

Es ist wahr, daß wir in einer komplizierten Gesellschaft leben, die mit Sünden und Unrecht überfüllt ist. Sie sollen diejenigen sein, die den Glauben der Erlösung über diese unruhige und krankhafte Welt verbreiten müssen. Folgende Verse aus einem Volkslied gebe ich Ihnen zu bedenken:

*Nhứt nhơn tác phước, thiên
nhơn hưởng
Độc thọ hoa khai, vạn thọ
hưởng*

d.h.:

Ein einziger Wohltater macht
Tausende glücklich

Ein Baum blüht, tausend andere
duften.

Ein anderes Beispiel:

*Người trồng cây hạnh người
chơi
Ta trồng cây phước để đời
mai sau*

d.h.:

Wer den Aprikosenbaum pflanzt,
genießt die Früchte

Wir pflanzen den Glücksbaum für
das Wohlergehen nachkommender
Generationen.

Der Aprikosenbaum ist nur eine gewöhnliche Pflanze mit begrenzter Lebensdauer. Der Glücksbaum ist eine außergewöhnliche Pflanze ohne Form und Gestalt. Aber er hat die Eigenschaft, das Wohlerge-

hen leidender Menschen zu fordern. Je größer seine Krone, desto breiter sein Schatten, der für die Armseligen mehrerer Generationen für eine vitale Frische und wohltuende Kühle sorgt. Wir beginnen mit der Pflege des Glücksbaumes. Wir dürfen nicht erwarten, daß anderen uns Hilfe leisten. Als Arbeitsmittel haben wir unseren eigenen, festen Glauben, der uns - unabnähig von jeder Situation - zu einem guten Ergebnis führen wird.

Ich komme zurück zu den 5 Regeln :

1. Meide jedes Töten

Da wir selbst am Leben hängen, dürfen wir nicht das Leben anderer vernichten, denn auch sie fürchten sich vor dem Tod. Haben Sie jemals beobachtet, daß Haustiere, wie z.B. Schweine und Büffel ähnen, daß man sie an den Schlachter verkauft, und dies durch Unruhe und Appetitlosigkeit demonstrieren ? Sogar Vogelmutter schreien schrecklich jammernd und bringen dadurch ihr Leid und ihren Schmerz zum Ausdruck, wenn ihre Kinder gefangen werden. Wir meiden jedes Töten, um uns und andere nicht zu gefährden. Ich erzähle Ihnen eine Geschichte, so gut ich sie erinnere, damit Sie Gelegenheit haben, über das Thema nachzudenken :

"Es geschah während einer Studienreise der Teilnehmer des "Pháp Báo Meditationskurses I" im November 1982 in dem Wat Buddha Dhamma Tempel des Maha Khantipalo in Wisemans Ferry, 100 km von Sydney entfernt. Es war Mittagszeit. Im Speiseraum der Pagode hatten die Gäste gerade gegessen. Alle warteten auf die Nachmittagspredigt des Abtes, der ein dreijähriges Kind beim Spielen beobachtete. Plötzlich flog eine Fliege über dem Kopf des Kindes, das automatisch und schnell mit einem Handstreich das Ungeziefer tötete.

- Warum tust du das ? fragte der Maha.

- Weil sie mir weh tut, antwortete das Kind.

Was meinst du, fragte der Maha, wenn du irgendwann mal in den Wald gehst und plötzlich kommt ein Tiger, greift dich an und zerfleischt dich ? Findest du das richtig? Das Kind blieb still".

Das war also die Geschichte von dem Kind und der Fliege. Nun wollen wir uns Gedanken darüber machen.

In unserem gewohnten Lebensraum wenden die Stärken ihre Kraft an, um die schwächeren Mitmenschen zu unterdrücken. Wenn wir mal aus diesem gewohnten Lebensraum hinaus in die Fremde gehen, dann merken wir, wie unsi-

cher wir sind. Stellen wir uns vor, wir betreten das Dorf eines unzivilisierten kleinen Stammes. Wir verlieren sofort jede Selbstkontrolle und verzweifeln, denn wir wissen nicht, was auf uns zukommt. In diesem Augenblick fühlen wir uns schüchtern, schwach und nicht entscheidungsfähig in dieser fremden Umgebung. Obwohl wir die Welt der Menschen noch nicht verlassen haben, haben wir schon solch ein seltsames Gefühl. Was wäre aber, wenn wir uns im Reich wilder fleischfressender Tiere befinden ? Sehen Sie, das Aktivitätsfeld des Menschen, in dem er seine Alleinherrschaft ausübt, ist nur begrenzt. Gleicher Ansicht war auch Pascal, der Mathematiker und Naturforscher des XVII. Jahrhunderts. Die Stellung des Menschen in der Natur dürfte in dem Satz aus seinen "Pensées" enthalten sein :

"L'homme n'est qu'un roseau, le plus faible de la nature, mais c'est un roseau pensant".

kurz :

"Der Mensch ist nur ein schwaches Schilfrohr, aber ein denkendes Schilfrohr", wozu wir bemerken möchten, daß alles, was aus Materie besteht, nämlich der Körper, wertlos und nichtig ist, nur der Geist zählt. Auch die gefährlichsten Tiere, wie Löwen und Tiger, sind Opfer menschlicher Intelligenz, weil sie nicht denken können. Der Buddhist meidet deshalb jedes Töten, um das Leben vieler anderer Wesen nicht zu gefährden, und damit seine Barmherzigkeit sich grenzenlos ausdehnen kann.

2. Nicht stehlen, nicht nehmen, was uns nicht gehört

Von großen Wertsachen, z.B. Schmuck, bis zu kleinen Dingen, die jemand anderem gehören, dürfen wir nichts nehmen, denn der Besitzer schätzt seine Sachen. Es gibt Leute, die beim Verlust von Wertsachen oder Geld nicht schlafen können. Manche leiden sogar an Appetitlosigkeit.

Ein alter Spruch lehrt :

"*Nhân phi nghĩa bất giao,
Vật phi nghĩa bất thú*".

dh:

Meidet ungerechte Menschen, nehmt kein unrechtes Gut.

Kurz :

Wir müssen uns fernhalten von dem was wir nicht durch Fleiß erwerben.

Ich erinnere mich an meine Studienzeit im Land der Kirschblüten, wo ich mit Bewunderung ein ehrlich-

ches Volk kennengelernt habe. In diesem Land ist es keine Seltenheit, daß die Besitzer ihre verlorenen Sachen per Post oder eigenhändig zurückerhielten, falls ihr Name und ihre Adresse dem Finder bekannt waren. Man sagte mir, daß der Grund hierfür nach dem 2. Weltkrieg zu suchen sei. Dieben, die in der Zeit auf frischer Tat ertappt wurden, wurde eine Hand amputiert. Diese Art der Bestrafung war zwar grausam, hatte aber eine gute Seite. Sie hat ein ganzes Volk zu ehrlichen Menschen erzogen.

3. Der Meditationsschüler sehnt sich nicht nach Unsittlichkeit, damit das Glück seiner und anderer Familien erhalten bleibt.

Buddha ordnete seine Anhänger in Mönche und Laien. Der zweiten Kategorie gehören Anhänger an, die eine Familie gründen und das Glück in der weltlichen Gesellschaft suchen. Für Laienanhänger verordnete Buddha realistische Prinzipien und Verhaltensweisen zur Erhaltung des Friedens und des Vertrauens in der Familie, insbesondere zwischen den Eheleuten. Danach wird Ehebruch als Ursache zur Zerstörung des Glücks genannt. Für die Mönche gibt es das Sutra der 42 Kapitel, wonach sie sich richten müssen.

Hierzu ein Beispiel :

Manche haben aus Angst vor Versuchungen das Geschlechtsteil beschnitten. Später stellt sich heraus, daß damit keine richtige Lösung gefunden wurde; denn Wollust und Begierde erscheinen in den Gedanken des Menschen immer wieder.

Wozu das Abtrennen eines Körpergliedes ? Man braucht nur nicht an seine Leidenschaften zu denken, um sie im Zaum zu halten. Ein Zitat aus dem Sutra der 42 Kapitel macht es deutlich :

*Lòng dục từ ý nghĩ sinh ra
Ý nghĩ từ tướng niệm sinh ra
Ý nghĩ và tướng niệm đều
vãng lãng
(sẽ thấy) sắc phi sắc hành là
phi hành.*

d.h.

Begierde entsteht aus Gestaltung, Gestaltung aus Empfindung.

Wenn Gestaltung und Empfindung leer sind,

Dann ist Form Nicht Form, dann Wahrnehmung Nicht Wahrnehmung.

Diese Worte des Buddha wurden von Maha Kassapa bei der Konzil Versammlung rezitiert.

Begierde ist ein Faktor der Zerstörung des Familienglücks und

des Vertrauens. Sie verursacht zahllose Vernichtungen von Menschenleben. Sie ist konsequent in mehreren Generationen vorzufinden. Als Buddhist muß man sie hemmen, um nicht in Versuchung zu geraten.

4. Nicht lügen; man unterscheidet vier Arten von Lügen :

a) Man sagt die Unwahrheit, d.h. man leugnet ab, was es tatsächlich gibt, und schildert, was es nicht gibt.

b) Einem anderen schöne Versprechungen machen, süße Worte gebrauchen, denn durch Milde erreicht man mehr als durch Härte. Mit Speck fängt man Mäuse, mit Honig fängt man Fliegen. Als Buddhist darf man anderen keinen Honig um den Mund schmieren.

c) Feindseligkeiten zwischen zwei Parteien durch Aufwiegeln, gegenseitiges Ausspielen, Provozieren.

d) üble Nachrede, Verleumdung, Beleidigung, Beschimpfung (mit gemeinen Ausdrücken), andere Leute in Verruf bringen etc... Wir wissen, daß es Menschen gibt, die beim Verlust ihres Gesichts bis zum Selbstmord gehen. Es ist wichtig, daß man immer Wahrheit und Ehrlichkeit respektiert, um sein eigenes Leben, das seiner Familie und das vieler anderer Menschen schöner zu gestalten. Nur so kann jeder dem anderen vertrauen, um gemeinsam das Land und die Nation zu stärken.

Gandhi war der erste Mensch, der behauptete :

"ICH LÜGE NIE".

Der indische Politiker hat wirklich nie gelogen, auch nicht gegenüber seinen Feinden, um dadurch im Vorteil zu sein. Gandhis Wort war die beste Garantie, weitaus besser als jeder Vertrag oder jedes Abkommen. Was er versprochen hatte, wurde wahr. Sein Wort kann man mit dem des Samurai vergleichen, denn um die Ehre des Bushido nicht zu verletzen, blieb der japanische Ritter immer bei der Wahrheit.

Gandhi war der Ansicht, daß Lügner Feiglinge sind. Diese Denkmoral verdankte Gandhi seiner mütterlichen Erziehung. Man erzählte, daß Gandhi einmal in seiner Kindheit, nachdem er von der Schule nach Hause kam, seine Mutter belogen hatte. Enttäuscht verzichtete seine Mutter auf die Mahlzeit und blieb standhaft bei diesem Entschluß. Gandhi fragte nach dem Grund und versuchte mehrmals vergeblich seine Mutter inständig um Verzeihung zu bitten. Erst später, als sie

merkte, daß ihr Sohn tief bereute, sagte sie zu ihm :

"Lieber sche ich dich sterben, als lügen. Jemand der lügt, ist ein Feigling. Es ist eine Schande für mich, einen Lügner zum Sohn zu haben. Ich will nicht mehr leben". Sofort stand der Junge auf, ging zur Kochstelle, nahm ein Stück glühender Kohle und legte es in seine Hand. "Mutter", sagte Gandhi, "ich schwöre dir, bis zu meinem Tod nie mehr die Unwahrheit zu sagen". Manchmal zeigte er seinen Leuten die Hand und sagte : "Ich sehe in diesem Fleck das Gesicht meiner Mutter und weiß, daß sie immer bei mir ist. Sie ist ein Schutzengel für meine Ehre und Ehrlichkeit".

(Aus "Cái dũng của Thánh nhân" - Die Courage der Weisen - von Nguyễn Duy Cận, Seite 110).

e) Jeder Genuß berauschender Getränke ist zu vermeiden, denn wir wissen, daß Alkohol auf Nerven und Körper zerstörend wirkt.

Ein Giftstoff gefährdet Mensch und Tier nur durch direkte Vergiftung, während Alkohol die größte Gefahr und Ursache aller sündhaften Taten ist. Unter seinem Einfluß kann der Trinker sinnlos schwätzen, verfälschte Geschehnisse erzählen, stehlen, die Sittlichkeit verletzen, widerrechtlich handeln und sogar töten. Der betrunkene Fahrer bringt sich selbst und andere in Gefahr. Aus diesem Grunde ist das Gebot "jeder Genuß berauschender Getränke ist zu vermeiden" für jeden Menschen,

für jede Familie und die gesamte Menschheit nützlich.

Da das Halten von Regeln und Vorschriften unbedingt wichtig ist, lehrte Buddha unmittelbar vor dem Parinirvana :

"Nachdem ich dahingegangen bin, oh Ananda, könnte es sein, daß euch der Gedanke kame, die Lehre hat ihren Meister verloren, es gibt keinen Meister mehr. So dürft ihr, oh Ananda, die Sache nicht ansehen. Die Lehre (Dharma) und die Disziplin (Vinaya), die ich euch offenbart und vorgezeichnet habe, die sind euer Geistesführer nach meinem Ende. Wer da die Lehre schaut, der schaut mich, wer mich schaut, der schaut die Lehre. H act sie gut, wie man Juwelen aufbewahrt, gleich da ist sie das Licht für Leute, die im Dunkel wandern, ein teures Geschenk für arme Menschen. Rüstet euch mit Wachsamkeit und muht euch ohne Unterlaß !".

An anderer Stelle erwähnte Buddha : "Sittenreinheit und Ehrlichkeit sind zu beachten. Mönche dürfen keine Magie verwenden. Zum bescheidenen Leben gehören angemessene Bekleidung, Nahrung, Aufenthaltsort und Arznei. Durch ernsthaftes Einhalten der Disziplin wird die Sammlung des Inneren ermöglicht, die zur Wissensklarheit (Bodhi) führt. Letzten Endes ist der Mönch dazu befähigt, die Gemütsregungen : Begierde, übelwollen, Schadenfreude, Trägheit und Zweifel, auszuschalten".

(Fortsetzung folgt)

IMPRESSUM

VIENGIAC

Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhisten
Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik
Deutschland

c/o VIENGIAC Pagode

Eichelkampstr. 35A, D-3000 Hannover 81

Tel.: 0511 - 864638

Herausgeber: Ven THICH NHU DIEN

Redaktion: Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kultur
Zentrum in der BRDeutschland (VIBUS)
VIENGIAC Pagode

Chefredakteur: NGO NGOC DIEP, Dipl. Ing.

Erscheinungsweise: alle zwei Monate

Druck: VIBUS, Hannover

Satz und Layout: VIBUS, Hannover

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.
Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung der
Redaktion erlaubt

BUDDHISTISCHE AKTIVITÄTEN IN DEUTSCHLAND

ULLAMBANA 2533-1989

in Hannover

Das feierliche ULLAMBANA-Fest 2533-1989 wurde von der VIENGIAC-Pagode vom 18. bis 20. August 1989 in Hannover veranstaltet, unter der Bezeugung von Hochehrw. Thich Thien Dinh, Abt der PHAP HOA-Pagode aus Marseille, sowie von Ehrw. Mönche und Nonnen aus der BRDeutschland, Norwegen, Belgien. Auch Ehrw. tibetische und deutsche Mönche und Nonnen haben an dieser Feierlichkeit teilgenommen. An dieser zwei tätigen Veranstaltung, außer der buddhistischen Zeremonien, haben Dr. Bui Hanh Nghi einen Vortrag über die poetischen Werke von dem vietn. Dichter Nguyen Chi Thien und Bruder Ha Dau Dong einen Vortrag über "Das Vertrauen an die Religion" gehalten. Etwa 1500 Buddhisten und Freunde des Hauses haben an diesem ULLAMBANA - Fest teilgenommen.

Andacht

in Frankfurt

Die VBVF-Ortsvereine aus Frankfurt und Wiesbaden haben am 9. Sept. 1989 eine buddh. Andacht für ihre Mitglieder und Freunde deren Vereine veranstaltet. Ehrw. Thich Nhu Dien hat diese feierliche Zeremonie gehalten. Nach der Andacht hat Ehrwürdiger einen Vortrag über "Die 4 gerhrte Stellen", wo Prinz Siddhartha die Erleuchtung erlangt hatte, gehalten. Etwa 70 Laien haben an dieser religiösen Veranstaltung teilgenommen. Anschließend war die Versammlung des Vorstandes dieser Ortsvereine, um ihre Aktivitäten und ihr Vorhaben zu besprechen.

in Münster

Folgend der Einladung des VBVF-Ortsvereins aus Münster kam Ehrw. Nonne Thich Nu Dieu Tam, Abtin der BAOQUANG-Nonnenpagode aus Hamburg, nach Münster, um eine buddh. Andacht zu leiten. Diese fand am 10. Okt. 1989 statt. Nach der Andacht haben die Teilnehmer ein Video-Film über das ULLAMBANA-Fest in Hamburg und über das Leben von Mönche und Nonnen der THUONGHIEU-Zeninstitut aus Vietnam gesehen. Anschließend folgte eine Unterweisung von Ehrw. Nonne über die Sitzmethode vom Zen und die gewöhnliche Pujas vom Buddhismus. Auch an dieser Veranstaltung haben Vertreter vom Caritasverband in Münster, Bruder Ha Dau Dong, Frau Lenz, ein deutsche Buddhistin, Vertreter der vietn. Flüchtlingsgemeinschaft in Münster zahlreiche Mitglieder und Freunde des Ortsvereins teilgenommen.

Zen-Kurs

für deutsche Schüler(innen)

Vom 15. und 28. Sept. 1989 hat die VIENGIAC-Pagode 2 Zen-Kurse für die 10. Klasse einer deutschen Schule aus Hannover und die 12. Klasse aus Oldenburg veranstaltet, unter Leitung vom Ehrw. Thich Nhu Dien, dem Novizen Thien Tin und dem Buddhist Thi Chon Ngo Ngoc Diep. Wie gewöhnlich vernahmen die Teilnehmer zunächst das Herz-Sutra ins vietnamesisch. Danach folgte die Unterweisung über Zen vom Ehrwürdigen, anschließend mit 15 Minuten Zen-Sitzübung. Nach der Sitzung hat Ehrwürdiger über die allgemei-

ne Buddhalehre gehalten, dann folgte die Fragestellung seitens der Teilnehmer. Das vegetarische Mittagessen mit Handhabung von Stäbchen hat allen Spaß gemacht.

Mondfest

Am Vollmond des Monats August (nach dem buddh. Kalender) wurde das sog. jährliche Mitte-Herbst-Fest, oder Laternfest als auch Kinderfest, gefeiert. Diese Feierlichkeit wurde in diesem Jahr in der VIENGIAC -Pagode von dem VIBUS (Vietn. Buddh. Sozio-Kultur Zentrum, dem VBVF-Ortsverein in Hannover und der JUBFA (Jungbuddhisten-Familie) veranstaltet. Diese fand am 16. Sept. 1989 statt. Das Feierprogramm beinhaltete den Drachentanz, musikalische Beiträge von Jugendlichen und anschließend den Laternumzug. Anwesend, außer zahlreichen Eltern und deren Kindern waren auch Ehrw. Thich Nhu Dien, Buddhist Thi Tam Ngo Van Phat, der Vorstandsvorsitzender der VBVF in der BRDeutschland und Buddhist Minh Ton Nguyen Van Phong, VBVF-Ortsvereinsvorsitzender aus Hannover. Besonders war in diesjährigem Mondfest der Drachentanz. Neben dem "Vater"-Drachen tanzte der "Sohn"-Drachen. Der "Sohn"-Drachentanz wurde von Kindern im Alter von 6 bis 8 Jahre vorgeführt.

ATTHANGA-Sila

in Berlin

Sakya Muni Buddha hat die ATTHANGA-Sila für seine Laien erstellt, damit sie das Leben eines Mönches oder einer Nonne kennenlernen und üben zu können. Vom 23 bis 24. Sept. 1989 hat der VBVF-Ortsverein aus Berlin diese Übung durchgeführt, unter Leitung vom Ehrw. Thich Nhu Dien. Es gab 27 Übende, die Mitglieder des VBVF-Ortsvereins, OrtsJUBFA-Gruppenleiter und deren Mitglieder sind.

Andacht

in Fürt

Der VBVF-Ortsverein aus Erlangen-Führt-Nürnberg hat eine buddh. Andacht für ihre Mitglieder und Freunde des Ortsvereins veranstaltet. Diese fand am 1. Okt. 1989 in Fürt statt, unter Leitung vom Ehrw. Thich Nhu Dien. Buddhisten Thi Loc Vo Van Mai und Thi Chon Ngo Ngoc Diep, Mitglieder des LAS (Leiterschuss der JUBFA in der BRDeutschland) haben dem Ehrwürdigen begleitet, um dort an der Andacht teilzunehmen und die OrtsJUBFA-Mitglieder des VBVF - Ortsvereins aus Erlangen-Führt-Nürnberg zu besuchen.

Nach der Andacht und der Unterweisung der Buddhalehre vom Ehrwürdigen hat Buddhist Thi Chon einen Vortrag über "Den Sinn der religiösen und kulturellen

Arbeit" gehalten. Nach dem vegetarischen Mittagessen haben die Buddhisten Thi Loc und Thi Chon mit den JUBFA-Ortsgruppenleitern und deren Mitgliedern aktiviert sowie Meinung und Erfahrung in der Jugendarbeit ausgetauscht.

Aktivität des LAS in Hamburg

In der Entwicklungsphase der JUBFA in der BRDeutschland wirkt der LAS sehr intensiv mit. Wo bereits eine Orts-JUBFA vorhanden ist, kommen die LAS-Mitglieder dorthin zur Ausbildung und zum Erfahrungsaustausch in der Jugendarbeit. Und wo noch keine Orts-JUBFA gibt, kommen auch sie dahin zum Kontaktaufnehmen mit den dortlebenden Jugendlichen. In diesem Sinn kamen die LAS-Mitglieder nach Hamburg am 7. Okt. 1989 in die BAOQUANG-Nonnenpagode. Unter der Bezeugung von Ehrw. Nonne Thich Nu Dieu Tam, Abtin der BAOQUANG-Nonnenpagode, haben die LAS-Mitglieder mit den etwa 37 anwesenden Jugendlichen aktiviert und Erfahrung ausgetauscht, mit der Hoffnung, daß eine Orts-JUBFA in Hamburg bald gegründet werde.

Kulturaustausch

in Göttingen

Am 7. Okt. 1989 kamen die Kulturgruppe der Orts-JUBFA Tamminh aus Hannover nach Göttingen zum Anlaß des 13 jährigen BIHUN-Festes, um dort den Drachentanz und Folklore vorzuführen. Zu diesem Fest kamen mehr als 15.000 Besucher und die Vorführungen ernteten viel Beifall und Zugaben.

Andacht

in Freiburg

Am 7. und 8. Sept. 1989 haben der VBVF-Ortsverein aus Freiburg und Verbindungsausschuß der Buddh. VN-Flüchtlinge aus Karlsruhe eine Andacht für Laien des Buddhismus und Freunde des Hauses veranstaltet. Diese beide Veranstaltungen fanden unter Leitung vom Ehrw. Thich Nhu Dien statt.

in Münster

Jährlich veranstaltet der VBVF-Ortsverein aus Münster eine buddh. Andacht, damit ihre Mitglieder sowie Freunde des Vereins die Buddhalehre vernehmen und praktizieren können. Solche religiösen Veranstaltungen wurden meistens von Ehrw. Mönche oder Nonnen geleitet. Und diese fand am 14. Okt. 1989 unter Leitung vom Ehrw. Thich Nhu Dien statt. Viele Besucher sind zu dieser Veranstaltung gekommen.

VIENGIAC



Buddhalehre für deutsche Schüler(innen) in der VIENGIAC-Pagode

TÌNH HÌNH TY NẠN TẠI HỒNG KÔNG

PHẠM THẠCH HỒNG

1. Dân Số Ty Nạn

Tính đến ngày 17.7.1989, tổng số người vượt biển đến Hongkong là 49.878 người chia ra như sau :

A. Người ty nạn (refugee) 13.812 người

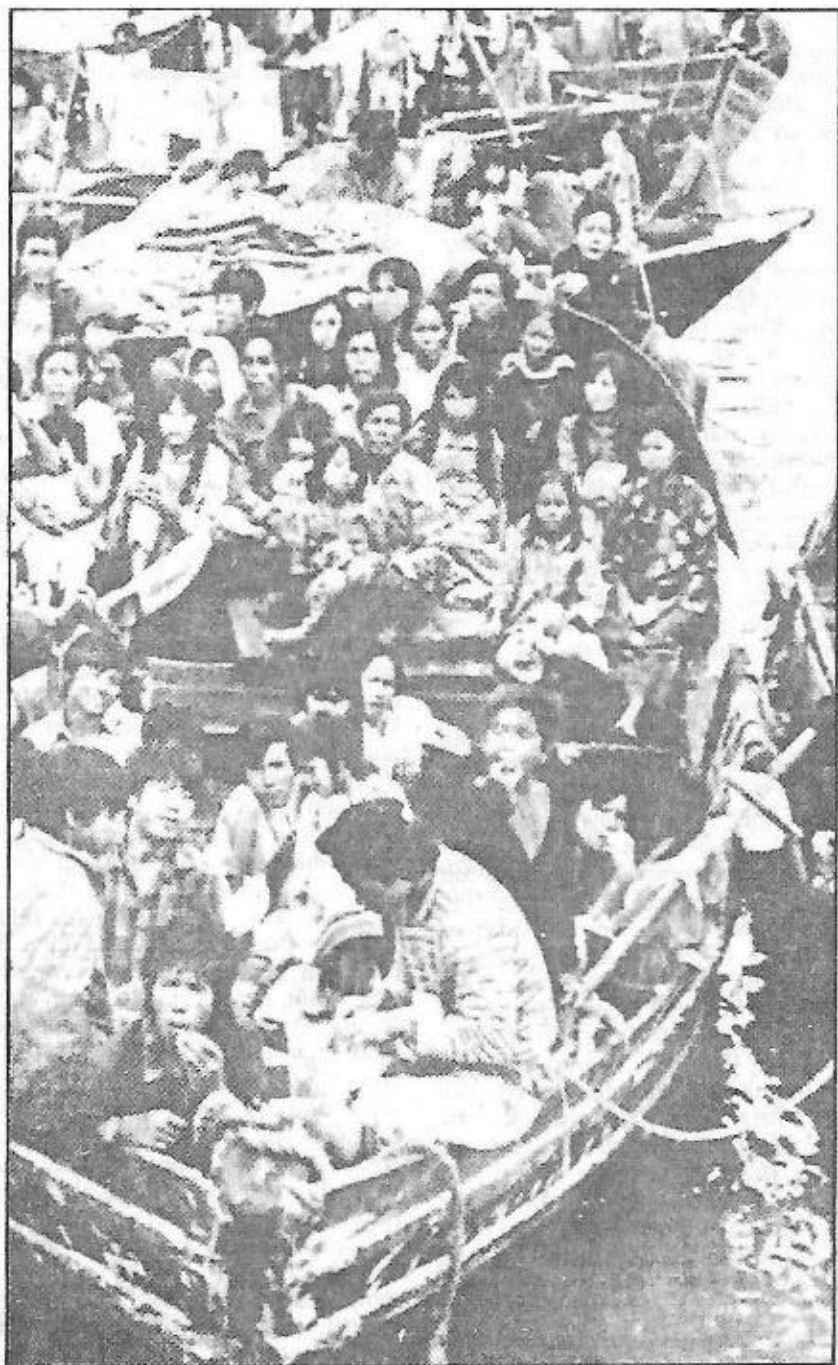
B. Người lánh nạn (asylum seeker) 36.066 người. Không kể vào số này, hiện còn có thêm

C. Được tàu vớt ngoài khơi, sẽ định cư trong vòng 90 ngày 288 người

D. Người Việt gốc Hoa, trước đây chạy sang Hoa lục, sau một thời gian định cư nay đến Hongkong và bị xem là di dân bất hợp pháp, bị giam giữ chờ trao trả về cho chính quyền Trung Cộng, ECVII (Ethnic Chinese Vietnamese Illegal Immigrant) 262 người.

2. Kết Quả Thanh Lọc

Tính đến ngày 15.6.1989 - tức là sau đúng 1 năm áp dụng chính sách phân loại này - tất cả đã có 730 hồ sơ bị thanh lọc, gồm 1713 người kể cả người lớn lẫn trẻ em. Trong số này chỉ có 91 hồ sơ, gồm 186 người được hưởng qui chế ty nạn (tỉ lệ 10,85%). Kết quả này phù hợp với lời "tiên tri" của Geoffrey Barnes, người đứng đầu Cơ Quan Hongkong đưa ra hồi năm ngoái khi Hongkong tuyên bố cho áp dụng chính sách sàng lọc người ty nạn. Ông ta nói rằng người Việt nay chỉ ra đi vì lý do kinh tế là chính, chỉ có chừng 10% là có thể lọt lưới thanh lọc mà thôi ! Tuy nhiên nhìn vào kết quả cụ thể, tỷ lệ này cũng vẫn chỉ là con số giả tạo. Trong số 186 người (kể cả trẻ em và người lớn) được hưởng quy chế ty nạn, đại đa số được chấp thuận theo tiêu



Thuyền nhân VN neo thuyền tại đảo hoang Tàì A Châu

ch chuẩn đoàn tụ gia đình, chỉ có một số rất ít, khoảng 1% là được chấp nhận vì có lý do ra đi để được gọi là người ty nạn chân chính mà thôi.

Sau khi bị Cục Di Dân Hongkong từ chối tư cách ty nạn, thuyền nhân có quyền kháng cáo với sự giúp đỡ của Luật Sư do Cao Ủy Ty Nạn cử đến. Các luật sư này sẽ phỏng vấn những người đã bị từ chối, thu thập các dữ

kiện có lợi cho lời khai, sau đó viết một hồ sơ kháng cáo để gửi lên Ủy Ban Tái Thẩm Tư cách Ty Nạn (Refugee Status Review Board) cứu xét. Tính đến ngày 11.7.1989, 124 người đã kháng cáo Board) cứu xét. Tính đến ngày 11.7.1989, 12 người đã kháng cáo và chỉ có 11 người được ủy ban này chấp thuận đổi lại cho họ hưởng quyền ty nạn. Như thế 113

người còn lại kể như không còn hy vọng gì để thay đổi quyết định của Cục Di Dân Hongkong nữa.

Như đa số tất cả những nhận xét trước đây về quy cách nhân viên Di Trú Hongkong tiến hành thủ tục phân loại người tỵ nạn, hiện nay người Việt tỵ nạn vẫn còn phải chịu đựng một thể thức phỏng vấn (đúng hơn phải gọi là *thăm vấn*) khát khe, độc đoán và đầy thiên kiến. Mặc dù vẫn còn một số cố vấn pháp luật do Cao Ủy Tỵ Nạn cử đến để *giám sát* tiến trình thanh lọc và can thiệp khi cần thiết; mặc dù đã có hứa hẹn từ phía Hongkong rằng phương pháp thanh lọc sẽ cởi mở, công bằng hơn; trong thực tế thì vẫn chẳng có gì thay đổi theo chiều hướng có lợi cho người tỵ nạn cả. Nhất là kể từ sau Hội nghị quốc tế về tỵ nạn ở Geneva tháng 6 vừa qua, khi mà chính sách thanh lọc đã được tán đồng và tất cả các quốc gia Đông Nam Á nay cũng theo bước Hongkong thì hình như Cục Di Dân Hongkong có nhiều động cơ làm việc trong tinh thần *hồi phần khởi* hơn để *phong tước* tỵ nạn kinh tế cho những thuyền nhân Việt.

Thêm một *thực tế* khó khăn khác mà nay người Việt đang gặp là vấn đề *trợ giúp của các luật sư kháng cáo* (appeal counsellor). Trước đây, sau khi bị từ chối người tỵ nạn có 14 ngày để nộp bản thông báo ý định xin kháng cáo (notice to appeal). Sau đó, chờ tiến trình làm của luật sư để chuẩn bị hồ sơ kháng cáo gửi cho chính phủ Hongkong. Thời gian đòi hỏi để hoàn tất hồ sơ này thì được *vô hạn định*. Nay thì khác. Để đẩy nhanh hơn thủ tục thanh lọc Hongkong nay đòi hỏi *trong vòng 28 ngày, kể từ khi nhận được quyết định từ chối đầu tiên của Cục Di Dân*, hồ sơ kháng cáo *phải* được nộp cho Ủy Ban Tái Thẩm cứu xét. Quá thời hạn này mà chưa có, hồ sơ kể như đã chung quyết. Hiện tại, Cao Ủy Tỵ Nạn có 7 *appeal counsellor* lo việc kháng cáo và Ủy Ban Tái Thẩm Hongkong, do ông tòa Francis Blackwell đứng đầu, lại đưa ra *chỉ tiêu* là chỉ trong vòng tháng này sẽ giải quyết xong 757 hồ sơ khác. Vì vậy, để có thể chạy đua với *thời gian* và *chỉ tiêu* đã ấn định bởi Hongkong, hình như các luật sư sẽ phải *chọn lựa* xem trường hợp nào được xem là có *triển vọng thắng kiện* để phỏng vấn và viết hồ sơ kháng cáo. Còn các trường hợp khác thì, hoặc chỉ được luật sư gặp rất nhanh, hoặc được kháng cáo nên về viết 1 bản

tường trình bào chữa cho lý do ra đi của mình và nộp cho Ủy Ban. Nói cách khác, sau khi bị Cục Di Dân Hongkong *thanh lọc*, nay thuyền nhân Việt Nam lại bị *sàng lọc* lần thứ hai. Lần này thì do những người chịu trách nhiệm bảo vệ và biện hộ cho họ. Cho tới nay chưa thấy một tổ chức, cá nhân nào quan tâm đến nhân quyền hoặc luật pháp lên tiếng về vấn đề này, vấn đề liên quan đến quyền căn bản của con người.

Những điều này cho thấy nhận xét của một luật sư Anh trước đây làm việc trong chương trình giám sát thể thức thanh lọc, và nay đã từ chức để phản đối, rằng thực tế mà nói thì sự hiện diện của Cao Ủy Tỵ Nạn chỉ nhằm tô vẽ cho chính sách sàng lọc có bộ mặt hợp pháp chấp nhận được mà thôi.

3. *Chuyện Tự Nguyên Hồi Hương Và Bị Bất Buộc Hồi Hương*

Cho đến nay, mới chỉ có 2 chuyến gồm 143 người xin tự nguyện trở về Việt Nam. Hai chuyến đi này đã được quảng cáo khá kỹ trong sự chờ đợi của khá nhiều người, *không phải là người Việt Nam*. Cao Ủy Tỵ Nạn, cơ quan cổ võ và chịu trách nhiệm vấn đề này thì tỏ ra hy vọng nhiều vào chương trình này, đặc biệt là sau hội nghị tháng 6 vừa qua, khi quyết định chờ thêm 3 tháng - đến tháng 10/1989 - để chờ xem chương trình này có tăng tiến một cách mạnh mẽ hơn không, trong khi Hongkong và Anh quốc lại tỏ ra thất vọng trước con số người Việt xin về chưa được như họ mong muốn. Vì thế, mặc kệ dư luận, ngay sau hội nghị, Anh và Hongkong đã ráo riết thương thảo với nhà cầm quyền tại Hà Nội về chuyện trao trả những người mà họ gọi là *không đủ tiêu chuẩn để được xem là người tỵ nạn chân chính*. Vào ngày 4.7.1989, trong khi đang thăm viếng Hongkong, Ngoại trưởng Anh Geoffrey Howe tuyên bố rằng một thỏa thuận về việc cưỡng bức hồi hương đã được Hà Nội đồng ý, các thủ tục hiện đang được xúc tiến để hy vọng rằng cuối tháng này (7/89) một nhóm người Việt đầu tiên bị trả về Việt Nam. Và để chứng minh cho lời tuyên bố này, hai hôm sau, thứ Năm 6.7.1989, một nhóm khoảng hơn 30 thuyền nhân tại trại giam Chimawan, những người đã bị hoàn toàn bác bỏ tư cách tỵ nạn, được chuyển trại đến một nơi chưa ai rõ ở đâu. Cơ quan Cải

Huấn Hongkong, giới chức chịu trách nhiệm quản lý trại này, đã mất gần nguyên ngày để đưa họ ra khỏi trại.

Những tin tức hàng ngày về việc mặc cả giữa Luân Đôn, Hongkong và Hà Nội đã làm người Việt trong các trại giam, đặc biệt những người không có mấy hy vọng vào hồ sơ kháng cáo, trở nên bi quan về viễn tượng bị cưỡng bức hồi hương. Vì thế người xin tình nguyện trở về nay đã có phần tăng lên đáng kể so với thời gian tiền hội nghị Geneva về tỵ nạn. Tính đến đầu tháng 7.1989 đã có thêm 236 người nộp đơn xin về. Cao Ủy Tỵ Nạn hiện đang gia tăng mức độ *quảng cáo* cho chương trình hồi hương tự nguyện, đã có nhiều nhân viên phụ trách và thông dịch viên được tuyển dụng đặc biệt cho chương trình này. Hiện chưa ai có thể tiên đoán Hongkong sẽ làm thế nào để thực sự *cưỡng bức* những người bị bác quyền tỵ nạn phải trở về Việt Nam. Liệu họ sẽ bị áp tải bằng nhân viên công lực với tất cả mọi biện pháp an ninh tối đa xuống tàu, lên máy bay để bị tổng xuất về Việt Nam đưa vào tay công an của Hà Nội? Ở Hongkong hiện nay, những giới có liên hệ và quan tâm đến người tỵ nạn đang đặt câu hỏi này và đang chờ đợi để xem một bi kịch mới sắp xảy ra cho những người Việt khốn khổ này. Không biết ở các nơi khác, những người Việt đang an hưởng cuộc sống tự do có trông đợi để chứng kiến hình thức *lưu đày* sắp diễn ra cho anh em, đồng bào mình không? Và có hành động nào đang được chuẩn bị để ngăn chặn thảm cảnh này không?

Trong khi đó, một số người Việt trong trại giam lại chọn cách thức khác để phản đối và tẩy chay biện pháp này. Tối thứ năm 13.7.1989 7 thuyền nhân tại trại Chimawan đã vượt rào *tìm tự do*. Cho đến giờ phút này chưa có tin tức gì mới về những người này. Hy vọng họ đang tận hưởng một khoảng thời gian nào đó để hít thở không khí tự do bên ngoài hàng rào kẽm gai - trước khi dương đầu với những hiểm họa chờ đón họ bên kia bờ đại dương.

4- *Đời Sống*

Về vật chất, tương đối đời sống những người trong các trại tỵ nạn nay đã có vẻ khá hơn trước, không phải vì Cao Ủy Tỵ Nạn hay chính quyền Hongkong giúp đỡ nhiều hơn, nhưng vì nay họ đã được phép ra ngoài làm việc kiếm sống, tối về trại ngủ. Cao Ủy Tỵ

NGƯỜI HÀNH KHÁT

*Tôi xin được làm một kẻ ăn mày
ngửa bàn tay xin quý cô, quý bà, quý bác,
xin các em, xin bạn bè trong và ngoài nước
vài chục quan, năm bảy đô la vài chục mác;
ít hay nhiều, điều đó có hề chi
quan trọng là tấm lòng của bạn.*

*Tiền, xin gởi cho cơ quan từ thiện
để người ta tiếp tục mướn tàu
qua Thái Lan và các vùng lân cận
Cứu vớt đồng bào bơ vơ như bọt bèo
giữa trùng dương khủng khiếp.
Mười người đi, năm bảy người phải chết
nhưng họ vẫn liều, vẫn ra đi
tìm lẽ sống, tìm tự do.
Xin đừng tính toán, đừng quá đắn đo,
Xin hãy để cho tình người sống lại.*

*Anh biết không, chị biết không, em biết không,
Hai mươi quan, tiền một chiếc kẹo con
có thể quyết định sự sống còn
của một người vượt biển !
và năm bảy đô la, số tiền một vé hát
có thể cứu một bà dì, một ông bác,
một người bạn, một trẻ em,
một gia đình đi tìm lẽ sống.*

*Tôi sẽ rất vui nếu chị cho tôi
với sự cảm thông, với một nụ cười
tươi như hoa xuân dưới nắng;
nhưng tôi cũng chỉ buồn giây phút thôi
nếu anh coi thường tôi
và vút tiền cho tôi
như vút cái xương gà cho chó.
Có sao đâu, tình người vô giá
và phải có phân, có bùn
mới có những chùm hoa
thơm ngát mười phương !*

HOÀI VIỆT (Paris)

đã có việc làm nên có thể tự mưu sinh được rồi. Nói thì nói thế, vẫn còn những khó khăn chưa giải quyết xong, tỷ dụ những người già yếu, không có khả năng làm việc hoặc những gia đình đông con với lợi tức thấp kém cũng vẫn cần trợ giúp. Vì thế, trên thực tế, Hongkong vẫn cung cấp cơm ăn cho người tỵ nạn và đôi tiền Cao Ủy.

Trong khi đó thì đời sống những người trong các trại giam vẫn không thay đổi, nghĩa là vẫn ngày có 2 bữa cơm, tuy không tuyệt đối hảo hạng nhưng ăn được, dù có hơi... đói.

Cần chú ý thêm ở đây, về những người bị giam chờ thanh lọc, đời sống những người mới đến sau này (khoảng 3,4 tháng trở lại) hiện rất khó khăn. Chuyện này, có liên quan đến vấn đề *chờ ở*, xin đề cập ở đề mục riêng phần dưới.

Đời sống người lớn ở các trại tỵ nạn có *cải tiến* nhiều, vì nay họ đã được ra khỏi trại hằng ngày, ít nhất cũng bắt đầu có một cuộc sống tạm gọi là *bình thường*. Trong khi đó đời sống của trẻ em ở các trại tỵ nạn lại trở nên tồi tệ hơn. Nói là tồi tệ vì nay cha mẹ, người lớn bận lo mưu sinh, ít có ai chăm sóc hoặc quan tâm đến các em như khi tất cả còn bị nhốt trong các trại cấm. Dù một số lớn các em vẫn được hưởng một chương trình giáo dục tương đối do các cơ quan thiện nguyện phụ trách, vấn đề không kém quan trọng là sự chăm sóc của phụ huynh lại giảm sút trầm trọng. Có lẽ các trẻ em không được *hưởng* gì mấy hơn là cái chính sách giải phóng (liberalisation) trại cấm này. Một số người quan tâm đến trẻ em thì nhận xét rằng, trẻ em ở trại giam được *chăm sóc tương đối* kỹ hơn ở trại tỵ nạn.

Về tinh thần, nhiều diễn biến cho thấy người ở trại tỵ nạn hay trại giam hiện đang phải chịu đựng những căng thẳng, tuy có khác nhau về nguồn gốc nhưng lại tương đồng ở mức độ phải gọi là rất nghiêm trọng. Đó là vấn đề *an ninh*.

Ở các trại tỵ nạn, kể từ khi người tỵ nạn được ra ngoài làm việc, có đồng ra đồng vào, họ trở thành mục tiêu *thăm hỏi thường xuyên và tàn nhẫn* hơn của những thành phần *đầu gấu*, du thủ du thực trong trại. Rất nhiều người đã bị bọn này bắt nộp *thuế* hoặc trảng trợn hơn *lợi* tiền bạc, của cải. Có người còn bị buộc phải ký tên vào những *phiếu rút tiền ngân hàng để trông mục số tiền* và giao sổ băng để chúng tự điền số tiền và lãnh tại ngân hàng. Đồng thời, tình trạng nhậu nhẹt, ẩu đả

sống, tối về trại ngủ. Cao Ủy Tỵ Nạn tuyên bố kể từ ngày 13.6.1989 họ sẽ không chịu trách nhiệm

cung cấp thực phẩm cho người tỵ nạn nữa, lý do vì ngân sách thiếu hụt và nay thì đa số người tỵ nạn

cũng gia tăng. Trong vòng 2 tháng qua, nhiều vụ đâm chém, hoặc do *đầu gấu* trừng phạt những người không chịu khuất phục, hoặc do *đầu gấu tranh ăn, thanh toán lẫn nhau* xảy ra gần như hàng ngày. Nhiều người đành cắn răng cam chịu. Không ngấm tâm chịu đựng sao được khi *đầu gấu* thì hoành hành, có bè đảng sẵn sàng trả thù nếu bị tố cáo mà thể thức luật pháp ở Hongkong thì lại đúng kiểu *văn minh, dân chủ* là phải có nguyên đơn, có nhân chứng và có bằng chứng cụ thể thì mới thụ lý được. Và luật pháp ở đây cũng chỉ tạm thời trừng phạt bằng cách bỏ tù vài năm mà thôi.

Trong khi đó trong các trại giam, *đầu gấu* vốn *đã* có và *vẫn* có nên những vụ *trấn lột, áp bức* cũng không kém phần ghê gớm. Nhất là kể từ khi viễn ảnh bị trao trả gia tăng, hình như *đám đầu gấu* trong các trại giam trở nên hung hãn hơn vì chúng muốn *tranh thủ* làm ăn trước khi hết cơ hội!

Tháng trước, một nhóm vài trăm người ở trại ty nạn Tuen Mun, vì chịu không nổi sự áp bức bóc lột của bọn *đầu gấu*, đã tự động kéo nhau bỏ trại chạy sang trại San Yick xin tá túc. Gần đây, một số đồng bào khác thì lại tự động ra ngoài thuê nhà tự sống, cũng vì lý do chịu không nổi tệ trạng *đầu gấu*. Người ở ngoài trại ty nạn thì còn có phương tiện để chạy đi lánh nạn như vậy, người ở trại giam thì đành chịu chết.

Hôm 13.7.1989 vừa qua, Tòa án Hongkong vừa tuyên án tử hình 5 người Việt liên quan đến vụ đâm chết 1 thuyền nhân khác ở trại cấm Shamshuipo hồi tháng 9 năm ngoái. Trong khi đó thì cũng có một số khác nằm trong các nhà tù Hongkong chờ ra Tòa trả lời về các vụ đâm chém khác.

5. Khủng Hoảng Trại Giam

Đây là danh từ mà chính quyền Hongkong đưa ra để giải thích việc thiếu chỗ ở cho các thuyền nhân Việt Nam. Hồi cuối năm ngoái, Mike Hanson, người phụ trách phối hợp công tác các ty nạn của Hongkong (refugee co-ordinator) đưa ra lời tiên đoán rằng trong vòng mấy tháng đầu năm 1989, Hongkong sẽ phải đương đầu với tình trạng hàng chục ngàn người Việt sẽ đến lánh nạn. Lời tiên đoán này thật không sai. Số người Việt đến Hongkong trong 3 tháng qua đã lên đến con số kỷ lục. Vì vậy, tất cả các trại giam tại đây dùng để giam giữ người mới đến nay không còn chỗ. Tháng 5.1989

để đối phó với tình trạng này, chính phủ Hongkong tuyên bố dùng 1 khu chung cư nay đang bỏ hoang chờ tái thiết (vì quá cũ, hơn 30 năm sử dụng) để giải tỏa số lượng hơn 4.000 người ty nạn tại trại cấm Shamshuipo và dùng trại này biến thành trại giam cho người mới tới. Lập tức, một phong trào phản ứng dữ dội của dân cư tại khu Tsuen Wan - nơi có khu chung cư này - bùng nổ; Liên tiếp nhiều ngày, người Hongkong biểu tình đòi chính phủ bãi bỏ quyết định này. Cuối cùng chính phủ nhượng bộ. Số người ty nạn được nhét vào trại Tuen Mun một nửa, một nửa ở lại khu Shamshuipo, và phần lớn của trại này nay biến thành trại giam. Tiếp tục sau đó, khi số người Việt vẫn tiếp tục kéo đến, Hongkong neo các thuyền ty nạn và giữ người mới đến ngay trên các chiếc thuyền mỏng manh, chật chội của họ. Các thuyền này được giữ ở đảo hoang Tai A Chau, thuộc nhóm đảo Soko ở cực Tây Nam của Hongkong. Trước những phản đối của các cơ quan, tổ chức liên quan đến người ty nạn, nay Hongkong đã cho số lượng hơn 2.000 người này lên bờ sống tạm bợ trong những túp lều, ngay trong những căn nhà bỏ hoang trước đây dùng để nuôi bò, nuôi heo. Mỗi ngày, thực phẩm phát cho những người này là một khẩu phần bánh khô, 4 người một hộp thịt heo, một hộp đậu. Nước uống phải chờ từ trong Hongkong ra không đủ nên mỗi đầu người, cả lớn lẫn bé, chỉ được khoảng 1 lít mỗi ngày!

Một nhóm khác, gần 2.000 người thì bị giam trên những chiếc phà neo cạnh hòn đảo Stonecutter's ngay ngoài khơi Kowloon. Nhóm người này cũng chịu đựng cảnh thiếu thốn - dùng nồi đến vấn đề tắm rửa - y như những đồng bào ở Soko.

Trại tiếp nhận Green Island (nơi để tiếp nhận đầu tiên và làm các thủ tục *kiểm dịch*) với khả năng chứa 750 người thì nay giữ hơn 1.200 người chen chúc trong 4 căn nhà rào kín từ nóc đến sàn. Một khu trại mới được thiết lập đã chiến bằng các lều bạt nhà binh tại 1 căn cứ quân sự ở Shek Kong, ngay trên một sân bay đã chiến của quân đội thì giam giữ hơn 7.000 người.

Một khu trại khác đang được tiến hành xây dựng ở Sai Kung thì cũng bị dân Hongkong biểu tình phản đối. Lý do: khu trại này ở gần hồ chứa nước uống cho toàn thể Hongkong và gần một công viên của họ nên dân Hongkong bảo người ty nạn sẽ làm ô nhiễm hệ thống nước uống và làm hỏng khu vực yên tĩnh để họ giải trí!!!

Ngư dân Hongkong ở quanh khu vực đảo Soko, nơi họ đóng các bè nuôi cá thì kiện chính phủ đòi bồi thường thiệt hại đến 1 triệu rưỡi tiền Hongkong cho cái họ gọi là *thiệt hại vì cái chết do sự ô nhiễm môi sinh gây ra bởi thuyền nhân Việt Nam (!)*.

Tất cả những điều vừa nêu trên đây người ty nạn Việt Nam nay ở trong hoàn cảnh vô cùng khốn đốn, chỉ mới nói đến chỗ ở thôi, chưa kể đến những *phó sản* khác từ khủng hoảng này mà ra. Các giới có quan tâm và thường xuyên theo dõi diễn biến liên quan đến thuyền nhân Việt Nam tại Hongkong thì có nhận xét rằng có lẽ cũng không sai sự thật mấy khi cho rằng chính quyền Hongkong *cố tình gây nên khủng hoảng* này để tạo một chống đối tiêu cực từ dân chúng địa phương và đưa vào đó làm áp lực với cộng đồng quốc tế, đặc biệt là với hội nghị về ty nạn tại Geneva hồi tháng 6 vừa qua. Lời cáo buộc này dựa trên dữ kiện rằng chính phủ Hongkong *đã tiên liệu trước* từ cuối năm ngoái số lượng người Việt đến trong năm nay sẽ vượt mức so với các năm trước nhưng lại không hề có một biện pháp nào để chuẩn bị đối phó.

6. Tam Kết

Theo nhận xét của tất cả những người làm việc thiện nguyện trong các trại giam, tinh thần của đồng bào nay đang bị khủng hoảng đến mức hết sức trầm trọng. Họ đang phải đương đầu với *một ty* nổi khó khăn, khổ nhục: *thanh lọc, từ chối, cưỡng bức hồi hương, chỗ ở chen chúc, miếng ăn, hộp nước thì hạn chế; lại thêm nạn dè đầu còi cổ, bóc lột của những tên du thủ du thực cũng trong hoàn cảnh*. Hậu quả của những mối khủng hoảng này là mọi người hình như đã gần mất cả niềm hy vọng vào tương lai. Từ đó, mọi xáo trộn, mâu thuẫn giữa vợ chồng, con cái, người đồng cảnh ngộ xảy ra hầu như mỗi ngày. Ai nấy cũng như đang sống thoi thóp với sự tuyệt vọng đang từ từ xâm lấn tâm hồn và trí não họ.

Con đường dẫn đến hố thẳm, dọa dầy đang chờ đón những người Việt *chậm chân* này. Những người Việt khác *nhanchân hơn*, hiện đang thơ thối hân hoan ở những nơi khác, liệu có một vài giây phút rảnh rỗi nào đó nhớ và nghĩ đến họ hay không? Và thân hoặc nếu có, thì có bao nhiêu người cố gắng làm một cái gì đó để chia xẻ bớt nỗi xót xa của những đồng bào mình đây?

TRAI TỶ NẠN HỒNG KÔNG

TÌNH HÌNH GIÁO DỤC TRẺ EM TỶ NẠN TẠI HỒNG KÔNG

Báo cáo tài chính của
Nguyễn T. Liệp Tuyết từ
1.10.88 tới 31.7.89

THU

Th.Tọa Thích Tánh Thiết gửi cho các trại HKD 12.270 - Hội NVQG Lausanne gửi cho các trại USD 1.180 (HKD 9.199,28) - Ong Phạm Ngọc Đảnh GBP 91,65 (HKD 1.216,30) - Hội Phụ Lão Lausanne gửi cho trại Hei Ling Châu HKD 2.987 - Cu Nguyễn Đăng Bút gửi cho trại Hei Ling Châu HKD 500 - Chị Phan Uyên Nghi đưa cho trại Hei Ling Châu USD 100 (HKD 750) - Su Part và Ng.T.Lan Anh gửi cho trại Hei Ling Châu USD 100 - Hội Phụ Lão Lausanne gửi cho trại Hei Ling Châu USD 400 - Trần Hùng Minh (Liên Đoàn Hướng Đạo Sào Nam T.B.L.) USD 1.225. Tổng cộng 26.922,58 HKD + USD 1.725).

CHI

Mua băng cassettes thu kinh kệ cho các trại HKD 1.310 - Mua loa cho trại Whitehead HKD 950 - Mua chuông mõ cho trại Erskine HKD 500 - Mua cam cho thuyền nhân ở tại đảo Tai A Châu HKD 900 - Mua cho máy photocopie tài liệu cho người tỵ nạn HKD 210 - Vải nâu may áo tràng cho Phật tử trại Hei Ling Châu HKD 132 - Mũ cho trẻ em các trại giam HKD 5.100 - Cứng đường chửi tăng ni các trại giam (vải, thức ăn và tịnh tài) HKD 2.720 - Giày cho học sinh trại giam Hei Ling Châu HKD 7.212,50 - Mua néroframmes và vật dụng cần thiết phát cho thuyền nhân mới tới HKD 7.800. Tổng cộng HKD 26.834,50. Còn lại HKD 88,08 - USD 1,725 Tổng cộng HKD 26.922,58 - USD 1.725

Chú thích : - Số tiền USD 1.725 sẽ được dùng để mua sách báo cho các trại giam (Detention Centre) ở Hongkong hoặc sẽ được đổi ra tiền Hongkong để mua sắm các vật dụng cho các trại nếu cần.
- Những số tiền nhận được sau ngày 31.7.89 sẽ được báo cáo kỳ tới.

Mục đích của bản tường trình này là để trình bày một số tin tức liên quan đến cách thức tổ chức và điều hành của chương trình giáo dục dành cho trẻ em tỵ nạn Việt Nam trong các trại tại Hongkong, với ước mong từ đó, những người Việt Nam hằng lưu tâm đến vấn đề tỵ nạn nói chung và tình hình Hongkong nói riêng sẽ có những suy nghĩ và hành động thích ứng để giúp đỡ các trẻ Việt tỵ nạn trong trại một cách có hiệu quả và thích hợp hơn.

Chúng tôi sẽ không bàn luận đến những khía cạnh chuyên môn về giáo dục mà chỉ xin nêu lên những điều thực tế hiện đang xảy ra tại đây. Vì vậy, nếu có những thiếu sót hoặc sơ xuất, xin được hiểu rằng đây là vì khuyết điểm từ cá nhân người viết.

1. Tổ Chức

Cơ quan chịu trách nhiệm cao nhất về việc giáo dục dành cho trẻ tỵ nạn tại Hongkong là Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc. Tuy nhiên Cao Ủy Tỵ Nạn chỉ chịu trách nhiệm về trách nhiệm về phương diện tổng quát, trên thực tế, một số các tổ chức thiện nguyện đã được phân công để thực sự điều hành công việc này. Đó là những tổ chức như Quốc Tế Xã Hội Vụ (International Social Services / ISS), Quỹ Cứu Tế Nhi Đồng (Save the Children Fund / SCF), Tổ chức từ thiện Công Giáo Caritas, Tổ chức Hongkong Cứu trợ người tỵ nạn (Hongkong Christian Aid to Refugees/ HKCAR). Khu vực trách nhiệm của các tổ chức này được chia ra như sau :

* **HKCAR** : chịu trách nhiệm giáo dục cho trẻ em tại trại mở Kaitak, trại cắm Shamshuipo. Tổ chức này còn kiêm luôn các chương trình huấn nghệ cho người Việt trong trại tỵ nạn và trại giam.

* **ISS** : chịu trách nhiệm chương trình giáo dục phổ thông (cấp 1 và 2) cho trẻ em và chương trình giáo dục tráng niên cho các trại giam. Tuy nhiên, theo sự phân chia từ trước, ISS vẫn tiếp tục phụ trách chương trình cho trẻ em tại 2 trại cắm San Yick và Pillar Point.

* **SCF** : chịu trách nhiệm tổ chức các trường mẫu giáo (pre-school) và chăm lo sức khỏe ấu nhi (baby health) cho tất cả các trại giam. Đồng thời, cũng do sự phân chia cũ, SCF tiếp tục trông coi việc giáo dục tại trại cắm Tuen Mun và trại giam Hei Ling Chau.

* **CARITAS** : tổ chức này chịu trách nhiệm việc giáo dục tại trại giam Chimawan, kể cả phổ thông và mẫu giáo.

Chịu trách nhiệm tổng quát về chương trình giáo dục là một Điều hợp viên (Educational Co-ordinator) của Cao Ủy Tỵ Nạn. Nhân viên này có trách nhiệm và quyền hạn trên tất cả các tổ chức vừa kể liên quan đến công tác giáo dục. Mỗi tổ chức lại có một Educational Co-ordinator chịu trách nhiệm chung cho tất cả các trại mà họ đã phân công. Tại mỗi trại giam hoặc trại tỵ nạn, lại có 1 nhân viên phụ trách giáo dục thuộc quyền các tổ chức này để trực tiếp điều hành công việc hằng ngày.

Tại mỗi trại giam hoặc trại tỵ nạn, có một Hiệu trưởng (hoặc giáo viên phụ trách tổng quát) là người Việt sống trong trại, và tất cả giáo viên còn lại đều là người Việt đang sống trong trại (ngoại trừ tại một số trường như ở Kaitak, Tuen Mun hoặc SanYick, có một số giáo viên ngoại quốc - hoặc người Hongkong - phụ trách môn đặc biệt, tỷ dụ như Anh văn hoặc khái niệm về Computer).

Nói tóm lại :

- Cao Ủy Tỵ Nạn chịu trách nhiệm việc giáo dục, nhưng lại trả tiền cho một số các cơ quan thiện nguyện để họ tuyển dụng một số nhân viên từ bên ngoài làm nhiệm vụ điều hành (và giảng dạy một số môn nhất định) và đa số những giáo viên là người Việt sống trong

trai để thực sự giảng dạy trẻ em Việt Nam.

2. Quan Niệm Giáo Dục

Theo những nhân viên có trách nhiệm điều hành của Cao Ủy Ty Nạn và các tổ chức thiện nguyện, điều quan tâm lớn nhất của họ là làm thế nào để trẻ Việt, dù sống trong trại tỵ nạn mở hoặc cấm - đang chờ ngày định cư hoặc sống trong trại giam, nơi mà tương lai còn vô cùng bấp bênh, phải được hưởng một nền giáo dục tối thiểu nào đó, như tất cả mọi trẻ em khác trên hành tinh này. Vấn đề còn lại, *nền giáo dục đem đến cho các em dưới hình thức nào và hệ thống nào*, là một chuyện khác.

Vì thế chúng ta sẽ thấy có một số điểm không đồng nhất trong chương trình học, cách thức điều hành cũng như tuyển dụng nhân sự của các tổ chức thiện nguyện khác nhau. Thí dụ :

- Ở *trại mở Kaitak*, nơi tất cả đồng bào Việt, ít nhất đã ở đây từ hơn 7 năm, các em được theo học tại trường Chân Trời Mới (New Horizon School) theo chương trình Hongkong. Tiếng Việt chỉ được dạy như một sinh ngữ phụ.

- Tại trường *Tuen Mun*, các em được học nửa buổi theo chương trình Việt ngữ, nửa buổi còn lại có nhiều giờ Anh văn để giúp các em có khả năng theo học trong tương lai tại quốc gia định cư.

- Tại trường *Hùng Vương* (tên chính thức là Yuen Long ISS School), nhờ công lao của chị An Phương (Ann Cusack, người Úc) là Hiệu trưởng và anh Lê Ba là Hiệu phó, một chương trình hoàn toàn theo tiêu chuẩn Việt Nam, dựa trên căn bản của giáo trình giảng dạy ở miền Nam trước năm 1975, được áp dụng cho các em. (Chị An Phương nay đã ngưng công tác ở Hongkong). Đó là các trường cho trẻ em tại các trại tỵ nạn. Còn ở các trại giam, điều kiện và cách thức làm việc không khác nhau mấy, bởi vì tất cả các giáo viên đều là người sống trong trại, nhân viên điều hành là người bên ngoài. Tại các trường này, giáo trình do các giáo viên và nhân viên phụ trách hợp soạn, dựa theo chương trình của trường Hùng Vương. Tuy nhiên đây cũng lại là một vấn đề khó khăn khác : Trường Hùng Vương, phụ trách giáo dục cho các em ở trại SanYick, là nơi đại đa số học sinh và giáo viên là người di từ miền Nam, do đó các giáo viên và học sinh dễ thích ứng với một chương

trình dựa trên tiêu chuẩn giáo dục của VNCH trước 1975. Trong khi đó, trong tất cả các trại giam 99% là đồng bào ra đi từ miền Bắc, vì thế, quan điểm và phương pháp cũng như giáo trình dường như không phù hợp mấy với những ước lệ, tập quán mà họ đã quen trong xã hội miền Bắc từ mấy chục năm nay.

Hai tổ chức đang phụ trách công việc giáo dục cho trẻ Việt trong hầu hết các trại tại Hongkong hiện nay là ISS và SCF. Ngay trong quan điểm điều hành cũng đã có một số khác biệt. Đáng kể nhất là quan niệm về nhân sự. Trong ISS quan niệm rằng tất cả mọi việc, *từ soạn chương trình đến giảng dạy đều phải do người Việt trong trại chịu trách nhiệm* và nhân viên do ISS dựa đến chỉ giữ nhiệm vụ *hỗ trợ về phương tiện và hành chánh* mà thôi thì SCF lại có quan niệm hơi khác một chút. Tuy vẫn tuyển dụng các giáo viên là người trong trại giam, các nhân viên điều hành tại mỗi trại của SCF lại có trách nhiệm khá tích cực hơn, họ đảm nhiệm luôn vai trò Hiệu trưởng và quyết định nhiều hơn.

Cao Ủy Ty Nạn tỏ vẻ đồng ý với quan niệm làm việc của ISS, vì thế kể từ nay, tại tất cả các trại giam ISS sẽ phụ trách chương trình giáo dục phổ thông và tráng niên, trong khi SCF sẽ chịu trách nhiệm về Mẫu giáo và sức khỏe ấu nhi mà thôi.

3. Phương Tiện Giáo Dục

A. Giáo trình

Như chúng tôi đã trình bày sơ lược ở trên, hiện nay vẫn chưa có một giáo trình thống nhất áp dụng cho trẻ Việt trong các trại tại Hongkong, dù là trại tỵ nạn hay trại giam. Trong thời gian qua, Cao Ủy Ty Nạn đã tỏ vẻ quan tâm tới vấn đề này và vì thế, theo như người Điều Hợp Viên Giáo Dục tuyên bố, đã có nhiều nỗ lực để cố gắng soạn thảo một chương trình giáo dục đồng nhất cho các trại tỵ nạn và các trại giam. Chương trình này sẽ được hợp soạn dựa trên mẫu mực của các giáo trình Tây Phương và giáo trình Việt Nam. Theo đó, chương trình cho trẻ tỵ nạn sẽ thiên về mẫu mực Tây phương hơn vì các em này có triển vọng định cư và do đó cần được chuẩn bị trước, và trẻ em trong các trại giam sẽ theo học chương trình thiên về Việt Nam hơn vì nhiều em có cơ sẽ phải trở về và phải tiếp tục theo học trong một môi trường hoàn toàn Việt Nam.

Hiện, chưa biết đến bao giờ thì Cao Ủy Ty Nạn tại Hongkong mới hoàn tất việc soạn thảo giáo trình thống nhất này. Vì thế, giáo trình giảng dạy vẫn tùy thuộc vào tổ chức phụ trách, nhân viên điều hành và thành phần giáo viên người Việt trong mỗi trại.

B. Tài liệu giáo khoa

Một nhận xét tổng quát về phần tài liệu giáo khoa đang được sử dụng trong các trường học của trẻ Việt tại Hongkong là *hoàn toàn tùy tiện*. Tất cả các trường tại đây, dù cho trẻ ở trại tỵ nạn hay trại giam, đều tùy khả năng tìm hiểu và sưu tầm của mình mà tìm tài liệu giảng dạy. Vì thế, người ta thấy có đủ tất cả mọi loại sách giáo khoa cho chương trình giáo dục phổ thông được dùng ở đây. (Xin chú thích là chúng tôi chỉ đề cập đến sách giáo khoa cho chương trình Việt ngữ và bằng Việt ngữ mà thôi). Đặc biệt trong thời gian qua đã có lời tố cáo rằng *sách giáo khoa của chế độ Cộng sản Hà nội* đã được đưa vào giảng dạy tại các trại giam ở Hongkong. Điều này *Đúng* nhưng không đúng hoàn toàn.

Cao Ủy Ty Nạn Liên Hiệp Quốc, theo quan niệm giáo dục của họ đối với trẻ em tại các trại giam là các em cần phải theo học *một chương trình quen thuộc*, chẳng những cho các em trong việc hấp thụ mà còn quen thuộc cho các giáo viên giảng dạy nữa, nên đã tìm mua một số sách giáo khoa từ Hà nội. Tuy nhiên, được khuyến cáo bởi một số nhân viên thiện nguyện người Việt từ các quốc gia định cư về Hongkong làm việc rằng những khoa có liên quan hoặc có ý tuyên truyền cho chủ nghĩa và chế độ Cộng sản Hà nội sẽ gây nên những cảm phần và chống đối từ phía cộng đồng người Việt trong trại Cao Ủy Ty Nạn đã nhờ những người Việt nam này trong các cơ quan phụ trách việc giáo dục *toàn quyền lựa chọn và quyết định* trước khi cho áp dụng những sách giáo khoa này trong các trại.

Vì thế trong đa số các trại, nếu có nhân viên Việt Nam từ ngoại quốc về, các sách giáo khoa này đều được "kiểm duyệt" và loại bỏ những tài liệu không thích hợp khi đưa vào trại. Chỉ riêng trường hợp đáng tiếc ở trại Chimawan, nhân viên điều hành từ bên ngoài là người ngoại quốc 100%, không có khả năng đọc tiếng Việt, đồng thời cũng không có ý thức được vấn đề, nên đã đưa các sách này mà không kiểm duyệt. Vấn đề này đã được nêu ra trên một số báo chí Việt ngữ ở hải ngoại. Nay thì cơ

quan Caritas, phụ trách giáo dục ở Chimawan đã cho thu hồi toàn bộ các sách giáo khoa này về, chờ xem xét.

Tuy nhiên, điều quan trọng chúng tôi xin nhấn mạnh ở đây là tại những trại khác, sau khi kiểm duyệt, cũng chỉ có những tài liệu giáo khoa và các môn khoa học như Toán, Lý hóa, Vạn vật là các anh chị thiện nguyện cho đem vào sử dụng mà thôi, về những môn Sử địa và Văn, tuyệt đối các anh chị này từ chối không sử dụng sách của Hà nội xuất bản. Ngay cả trong những sách về toán chẳng hạn, các anh chị này còn cẩn thận, loại bỏ những bài hoặc đề mục có

Vượt Biển ở Hoa Kỳ, Nhóm Hoa Niên ở Úc. Các nơi này đã gởi rất nhiều sách vở giáo khoa, báo chí, truyện Việt ngữ để phân phối đến các trại tại Hongkong. Tuy nhiên, về sách giáo khoa để áp dụng cho chương trình Việt ngữ đa số nếu không muốn nói là tất cả đều không hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu.

Lý do chúng tôi nói như thế vì tất cả những sách giáo khoa, nếu được soạn trước 1975, hoặc đã quá cũ (như Quốc Văn Giáo Khoa Thư), hoặc nội dung khá xa lạ cho giáo viên và học sinh trong các trại, là những người sinh trưởng và lớn lên trong xã hội miền Bắc.

vài cá nhân mà đạt được. Nếu chúng ta có được một tổ chức, nhóm người hoặc ủy ban đặc biệt chú tâm đến vấn đề này thì có lẽ sẽ đạt được cách giải quyết một cách cụ thể và hữu ích hơn.

Tại những trường học hiện nay ở Hongkong, do nỗ lực cá nhân của một số anh chị thiện nguyện phụ trách công tác giáo dục, nhưng tài liệu giảng dạy, đặc biệt về Văn và Sử đã được lựa chọn, không trên một tiêu chuẩn *thời gian hoặc địa phương*, nhưng hoàn toàn trên tiêu chuẩn *nội dung* nhằm đem đến cho các em, đặc biệt các em ở lứa tuổi Trung học: một khái niệm về nhân bản, tự do.



liên quan đến vấn đề tuyên truyền của Công sản, chẳng hạn như những bài toán đố trong đó có những đề tài như "ba em bán hạ bao nhiêu lính Mỹ Ngụy" đều bị xé bỏ. Nói thế để tránh những hiểu lầm vì vô tình hoặc cố ý đã áp đặt lên những anh chị thiện nguyện làm công tác giáo dục tại đây trong thời gian qua.

Trong thời gian qua, nhiều nỗ lực yểm trợ từ các tổ chức, nhóm của người Việt Tự Do tại hải ngoại về phương diện tài liệu giáo khoa, sách vở cho các trại Hongkong không phải là nhỏ. Đáng kể nhất là những yểm trợ từ Project Ngọc, Ủy Ban Báo Ngụy, Giúp Người

Trong khi đó, những sách giáo khoa Việt ngữ, nếu được soạn sau 1975, tại các quốc gia định cư như Hoa Kỳ, Úc, Gia Nã Đại thì chỉ áp dụng cho học sinh theo chương trình Việt ngữ là một *sinh ngữ phụ*, vì thế không thể dùng để dạy các trẻ em học chương trình Việt là sinh ngữ chính.

Vì thế rất dễ dàng khi chúng ta đứng từ phía ngoài nhận xét theo điều chúng ta *nghĩ* và nói điều chúng ta *muốn*. Trên thực tế, khi chúng ta phản đối việc sử dụng những sách giáo khoa có xuất xứ từ Hà nội, chúng ta đồng thời phải tìm ra những sách thay thế. Nỗ lực này không thể chỉ do một

Điển hình là các anh chị đã khuyến khích các giáo viên dạy Văn sử dụng tập thơ Nguyễn Chí Thiện, tập thơ Nổi Lửa của nhóm Tao Đàn Sông Hàn chẳng hạn, hay những truyện ngắn của các nhà văn như Thế Giang, Tường Năng Tiến làm tài liệu giảng dạy. Những nỗ lực này, hoàn toàn trong im lặng, sự im lặng của những người trẻ ý thức được công việc mình đang làm.

C. Nhân sự

Trước hết, nói về phía bên ngoài. Tất cả các nhân viên của Cao Ủy Tỵ Nạn và các tổ chức thiện

nguyên ở những vị trí then chốt đều là người ngoại quốc. Các nhân viên điều hành tại các trại, một số là người Việt từ các quốc gia định cư trở về, một số là người ngoại quốc, và một số là người Hongkong. Các nhân viên người ngoại quốc, tất cả đều có chuyên môn về phương diện giáo dục, nhân viên Việt Nam thì không hẳn. Vì thế, các quyết định hoặc bàn thảo có tính chất chuyên môn và kế hoạch dài hạn đều thiếu hẳn ý kiến từ phía người Việt. Điều này không tránh được, bởi vì các nhân viên thiện nguyện thường làm việc trong thời gian ngắn, thường tối đa là sáu tháng mà thôi.

Về phía bên trong, tất cả các giáo viên đều là người Việt sống trong trại. Tiêu chuẩn tuyển chọn giáo viên vẫn lý tưởng là người có chuyên môn và kinh nghiệm về giáo dục tại Việt Nam trước kia. Tuy nhiên thực tế không được như vậy. Số đông bảo vượt biển đã có chuyên môn và kinh nghiệm giáo dục không nhiều, vì thế giáo viên giảng dạy đa số là những người có một nghề nghiệp chuyên môn chẳng liên quan gì đến sư phạm cả. Đây cũng là một điều hạn chế và gây không ít khó khăn cho việc có một chương trình giáo dục phổ thông hữu hiệu và đạt kết quả cho trẻ em Việt tại trại. Chưa kể hiện nay, đứng trước những áp lực hết sức căng thẳng như phải qua sự thanh lọc của Hongkong, đồng thời trước nguy cơ bị hăm dọa cưỡng bức hồi hương, tinh thần của những giáo viên này nhiều lúc không đủ "vững" để có thể đặt hết tâm trí vào một công việc đòi hỏi nhiều cố gắng và kinh nghiệm mà họ không có.

Trong thời gian qua, người phụ trách vấn đề giáo dục của Cao Ủy Tỵ Nạn tại Hongkong đã cố gắng tạo một số biện pháp yểm trợ cho hàng ngũ những giáo viên Việt Nam trong các trại qua các hình thức như thảo luận, trao đổi ý kiến chuyên môn giữa một số trại với nhau. Sắp tới đây, cũng theo nhân viên này, sẽ có một số chương trình "huấn luyện" ngắn hạn hoặc "tu nghiệp" đặc biệt cho các giáo viên này. Mới đây Cao Ủy Tỵ Nạn vừa nhờ một nhân viên thiện nguyện từ Pháp sang để làm một điều tra và thu thập ý kiến về tài liệu giáo khoa và tìm hiểu ý kiến của những người Việt trong trại về một giáo trình tương đối đồng nhất và khả dĩ áp dụng được cho các trại giam. Rất tiếc là thời gian làm việc tại đây của chị này cũng quá ngắn, chỉ trong 3 tháng hè này thôi. Mặc dù thế, nhận xét chung là những nỗ lực của Cao Ủy Tỵ Nạn vẫn chưa

được xem là đủ để đáp ứng với tình hình và nhu cầu đặc biệt của các trường tại Hongkong.

Điều lý tưởng là nếu chúng ta có một hoặc nhiều nhân viên cao cấp người Việt Nam có chuyên môn và kinh nghiệm dồi dào về lãnh vực giáo dục làm việc tương đối một thời gian dài hạn ở khu vực này thì hay biết mấy. Nhân viên Việt Nam ở vị trí như thế sẽ có cơ hội và khả năng dự vào việc bàn thảo và hoạch định một chương trình giáo dục thích hợp với hoàn cảnh của các trại Hongkong, đồng thời vẫn bảo đảm được rằng trẻ em Việt tại đây sẽ có cơ hội hấp thụ một chương trình giáo dục giàu tính chất nhân bản và khai phóng. Chỉ có ở vào một vị trí tương đối thì ý kiến mới được chấp thuận, chứ ở vào vị trí thừa hành như đa số các anh chị thiện nguyện hiện nay, chúng ta sẽ hoặc chỉ làm được những việc rất nhỏ có tính cách cục bộ, hoặc dễ trở nên thất vọng vì những điều làm được nằm quá xa với những điều chúng ta thực sự muốn đạt.

4. Đề Nghị

Qua phần trình bày ở trên về hiện tình tại Hongkong trong lĩnh vực giáo dục trẻ em Việt trong các trại, xin có một vài đề nghị như sau :

A. Chúng ta cần nhiều nhân viên thiện nguyện có chuyên môn và kinh nghiệm về giáo dục và sư phạm đến làm việc tại đây. Đặc biệt là những chuyên viên giáo dục để có thể đảm nhiệm những vị trí các cấp, có ảnh hưởng trong việc quyết định chính sách và kế hoạch, và làm việc trong một thời gian tương đối đủ lâu để có thể hoàn tất kế hoạch vạch ra.

B. Chúng ta cần đưa ra được một kế hoạch giáo dục và một giáo trình tương đối chi tiết cho bậc phổ thông (cấp 1 và 2). Giáo trình này phải vừa mang tính chất nhân bản, khai phóng vừa có thể áp dụng một cách dễ dàng đối với những học sinh và giáo viên ra đi từ miền Bắc; nơi mà chính sách giáo dục chỉ thuần túy nhằm đào tạo một lớp người phục vụ cho chế độ, theo một đường lối nặng tính chất tuyên truyền chủ nghĩa. Giáo trình này có thể là một tổng hợp của chương trình giáo dục Việt Nam từ trước 1975 với những quan niệm và phương thức giáo dục mới nhưng vẫn duy trì màu sắc văn hóa Việt không ngoại lai, phi nhân.

C. Chúng ta cần sưu tầm, hiệu đính một số tài liệu giáo khoa đủ

để xử dụng cho chương trình giáo dục phổ thông, ít nhất là hết cấp 2 (lớp 9). Các tài liệu này cần phải thích hợp với trình độ cũng như tập quán của học sinh, tất cả đều đã được sinh ra và lớn lên trong ảnh hưởng của chủ nghĩa Cộng Sản trên quê hương Việt Nam, trong chiều hướng đem đến cho các em một cái nhìn mới, một nếp suy nghĩ mới để hy vọng từ đó, trong ý thức các em, một cuộc sống mới, đầy đủ nhân quyền, tự do không còn là một ý niệm xa vời nữa mà phải là một điều *Có Thể và Phải* đạt được.

D. Các tổ chức của người Việt tại hải ngoại hiện nay, đặc biệt những tổ chức có uy tín trong lãnh vực tỵ nạn nên gia tăng sự quan tâm và chú ý đến vấn đề giáo dục cho trẻ em Việt Nam trong trại. Ngoài những biến động về tinh thần, những khó khăn về vật chất và thể xác mà các em đã và đang chịu đựng, sẽ là một thiệt thòi lớn lao nếu các em không được chăm sóc về việc giáo dục.

5. Kết Luận

Tất cả những trình bày và ý kiến trên đây, không dựa trên kinh nghiệm và chuyên môn giáo dục hoặc sư phạm (điều mà người viết không có), mà chỉ được đúc kết qua những điều được chứng kiến và nhận xét về chương trình giáo dục dành cho trẻ em Việt tỵ nạn tại Hongkong, với ước vọng gởi đến tất cả những ai hàng lưu tâm đến vận mệnh và đời sống của đồng bào Việt Nam trong cuộc sống nhờ nơi xứ người hiện tại. Đây phải được xem là một *mặt trận* chiến đấu, nơi đòi hỏi nhiều nỗ lực của nhiều người, của mọi người để dành lại những bộ óc, những con người nhằm xây dựng một Việt Nam tự do, nhân bản và khai phóng trong tương lai.

Muộn còn hơn, chúng ta không được phép thờ ơ và bỏ mặc các em lâu hơn nữa, nếu không làm được một điều gì đó để có thể đem các em ra khỏi sự tối ám của một nền giáo dục ngu dân, tẩy não mà Cộng sản đã áp đặt từ khi các em sinh ra và lớn lên, chúng ta sẽ không được phép trách cứ và buộc tội ai ngoài chính mình.

Hãy nghĩ đến những trẻ thơ Việt Nam tại đây, những mầm non của tương lai dân tộc trước khi quá trễ.

PHẠM THẠCH HỒNG

CHUYỆN TY NẠN CỦA TÔI

NGUYỄN HỒNG DŨNG

Nếu tôi đến Likak sớm hơn một ngày thì đã không có gì để nói, ngặt nỗi tôi đến sau và chỉ sau chưa đầy 12 tiếng đồng hồ quái ác của cái ngày hai mươi mốt, tháng ba, năm tám chín, hồi 17 giờ, băm mấy phút, mấy mươi giây gì đó.

Không nói bạn cũng quá biết cái ngày ấy nó trọng đại đối với tôi là đường bao, và dĩ nhiên trong bộ não "xám xịt" của tôi lại ghi thêm một mốc ngoặc "tạm nương" xui xẻo ấy phía sau ngày tan thương ba mươi tháng tư năm bảy lăm.

Tôi cứ hận hoài cuối tháng tư đen thì cả dân tộc Việt Nam bị chìm đắm trong lao tù Cộng sản cũng như các đồng minh tự do lại để tang cho người bạn xấu số bởi dịch *Đỏ* hoành hành nốt phần thân thể còn lại của mảnh đất chữ S thân thương, rồi sau đó, không biết bao nhiêu sách vở báo chí, tranh ảnh và thậm chí những huyền thoại Sơn Tinh, Thủy Tinh đời vua Hùng 18 cũng xuất hiện dưới mọi hình thức nhưng tựu chung cũng xoay quanh chủ đề: Bỏ nước ra đi và danh từ "boot-people" đã trở thành hình ảnh của những vị anh hùng, những chiến sĩ của tự do, công lý, của kẻ bất khuất hào hùng, gan dạ, của kẻ mạo hiểm coi cái chết như lông ngỗng, lông công với tất cả nhân loại nói chung và...tôi nói riêng.

Ấy vậy mà đến lượt tôi, thưa các bạn có tức không chứ, cái kiểu hùng bất khuất mà tôi đã bao phen ôm ấp, đã vào tù ra khám, đã bôn ba khắp bờ biển dài gần ba ngàn cây số để tìm thủ tượng nữ thần tự do đứng mé bên nào,

rồi cuối cùng lên dềnh sóng gió với mười mấy ngày đói khát, nếu trời, không thương cho một trận mưa vào những phút chót thì bỏ xác tại tọa độ xy nào đó mà khoảng cách trung bình bằng quãng đường Saigon - Manila chứ có ít ỏi gì đâu. Tôi không nói riêng tôi mà cả nhóm hai mươi sáu mạng cũng chưa chắc đem thân đến được cái hòn đảo Likak, một trong bảy tám ngàn hòn đảo của Cộng Hòa Phi Luật Tân vào cái ngày quái ác "tạm nương" này.

Hàng dừa xanh ngắt phía chân trời là niềm hy vọng và lần đầu tiên trong cuộc đời "sồn sồn" gần bốn chục cái niên kỷ này, tôi chưa bao giờ thấy một hình ảnh nào "tuyệt diệu" tựa như nó. Trời sinh ra cặp mắt của tôi lại trần tục phàm phu như mọi người, cũng rung cảm trước những tác phẩm tuyệt tác thiên nhiên hay những kỳ công của bàn tay nghệ nhân, họa sĩ nào đó, nhưng tuyệt diệu thì tôi chưa cảm nhận. Tôi dùng chữ "tuyệt diệu" ở đây, thưa các bạn, nó có "giá trị kinh tế" trong đó, nghĩa là nó đẹp, nó huyền ảo, thơ mộng, nó vạn năng biến hóa bởi vì "nó" và ước mơ của tôi là một. Do đó, hàng dừa xanh xanh phía kia chính là giấc mơ tự do của tôi, một giấc mơ mà mười bốn năm qua nó ám ảnh, nó quyến rũ, nó song hành trong mỗi hành động, ý nghĩ đi, đứng, nằm ngồi nào.

Ghe chúng tôi khởi hành hôm mừng tám tháng ba, cái tháng bà già đi biển mà, quả là "họa vô đơn chí", bà già thì chả có say mà đến lượt chúng tôi đi biển thì trời lại động. Giông tố đến cấp 6, cấp 7 vào những ngày kế tiếp là một trong những nguyên nhân khiến chúng tôi lọt vào... số bụi đời. Tám ngày hết lương thực, Yanmar đầu bạc cũng kể như chèo khi giọt xăng cuối cùng khô cạn từ ngày thứ chín, và rồi, một cánh buồm lại xuất hiện với những chiếc áo lót, khăn mặt, nylon, thậm chí có những chiếc quần tây mới kít là cơ may duy nhất để đưa đẩy con thuyền tấp vào hòn đảo Likak có hàng dừa xanh mà tôi đã phát hiện từ hai ngày trước đó.

Khi cơ quan ICM đưa tôi vào Barrack để làm thủ tục khai báo sơ khởi thì người ta mới cho tôi biết thân phận hẩm hiu của những người đến sau ngày Hăm một tháng ba. Nếu, lại nếu nữa rồi, chúng tôi đến Singapore, Mã Lai hay Nam Dương thì còn tức có lẽ dịu hơn vì nơi ấy đã áp dụng cái ngày "cut of day" trước đó một tuần, hôm mười bốn tháng ba, lẽ nào mà không có chuyến nào đến

trước tôi sao, khi đó còn tức thuộc về họ nhiều hơn mà.

Với những người như tôi, cái chữ tác PS# gắn liền cái tâm trạng phiền muộn, bất công, ích kỷ khiến nhiều cặp mắt PA# (những người đến trước 21/3) nhìn nhau thương hại, xót xa. Riêng Cao ủy ty nạn lại hơi khác, họ mới vay mượn đầu đó cái danh từ hổ lốn "di dân kinh tế" để tặng riêng cho hầu hết những ai đến muộn với nhiều mục đích ẩn tàng.

Một trong những mục đích mà họ đưa ra là ngăn chặn làn sóng người bỏ nước ra đi mỗi ngày một đồng. Nhưng rồi, họ cũng chả làm nên công trạng gì hơn khi đang sau cái ngày "bế môn" này, những chiếc thuyền đầy áp "boot people" tấp tắp đổ bộ vào đây để nói lên tiếng nói chung cho hành động ra đi không vì đồng của mà là :ty nạn Cộng sản, khiến Cao ủy nhận rõ đích thực cái chủ nghĩa "ưu việt" ở trong nước chỉ là phi nhân, vô thần, độc đoán, lừa bịp và đàn áp. Nhưng cái khó là họ có muốn thấy cái cốt lõi đó không?

Tôi mang số PS# ở hàng đơn vị nghĩa là mười năm, hai mươi năm sau, lịch sử ty nạn Cộng sản chắc chắn sẽ để ý đến những con số khó quên (biết đâu họ lại không tìm tôi trong hai mươi năm sau để phỏng vấn?) Và dĩ nhiên cuộc thanh lọc đầu tiên sẽ là những mẩu đời thoải khá phũ phàng nhưng không kém phần lý kỳ lý thú. Có lẽ nhóm 26 Likak, tôi là người quan tâm đến "tiền đồ thanh lọc" nhiều nhất, vì ngoài những chú bé đơn hành, số còn lại thì ít nhiều đều có thân nhân ở đệ tam quốc gia, còn tôi, chỉ có mỗi một mình tôi là người đầu tiên trong gia đình thoát khỏi nanh vuốt Việt cộng mà cũng là kẻ đầu tiên đặt chân xuống đất Phi kể từ ngày hai mươi mốt tháng ba (Chà, chuyện này phải ghi vào kỷ lục guiness mới được !).

Phái đoàn thanh lọc là những vị luật sư quốc tế được Cao ủy ty nạn Liên hiệp quốc cử đến. Tôi là một trong số người kêu tên đầu tiên, trực tiếp phỏng vấn là một luật sư người Ý đại lợi có khuôn mặt thông minh, cương nghị. Sau những phút thử lửa "sơ yếu lý lịch" thông thường, ông nêu câu hỏi hóc búa ngoài đầu óc "Computer" của tôi dự liệu :

- Ở Việt Nam anh ăn uống thế nào, cơm có dộn ngô, khoai, bắp sắn gì không ?

Chà, khó đấy, bộ óc computer của tôi không chứa những dữ kiện này nên tôi phải vận dụng "đỉnh cao trí tuệ" để phân tích. Nếu trả lời rằng : Có, thì ông ta sẽ cho

THAO THỨC

Bao nhiêu người đã ra đi
Bao nhiêu giọt lệ xanh rỉ trùng dương
Người người lớp lớp lên đường
Quê hương bỏ lại cảm hồn mang theo
Người đi từ những xóm nghèo
Người đi từ những quán hủu phố phường
Nương dâu ruộng lúa mảnh vườn
Niềm đau trong dạ đoạn trường bước đi
Giọt sầu đọng mãi bờ mi
Lệ rơi nào biết nói gì hôm nay
Tôi đi trên mảnh đất này
Hồn còn ru mãi tháng ngày Việt Nam
Quê hương ơi, chiếc nôi vàng
Ngọt dòng sữa mẹ chứa chan ân tình
Bao giờ đất mẹ hồi sinh
Bao giờ có một bình minh huy hoàng
Ta đi trên đống tro tàn
Xuôi dòng lịch sử xóa tan hận thù
Ngày về thao thức tâm tư
Cỏ cây trút lá mấy mùa đợi trông
Niềm vui điệp điệp trùng trùng
Mơ ngày đại thắng Quang Trung thuở nào
Tôi anh cõi áo chiến bào
Ôm nhau giọt lệ tuôn trào ngày mai
Không còn Quốc Cộng chia hai
Chỉ còn một mẹ hình hài Việt Nam
Không còn đất nước tan hoang
Chỉ còn lại một Việt Nam Phú cường
Ta đi thấy lại Thiên đàng
Tự do hoa nở trên đường ta đi

HOÀI KHE

minh là người đi tìm cơm trắng cá tươi, như thế sẽ lọt vào cái bẫy đang giăng, còn trả lời rằng không, thì câu nói của ông ta không ngoài mục đích : cuộc sống như vậy thì có gì đâu, bị đàn áp Cộng sản phải sống trong nghèo khổ, thiếu thốn v.v... cho nên tôi phải tương kế tựu kế tìm cách trả hoãn :

- Thưa ông, tôi sẽ làm một bản báo cáo thật chi tiết nếu ông muốn, vì tôi khó trả lời đầy đủ câu hỏi này trong ít phút tiêu biểu cho chế độ ăn uống của tôi trong suốt mười bốn năm qua.

Ông ta, cau mày có vẻ khó chịu với câu trả lời dè dặt nên bồi tiếp :

- Những đổi mới, cải cách của chính quyền Hà nội cho thấy Việt Nam cởi mở để thực hiện dân chủ, hợp tác kinh tế với các nước phát triển các quyền tự do căn bản của con người, anh nghĩ thế nào mà ra đi trong lúc này ?

- Thấy chú ông, điều này lại càng thúc đẩy chúng tôi ra đi, vì sao ? Vì Liên Xô đổi mới, Đông Âu đổi mới nên Việt Nam phải đổi mới. Cái loại đổi mới "cũ rích" này, dân

tộc chúng tôi không lạ lòng gì khi mà lệnh đổi mới được phát từ điện Cẩm linh. Ông có thể tưởng tượng được rằng, sự lệ thuộc của Việt Nam vào Liên Xô đến từng hơi thở hay không? Đối với Cộng sản họ có thể đổi mới ngàn lần đi nữa thì Cộng sản vẫn là Cộng sản. Dân tộc tôi hiểu Cộng sản bằng tim, óc và thân chúng đọa đày, chính sự ra đi vì cốt lõi Cộng sản đó đây.

Tôi nhìn thẳng vào mắt ông ta, đôi mắt hơi xanh có phần trắng đục của người Âu, sau vài giây suy tư, vị luật sư gật gật cái đầu hơi hỏi ra chiu : tên này lợi hại đây, tôi nghĩ vậy nên thận trọng chứ không dám khinh xuất vì đoán ông ta không có thiện cảm với mình, nhét mép ông hỏi :

- Anh có biết tại Phi Luật Tân đã đóng cửa từ ngày hăm một tháng ba không ?

- Dĩ nhiên là biết, tôi còn chuẩn bị cho sự thanh lọc gay go này nữa kia mà, nhưng thưa ông tôi đoán chắc với ông là không bao giờ chấm dứt sự ra đi của đồng bào chúng tôi sau ngày này bởi vì, Cộng sản và Dân tộc không phải là một, chúng tôi muốn tự do và thế giới tự do cổ tạo như vậy nên họ phải chịu một phần trách nhiệm để giúp đỡ chúng tôi chứ, nếu họ sợ họa Cộng sản.

- Tôi chưa hiểu câu trả lời của anh, làm ơn giải thích rõ hơn một tí câu nói vừa rồi.

- Xin phép được nhắc lại câu : "Thập niên 80 là thập niên suy tàn của chủ nghĩa Cộng sản mà đỉnh cao nhất là tại Việt Nam", tại sao không là Ba Lan, Tiệp Khắc, Cao Miên mà là Việt Nam, câu trả lời đơn giản là Việt Nam chịu quá nhiều hy sinh để bảo vệ tự do cho toàn thế giới. Tôi muốn chứng minh cho ông thấy rằng, thế giới tự do phải mang ơn chúng tôi hơn là dùng ngôn từ áp đặt di dân kinh tế, không quá đáng đâu, tôi xin lập luận cho rõ hơn.

Hiệp định Paris ký năm 73 không những Hoa Kỳ chịu trách nhiệm mà vài chục quốc gia tự do khác cũng đã đặt bút xuống ký thừa nhận để bảo đảm cho công ước ấy, nhưng phía sau hiệp định đó là đáp số của ngày hôm nay, nghĩa là làn sóng người tỵ nạn Cộng sản Việt Nam tràn ngập thế giới đã gởi đến các quốc gia tự do một thông điệp nhân chúng sống động, một bài học vô giá, một chế độ vô thần đã áp đặt trên quê hương tôi và bất cứ nơi đâu có Cộng sản, nơi đó sẽ đau khổ, điêu tàn, chết chóc và ... ra đi.

Sự ra đi của chúng tôi rõ ràng là tỵ nạn Cộng sản, nhưng chính

bước chân của người ty nạn lại là biểu tượng cho lý tưởng tự do, nó xứng đáng được trân trọng ở những nơi nào không muốn có dấu vết Cộng sản lan tràn. **Anh được của Nữ Thần Tự Do ở Niệu Ước chưa đủ sáng cho thế giới noi chung. Chính chúng tôi là những bó đuốc thấp sáng thêm chính nghĩa tự do để thế giới cùng soi,** vì vậy từ sau năm 75, có quốc gia nào đại đột bước theo dấu vết đỏ võ của cái chủ nghĩa không tưởng đó chăng ?

Tôi nói một mạch, rõ ràng, dứt khoát đến câu cuối mà ông ta như còn muốn nghe thêm, cái quạt máy rờ rờ nhỏ xíu không làm cho không khí mát hơn, mồ hôi hơi lấm tẩm trên khuôn mặt thông minh nhưng khó tính. Rút cây bút chỉ trong túi, ông gạch gạch tẩy tẩy vết gì trên tờ form viết đầy những chữ số, đoạn ông ngừng lại, rồi hỏi tiếp :

- Những người ty nạn Cộng sản trước kia nay đã quay sang vấn đề hợp tác, hòa giải, hòa hợp. Như vậy, ít nhiều gì chính quyền Hà nội cũng sẵn sàng hợp lực để tạo cho Việt Nam một xã hội dân chủ, phú cường, anh không thấy sự tiến triển ấy mà phải ra đi ?

Đến phiên tôi giận run lên bởi cái bọn "cà chớn", không làm gì cho dân cho nước lại còn giờ trò hợp tác hợp te, có lẽ đây là một trong những nguyên nhân mà thế giới tự do đã không muốn tiếp nhận những người ty nạn nữa, tôi lấy lại bình tĩnh :

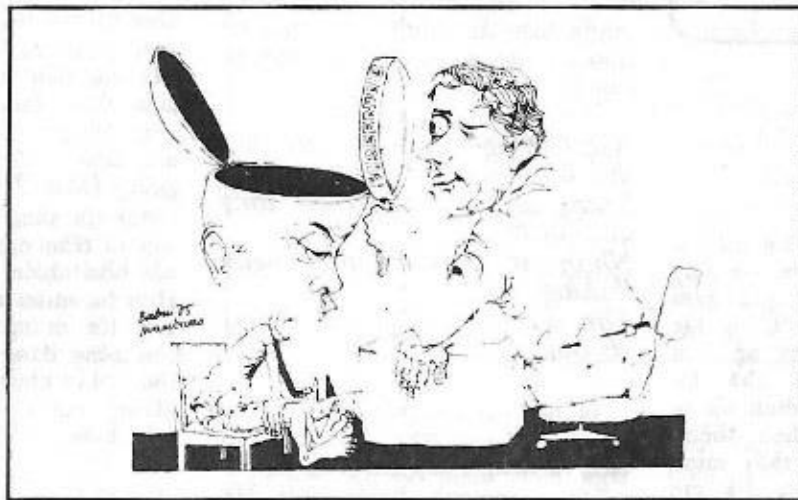
- **Đối với Cộng sản mà nói hòa giải thì quá là ấu trĩ, lịch sử đã chứng minh nhiều lần rằng, hợp tác hay hòa giải với Cộng sản là bị mắc mưu, đưa mũi cho chúng dắt để tiếp tục hại dân hại nước, phá nát dân tộc, từ năm 45, 54 rồi hiệp định đình chiến 73 cùng hòa giải ba thành phần đầy chú, được cái gì hay chỉ là nước mất nhà tan. Tôi không tin được những gì ai đem văn đề hòa giải với Cộng sản ngoài chính bọn có mặt Cộng sản.** Từ năm 45 người ta đã thấy xuất hiện chữ "dân chủ" xuất hiện dưới quốc hiệu của Việt Nam dân chủ cộng hòa tức là Việt cộng mà

thực tế có gì là dân chủ hay toàn là gông cùm, xiềng xích, đàn áp và bịp bợm. **Do đó, nói đến việc hòa giải hòa hợp tôi chỉ thấy lun bại chứ nói gì đến phát triển trừ cái bọn bán nước cầu vinh ngã theo chiêu giô.**

- Anh có yêu tổ quốc của anh lắm không ?

À, lại thêm câu gài bẫy đây, tôi mỉm cười tự tin :

- Ông hỏi câu này hơi thừa, ai mà chả yêu tổ quốc của mình. Nhưng tôi xin nói thêm để ông thông cảm, rằng Việt cộng đã bắt buộc chúng tôi yêu chủ nghĩa xã hội vì không yêu chủ nghĩa ấy tức là không yêu tổ quốc. **Tôi yêu tổ quốc tôi nhưng không tại nào yêu nổi cái chủ nghĩa vô thân đó.** Ông cha tôi, các anh



hùng dân tộc thời trước chắc là những người không yêu nước theo lối lý luận của Việt cộng. Cũng chính điều này mà dân tộc tôi phải ra đi.

- Tôi thấy một số người các anh xin ty nạn một thời gian rồi lại trở về quê hương an toàn, chúng tôi các ông không phải là ty nạn Cộng sản, dưới nhãn quan của chúng tôi, các anh đi tìm một cuộc sống tốt đẹp, khi đây đủ tiền của các anh chẳng dè dặt về lại quê nhà, nơi các anh đã từng khai là đàn áp của Cộng sản để xin được ty nạn chính trị.

Tôi muốn chửi thề một lần nữa cho đỡ cơn tức, tôi thừa nhận ông ta lý luận không sai chút nào, chính cái bọn khốn nạn đó mà danh nghĩa ty nạn lại lấy đến bản thân tôi, đàn cơn tức, tôi tiếp tục trả lời :

- Thưa ông, ông nhận xét rất đúng nhưng chỉ một số phần tư đém không hết trên đầu ngón tay. Người ty nạn Việt Nam cả triệu người thì tránh sao khỏi ba cái tên bá vợ, vô danh tiểu tốt đó. Dù trả lời như vậy nhưng ruột tôi

tức điên người cho cái bọn áo gấm về làng mặt vàng như nghệ.

Nghe xong câu trả lời hàng hai của tôi, ông Luật sư mỉm cười tỏ ra thân thiện rồi nói :

- Nếu anh không đủ diện cứu xét và buộc phải "tự nguyện hồi hương" anh nghĩ thế nào ?

- **Đối với tôi, nếu không còn Việt cộng trên quê hương thì chả phải đợi đến ép buộc trở về, tôi sẽ là người xung phong đầu tiên. Nhưng nếu Cộng sản còn trên tổ quốc tôi thì thà chết tại đất tự do hơn sống chung với lũ vô thân, độc tài, áp bức ...**

Tôi ra khỏi văn phòng cao ủy đúng vào lúc nhạc quốc thiều trở khúc hạ kỳ. Nhìn lá cờ kéo xuống vào lúc hoàng hôn, tôi ái ngại cho thân phận mình đến trễ muộn sau

ngày "cut off" như nỗi buồn của kẻ lữ hành kiệt sức muốn tới đích lại phải dừng trước con sông nước chảy cuồn xiết. Tôi đứng nghiêm nhìn lá quốc kỳ từ từ hạ xuống mà hồn tôi dâng lên cảm xúc ngậm ngùi như cách đây mười mấy năm, tôi đã khóc khi thấy màu cờ hạ xuống giữa nóc dinh Độc Lập uy nghiêm. **Tôi hết giận cái bọn dụ lịch, tôi hết tức mấy tên**

"yên hùng" đội hòa giải hòa hợp mà chỉ thương, đáng thương cho họ hơn vì họ có hiểu gì đâu (hoặc có biết thì cũng phát xuất từ lòng tham lam muốn làm giàu trên mảnh đất rách nát là tôi), họ có sống bao lâu với bọn Việt cộng ở quê nhà, có dọa dẫm, đối khát với cảnh sơn lâm chông khí hay suýt chết ở biển khơi? Hiểu Việt cộng bằng máu và nước mắt, bằng túi nhục dọa dẫm, bằng thân chúng nát năm như tương này chứ cái kiểu lý thuyết suông thì bài vở nào hay họ cho bằng "tư bản luận" của Karl Marx Lenin ?

Gió biển từ trùng dương thổi lồng làm tâm trí tôi dịu mát nhẹ nhàng, nghĩ tới chuyện vừa rồi tôi thấy thương cho thân mình và càng thương cho những người tôi vừa tức khi nãy nhiều hơn, tôi muốn họ nên đến lúc này để biết cái thân phận ty nạn muộn màng.

PALAWAN, PFAC, CEO, PHILIPPIN

CHỨC TƯỚC MỚI

HOÀI VIỆT

Một ngày đầu thu năm tôi lên bốn, cha tôi giận dữ nói với ông chủ Tây mới đến đã quá xem thường người bản xứ: "Cộng tác với bọn mày, chẳng thà về làm ruộng". Rồi hôm sau cha tôi không đi làm nữa. Gia đình tôi từ đấy đã nghèo lại nghèo thêm, nhưng nhờ vậy mà tôi thấy mình đại phước có được một bà mẹ không ngại bán áo trả tiền học cho con.

Cho đến 18 tuổi, tôi sống ở nhà quê và bạn tôi là con cái của các nông dân trong làng, cũng như tôi, thiếu ăn, thiếu mặc.

May mắn hơn đại đa số đồng bào, tôi được đi học, và nhờ vậy lâu lâu tôi cũng được phần thưởng, và về sau khi lập thân cũng được chức này tước nọ. Nhưng cái tước đã làm cho tôi vui sướng nhất, hãnh diện vô cùng, tôi không nhận được ở một trường Đại học hay một viện Hàn Lâm mà ở nhà một người bạn mới quen cách đây không lâu lắm.

Cho đến hôm ấy, lâu lâu tôi lại ngậm ngùi nhớ đến ngày lãnh phần thưởng ở trường làng, năm học lớp nhất. Mặt tôi đỏ lên khi thầy giáo đọc lại cho học trò nghe mấy câu thơ phỏng theo ca dao tôi viết trong bài luận về tình quê:

*"Tình em nhỏ nhỏ như đôi
đò, đưa hành*

*Thôn quê cho đến tỉnh thành
Hương em đem lại chút tình
nước non*

*Cho dù sông cạn đá mòn
Tình em nhỏ nhỏ vẫn còn
như xưa". (1)*

nhìn xuống dưới lớp tôi thấy mẹ tôi cười, nụ cười hiền hòa ấy cho đến nay tôi vẫn còn nhớ rõ.

Kỷ niệm thứ nhì mà tôi vẫn chưa quên là những gì đã xảy ra hôm tôi trình luận án.

Hôm ấy, sau khi ông chủ tịch trao cho tôi mảnh bằng Tiến sĩ và được mọi người khen, không hiểu sao tôi thấy lòng lâng lâng buồn, và tôi bỏ đi qua phòng bên, đứng ở cửa sổ nhìn máy bay về Nam. Tôi thở dài tự nhủ: "Nếu có mẹ tôi ở đây, người mẹ đã bán áo cho con đi học, thì nỗi hân hoan của tôi vẹn tròn biết mấy!". Tôi đang nghĩ đến đây thì ông Nozeran một giáo sư trong ban giám khảo, để tay lên vai tôi và bảo tôi để tặng vài dòng trên quyển luận án. Mười phút sau, tôi trao lại ông Nozeran bản luận án của tôi với bốn câu thơ:

*"Gạo đồng bào nuôi ăn thời
thơ ấu*

*Luận án này xin mến tặng
quê hương*

*Nhấn ai muôn nhớ ngàn
thương*

*Tìm đâu cho thấy con đường
về quê". (1)*

Tôi nói với ông hãy nhờ chị M. Người học trò thân cộng của ông dịch ra tiếng Pháp cho ông sau.

Tôi quen anh Bạch Thái Hà, người đã ban cho tôi chức tước mới, cách đây hơn một năm. Hôm ấy, các anh chị em đã sống ở làng Hồng, hè 1985 họp nhau tại nhà chị Sản và mọi người đều phải



Boat-people in Hongkong

hát, đàn, kể chuyện hay làm một trò nào đó cho vui. Đến lượt tôi, túng quá, tôi đọc cho các bạn tôi nghe bài thơ "Hồi Thờ Em Mong Manh" (1) tôi vừa làm xong, anh Hà ngồi cạnh một chị người ngoại quốc vui vẻ dịch lại từng câu cho chị ta nghe.

Mấy tháng sau đi ăn cưới, tôi tình cờ ngồi gần anh chị Hà. Khi nghe tôi hỏi: "Anh chị có biết anh Yên cựu huynh trường gia đình Phật Tử không?" Chị Hà giật nảy mình nói: "Thầy tôi đấy!". Hai hôm sau, chị Yên gọi điện thoại cho hay là chị Hà và chị là bạn học cũ của nhà tôi ở Marie Curie. Quả đất tròn thật.

It lâu sau, ba gia đình chúng tôi gặp lại nhau một ngày cuối tuần ở nhà anh chị Hà. Sau món bánh canh Huế đậm đà hương vị miền Trung, không hiểu tại sao anh Hà nhìn tôi rồi bảo:

"Tôi phải xin lỗi anh, vì hôm ở nhà chị Sản, tôi đã múa rìu qua mắt thợ, dám dịch thơ anh ra tiếng Pháp". Anh Hà mỉm cười rồi nói tiếp: "Hôm đó trông anh giống Dân Tỵ Nạn quá".

Mắt tôi sáng lên, một nguồn vui rộn rã tràn ngập tim tôi trước câu nói hồn nhiên của người bạn mới. Hơn ba mươi năm sau khi rời quê mẹ, tôi mừng rỡ thấy mình vẫn còn xứng đáng là con của cha mẹ tôi, của những người bạn xưa, những người nhà quê chất phát hiền lành.

Hà ơi!

Mấy tháng đã trôi qua, mà giờ đây khi viết những dòng này, tôi vẫn còn thấy lòng rung động. Nghĩ đến những "Ông Tây", "Ông Mỹ" đa vàng mũi tẹt may mắn có được địa vị, tiền tài, rồi không muốn nói tiếng mẹ đẻ nữa, và tìm cách tránh xa đồng bào mới sang, ngay cả những bạn cũ của mình, tôi cảm thấy buồn hết sức. Tôi muốn nói to lên để những vị kỹ sư, Bác sĩ, những ông Cử nhân, Tiến sĩ ấy biết rằng, nếu có một cái bằng cấp độc nhất mà tôi hân hoan trình bày cho mọi người xem đó là cái bằng cấp "Người Việt Nam Chứa Mất Góc".

*Nếu có một chức tước mà
tôi hãnh diện cho mọi người
hay, đó là cái chức "Người
Dân Tỵ Nạn". Cái bằng kia, cái
chức ấy, tôi đã được một người
dân tỵ nạn khác- đã không ngại
trùng dương sâu thẳm, hải tặc bạo
tàn, đem vợ con đi tìm tự do -
ban cho tôi một ngày nắng ấm.*

(1) Trích tập thơ "Quê Người" đang in.

NGHIỆT NGÃ

Tùy bút của
PHẠM HỒNG SÁU

Chiếc lá thu bay vừa lìa cành từ những hàng cây vàng úa nằm trên con đường xám ngắt đang đón gió thu về, cho tôi đếm được thời gian.

Ừ nhỉ !...Đã một năm tròn, ngày tôi cùng anh chị em trong GĐPT đến Tây Bá Linh tham dự trại. Tôi luyến tiếc vô vàn, bởi vì thời gian đi không bao giờ kéo lại, thấm thoát phong trần thấy mình đã già đi không ít.

Khi lớn lên, quê mẹ chia cắt bởi một giòng sông, giòng sông Bến Hải, chiếc cầu Hiền Lương cái tên êm đềm, nối liền mạch máu hiền hòa trong con tim 2 miền Nam Bắc đã biến thành nghiệt ngã. Tôi nói sao đây hay chỉ còn là tự thân của lòng mình ?!...

Ngày nào đó còn ngồi trong lớp học, tôi nghe vọng đâu đây tiếng réo rắt của Thái Thanh qua bài "chuyến dò vĩ tuyến" mà nhức nhối lỗ tai và không có hứng thú chút nào. Tôi không hiểu tại sao khách sang dò trong canh đêm thâu vắng, trong sợ hãi lạ thường, để rồi có người đi kẻ ở, dứt tờ tầm bằng nổi oán bi ai "... Sao ta lìa cách bởi giòng sông bạc hai màu... Giờ đây anh điêu linh, nơi quê nhà đang chìm đắm..." Cái suy tư của tôi qua nhanh như vầng mây vờn qua cơn gió, chẳng còn lại gì?...

Mở hướng cho thành nhân của mình đang trong thời chinh chiến, tôi đã chọn cuộc sống đó đây mang tên loài hoa biển. Tôi cũng chẳng phải là chàng Siêu trong Chinh Phụ "chiến địa ào ào gió thổi..." hoặc cho tới khi "mái tóc điểm hoa sương mới về" để phòng khuê chinh phụ gối lễ thờ than "của này đánh phạt thiếp, ngoài mây kia há kiếp chàng vay?..." thì quá đáng.

Không ! Tôi chỉ là một người lính sông hồ có dịp dừng tàu trên giòng sông quen tên đó, ngắm được hoạt cảnh ở đây, vắng bóng con đò vịnh ngã đã phân ly "anh ơi ai nữ chia đôi bờ, để tình ta ngày tháng phải mong chờ..."

Chiếc cầu Hiền Lương vẫn âm thầm nức nở cho câu chuyện khốc một giòng sông và trên thân của nó đang có những bóng ma dang dang sát khí, tay ghim chặt súng, mắt lảo liên đi tới, đi lui. Tự nhiên tôi tiếc thương cho những người anh em đã vô tình ngã vào vòng tay của bạo tàn và thù hận. Tiếng hát Thái Thanh ngày nào

RU HỒI CƠN MỘNG

1- Ru hồi cơn mộng ra khơi,
Trăm con sóng vỗ thành lời buồn tênh
Lời ru trùng điệp mộng mênh
Nhấp nhô bèo ảnh, bồng bênh bến mẹ
Ru ta mù mịt sơn khê
Thiệt tha gợi nhớ, vỗ về gợi thương
Ngọt bùi khúc hát hoài hương
Hỡi ơi thế sự vô thường đổi thay

2- Ru hồi cơn mộng đầy tay
Phồn hoa quên cả tháng ngày phiêu linh
Có chăng trong cõi vô minh
Niềm thương nỗi nhớ một mình xót xa
Lời ru từng đoạn đường qua
Ru người ray rứt, ru ta bồi hồi
Ru hồi cơn mộng ra khơi,
Trăm con sóng vỗ thành lời reo ca !

TÙY ANH

quyện lại hồn tôi và cho tôi nhiều cảm mến.

Lau sậy bên bờ miền Nam hiện rõ trước mắt tôi, tôi thiết tha yêu nó như chính bản thân mình vì nó là biểu tượng cho thanh bình. Nơi đất này không có chông, mìn, rào kẽm, không có những họng súng nhắm đích tìm người.

Trong bình minh tôi nghe được tiếng học trò rộn ràng tới trường học, tiếng người nhóm chợ sớm xôn xao, tiếng cười đùa của bầy em mục đồng trên lưng trâu giữa đồng thơm hương lúa...

"Miền Nam có nắng thanh bình, có bông lúa đẹp, có tình quê hương..." đang trôi dạt từ máy phóng thanh ca bài nắng đẹp... Tôi ngoảnh nhìn bờ quê hương đối diện, lau sậy đã khô cằn, đồng không mông quạnh, màu đỏ hủy diệt đang bao trùm, xa kia một chân trời tím ngắt thể lương. Tôi cảm thương cho những người còn kẹt lại, đang bị cưỡng bách trong kiếp sống đọa đày.

Đến rồi đi, hành trang theo biển mặn, không suy tư, không thù hận, không mộng ước xâm lăng, hoài bão chỉ còn là quê hương có hòa bình

Thế rồi những bàn tay nhuộm máu anh em, hung bạo không chừa, đẩy tôi vào con đường phải

chọn, già biệt chốn nghìn đời yêu dấu, theo thác người cùng giòng máu ra đi tìm tự do, nhân bản.

Nước mắt nào đã rơi cho bầy em nhỏ bơ vơ thiếu cha mất mẹ lạc loài, cho người tình lỡ vất vướng nhớ mong, cho mẹ già tóc bạc trắng con nghìn trùng mới mòn đôi mắt.

Tôi quên sao được ngày đi già từ áo màu hoa biển, già từ hình dáng của một kẻ chinh nhân.

Đời lưu vong, ai xuôi tôi được đến đây ngắm bức tường thế giới gắn cho cái tên ô nhục. Tôi đem so sánh với giòng sông, ý nghĩa cũng chẳng khác chút nào. Phải chăng đây là cách tận cùng của bọn người theo loài ác quỷ, kéo dân về trong chảo dầu sôi, trong gông xiềng, trong chất ngất dạt vắn.

Tháng năm đã qua nhiều rồi mà sao người vẫn mãi tìm cách ra đi cho tới bao giờ?...

Tôi hướng về quê hương mình nơi chân trời mờ xa vạn lý, nhớ nhung nhiều nhưng dạ cảm thấy xót xa.

Nắng hồng có lên đôi môi em, Mây có còn làm xanh mắt em.... hay chỉ còn là một quê hương bỏ ngõ cho đói khổ và hận thù...

Lingen/Ems thu 89

CÁI MẢ NỔI

Chúng báo anh vào giải phóng Sài Gòn địa ngục
Đường giầy ông Cụt chất ngất máu xương
Trai Việt hai mươi truyền thống can trường
Anh đeo ba lô đi làm lịch sử
Đốc đá tai mèo đòi hoang nằng dữ
Chập chùng sương lũng mịt rừng
Võng lười màn trời đêm Trường sơn hoang tối
như bùng
Anh sơn sắt tin miền Nam ngóng đợi
Những bạn đồng hành mỗi ngày mỗi vội
Vĩ phép dưỡng sinh củ chụp đọt kè
Bọn cán nhón cỡi ngựa cỡi xe
Đám lính pháo gồng lưng vác bộ
Vác kiệt lực pháo đê xuống hố
Nửa đường chết bảy còn ba
Vào tới Mã Đà chết hai còn một
Anh số may Trời cho sống sót
Để thấy Sài Gòn địa ngục trần gian
Té ra là chốn thiên đàng
Mắt nhìn còn ngỡ mơ màng đâu đâu
Chân lở ngổ dệp râu thang máy
Vào phòng tiêu loáy hóay rửa rau
Cái nón cối cột trên đầu
Ngựa lên ngấm những tòa lâu nguy nga

Tôi tưởng sau phút ngỡ ngàng
Anh réo Đảng lên mà chửi
Một bọn hồ lang cà bông cà cú
Lừa bịp đồng bào chết ngược chết xuôi
Thịt nửa lũng sâu xương trắng chân đồi
Dọn cướp địa bàn cho thằng Sô Viết
Nhưng chẳng thấy anh buồn gì hết
Lại còn sung sướng phờn phơ
Cái lũ lưu manh cái đảng côn đồ
Kịp mớm cho anh tình thần thổ phỉ
Bọn nó miền Nam dân Ngụy
Tha hồ hốt của mặc sức giam cầm
Đòn bịp ngày xưa thôi chẳng bận tâm
Theo Đảng mà vợ đừng ngây thơ cụ
Vải phừa quốc trái mấy cú đối tiền

Ngụy nó trắng tay
Đồ tế nhuyễn của riêng tây
Sạch sành sanh vết cho đầy túi tham
Anh về kể chuyện thiên đàng
Ai nghe cũng thấy mình khỏe
Cũng muốn vào Nam tham quan một mẻ

Nhưng bà con gặp nhau tay bắt mặt buồn ứa
lệ
Một nửa triệu người trầm thây giữa bể
Hàng triệu đi đầy kinh tế sỏi đá học tập nhà
giam
Người làm nghĩa vụ cho Nga bỏ nước bỏ làng
Kẻ làm cu li ra nơi tuyết phủ
Liếng xiếng dân ta cơ hàn lam lũ
Cha đời trí tuệ đỉnh cao
Nước non lữ vận sa vào bọn người
Hai năm thử dấy rõ mười
Bọn chúng mặt người dạ thú
Anh tỉnh chưa hay còn mơ ngủ
Còn trường kỳ tin nhảm sai sửa sai
Ảo vọng đêm đen thao láo ngóng hoài
Tia sáng bình minh đâu xa vời vợi
Có bát cơm rau tầm tay khó tới
Thẹn nhìn người tiến vọt văn minh
Còn ta xác xơ đến cả nhân tình
Vĩ chúng thờ tổ sư những thằng Lê thành Mác
Chủ thuyết lỗi thời người ta đã vứt vào sọt rác

Tôi muốn nắm tay anh đứng giữa trời cao nói
chuyện tâm tình
Như thuở nào đất nước chưa có đảng Việt minh
Chưa có những tên Hồ tên Khu tên Đồng tên
Đuẩn
Chưa có đấu tố giết người học tập hận thù suy
tư tiêu chuẩn
Chưa có thằng Ngụy chưa có thầy Nga
Tôi muốn nắm tay anh cười nói hiền hòa
Như thờ quê hương mình chuyển đồ nên quen
một ngày nên nghĩa
Đồng bào gọi nhau bằng chị bằng em bằng cô đi
chú bác bằng u bằng tía
Người già cả thằng mất dây cũng chẳng dám
mày tao
Nhưng ơ hay tôi có mộng tào lao
Cái mả nổi ô tì còn lù lù đó
Thành hoàng phản quốc hại dân của bọn quý
đồ
Anh còn khư khư ngưỡng vọng trong lòng
Thì sao nhìn núi nhìn sông
Nhìn anh thấy mặt cháu rồng cháu tiên

ĐOÀN ĐỨC NHÂN
Paris 30/4/1989

HỌC VỚI THẦY

LÊ THỊ BẠCH NGÀ

Tôi học thiền với thầy Nhất Hạnh, học kinh điển giáo lý với thầy Đức Niệm và thầy Như Điển, nghe băng thuyết pháp của thầy Thanh Từ và học về giáo nghĩa khẩu thuyết tinh yếu của kinh luật luận với vô số thầy Việt Nam và ngoại quốc, trong đạo cũng như ngoài đời... chưa kể thầy Như Niệm hiện còn trụ trì ở chùa Pháp Hoa tại Việt Nam vốn là bổn sư của thầy dạy Pháp Hoa cho tôi tại Canada từ mấy năm nay. Biết tôi đang học về Thiên Thai tông thầy gợi qua cho tôi một bản kinh Pháp Hoa do chùa Vạn Đức ấn tống hồi 1960. Quyển kinh khổ lớn, giấy vàng, bìa thơm ướp hương thơm của chùa Pháp Hoa gần 30 năm được trao đến tay tôi như một món quà tặng đầy đủ chân tình với 4 câu kệ. Bốn câu kệ này tôi sẽ nhớ mãi cho đến ngày rời cõi ta bà như một hành trang cuối cùng trên đường dài sinh tử... Tôi chưa nói đến là tôi học với thầy Nhất Chơn ở chùa Quan Âm...Bởi lễ tháng 9 năm nay thầy sẽ về MTL giảng pháp lần nữa, tôi sợ rằng vì 1 bài viết trên trời dưới đất của tôi ngày xưa (Bài nghi lớn ngộ lớn) mà thầy sẽ phạt tôi ngồi quay mặt vào vách vài năm để sám hối (diệu bích hồi sám) mà bỏ mất cơ duyên được học Pháp với thầy... Kề lẽ đông dài vậy không phải để khoe khoan mà là để trả lời cho một bạn đọc

thắc mắc rằng tôi học Phật với ai, thầy nào, lúc nào, ở đâu, bao lâu rồi mà kỳ cục vậy, học đủ thứ mà xem ra chả vào đâu... Hồi vậy cũng giống như bây giờ tôi hỏi bạn vậy chớ bạn học ABC với thầy nào, cô nào, ngày nào, bao lâu rồi, tại đâu mà nay biết đọc biết viết, lại còn viết lung tung trên trời dưới đất y chang như cái bà Lê Thị BN ở báo Viên Giác vậy ???.

Buồn cười nhất là ông bác họ của chồng tôi, nói về kinh điển giáo lý nhà Phật ông rành gấp 100 lần hơn tôi vì năm nay ông đã ngoài 70 tuổi, đã nghiên cứu giáo lý trên 40 năm, đã giúp nhiều hội Phật học, chùa chiền, đã hộ nhiều chư tăng, đã làm không biết bao nhiêu là phật sự giúp đạo giúp đời, tôi đã đọc hàng trăm bài diễn văn trong những ngày lễ lớn của Phật giáo...Ông rất hạnh diện về sự nghiệp đạo đời của ông, mà thiệt, qua đến đây, dù tuổi đã cao, ít đi đâu, nhưng nói đến thầy, đến chùa ông bác tôi rành rẽ nguồn cơn, thầy nào, chùa nào bác cũng biết cũng quen và ở chùa có lúc vắng các thầy cho Pháp, Phật tử cũng tổ chức học Phật và mời bác lên nói chuyện đạo cho các đạo hữu cùng học, cùng nghe, bác được mọi người kính trọng lắm. Hôm nọ, nghe tôi học thiền, bác kêu tôi lại, nghiêm nghị hỏi :

- Cháu Nga à, tu được cũng tốt, nhưng phải lựa pháp mà tu, bác nghe con học thiền, vậy con có biết thiền là gì và có mấy loại thiền không ?

Tôi trả lời :

- Đa đa, thiền là thiền còn thiền gì nữa sao?

Ông bác tôi hỏi tiếp mà không cười :

- *Thiền* có nhiều loại chứ, ví dụ thiền đạo, thiền phàm phu, thiền tiểu thừa, đại thừa v.v... Mỗi loại thiền cũng có nhiều pháp môn tu tập, vậy chớ thầy con dạy con tu pháp gì??

Bị truy bài, tôi khổ tâm quá, trả lời lẹ lẹ để đi :

- Đa thưa bác thầy con dạy *Thiền Chùa Lừa* ! Ông cụ ngồi ngẩn ra một hồi rồi bằng khuôn Khu - Bác đã hơn 70 tuổi đời, đọc bao nhiêu là sách, mà chưa bao giờ bác nghe đến *Thiền Chùa Lừa* cả, sao lạ vậy cả ??.

Tôi thưa tiếp :

- Thầy con còn dạy cả thiền ăn cơm, thiền rửa chén, thiền mặc áo, thiền đi, thiền ngồi, thiền nghe

điện thoại, thiền lái xe hơi... Bữa hè vừa rồi trong khóa thiền tại làng Cây Phong thầy dạy thêm *Thiền Nằm*.

Thiền Nằm để giúp hành giả buông thả thân tâm, an ổn địa hiện và mềm mại như tấm lụa xếp êm vào học tử, như cọng bún nhu thuận thanh trong, như mây trời nhẹ thênh thang...Còn *Thiền Chùa Lừa* thì đúng là *chùa lừa, lừa Tham, lừa Sĩ, và nhất là lừa Sân* nổi lên là *Thiền Chùa Lừa* đối trị được ngay. *Thầy dạy các lừa tham sân si nổi lên là đốt tiêu, cháy rụi hết rừng công đức, tai hại không biết bao nhiêu mà kể, nguy lắm, cho nên phải dùng Thiền Chùa Lừa để dập tắt đám cháy rừng công đức. Không còn lừa thì Tham Sân Sĩ biến thành Vô Tham Vô Sân Vô Si và công đức vô lượng hiện bày, hiển lộ...*

Tôi nói nhiều, nhưng bác tôi không tin, bác không thềm nói chuyện với tôi nữa, nhất là chuyện thiền.

Đã gần 10 năm học và đọc bài vở cũng như kinh sách của thầy Đức Niệm viết, giảng và phát hành ấn tống mà tôi vẫn chưa điện kiến được thầy. Mỗi lần thím tôi từ Cali về thăm, tôi lần la hỏi chuyện chùa hội bên đó và hỏi về thầy Đức Niệm. Tôi hỏi đủ thứ chuyện làm cho bà thím tôi, vốn là đệ tử tại gia của thầy, phát bực mình và kết luận như sau:

- Con muốn biết thì khi nào đi Cali nhớ đến thăm chùa, thăm thầy, còn thím chỉ biết đó là một vị tăng tu đáng kính, có nguyên hạnh trùm trời trùm đất, hang phàm phu như thím cháu mình không với đến đâu mà hỏi...

Hôm thầy Như Điển về Montréal hướng dẫn khóa học Phật pháp kỳ 10 ở chùa Quan Âm, các học trò của thầy và Phật tử từ Toronto lục đục kéo nhau về thăm thầy. Trong dịp này tôi được gặp vợ chồng con cái anh chị Hai, anh chị đều là Dược sĩ, khóa sau tôi vài ba năm hồi ở Việt Nam, qua Đức mấy năm, học Phật với thầy Như Điển rồi về định cư ở Canada từ 1 năm nay mà tôi không biết.

Gặp nhau mừng rỡ, nhận bà nhận con xong xuôi, anh mới tiết lộ rằng chính anh là người bộ đầu mấy bài Lá Thư Bắc Mỹ của Lê Thị BN trong báo Viên Giác hồi xưa ! Quả thật trái đất to mà nhỏ, Viên Giác xa mà gần, có duyên với nhau thì sẽ gặp nhau. Duyên thì 2 bên cùng hưởng, đàng này

tôi hưởng hết, chưa kịp nói lời cảm ơn anh chị thì lại được ăn kế lộc của thầy do các anh chị từ dưới Toronto đem lên. Anh cũng cho biết hiện nay, cái người đang công lưng đánh máy bài vở cho Viên Giác trong đó có bài Nga là 1 người cũng tên Nga... Biết bao giờ tôi có duyên gặp được chị Nga như tôi đã gặp được anh chị Hai hôm nay nhỉ... Nhưng tôi tin quả đất to mà nhỏ, Viên Giác xa mà gần, tôi mà gặp được chị Nga thì sẽ chấp tay búp sen mà xá chi một cái trước khi nhận bà nhận con.

Chuyến này thầy về, cho bài vở nhiều thấy mà ổn, sức như tôi, học đi học lại 2 năm liền chưa chắc học xong để đến năm 1991 trả bài cho thầy khi thầy trở lại.

Trong những tông phái thầy giảng (Năm nay thầy giảng về 10 Tông Phật Giáo ở Trung Hoa) tôi học một cách thích thú phần Pháp tướng Tông còn gọi là Duy Thức Tông (hay Tôn), bởi lẽ hồi trước tôi có học về môn tâm lý học của Đạo Phật còn gọi là "Thắng pháp tập yếu luận" do thầy Thích Minh Châu viện trưởng viện đại học Vạn Hạnh dịch và giảng.

Tôi có học qua mà thấy rất khó và rắc rối quá bởi vì thầy giảng và dịch thẳng từ nguyên bản Pali ra tiếng Việt nên lời lẽ rất cứng ngắt và thiếu liên lạc, chỉ nhờ vào lời giảng dạy ngoài lề của thầy mà tôi hiểu lôm bôm được vài khúc. Đến nay học về pháp tướng tông thì tôi đã hiểu thêm nhiều đoạn dài và có được một cái nhìn tổng quát về sắc pháp và tâm pháp của mình.

Học một bô chữ mà không dùng lấy được 1 chữ cũng chả ích chi, thầy vẫn nhắc chúng tôi đừng làm cái đày chứa sách, gánh một gánh nặng công lưng mà đi thì đi sao nổi, thì tu sao cho xong, làm sao đến bờ giải thoát??

Thầy nhắc học mà không hành cũng như đi làm công mà đếm tiền cho chủ, đây tổ giữ trâu bò cho người ta. Chỉ bằng hây trở lại nhà, trở lại an trú trong tâm tâm mình, hồi quang phản chiếu để tự hiểu biết mình, tự chiến thắng mình (chiến thắng là đẹp bỏ những phần tối tăm mờ mịt hiện hữu trong thân tâm mình để làm hiển lộ phần thanh cao tốt đẹp).

Thầy nhắc rằng chiến thắng toàn thể thế gian không bằng chiến thắng mình, đó mới là chiến thắng cao cả, vinh quang nhất.

Mà muốn chiến thắng mình, phải biết mình, muốn biết mình phải học duy thức, không chạy trốn đàng nào được.

Học duy thức rắc rối lắm nhưng được cái lợi thiết thực rõ ràng là với thời gian, với sự tinh tấn

chuyên cần, coi xét, chiếu rọi lại vào chính thâm tâm mình mà chúng ta sẽ: 1) Biết, hiểu về mình một cách rõ ràng.

2) Thấy được nội tâm mình, nhìn vào dòng tâm thức đang trôi chảy của mình, biết được gì là chính, gì là phụ, giống như nhìn vào 1 gia đình biết ai là chủ ai là tớ, y như nhìn vào chính phủ nội các Canada là chúng ta biết ngay ông nào là thủ tướng hay vua, bà nào là đệ nhất phu nhân hay hoàng hậu, còn lại nào là bộ trưởng, thứ trưởng, tướng tá, quân hầu, thần dân v.v...

3) Nhờ hiểu biết tận tường mình, có được lòng tin nơi mình thì dù cho bên ngoài có đất bằng nổi sóng, cuộc đời có xoay vần đảo điên, gió nghiệp có phất xuôi phất ngược thì ta vẫn giữ được thái độ bình tĩnh tự tại

4) Khi bình tĩnh bên trong (*Tâm Bình*) thì thế giới sẽ bình, vì theo duy thức học, tất cả sự sự vật vật trong vũ trụ đều không thật có, chỉ là do tâm biến hiện như cảnh chiêm bao, mà nếu không thật có thì ta cần gì phải nung gá, tha thiết chạy theo mãi.

Không nung gá, không chạy theo, không bị cuốn hút theo thì không còn bị ràng buộc theo bánh xe nghiệp, bánh xe luân hồi... Và từ đó, từ sự hiểu biết rõ ràng chắc chắn như thế ta có thêm đức tính *Kiên Nhân* tốt đẹp.

Nhớ lúc học xong bài Duy Thức, bế giảng khóa học, bác A thắc mắc.

- Lại thiệt, mấy Thầy không ở trong đời, không vợ không con, không tình ái, yêu thương gia đình trai gái... mà sao thầy nói đầu ra đó, nói trùng phong phúc chuyện nghiệp duyên người đời, chuyện nhân thế khúc mắc... làm như thầy đã từng trải kinh nghiệm hàng chục năm chuyện đời...thiệt tôi phục mấy thầy không biết mấy mà kể !.

Tôi, tôi cũng phục mấy thầy, nhưng tôi cũng biết các thầy học về môn duy thức, môn tâm lý học và hàng chục môn khác cạn cả tương chao của chầu từ mấy chục năm nay cho nên bây giờ khi đang dần dần giảng, các thầy nhìn vào tâm niệm lằng xằng mờ mịt của chúng sinh, các thầy đọc vanh vách như xuyên tâm người, như kể lại bức tranh văn cầu vẽ trên giấy, như nhìn vào những lần chỉ ngang dọc trên bàn tay mình. Còn những kẻ phàm nhận tục tử như chúng tôi, chuyện mình lộn xộn chưa xếp xong lại lằng xằng đi lo chuyện nhà kẻ khác, lo việc người ta... cũng bởi vì chưa học duy thức để

biết bỏ cái thức tướng trở về cái thức tánh.

Nhưng không phải thầy chỉ dạy có chừng đó. Ngoài tịnh độ tông, thiền tông và duy thức tông, thầy cũng chỉ qua 1 cách tổng quát những môn phái khác với rất nhiều pháp môn có trong Phật giáo xưa và nay.

Pháp môn thì có nhiều, nhưng cứu cánh mục đích chỉ có một, đó là quay đầu trở về với cái chân thực của mình, rời bỏ phiền não, đạt được an vui giải thoát, lợi mình, lợi người, tự lợi, lợi tha.

Những môn phái đều có tên rất hay nói lên ý chí của tông phái mình, ví dụ :

- Pháp Hoa tông hay Thiên Thai tông lấy tôn chỉ "chư pháp duy nhất tâm", ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm.

- Hoa Nghiêm tông lấy tôn chỉ "trùng trùng duyên khởi" hay "vô tận duyên khởi" bởi vì cái này và cái kia tương quan, tương duyên lớp lớp không cùng tột. Vì trùng trùng duyên vào nhau cho nên 1 là tất cả, tất cả là một.

Tôi cũng rất vui khi được học lại các tông phái đề cập đến tứ diệu đế, thập nhị nhân duyên, chân đế và tục đế, mật ngữ của chư Phật, hiền giáo và mật giáo, thế tướng và dụng của sự sự vật vật trong cuộc đời...

Nhìn lại toàn bộ khóa học Phật Pháp kỳ 10 năm nay thầy cho học, tôi và các học viên học được mấy phần ??? Không biết mấy bác, mấy anh chị ra sao chứ tôi thấy mình hết quá, ngày nào cũng đi trễ, chạy như ma đuổi mất hết cả oai nghi phong thái thông dong của 1 người Phật tử học đạo giải thoát, thật là xấu hổ ! Tuy nhiên khi thầy đi rồi, ngồi lặng lặng tĩnh tĩnh và nhìn lại, tự hỏi mình học được gì nơi thầy, nơi giáo pháp, nơi Phật thì tôi thấy như tôi đang cầm trong tay một chiếc lá, chiếc lá nhỏ xiu hái từ 1 cây cổ thụ đã mọc lên từ mấy ngàn năm cũ. Nhưng thưa bạn, bây giờ tôi hết đại đột như năm xưa nữa, tôi không vì mớ kiến thức còn con này mà lòng tham còn nổi dậy, cứ ngồi lì bên cây chờ rụng hết lá để ôm về chất đống nhà cho thỏa lòng ước mơ học Phật.

Những giờ làm học trò, khoanh tay chăm chú ngồi nghe thầy giảng dạy từng chữ, từng câu, từng ý đã hết. Thầy đã rời chùa, lên đường tiếp tục nhiệm vụ gieo rải hạt giống bồ đề của thầy. Còn học trò ngồi lại, ôn lại nghĩ kỹ lại...

Thật là buồn cười cho chuyện học hành. Học bao nhiêu kinh điển cao siêu, giáo nghĩa nhiệm mầu thâm mật, rốt lại thầy nhắc gì ?? Thầy nhắc toàn những chuyện tầm thường mỗi ngày, là

Phật tử, là người học Phật, ai cũng có thể làm, ai cũng nên làm, phải làm, mà than ôi, ít có ai chịu làm, ít có ai nhớ mà làm :

1) Thầy nhắc Phật tử đến chùa thì nên cung kính lễ Phật.

2) Thầy nhắc Phật tử hiếu kính với thầy bổn sư hay thầy dạy pháp cho mình giống như con cái phải hiếu kính cha mẹ.

Phật tử chấp tay lạy thầy là lạy cái Pháp mà thầy đang cứu mang để chuyển lại cho thế nhân. Bởi vậy 1 người không biết Phật Pháp sẽ thối mác và phi cười tại sao cụ già nọ lại xưng con ngọt xớt với 1 vị tăng sĩ tuổi đời vừa quá 30 trong khi người có học Phật sẽ chấp tay hoan hỉ xưng theo cụ già.

3) Thầy nhắc hãy bắt chước người tu lập 1 hay nhiều lời nguyện cho mình. Cái nguyện gần nhất, dễ làm nhất, thực tế và mau lẹ nhất mà xem bộ cũng dễ thành tựu nhất (vì có tha lực hỗ trợ) là nguyện vãng sanh về tịnh quốc. Ở đó có Phật A Di Đà, Phật Quán Thế Âm và hàng hà sa số chư Phật và chư Bồ Tát đang chờ đón mình như mẹ hiền chờ đón con thơ, như cha già chờ mong con đại... Mà không phải chờ đến chết mới được tịnh, ngay tại đây, hôm nay, giờ này, niệm thanh tịnh được nhắc nhở trong tâm thức hằng giờ, hằng phút, hằng giây thì dòng sông tâm cũng thanh tịnh hằng giờ, hằng phút hằng giây... Lòng người thanh tịnh, thân người sẽ thanh tịnh và tịnh quốc hiện tiền.

4) Thầy nhắc hãy giữ cho tâm hồn luôn luôn bận rộn bằng niệm thanh tịnh, niệm từ bi, niệm hỷ xả, dùng niệm tốt thay thế cho niệm xấu... Và cứ thế dòng tâm thức luôn luôn thanh sạch, càng lúc càng thanh sạch hơn và sáng dần ra...

Khóa học kết thúc. Chúng tôi rời đạo trở về đời, cuộc sống xao động ngoài đời với thị giờ eo hẹp, với công việc bận bịu, với bốn phận nhiệm vụ nặng nề cứ mang... Tuy nhiên, giống như sau những giây phút mệt mỏi, rã rời được về tâm mát trong giòng suối trong lành tinh khiết, được nghỉ ngơi dưới bóng mát êm đềm, được ăn bát cơm ngon, được uống ly nước ngọt. Chính những lúc ngồi đối diện trước 1 vị thầy đang ban rải lòng từ vào những câu giảng pháp, một hành giả trong cuộc sống ta bà sẽ có thêm hành trang, năng lực nhiên liệu để tiến bước với niềm tin.

Ước mong trên đường đạo, đường đời chúng ta, những người học Phật vẫn gặp được những thuận duyên to lớn như vậy.

NGHỀ CHĂM NÓN

THẾ NHƠN

Ở Việt Nam chúng ta có nhiều nghề mà có lẽ thế giới ít có, hoặc không có. Trong đó có nghề chăm nón. Nghề này phát xuất từ đâu và bắt đầu tự lúc nào cũng chẳng ai biết cả; nhưng đây là một nghề thủ công nghệ tương đối khá quan trọng của miền Trung Việt Nam.

Có rất nhiều người trong chúng ta, đa số là nữ giới đã bao lần đội trên đầu mình chiếc nón bài thơ nhẹ nhàng duyên dáng, nhưng có lẽ cũng chưa có ai hiểu tận tường về cách cấu thành của một chiếc nón lá. Một điều có lẽ dễ hiểu là - người chăm nón, ít ai có khả năng để viết và nói về chiếc nón của mình đang chăm để cho mọi người chung quanh hiểu. Họ chỉ có nhiệm vụ sản xuất mà thôi. Ngược lại người văn sĩ, biết viết văn; nhưng hiếm người biết chăm nón, do đó chưa có ai viết và giới thiệu về nghề này.

Ở thôn quê miền Trung Việt Nam có nghề nông là nghề chính và cứ mỗi năm sau mùa gặt là dân làng làm thêm một nghề phụ nữa như dệt vải hoặc chăm nón. Nếu tôi nhớ không lầm nghề này rất thịnh hành trong các tỉnh miền Trung, nhất là Huế.

Muốn chăm một chiếc nón, người chăm nón cần phải có những dụng cụ như sau : khuôn chăm nón, vành, lá, chỉ, kim, bài thơ, gùi và gang kéo lá v.v...

Khuôn chăm nón là gì? - Đó là một khuôn hình tròn, bên trên chụm lại, bên dưới tỏa rộng ra, có 12 hoặc 14 kèo đầu lại. Trên kèo của khuôn có khắc sâu vào gỗ từng đường lằn để sau này vành nón sẽ được bắt vào đó. Khuôn này do các thợ chuyên môn làm, đem ra chợ bán. Người chăm nón chỉ có nhiệm vụ mua về rồi thực hiện công việc của mình mà thôi.

Vành nón - hầu như đều được làm bằng tre. Những cây tre già sẽ được đốn xuống, đoạn ra thành từng khúc tương ứng với độ dài của vành nón, từ vành dài nhất cho đến vành ngắn nhất. Thông thường người ta gọi vành nhứt., vành nhì cho đến vành chín. Những vành nhỏ thì không chế được. Vì thế có những nẹp tre nhỏ được bó kèm theo để người bắt

vành có thể chẻ nhỏ ra để bắt những vành nhỏ trên đầu của nón. Một chiếc nón thường có 17 hoặc 18 vành, kể từ trên đầu nón xuống đến chân nón

Lá nón - đây là một loại lá đặc biệt chỉ mọc trên núi. Người buôn lá, lên núi đốn lá này về, sau đó phơi trên cát chừng 2 đến 3 nắng, rồi mang ra chợ bán. Người chăm nón chỉ ra chợ là có thể mua lá nón về để thực hiện công việc của mình.

Bài thơ - là những tờ báo cũ được nhuộm lại màu xanh dương, trên đó có đục hình ảnh của ngôi chùa Thiên Mụ với sông Hương, Núi Ngự và cầu Trường Tiền. Thỉnh thoảng có chen vào đó vài câu thơ như :

*"Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà
Thọ Xương"*

Kim, chỉ để chăm nón là loại kim thường dùng để may vá, có thể dùng chăm nón được. Còn chỉ phải là loại chỉ đặc biệt để chăm nón, bằng loại tơ vàng chứ không phải là loại chỉ may vá thường.

Gùi và gang kéo lá là 2 vật dụng quan trọng, thiếu chúng, người chăm nón sẽ khó thực hiện công việc của mình. Gùi là một bọc vải cũ gói lại kỹ càng có tay cầm để có thể đeo lá nón ra cho thật thẳng. Gang kéo lá là một miếng chảo bằng gang bị bể, cho mỡ cho thật láng trên mặt gang để cho chiếc lá mịn màng hơn.

Khi tập trung đủ mọi vật dụng ấy rồi, người chăm nón có thể bắt đầu vào công việc.

Lá nón sau khi mua về phải gỡ ra từng lá một - có thể để một đêm ngoài sương cho lá dịu, sáng hôm sau mới có thể kéo lá được. Lá nón được gỡ, sẽ uốn tròn theo chiều mũi kim đồng hồ và người kéo lá có nhiệm vụ dè cho miếng lá bị gỡ thẳng ra là được. Trên một nồi lửa than người ta đặt lên đó miếng gang nhỏ, để cho lửa nóng đều, sau đó lấy gùi gang lên trên miếng lá và làm cho lá thẳng ra. Trong đám lá nón này sẽ có lá tốt, lá trung bình và lá xấu. Lá tốt dùng để "xây đầu ngoài" của nón, lá trung bình dùng để "xây đầu trong" và lá xấu dùng để "chấn"

giữa "đầu trong" và "đầu ngoài" của lá nón.

Những vành nhứt vành nhì v.v... sẽ được chuốt thật láng theo hình tròn và sau đó được bắt vào khuôn nón. Vành này sẽ được nối lại với nhau bằng một loại giấy "đát" thật bền và thật mỏng. Sau khi bắt vành xong, người chăm nón bắt đầu xây lá. Lá phải được lựa thật kỹ để biết loại nào tốt, sẽ dùng để "xây đầu ngoài", loại nào trung bình sẽ "xây đầu trong" và loại xấu để riêng ra làm lá "chân" giữa "đầu trong" và "đầu ngoài" của nón.

Trên chiếc lá nón ở 2 bìa có 2 cạnh, người chăm nón phải dùng kéo để rọc cạnh phía bên trái đi để "xây lá đầu ngoài", "lá đầu trong" thì không cần việc này: "Đầu trong" xây ngược lại chiều kim đồng hồ và "đầu ngoài" xây thuận chiều của kim đồng hồ.

Sau khi xây đầu lá nón, người chăm nón phải dùng kéo để hốt lá nón xiên từ dưới chân lá lên đỉnh lá để sắp lá lên khuôn nón không bị chổng lên nhau, làm cho chũr bài thơ bị che khuất.

Lớp "lá đầu trong" đã xây xong được đàng xuống bên dưới bởi 1 cái vành gọi là "vành chân", sau đó dùng loại lá xấu đã được lựa ra khi trước để "chân" những khoảng trống của "đầu trong" xong xuôi đầu đó mang "bài thơ" chân vào giữa nón. Có nhiều loại "bài thơ" khác nhau, có lúc một chiếc nón chỉ cần 2 lá bài thơ, có chiếc cần đến 4 hoặc sáu. Nếu người nào không cần "bài thơ" thì tại đây phủ thêm lên lớp lá đầu trong một lớp lá kín nữa cho chắc chiếc nón. "Bài thơ" phải xây ngược chiều thì lúc xong chiếc nón mới trở thành thuận chiều được.

"Đầu ngoài" là những loại lá tốt sẽ được phủ lên bên trên lớp "bài thơ" và lúc đó xem như việc "bắt vành", "xây lá" đã xong. Người chăm nón sửa soạn kim chỉ để chăm. Thông thường người ta chăm từ vành nhỏ trên đầu xuống bên dưới và từ trái qua phải. Mũi kim dày, thưa tùy theo giá trị của từng loại nón lá khác nhau.

Khi chăm nón ít ai ngồi một mình để chăm, hay tụ họp lại với nhau ở một nhà nào đó cho vui. Trong khi chăm nón họ có thể nói chuyện với nhau hoặc hát về, thơ Lục Vân Tiên, Kiều v.v...trông cũng vui vẻ giống như những buổi làm ruộng, hát hò đối đáp với nhau vậy.Đôi khi để việc chăm nón đỡ buồn tẻ, 2 người chăm nón có thể chăm thi với nhau, đếm từ mũi kim cho đến khi hết chiếc nón mà thôi.

Sau khi nón được chăm xong, nón phải được lột ra khỏi khuôn và lấy kéo hốt mũi chỉ nối cũng

như "hốt nón" cho sạch sẽ để tiếp tục một công việc khác gọi là "nức nón". Danh từ này có nghĩa là lấy chỉ khâu lại nhiều mũi với nhau ở vành nón cuối cùng của chiếc nón.

Giai đoạn đầu kể như đã xong. Người chăm nón có thể mang ra chợ để bán và mua lá, chỉ, vành, bài thơ v.v... về để lo cho số nón sắp được chăm trọng thời gian tới. Người mua nón sẽ đến chợ bán nón để mua từng chục, từng trăm chiếc, chở về nhà, đánh lại quai nón, "sồi đầu nón", trét dầu lên nón và đem bán lại cho mọi người.

Nón có nhiều loại, nón dày, nón thưa, nón bài thơ, nón "gò găng" v.v... Nếu chăm nón dày mỗi ngày chăm chỉ được chừng một chiếc. Nếu nón thưa, mỗi ngày có thể chăm từ hai đến ba chiếc. Thông thường người ta lấy công làm lãi và giá cả tùy theo chăm đẹp hay chăm xấu cũng như lá đẹp, lá xấu v.v... Vì thế người chăm nón ít có ai giàu có, mà người mua nón sẽ để bán lẻ lại có nhiều người lại trúng mỗi lần.

Chiếc nón được đưa đến thị thành, đôi khi còn xuất cảng ra ngoại quốc nữa, chúng ta thấy đơn sơ nhẹ nhàng như vậy, nhưng nó cũng đã gói ghém biết bao nhiêu công lao khó nhọc của người dân quê, từ người cắt lá đến người thợ làm khuôn nón, đến người chăm nón và cuối cùng là chiếc nón được ra đời.

Hôm nay tôi viết bài này để giới đến các độc giả của báo Viên Giác không ngoài việc giới thiệu một nghề tiểu công nghệ của Việt Nam đã có lâu đời và được nhiều người ưa thích mà chắc rằng chiếc nón ấy chưa được viết thành văn để giới thiệu với các độc giả xa gần. Hôm nay tôi cố gắng làm việc ấy biết đâu sẽ giúp được một số ý niệm cho những ai tìm hiểu đến chiếc nón bài thơ yêu quý của chúng ta.

Nhiều cô gái Huế tha thướt trong chiếc áo dài, trên đầu đội chiếc nón bài thơ trông lại càng duyên dáng hơn. Vì thế chiếc nón bài thơ Huế đã đi vào lịch sử văn chương bình dân Việt Nam của chúng ta tự thuở nào và ngày nay ở Hải Ngoại thịnh vượng chúng ta còn thấy một vài vị đội nón bài thơ hay trong những buổi văn nghệ vẫn còn những màn múa nón.

Xin gửi đến quý vị một món quà của quê hương rất dịu dàng, duyên dáng để thưởng và mong rằng hình ảnh yêu kiều của chiếc nón lá ấy vẫn còn hiển hiện trong tâm tưởng của mọi người.

Hòa Lan
Một ngày vào hạ

(tiếp theo Viên Giác số 50)

CHỮ "DUYÊN" TRONG TRUYỆN KIỀU

PHÙ VÂN

Thế là Kiều phải bắt đầu tiếp khách làng chơi "đưa người cửa trước, rước người cửa sau"; để rồi cuộc đời Kiều bước qua một ngõ rẽ tâm tình khác khi Kiều gặp và gắn bó duyên nợ với Thúc Sinh. Thúc Sinh là con của một nhà buôn giàu có, lấy vợ là Hoan Thư con của một gia đình quý tộc. Gã cũng là một tay ăn chơi nổi tiếng, "...quen thói bốc rời, nghìn vàng đổi một trận cười như không", nhưng Thúc Sinh là một tên "rau quạp" sợ vợ kinh niên hay nôm na mà nói là tên sợ vợ có môn bài, Tây nó gọi là sợ vợ có "ba-tần". Tình của Thúc Sinh dành cho Kiều ban đầu chỉ là mối tình trăng gió "nguyệt hoa, hoa nguyệt nào nung", để rồi lần la "trước còn trăng gió sau ra đá vàng". Kiều dĩ nhiên không yêu Thúc Sinh bằng một mối tình say đắm, mà chỉ dựa vào Thúc Sinh để thoát được cuộc đời khốn khổ ở chốn lầu xanh. Thế nhưng với Thúc Sinh qua những "cuộc vui suốt sáng, trận cười thâu đêm", "miệt mài trong cuộc truy hoan, càng quen thuộc nét càng dan díu tình, ngày xuân càng gió càng nồng...", thì anh chàng trước đây chỉ biết ăn chơi trác táng, nay lại bị cái "sóng khuynh thành" của nàng Kiều hút đến tởm tã mặt mũi. Cho nên gã đã tung tiền chuộc Kiều ra khỏi thanh lâu để lập "phòng nhì". Khi Kiều tỏ nỗi lo sợ về vợ cả, thì Thúc Sinh khoác lác "trăm điều hãy cứ trông vào một ta!". Đừng là liều tận mạng! Vẫn là một kẻ hèn nhát, nhu nhược và bất lực không dám bảo

vệ cho người tình khi bị cha già bắt buộc phải bỏ Kiều thì gã chỉ biết nán nỉ "Rằng con đã biết tội nhiều, đại rồi còn biết khôn làm sao đây!" và để mặc cho cha già lên kiện cửa quan! Thế nhưng sau khi được Thúc ông "thương về hạnh, trọng về tài" cho về sum họp, Kiều đã khuyên Thúc Sinh nên về quê thú thật với vợ cả, vì "thế nào cũng chẳng dấu xong được nào" và hơn nữa là để tránh tai tiếng "nặng tình cát lụy lạt tình tào kang", cảnh "ham mê vợ bé bỏ bè con thơ"! Khi Thúc Sinh trở "về xem ý tứ nhà", thấy vợ là Hoạn Thư vốn vẻ đón tiếp bằng mối tình thật đậm, mối duyên thật nồng sau hơn một năm vợ chồng xa cách :

...Lời tan hợp nối hàn huyền,
Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng
nồng

Lại thấy Hoạn Thư "ra vào một mực nói cười như không", nên Thúc Sinh tưởng bỏ là việc "lén lút ăn vụng ái tình"...đã bưng kín miệng bình, nào ai có kháo mà mình lại xưng"...nên chàng "tóc tở chẳng động máy may sự tình". Nào ngờ Hoạn Thư đã biết rõ môn một con tầy "sắt" của chồng "tử nghe vườn mới thêm hoa, miệng người thì lăm, tin nhà thì không". Thời gian hội ngộ nàng chỉ chờ Thúc Sinh "thú thật cùng ta", thì nàng "cũng dung kẻ dưới mới là lương trên, đại gì chẳng giữ lấy nên, tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình".Chờ hoài mà Thúc Sinh vẫn "câm miệng hèn", đã thế lại tỏ mối "thú quê thuần vượt bên mùi" nên chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ, mong mỗi trở về với Kiều. "Lạ gì ngựa ghè hơn ghen" nên Hoạn Thư "mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày", chờ cho Thúc Sinh theo đường bộ trở về, thì nàng liền ra lệnh cho bọn bộ hạ tay chân Úng, Khuyến dùng đường biển nhanh chân đến bắt Kiều.

Tội nghiệp nàng Kiều ở nhà ngày đêm lo lắng về anh chàng Thúc Sinh có biết lựa lời hơn lẽ thiệt để "thưa" với Hoạn Thư chấp nhận cho nàng được làm phận lẽ mọn, may ra mới khuôn duyên của nàng được vẹn tròn :

...Săn bìm chút phân còn con,
Khuôn duyên biết có vuông tròn hay
không?

Kiều đang "cầu trời khẩn Phật" cho duyên số mình thì "dưới hoa dây lữ ác nhân, âm âm khốc quý kinh thần mọc ra" dùng thuốc mê bắt Kiều lên ngựa đưa về cho mẹ của Hoạn Thư, dốt rụi tư trang, dùng "thầy vô chủ bên sông", đem vào để đó lộn sông ai hay". Khi Thúc Sinh về đến nơi, thì nhà tan cửa nát chỉ biết khóc lóc thê thảm"đi hải nhật sắp về nhà, nào là khám liệm nào là tang trai". Hỡi ôi, Thúc Sinh làm sao biết được mưu sâu kế độc, chỉ sực sùi giọt ngấn giọt dài cho người thác oan :

...Hỡi ôi! nói hết sự duyên,
Tơ tình đứt ruột lửa phiền cháy
gan!

Gieo minh vật và khóc than,
Con người thế ấy thác oan thế này!
Chắc rằng mai trúc lại vậy,
Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa
nhau!

Đời Kiều lại bước qua một khúc quanh mới, được đưa vào làm "à hoàn" hay "hoa nô" có nghĩa là "kẻ ăn người ở trong nhà" của mẹ Hoạn Thư ở Huyện Tích. Thế là Kiều mặc tình để cho Hoạn Thư hành hạ, trả thù "làm cho nhìn chẳng được nhau, làm cho đây đọa cắt đầu chẳng lên" Bây giờ giữa Kiều và Thúc Sinh thân phận xa cách, bên là tội tử, bên là chủ nhân ông.Đúng là nợ nần oan trái! Dùng là mưu thần chức quý để chia duyên rẽ thúy hai người;; nếu có gỡ cho ra khỏi tình huống cay nghiệt này thì còn gì là mối duyên mà hồng chấp nối:

...Bây giờ mới rõ tâm hơi,
Máu ghen đầu có la đời nhà ghen
Chước đầu rẽ thủy chia duyên,
Ai ra đường này, ai nhìn được ai!
Bây giờ một vực một trời,
Hết đường khinh trọng, hết lời thị
phỉ!

Nhẹ như bấc, nặng như chì
Gỡ cho ra nợ còn gì là duyên!

Nhưng Kiều còn được cái may là ở trong tay Hoạn Thư dù có máu ghen tuông nhưng là cái ghen của giòng quý tộc, nên Kiều được Hoạn Thư trọng đến tài năng thi phú, cung đàn và sinh ra thương cảm đến cuộc đời vô duyên bạc phước "ba chìm bảy nổi chín lênh đênh" của một kiếp hồng nhan bạc mệnh :

....
Tài nên trọng mà tính nên thương
Vĩ chẳng có số giàu sang,

Giá nấy đầu đúc nhà vàng cũng nên,
Bể trầm chìm nổi thuyền quyền,
Hữu tài thương nối vô duyên lạ đời

Cho nên cũng theo yêu cầu của Kiều, Hoạn Thư "đưa nàng đến cửa Phật đương, Tam quy ngũ giới cho nàng xuất gia, áo xanh đời áo cà sa, Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyên". Thế là Kiều trả áo xanh của người "ở đợ" để khoát màu áo nâu sồng của kẻ tu hành. Kiều tu ở Quan Âm Các sau vườn nhà Hoạn Thư. Kiều đâu biết rằng Hoạn Thư đã mượn của Thiên để giết chết tài sắc của nàng, bởi chính tâm tư của Kiều cũng đã chần ngán cuộc hồng trần và mối nhân duyên dang dở, chẳng còn mong chấp nối, chỉ mong muốn giọt nước cành dương gột sạch bụi trần duyên :

...Nhân duyên đâu lại còn mong,
Khởi diêu then phấn tụi hồng thì
thôi.

Phật tiên thám lập vài sêu,
Ngày pho thủ tự, đem nổi tâm hương
Cho hay giọt nước cành dương,
Lửa lòng tưới tất mọi đường trần
duyên.

Nhưng việc "tu hành" của Kiều vẫn không thanh tịnh vì Thúc Sinh đã đến tìm nàng để tỏ nỗi ân năn hối hận "đua cam chịu bạc với tình, chứa xuân để tội một mình cho hoa"

"vì ta cho lụy đến người, cát lăm ngọc trắng thiệt đời xuân xanh". Kiều cũng cảm thấy chẳng được yên thân khi ở Quan Âm Các - trong vòng kiểm soát của Hoạn Thư, nên yêu cầu Thúc Sinh nếu còn nghĩ đến ân tình cũ dù chẳng được trăm năm chung sống với nhau thì một ngày cũng là nghĩa, là duyên; thì hãy "mở cũi tháo lồng" cho Kiều thoát thân:

...Xót vì cũi đã bén dây,
Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên
ta,

Liệu bài mở cửa cho ra,
Ấy là tình nặng, ấy là ân sâu.

Rồi sau đó Kiều trộm chuông vàng khánh bạc đến xin tá túc ở Chiêu Ẩn Am của Sư Giác Duyên.Khổ thay, ở chưa được bao lâu thì có người đàn việt - một khách mộ đạo thường đến làm công quả ở Chùa nhận ra chuông vàng khánh bạc của nhà Hoạn Thư, nên sư Giác Duyên sợ "tai bay va gió" phải giới gấm Kiều cho Bạc Bà. " Nào ngờ cùng tở bom già, Bạc Bà học với Tú Bà đồng môn". Thấy Kiều "mãn phần tươi son" nên Bạc Bà muốn bán Kiều vào thanh lâu, mới lập mưu cưới Kiều cho đứa cháu là Bạc Hạnh. Kiều "nghĩ mình tưng sẩy sa chân", một liều ba bảy cũng liều nên nàng chấp nhận kết duyên:

...Trước sân lòng đã giải lòng,
Trong màn làm lẽ tơ hồng kết duyên
Thành thân mỗi bước xuống thuyền,
Thuận buồm một lá xuôi miền Châu
Thái.

Hỡi ôi, "khi thuyền vừa dỡ bến nơi" thì Kiều mới nhận ra sự thật, nàng bị lừa thêm một lần nữa để bán vào chốn thanh lâu "cũng nhà hành viện xưa nay, cũng phường bán thịt cùng tay buôn người!". Kiều nguyện rủa cuộc đời "chém cha cái số má đào, gỡ ra rồi lại buộc vào như chó! Nghĩ đời mà ngán cho đời, tài tình chỉ lăm cho trời đất ghen!". Than ôi, "hồng quân với khách hồng quân, đã xoay đến thế còn văn chưa tha", Kiều "Biết thân chạy chẳng khỏi trời, cũng liều một phần cho rồi ngày xanh" nên Kiều đành chấp nhận số phận hẩm hiu của mình. Chính thời gian ở "nhà hành viện" này Kiều mới có dịp gặp được "khách biên đình" Từ Hải "râu hùm hàm én mày ngài; vai năm tấc rộng, lưng mười thước cao", một tay "giang hồ quen thói vẫy vùng, gươm đàn nửa gánh non sông một chèo", một loại anh hùng ngổ ngáo "ngành ngang một cõi biên thù, dọc ngang nào biết trên trời có ai". Sự gần bó giữa Kiều và Từ Hải không phải bằng mối tình say đắm của buổi ban đầu mà chính là mối tình "tri kỷ trước sau mấy người", mối tình giữa khách anh hùng với gái thuyền quyền. Từ ngày Kiều bị đẩy đưa vào cuộc đời sóng gió lưu lạc "cảnh xuân đã bẻ cho người chuyên tay", chỉ có giai đoạn sống với Từ Hải, Kiều mới tìm thấy một chút hạnh phúc thanh nhàn với duyên phận lứa đôi. Kiều được họ Từ săn sóc chu đáo :

...*Buồng riêng sửa chốn thanh
nhân,
Đặt màn thất bảo vây màn bát tiên
Trai anh hùng, gái thuyền quyên,
Phi nguyên sánh phượng đẹp duyên
cưỡi rồng*

Từ Hải sống với Kiều "nửa năm hương lửa đương nồng, trượng phu thoát đã động lòng bốn phương". Kiều xin "phận gái chữ tòng, chàng đi thiếp cũng một lòng xin theo", nhưng Từ Hải hẹn lúc nào "làm cho rõ mặt phi thường, bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia". Kiều ở nhà vô vô trông chờ và chợt thấy rằng "chốc đà mười mấy năm rồi", Kiều xót thương cha mẹ già yếu, nhớ đến chàng Kim - đến mối duyên bẽ bàng, nhớ đến Thúy Vân - đến mối tình cũ, và chắc rằng đôi lứa đã có con tay bồng tay mang :

... *Tiểu thay chút nghĩa cũ càng,
Dấu lia ngõ ý còn vương tơ lòng,
Duyên em dù nối chỉ hồng,
May ra khi đã tay bồng tay mang.*

Cuối cùng Từ Hải cũng cho "trúc tở kéo trước, kiệu vàng kéo sau" để đến đón Kiều về đại bản doanh. "Đây mình là về căn dai" đúng là "triều đình riêng một góc trời, gồm hai vãn vô vạch đôi sơn hà". Từ Hải ấm ở hỏi Kiều đã vừa lòng chưa về :

...*cả nước duyên ưa
Nhớ lời nói những bao giờ hay
không?
Anh hùng mới biết anh hùng,
Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?*

Đúng là đã thỏa lòng toại nguyện khi Kiều được Từ Hải chấp nhận cho cuộc đến ăn trả oán. Đối với "mấy người phụ bạc xưa kia" thì họ Từ ban lệnh "chiếu danh tằm nã bắt về hỏi tra"; đối với những ân nhân thì ban "lệnh tiến đem tin rước mới". Đối với Thúc Sinh thì Kiều tặng "Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân, tạ lòng để xứng báo ân gọi là". Đối với Sư Giác Duyên thì "nghìn vàng gọi chút lễ thưởng, mà lòng Phiêu mầu mấy vàng cho cần". Đối với Hoạn Thư thì "mười sáu cũng trả nghĩa sâu cho vừa". Nhưng Hoạn Thư trình bày "ghen tuông cũng chuyện người ta thường tình", dù "lòng riêng, riêng những kính yêu; chống chung ai để ai chiều cho ai". Kiều kính phục Hoạn Thư "khôn ngoan đến mực nói năng phải lời" nên "Tha ra thì cũng may đời, làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen" vì vậy Kiều tha cho Hoạn Thư. Riêng Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Bạc Bà, Bạc Hạnh, loài Ứng, Khuyến đều bị gia hình đến "máu rơi thịt nát tan tành". "Cho hay muốn sự tại trời; phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta!". Kiều bịn rịn giả tử Sư Giác Duyên, Sư cho biết rằng theo lời Tam Hợp Đạo Cô thì hai người sẽ gặp lại nhau không xa. Âu đó cũng là tiền định cho cơ duyên gặp gỡ sau nầy :

... *Mới hay tiền định chẳng lờ,
Đã tin điều trước ắt nhằm việc sau
Còn nhiều ân ái với nhau,
Cơ duyên còn đó hết đâu vội gì!*

(tiếp theo Viên Giác số 52)

VU LAN NHỚ MẸ

*Ngày lại ngày vẫn vợ nhớ chồng.
Buổi ấu thơ ... mẹ dưỡng nuôi con.
Màng chi nhặt phần phai son,
Miễn con khỏe mạnh lớn khôn mẹ mừng.
Con yếu đau Mẹ cưng lo lắng,
Chạy thuốc thang chẳng quản nắng sương,
Ít ăn mất ngủ là thường,
Vật ngon chất bổ Mẹ nhường con ăn.
Con lớn lên Mẹ năng dạy dỗ,
Để hiểu đời khỏi hổ mai sau.
Hiếu, Trung, Tiết, Nghĩa, làm đầu,
Công, dung, ngôn, hạnh ấy câu nằm lòng.
Phận nữ nhi tam tòng tứ đức,
Ấy con nhà trí thức hiền lương.
Trong nhà trên kính dưới nhường,
Ra ngoài nề nếp yêu thương giống nòi.
Thầy" Mẹ, dạy con thời chăm học,
Gắng lưu tâm thanh lọc tánh tình.
Tu tâm dưỡng tánh làm lành,
Rèn lòng giữ nét đức dành hậu lai.
"Bóng quang âm tháng ngày thấp thoáng,
Với thời gian chớp nhoáng dập dồn.
Mẹ không nối tóc nuôi con !...
Khổ con ở lại mệnh mông chớ đời.
Giờ vĩnh biệt tuôn rơi suối lệ !!!...
Biết rằng chừ ?... gặp Mẹ nữa đây ?...
Con chưa đền đáp phút giây,
Mẹ, Cha, Thầy, Tổ cao bay ngút ngàn !
Rầm !... tháng bảy "Vu Lan" sắp tới ...,
Con chí thành bạch với chư Tăng:...
Mười phương Tam Bảo, Hồng Ân,
Cầu xin tất cả siêu thăng Lạc Thành
Nhờ ơn Phật ! siêu sanh tịnh độ...
Cho tất cả, Thất Tổ cầu huyền ...
Tâm con mới được tạm yên,
Chút lòng báo hiếu đáp đền ơn sâu.*

*Nam Mô A Di Đà Phật
Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên
Bồ Tát Ma Ha Tát, Bái lạy ...*

(A.L.T.N)

Dưới mắt triều đình, Từ Hải chỉ là tên cường khấu phản loạn, nên đã ban chỉ cho quan Tổng đốc Hồ Tôn Hiến phải tiêu trừ. Thông minh tài trí như nàng Kiều mà cũng bị họ Hồ lung lạc, dùng kế mua chuộc, dút lót, hối lộ "ngọc vàng gấm vóc sai quan thuyết hàng", bởi họ Hồ "biết nàng cũng dè trung quân luân bản". Kiều dùng tình yêu và chức phận của triều đình để thuyết phục Từ Hải ra hàng. Họ Từ dù biết rằng "Bỏ thân với triều đình; hàng thần lơ láo phận mình ra chi", nhưng vì "lẽ nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu" để cuối cùng bị lừa gạt và bị giết! Thâm thương thay! Dùng anh hùng không vượt được qua ải mỹ nhân! Đẹp được Từ Hải, họ Hồ lại mê mẩn nhan sắc của Kiều nên bắt nàng "thị yến dưới màn", xếp Kiều như một kẻ hầu hạ. Rồi lại giữ thủ đoạn ma giáo "Đỡ say lại ép cung đàn nhật tâu; nghe càng đắmغم càng say; lạ thay mặt sắc cũng ngày vì tình!". Họ Hồ chẳng nghĩ gì đến ân nghĩa hay cũng có thể nói là công trạng của Kiều "dụ dỗ" Từ Hải ra hàng; cũng không thông cảm nỗi đau khổ của người vợ mới chết chồng, mà chỉ nghĩ đến hoan lạc nên lại tán tỉnh, ve vãn giờ tuồng trăng gió để mong "gỡ gạc chút tình thừa". Bị Kiều cự tuyệt, họ Hồ sợ mất mặt bấu cưa về sĩ diện của một vị tướng công đại biểu cho nhà vua "nghĩ mình sĩ diện quốc gia", nên Hồ Tôn Hiến đã ra lệnh ép gã Kiều cho một tên thổ quan. Đùng là duyên với nợ. Duyên thì coi như dây tơ hồng đã đứt; Còn nợ thì tự đầu đầu cưỡng buộc vào thân :

...Duyên dẫu ai đứt tơ dàu,
Nợ dẫu ai cứ đặt vào tận tay!
Thân sao thân đến thế này,
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi!

Vì vậy khi tên thổ quan dùng thuyền chở Kiều về tư dinh, thì Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử!
Nhắc lại trước đây Sư Giác Duyên được Tam Hợp Đạo Cô nói đến nỗi vô duyên về thân phận hồng nhan của Kiều :

...Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.

...Ma đưa lối quỷ đưa đường,
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi!

...Hết nạn nợ đến nạn kia,
Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần

...Oan kia theo mãi với mình,
Một mình mình biết, một mình mình hay.

Làm cho sống dọa thác dàu,
Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi!

Nhưng Kiều đã gieo được "nhân lành" lúc ban đầu là chịu hy sinh tình duyên của nàng với Kim Trọng, chịu

"bán mình chuộc cha"; nên cuối cùng nàng hưởng được "quả tốt". Cần nhắc lại, đến giai đoạn này Kiều đã xóa hết được những nghiệp duyên :

...Sư rằng: Song chẳng hề chi,
Nghiệp duyên cân lại nhắc đi đã nhiều.

Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,
Mắc điều tình ái khởi điều tà dâm,
Lấy tình thâm trả tình thâm,
Bán mình đã đồng hiệu tâm đến trời!

Cho nên đã đến lúc Kiều được hưởng những mối duyên lành về sau :

...Thưa công đức ấy ai bằng,
Túc khiến đã rửa láng láng sạch rồi

Khi nên trời cũng chiếu người,
Nhẹ nhàng nợ trước đến bởi duyên sau!

Do đó Sư Giác Duyên nhờ lời dặn dò của Tam Hợp Đạo Cô, nên đã "lần la tìm thú bên sông Tiền Đường" ngày "thuê năm ngư phủ hai người, đóng thuyền chực bến ketchai giang sông", trước là ven lối người sau có thể do duyên ta hoặc phước người mà Sư cứu vớt được Kiều :

...Trước sau cho vẹn một lời,
Duyên ta mà cũng phước người chi không?

Thật đúng là Sư có duyên và Kiều có phước nên Kiều được cứu sống. Khi được vớt lên Kiều còn "mơ màng phách quế hôn mai" thì Đạm Tiên hiện ra báo cho nàng biết dù phận mỏng nhưng lại được phúc dày, tấm lòng hiếu đạo đã thấu đến trời xanh, nên "sở đoạn trường" đã xóa tên và Kiều sẽ hưởng được lại mối duyên xưa :

...Đoạn trường đã trút tên ra,
Đoạn trường thơ phải dựa mà trả nhau

Còn nhiều hưởng thụ về sau,
Duyên xưa tròn mãn phúc sau đổi dào.

...Nạn xưa trút sạch lấu lấu,
Duyên xưa chưa để biết đầu chốn này!

Nhắc lại chàng Kim, nửa năm sau khi về thọ tang chú chàng trở lại vườn thúy mới hay Vương Viên Ngoại cửa nát nhà tan. Vương ông kể hết sự tình và nhắc lại lời trần trời của Kiều nhờ em là Thúy Vân chấp nối mối duyên mà nàng đã phụ bạc :

...Trót lời nặng với lang quân,
Mượn con em nó Thúy Vân thay lời,
Gọi là trả chút nghĩa người,
Sau này dặng đặc muôn đời chưa quên

Kiếp này duyên đã phụ duyên,
Dạ dài còn biết sẽ đến lai sinh.

Ồi đau đớn thay, chàng Kim "vật mình vẩy gió tuôn mưa, dầm dề giọt ngọc thần thơ hôn mai; đau đời đoạn ngắt đời thôi; tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê", để rồi "ruột tấm ngày một héo hon, tuyết sương ngày một hao mòn mình ve;

thần thơ chung tình như chàng Kim? Chàng lại nhờ người dò hỏi mọi nơi mà "mệnh mông nào biết đất trời nơi nào", cho nên theo lời khẩn cầu của Vương ông và lời trần trời của Kiều, chàng Kim tuy vui duyên với Thúy Vân mà hầu như chẳng bao giờ quên được mối tình xưa với Kiều :

...Tuy rằng vui chữ vu quy,
Vui này đã cất sầu kia được nào,
Khi ăn ở lúc ra vào,
Càng âu duyên mới càng dào tình xưa.

Tình xưa được nhắc lại lần nữa để ăn đến nghĩa trả cho thân bằng quyến thuộc khi Kim Trọng và Vương Quan thi đỗ cùng khoa :

...Tình xưa ăn trả nghĩa đến,
Gia thân lại mới kết duyên Châu-Trấn.

Kim Trọng được bổ nhiệm làm quan ở chốn Lâm Truy, âu cũng là cơ duyên tái hợp! Thúy Vân năm mộng gặp lại Thúy Kiều; Kim Trọng tức tốc truyền lệnh cho người dò la. Gặp họ Đỗ tâu lại chuyện cũ 10 năm của Kiều vì số phận long đong phải gắn bó duyên nợ với Thúc Sinh, để nàng phải :

...Phong trần chịu đã é chề,
Tơ duyên sau lại xe về Thúc lang.

cho đến khi phải duyên tri kỷ với Từ Hải :

...Gặp nàng khi ở Châu Thai,
Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên
đến khi Từ Hải sa cơ chết đứng,
Kiều bị ép duyên với một tên thổ quan :

...Nàng Kiều công cá chẳng đến,
Lệnh quan lại bắt ép duyên thổ tù.

c cuối cùng Kiều phải trâm mình xuống sông Tiền Đường. Kim Trọng nghe kể rõ sự tình lại càng đau đớn "thương ơi không hợp mà tan; cá nhà vinh hiển riêng oan một người", vì thế chàng lập đàn giải oan cho Kiều. Âu cũng là mọi sự đều có cơ duyên hay căn duyên cá-do duyên sanh duyên khởi để đến kỳ thọ được duyên quả, cho nên Sư Giác Duyên tình cờ mới ngang qua và ngạc nhiên nhìn thấy bài vị Thúy Kiều và sau đó báo tin cho Kim Trọng là Kiều còn sống :

...Cơ duyên dẫu bồng lạ sao,
Giác duyên dẫu bồng tìm vào đến nơi.

Trong buổi tiệc đoàn viên, Thúy Vân trình bày, vì gặp lúc gia biến hoạn nạn mới đem duyên chị buộc vào duyên em. Bảy giờ sau mười lăm năm trôi nổi gặp lại được nhau, xin chị và chàng Kim nối tình cũ duyên xưa :

...Gặp cơn bình địa ba đào,
Mới đem duyên chị buộc vào duyên em

Cũng là phận cái duyên kim,
Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao,
Nhưng là rày ước mai ao,
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu
tình !

Nay còn gặp lại duyên may, gặp
người yêu cũ thỏa nỗi ước mong chớ
đợi trong thời gian dài dang dặc,
xin hai người hãy nhớ lại những
lời thề hẹn ngày xưa dưới vầng
trăng cũ để kết tóc xe tơ :

...Còn duyên may lại còn người,
Còn vầng trăng cũ còn lời nguyện
xưa

Quả mai ba bảy đương vừa,
Đào non sớm liễu xe tơ kịp thì !

Kiểu nhất mực tửu chơi, xin tiếp
tục tu hành bởi đời Kiều đã "đãi
gió dầm mưa quá nhiều"; nhưng Kim
Trọng quả quyết rằng đã trót thể
sinh tử có nhau, thì dù cho vật
đổi sao đời cũng phải giữ lấy lời;
vả lại hoàn cảnh ngang trái nên
tình duyên mới bề bằng chứ chẳng
ai phụ phàng nhau :

... Dẫu rằng vật đổi sao dời,
Từ sinh cũng giữ lấy lời từ sinh,
Duyên kia có phụ chi tình,
Mà toan sẽ gánh chung tình làm
hai?

Kiểu cho rằng tấm thân nàng không
còn trinh bạch nữa, nên hồ thẹn
không xứng đáng chấp nối lại mối
tình cũ, chỉ mong đem tình chồng
vợ đời thành tình bạn thơ họa, cảm
kỳ...

...Nàng rằng: Gia thất duyên hài,
Chút lòng ân ái, ai ai cũng lòng
Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhị trắng vòng tròn
gương

Chữ trinh giá đáng ngàn vàng,
Được hoa chẳng thẹn với chàng mai
xưa,

Thiếp tử ngộ biến đến giờ,
Ông qua bướm lại đã thừa xấu xa,
Bấy chầy gió táp mưa sa,
Mấy trắng cũng khuyết, mấy hoa
cũng tàn...

Kim Trọng lại giải thích rằng "Xưa
nay trong đạo đàn bà; chữ trinh kia
cũng có ba bảy đường; có khi biến
có khi thường; có quyền nào phải
một đường chấp kinh, như nàng lấy
chữ hiếu làm trinh; bụi nào cho
đục được mình ấy vay".
Thế là Kiểu phải nhận lời. Đêm
động phòng hoa chúc với niềm bằng
khương về duyên mới - cứ coi như
là mới, lại ngậm ngùi về mối tình
xưa - 15 năm rồi còn gì! Tình
duyên đó tưởng đã tan biến trong
cuộc đời đoạn trường oan khổ, nay
lại được tái hợp !

...Động phòng diu đặt chén môi,
Bằng khuâng duyên mới, ngậm ngùi
tình xưa.

Những tú sen ngó đào tơ,
Mười lăm năm ấy bấy giờ là đây,
Tình duyên ấy hợp tan này,
Bi hoan mấy nỗi đêm chầy trắng sao

Bây giờ mới đúng là mối duyên tái

hợp, duyên hội ngộ sau 15 năm dài
dang dở Kim-Kiều mới hưởng được
cuộc sống thanh nhàn :

...Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chớ trăng lên,
Ba sinh đã phí mười nguyên,
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn
bầy!

Đúng là "ngậm hay muôn sự tai
trời; trời kia đã bắt làm người có
thân, bắt phong trần phải phong
trần, cho thanh cao mới được phần
thanh cao"...

* *
*

Chữ DUYÊN đã đeo đẳng mãi cuộc đời
gian truân của Kiều trong suốt 15
năm đoạn trường. Từ mối duyên gặp
gỡ Kim Trọng ban đầu tưởng là mối
duyên lành, nào ngờ trở thành mối
duyên dang dở. Tự sự lăm lăm với
Mã Giám Sinh để trở thành duyên
oan nghiệt phải gởi thân vào chốn
thanh lâu. Từ mối duyên tam bộ,
chấp nối với Thúc Sinh mong tìm
nơi nương tựa lại trở thành mối
nghiệp duyên - làm thân nô tỳ. Từ
mối duyên tri kỷ với Từ Hải để trở
thành bị ép duyên với tên thổ tù.
Tưởng là trăm mình xuống sông Tiền
Đường để chằm dứt nợ trần duyên
cuối cùng lại được mối duyên tái
hợp với Kim Trọng. Cuộc đời của
Kiều là một chuỗi triển miên DUYÊN
- TÌNH - NGHIỆP - NỢ - ẪN - OÁN -
PHÚC - PHẦN theo hoàn cảnh tạo
loạn của xã hội; nhưng Kiều lúc
nào cũng nghĩ về chốn cũ, về gia
đình, về Kim Trọng bằng một mối
tình thủy chung.

Chúng ta có được như Kiều hay
không? Chỉ còn hơn năm nữa là đúng
15 năm xa xứ, có ai trong chúng ta
mà không hoài đoạn thao thức nhớ
về quê hương :

...Đêm khuya ngất tạnh mù khơi,
Thấy trăng mà thẹn những lời non
sông.

Rừng thu từng bước chen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thân
hôn.

và niềm vui tìm được, có chăng
chỉ là phút giây thoảng qua trong
niềm ưu tư rối mù :

...Đôi phen nét vẽ câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới
hoa,

Vui là vui giọng kéo mà,
Ai tri âm đó mẩu mà với ai
Thơ ở gió trúc mưa mai,
Ngẩn ngơ trăm mối dúi mài một
thân,

Ôm lòng hoài đoạn xa gần,
Chẳng vô mà rồi chẳng dẫn mà đau!

Để rồi buồn bã nơi này chốn nọ
mong tìm kiếm một hình ảnh nào đó
gợi nhớ về quê cũ; nhưng khôn thay
chẳng bao giờ tìm thấy và mối
chặng đường ra đi là một niềm đau
đầy vò cầu xé :

... Đêm thu khắc lậu canh tàn,
Gió cây trút lá trắng ngân ngân
gương,

Lối mòn cỏ nhạt màu sương,
Lòng quê đi một bước đường một
đau!

Cuối cùng chúng ta mới nhận được
rằng :

...Tấc lòng cố quốc tha hương,
Đường kia nối nọ ngồn ngang bởi
bởi

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm

15 năm - thời gian chưa dài, chưa
đủ cho một cuộc trường kỳ tranh
đấu để xây dựng cho một ngày về
quang phục quê hương. Nhưng ngày
lại tháng qua, thời gian đưa con
người gần với tuổi già, gieo những
oái bi quan:

...Chốc đà mười mấy năm trời,
Còn ra khi đã da mới tóc sương.

Rối những tháng trâm khó khăn trên
cuộc đời xa xứ để sinh ra những
nỗi chán chường nhún chí :

...Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm
chí!

Hãy nhìn vào thực tại, dù hiện nay
các tổ chức hội đoàn của chúng ta
chưa thực sự đoàn kết chắc chế
thành một khối trong cùng một mục
đích đấu tranh lật đổ tập đoàn
thống trị độc tài vô nhân Cộng Sản
Hà Nội; Nhưng những nỗ lực trong
thời gian qua cũng cho ta một niềm
tin :

...Những là rày ước mai ao,
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu
tình.

để tạm chấp nhận :

...Những tú sen ngó đào tơ,
Mười lăm năm ấy bấy giờ là đây!

Bởi vì cuộc sống phong trần sẽ
nung đúc cho ta ý chí kiên cường
của người dũng sĩ :

...Phong trần mài một lưỡi gươm,
Những phường giá áo túi cơm sá gì!

May thay, trong chúng ta không có
ai là phường giá áo túi cơm cả !
Bởi vì, dù với lứa tuổi nào, dù
với hoàn cảnh nào chúng ta cũng
sẵn sàng mang gươm trở về phục
quốc !



BÀI KINH CUỐI CÙNG

VŨ NAM

Nhân chuyến đi dự lễ đám tang của chú Chu về, Trường mới có dịp ôn lại quãng đời của mình và chú gần hơn 8 năm ở Đức.

Chú Chu qua Đức trước Trường 2 năm, tại một thành phố miền Nam nước Đức nằm cạnh bờ hồ, khá nổi tiếng ở Châu Âu. Hồ thật lớn và thật đẹp! Đẹp nhất vào những ngày hè. Ngoài cái thú được tắm, du khách còn được hưởng những trò chơi trên mặt nước. Đứng bên này bờ hồ, nhìn về phía bên kia, dãy đất của Thụy Sĩ nhỏ cao màu xanh đậm, với những chiếc thuyền đủ màu thật nhỏ. Hình ảnh ấy xem như bức tranh. Sau này khi đã đi về thành phố khác ở, cứ đến hè Trường thấy "ghiền" làm sao đến cảnh bờ hồ.

Trường và gia đình đến đây khi màu da và cách ăn mặc vẫn còn vướng vấp hình ảnh và hơi hướng bên quê nhà.

Chú Chu là đại úy ngày trước, tính tình chú vui vẻ, chú thích nhậu và kể những chuyện vui. Thường tiệc nhậu hay tiệc trà nào có chú là có cười. Lúc nào nghe thì chú hay gật gật cái đầu. Tính ý này giúp cho chú có cái việc giao thiệp: hòa mình với người đối thoại. Nếu có phản ứng chú thì chỉ phản ứng bằng cách ôn hòa. Chú hay kể chuyện trời, chuyện nước ngày xưa trong bàn tiệc :

- Ngày xưa, ở quân trường, dân khóa sinh đi học, tụi đâu có đủ dân hay thích lo lót gì, mà thường là ngày chủ nhật, tụi tân binh về cứ đem cho đồ nhậu. Những đứa ở miền Tây thì đem cho rần, cho rùa; những đứa ở miền Đất Đỏ, Long Khánh thì cho trái cây, cứ tân binh ở miệt nào thì mình thường thức được những món ngon vật lạ ở miệt đó. Cứ nói không nhận mà tụi nó cứ cho. Thôi thì tụi nó có lòng cho thì mình có lòng nhận. Tâm hồn chú giản dị, và chú pha trò như thế làm các anh em ngồi quanh bàn phải bật cười.

Những ngày vừa đến Đức. Tâm hồn Trường cũng như các anh em trai trẻ khác nói chung rất là phấn khởi. Những mộng ước tự ban đầu, khi vừa rời đất nước, vẫn còn ước đầy trong đầu như những cảnh hoa, chỉ chờ một đêm xuân nào đó nở bậc ra thành những hoa đa sắc. Với đầu óc thích sống với cộng đồng và thích đi vào những

việc làm để xây dựng ngày trở về, nên Trường thích nói chuyện về vấn đề cộng đồng và thời sự. Những tai nạn của thuyền nhân làm Trường buồn, và những tin tức của anh em kháng chiến từ nội địa làm chàng phấn khởi. Chàng muốn lấy sức mình để góp làm sức chung. Chàng nghĩ chỉ có đoàn kết và bắt tay vào làm thì mới có ngày về, nếu không, mười năm, mười lăm năm, hay xa hơn nữa, cũng sẽ không bao giờ có ngày về; nếu có chăng, cũng chỉ là về trong vòng tay của những anh công an bộ đội, đang nắm quyền binh ở quê nhà. Chàng lao theo những hoạt động như những cơn lốc, kéo từ vùng này đến vùng khác, bất kể thời gian, bất kể hoàn cảnh. Chàng quên đi những sinh hoạt có tính cách văn hóa xã hội thuần túy. Chàng chỉ thích những sinh hoạt cộng đồng đi thẳng vào những biến chuyển nóng bỏng của người tỵ nạn và tình hình đất nước Việt Nam. Nên đôi lần nói chuyện với chú Chu, rõ ràng là Trường thấy chưa có thể cảm thông với những ước mong của chú :

- Các anh tổ chức hội hè ra sao thì tui cũng cố gắng giúp. Các anh cứ làm trước tui phụ cho. Nhưng tuổi tui bây giờ lớn rồi, lại thường mỗi mết, không hoạt động được nhiều như hồi còn trẻ. Gần 50 tuổi thì coi tui cũng thuộc loại già. Vậy nếu các anh có thì giờ và điều kiện, lâu lâu một lần rước một thầy về đây tụng kinh, nấu ăn chung một bữa cơm chay. Tụi tui đến đây gần 2 năm rồi mà chưa làm được ! Thấy đợt sau này các anh trai trẻ đến, hăng hoạt động, nên tui đề nghị như vậy. Các anh thấy sao ? được không?

Ở thời gian đó, Trường thấy việc đó chưa cần thiết. Hơn năm năm sống ở quê nhà với chế độ mới, Trường đã không còn nghe được tiếng chuông chùa. Nói cho thật, thỉnh thoảng gặp một vị thầy, mặc tăng y, đầu cao nhân nhụy. Những hình ảnh như vậy thường xuất hiện thật nhanh và biến mất cũng thật thối vụt qua trong cơn gió thật mạnh. Hình ảnh vị thầy như thế trong giây phút ngắn ngủi, không thể kéo tâm hồn Trường đến chỗ bằng lại tiên cảnh, đến chỗ vô vi thanh tịnh. Chàng bận rộn trăm bề, và rồi ren cuộc sống sau ngày

tan cuộc chiến. Các thầy chắc hẳn cũng thế: bị ép đi nghĩa vụ quân sự, nếu thầy nào còn trẻ. Khó khăn với đời sống cơm rau gạo hạnh, vì chính sách phân phối lương thực khắt khe của nhà nước. Các chùa cũng vắng bớt tiếng chuông. Phật tử bị cấm tụ họp đông đảo. Việc cúng tế không còn rầm rộ như những thời gian trước.

Trường đã từ từ xa rời cửa chùa trong những năm tháng ấy ! Không như thời gian còn nhỏ, cảnh chùa, khách thập phương về chùa với những bộ quần áo màu xám trắng được trình trong mặc vào trước khi vào chùa lễ Phật, là những hình ảnh vừa trình trọng vừa thướt tha, vồn vồn trong đầu, trong ký ức. Hình ảnh các bậc thang đá từ dưới chân núi để đi lên các ngôi chùa, màu xám bông, bị mài nhẵn dưới bước chân Phật tử, khách thập phương, vẫn còn lộng lẫy trong đầu chàng. Những cọng cỏ xanh non xen trong những kẽ đá, đội trên đầu long lanh những giọt sương đêm, chỉ cần một sự đụng chạm nhỏ bởi các bước chân cũng có thể rơi xuống thấm lá tả trên các phiến đá. Những con cuốn chiếu mình màu nâu bóng bờ ngang qua các bậc tam cấp để đi, khi bị đụng chạm vội cuốn vào y hệt như tấm thảm tròn màu nâu nhỏ nhỏ, được dệt xen kẽ với những đường nét màu trắng ngà. Thường thì hai bên lối đi những loại hoa rừng vươn lên trên những cánh lá, cho một ít hương thơm. Thỉnh thoảng một vài cây mai nở muộm với cành nhánh thật thanh, thật dịu... Những hình ảnh ấy là những hình ảnh trong quá khứ, thời còn trẻ thơ, thời gian còn thánh thiện, trẻ còn nhìn đời bằng cặp mắt trong sáng và long lanh. Dần dần lớn lên, là dần dần đi vào cuộc sống. Hình ảnh ngôi chùa, tiếng chuông, cái mõ, và khách thập phương, là những hình ảnh mờ nhạt dần trong những hình ảnh đẹp được ghi nhận trong đầu chàng. Vội vã đi học để khỏi đi lính. Đi lính thì đầy gian nguy, đối diện thường ngày với cái chết và những cái đau thương do chiến tranh mang lại trên đời sống người dân. Thấy là khổ, là ghê sợ đó. Nhưng ngày ấy, Trường cũng như các người trẻ khác, có tài nào thoát ra cái hoàn cảnh ấy ! Hoàn cảnh từ lâu đã bắt nguồn trong một xứ sở của chiến tranh. Người dân đã sống với chiến tranh, đã quen, và người dân xem đó là sinh hoạt hàng ngày như những cuộc sinh hoạt khác. Tội đường xe bị đập mó; một vài người bị bắt dân đi, bị bắn. Tin chiến sự từ cao nguyên, từ Đồng Tháp, loan về mỗi ngày trên đài phát thanh. Báo chí in hình nhan nhản. Những việc như vậy có gì là thời thúc, là giục giã nữa đâu. Người dân vẫn nghe,

BÀI LỤC BÁT KHÔNG TÊN
(tặng Nguyễn Hữu Huân thêm một lần ra biển)

Bây giờ ta tuổi bốn mươi
tóc sương đã bạc nửa đời trắng tay
năm năm cuộc sống lắt lây
xứ người đất khách mộng xây vỡ lần
bạn bè đứa Bắc đứa Đông
đứa còn đứa mất đứa ngông chửi đời
đứa vất vưởng đứa bụi đời
đứa tiêu lòn giặc đứa thời lặng cầm
năm năm chí khí gây mầm
trán nhãn đầu rồng tướng lẫm cả ta
xót xa ta khóc thương ta
cuộc đời quá nửa ta là ai đây ?
giờ đây tay vẫn trắng tay
nợ nhà nợ nước khát nhầy bao phen
từ ngày chúng nó vào Nam
nhà tan nước mất dân lầm than hơn
người chết đứng kẻ chết hơn
bao nhiêu xác gởi đại dương hãi hùng
năm năm bỏ vợ lạnh lùng
bỏ con nheo nhóc bỏ sông núi buồn
tưởng đi cầu nước rửa hồn
ngờ đâu vất vưởng một phường túi com
năm nay tuổi bốn mươi tròn
mong chỉ được thấy nước non thanh bình
ước gì cái tuổi còn xanh
tim tràn nhiệt huyết mắt xanh nhìn đời
giờ đây đã quá nửa đời
thân tàn trí cạn mộng đời tan thương
ước mơ còn lại vo tròn
xuôi tay nhắm mắt xác chôn quê nhà
một đời ngẫu lục xót xa
mộng bay theo mộng như là mây trôi.

Hạ Long

chiến tranh VN như việc ăn uống hằng ngày. Cũng như mây, thật là tao không thể tưởng tượng nổi.

Đúng thế ! Mỗi ngày ở đây, nó cứ nhìn trên truyền hình, rờng rã năm này sang năm khác, ngày này sang ngày khác, hình ảnh đạn bay, khói tỏa mù trời, những tử thi, những tiếng khóc, thì thử hỏi sao mà nó không kinh hoàng, không muốn điên, để nghĩ là người VN sẽ diễn trong hoàn cảnh đó.

Rồi đời sống như thế cứ kéo dài, kéo dài đến khi hết cuộc chiến. Rồi đời sống người dân lại xoay qua đối diện với khuôn mặt khác của xã hội. Đời sống không còn sợ chết chóc và chiến tranh, mà lo sợ cho cái đói trong ngày mai, trong những ngày tối. Mọi người chỉ còn biết mưu tính cho cái ăn, và chỉ lo giữ chừng trong từng lời nói. Một hình thái sinh hoạt trong thời hòa bình là như thế ! Bị kiềm hãm quá họ bắt đầu bung, họ bắt đầu vượt biên tỵ nạn.

Ở đây bây giờ, mỗi khi có dịp ăn uống với bạn bè, rượu thật ẻ hề, tàn tiệc, thường là tâm hồn Trường quay về với những người thân, với thầy với bạn còn kẹt ở quê nhà. Lúc vượt biển, muốn kéo theo vài ông thầy. Ông nào cũng muốn đi, nhưng ông nào cũng bị kẹt. Một ông thầy bị bệnh, nằm trên giường than thở :

- Thầy muốn đi cùng em lắm, nhưng rui quá thầy đang bệnh ! Nếu trẻ được vài ngày thì Thầy theo. Còn như đêm nay hay ngày mai mà em đi thì thầy đành chịu. Thôi, nếu em đi thì thầy cũng chúc em đi được bình an, đừng để bị bắt lại, qua gặp bạn bè thì liên lạc với nhau, có dịp thầy qua sau.

Một ông khác vì kẹt không có vàng để trả cho chủ ghe, và vài thằng bạn cũng đi không được chỉ vì nhà không có vàng. Bọn nó là giáo viên cấp 2, mà sau này khi thử từ qua lại được, chàng biết được tại nó bị chuyển đi dạy ở những trường thật xa huyện lỵ. Thế là cuộc đời của tụi nó yên ổn ở nơi đó rồi ! Yên ổn với đám học trò nghèo khổ quần rách bươm, yên ổn với củ sắn củ khoai đậm bạc qua ngày ! Hình ảnh mấy ông thầy cũ, đời sống hiện tại trên quê hương bầy chừ của bạn bè, là những hình ảnh được ấn vào đầu, vào tim của Trường trên bước đường tỵ nạn. Chàng thường chỉ biết lay quay với những hình ảnh bận bịu đó. Những cái vui cũng có nhưng thường qua rất nhanh. Như những lần uống rượu thật say với bạn bè. Một lần đi Disco để cho biết có cái gì trong đó : ánh sáng thật nhiều màu, quay thật nhanh, thật cuồng loạn, những gương mặt xanh đỏ hiện lên, nhún nhảy trong ánh sáng bập bùng. Và những nơi Sexshop: nơi người ta trưng bày

vẫn màn ăn, và họ vẫn quên chuyện cũ để chờ đón những chuyện khác mới lạ hơn. Một sinh viên Đức, đang thực tập trong hãng Trường đang làm việc có một nhận xét lúc đầu chàng cho là

kỳ cục. Nhưng nghĩ lại dần dần thấy nó có lý:

- Lúc đầu người Việt Nam qua đây, tao nghĩ thế nào rồi người nào cũng sẽ bị bệnh tâm thần. Nhưng ngược lại tao gặp rất nhiều người tinh táo, nói chuyện về

xác thịt, trần trụi và lộ liễu như những con búp bê chưa mặc áo, gồm đủ loại màu da. Những làn cận kề xác thịt với những người thật đẹp, nhưng thật xa lạ. Những cuộc vui chơi phút chốc ấy chẳng cho rằng để có thêm kinh nghiệm sống trong đời, chỗ vấn vương với nó cũng không tốt. Trường cố giữ mình như những du khách trong những đoạn đường rừng, qua những đoạn cầu bằng tre nửa mong manh được căng giữa bầu trời rộng rãi xanh lơ, mà mãi nhìn ngắm sẽ không còn kịp những người bạn đồng hành đã đi qua bên kia bờ. Những cuộc vui như thế tàn đi rất mau, nhường lại cho những suy nghĩ trong nội tâm về hoàn cảnh những người còn kẹt lại. Những hình ảnh ấy chẳng thấy gần bó hơn, thấy da diết hơn, và thấy sôi nổi hơn dù chỉ ở trong đầu, hơn là những cuộc vui chơi phút chốc.

Trở về chú Chu, trở về những ngày còn ở với hội hè, chú Chu cũng là người rất hâm mộ bóng đá. Ngày ấy, đội bóng tỉnh nhà thiếu chân đá, chú cũng đá cho, và thiếu chân thủ môn chú cũng vui vẻ nhận dùm. Chú nói hoài :

- Được, cứ giúp gì được anh em trẻ tôi giúp liền mà !

Chú bắt banh thật hay, tướng tá chú nhỏ nhưng chú rất nhanh nhẹn. Chú vờn qua vờn lại bắt banh, xin lỗi trước vòng hôn chú, y như các anh khi lúc chuyển cây để đi chuyển. Trận banh có lúc ăn lúc thua, nhưng trước và sau đó luôn luôn là có nhậu nhẹt, cười đùa vui vẻ. Lâu lâu nhìn lại tấm ảnh chụp chung mấy anh em trong đội bóng đá ngày nào, nhìn qua chú Chu với gương mặt thớm, trán hói cao, thân hình nhỏ nhắn, đang cười cười đứng chung với các anh em trai trẻ, lòng Trường bỗng thấy dâng lên một niềm xúc động bồi hồi. Chú Chu là người vui vẻ, ỉ khách sáo, nhưng chú biết giữ lễ với tất cả anh em, kể cả những người nhỏ hơn chú mười, mười lăm tuổi. Chú vui nhưng chú không sôi nổi với những lời lẽ lớn. Có lẽ thời sôi nổi là thời đi lính của chú Chu đã qua. Bây giờ chú co lại như loại ốc co rút sâu vào trong lớp vỏ cứng của mình bởi những tiếng động chung quanh, nhốt nhất và sợ sệt. Đó có lẽ là cá tính chung của những người đàn ông đã lớn tuổi. Tàn cuộc vui, trở về với gia đình, tính chú trầm lặng, lại không đùa giỡn nhiều với các con, chơi với những loại kiếng loại rau, cắt xén và ngắm nghĩa nó mỗi ngày. Một cái lồng chim, với những con chim màu vàng nhỏ nhỏ, nhảy tới nhảy lui. Chú kể :

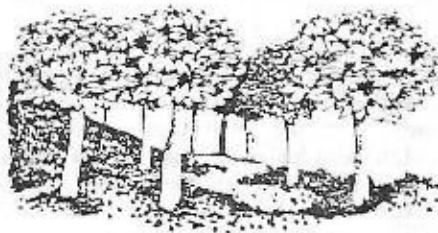
- Nó quen rồi, nên sáng sáng tôi cứ thả nó ra, nó chỉ bay quanh

quần đây thôi, rồi vô trở lại trong lồng, chỗ không bay mất.

Trong nhà chú bày biện như nhà ở Việt Nam. Tủ thờ lớn và cao. Bàn Phật có chong đèn. Bàn thờ tổ tiên. Ngồi trong phòng khách của chú mặc dù đang vui đùa, nhưng vây quanh là hình ảnh thờ tự, nên khách tới thăm thường cũng giữ lễ và nghiêm trang. Những vọng động trong phút chốc bị gương mặt hiền hậu và ánh mắt từ bi của Đức Phật chế ngự, lòng thấy trầm lặng hơn và yên tĩnh hơn. Những chup giút và sôi nổi trong đời sống đã tan biến, tâm hồn thấy lắng dịu.

Tối thăm chú nhiều lần, hình ảnh cảnh nhà chú với những đường xe lửa nằm trơ vơ trên mặt đất. Những đường xe như những đường kẻ màu nâu đen, từ xa chạy đến, ngang qua, rồi tiếp tục đến cuối tận chân trời. Cạnh đường xe là những miếng rác nằm trơ vơ trên mặt đất, với một màu nâu thẫm quanh năm. Nơi đây cũng có một trạm ngừng xe, nhỏ, phụ, hành khách thưa thớt, hoang vắng.

Hôm đưa đám chú Chu, Trường



phải chạy một đoạn xe hơn một trăm cây số. Buổi sáng trời đầy mây mù, gió thổi làm chiếc xe đang chạy chao đi chao lại nhiều lần. Càng xuống miền Nam mây mỗi lúc một đè nặng hơn, và mưa bắt đầu rơi lất phất. Trên đường đi tâm hồn Trường không nghĩ gì ngoài hình ảnh chú Chu. Có lẽ chú lăn lộn trong cơn đau lắm ! Vì mỗi cách đây vài tháng một người quen báo cho chú biết chú bị đau gan, hay gì đó, mà phải chuyển vào nhà thương chuyên môn gần cả ngàn cây số. Chuyển xa như vậy nên Trường tự nghĩ bệnh chú phải trầm trọng lắm. Rồi gió thổi vu vu ngang hông xe, những ngọn cây phía trước mặt, xa xa, đang xiêu vẹo, làm dứt quãng dòng suy tư đang miên man diễn tả trong đầu Trường. Như những hình ảnh vui có, buồn có, trong giấc chiêm bao, đánh dưng ra đã biến mất ngay vì tiếng động nhỏ làm tỉnh giấc. Sự dứt quãng như thế làm trường phải ôn lại từ đầu trong trí nhớ. Chẳng thấy dần dà lớn tuổi, trí nhớ mình cũng không còn tập trung và nhạy bén như xưa. Chẳng bắt đầu đi xuống, chứ không còn hướng lên như cái tuổi

mười tám, hai mươi ôm ấp đầy mộng đẹp. Câu nói của một người viết văn đã lớn tuổi chàng nghiêm dần thấy đúng : "Các anh - những người trẻ - thường hướng về tương lai, trong khi tôi tôi thường quay về với quá khứ". Đời người quả là một cuộc đi, mà đường chỉ là một vòng tròn. Cái khởi điểm và mức tới chỉ qui về một mối. Đúng trên vòng tròn ở một thời nào đó, ta cứ nghĩ là ta tiến trên con đường thẳng. Nhưng có lẽ, thật ra, chỉ là một đường vòng! Chẳng suy nghĩ như thế, và bằng lòng với điều suy nghĩ của mình. Chàng lại nhớ lại được là trước khi có ngọn gió mạnh thổi qua chàng đang nghĩ đến cái bệnh của chú Chu. Hôm gặp mấy đứa cháu ở nhà, nghe chúng kể lại :

- Bác sĩ nói ba đau gan, nhà thương ở đây không trị được, phải đưa về nhà thương chuyên môn ở tận miền Bắc lận.

- Còn má đâu ?

- Má đã đi theo để lo cho ba.

- Nhà chỉ còn ba anh em ?

- Dạ.

Ngôi nhà đơn vắng như thiếu bàn tay chăm sóc của người đàn bà. Lột lột không còn ánh sắc như thiếu bàn tay trồng trọt hoa kiếng của người đàn ông. Mấy đứa nhỏ co rút đứng chụm đầu với nhau, chắc chúng chỉ mong đợi tin vui của mẹ đem về. Nhưng không, vài tháng sau chú mất !

Tiếng cánh cửa nhà mồ kêu cái kẹt. Nhỏ nhưng nghe thật lạnh. Không biết có phải là anh lạnh từ tâm hay không? Gần hai mươi người Việt ở một địa phương hẻo lánh trên nước Đức, lục đục theo vị thầy tu mặc áo lam từ nhà kéo đến nghĩa trang. Chờ đợi vài phút mới có người gác nhà mồ ra tiếp chuyện. Ông hơi ngạc nhiên vì thấy có một vị thầy mặc áo màu lam. Có lẽ hình ảnh này ông chưa bao giờ gặp. Người bản xứ đã có vị linh mục, và những nghi thức gần như nằm lòng trong đời sống của vị chức sắc giữ nhà mồ này. Mặc dù là hơi ngạc nhiên nhưng gương mặt của vị này không có vẻ gì là xúc động, hẳn là ông ta đã quen quá với cảnh thân nhân người chết lục đục đến đây, ồn ào lên một chút với tiếng khóc và tiếng chuyện trò than thở, rồi sau đó cũng trả lại cái yên tĩnh cho khu nhà mồ cái vẻ âm ụ, sâu thẳm, như ngàn năm của nó. Rồi vị lại chuẩn bị cho một lần cầu kinh của một đám tang khác.

Vị bước tới gần vị thầy tu và hỏi điều gì đó. Vị thầy tu trả lời sao mà ông ta trở mắt nói với thầy là để xin ý kiến của người khác.

Mọi người đứng ngoài lại chờ đợi. Những cây cỏ chung quanh vẫn còn nằm rạp sau cơn mưa

TÔI RA MIỀN BẮC

NHIÊN HỒNG

Các loại cây cho bóng mát với cành lá thật rậm, vẫn còn ẩm ướt ú rừ. Khu nhà mở cách đường xe cộ không bao xa, nhưng có lẽ trời còn sớm hay sao mà Trường không thấy, không nghe tiếng xe chạy. Do đó cảnh vật đã yên tĩnh lại càng yên tĩnh hơn! Mọi người lại chụm đầu rù rì, chào hỏi, lâu lâu quay mặt về cánh cửa chờ đợi. Không bao lâu thì vị giữ nhà mở lại ra, chỉ một cái gật đầu thì mọi người lần tới đi vào bên trong, nơi quảng những cái quan tài để chờ ngày mang đi hỏa thiêu.

Cổ quan tài của chú được đặt ngay ngắn, trình trọng, trước mặt mọi người. Những đèn cầy và đèn điện trong phòng làm lễ được đốt lên. Ánh sáng lơ mơ. Trầm hương đã đốt. Hương thơm quyện lẫn trong làn khói đã bay lên. Thím và mấy đứa nhỏ đầu quần khăn tang trắng, đang quỳ lạy trước cổ quan. Cùng với người Việt Nam, những người Đức chung quanh quen biết với gia đình cũng đã đến đây để làm lễ tiễn biệt. Họ cắm hương và làm dấu thánh giá. Trong phòng hương trầm đã nghi ngút. Mọi người đứng yên để theo dõi từng động tác của vị thầy: chuẩn bị mở chuông quần áo, trước khi đi vào buổi tụng niệm. Mọi người đứng đó, yên lặng, cúi theo những ý nghĩ riêng tư trong đầu, hoặc những hình ảnh đang xảy ra trước mắt. Ở một vùng thật xa với quê hương thật ít người Việt sinh sống. Những sinh hoạt thật Việt Nam, có máu Việt Nam, đã như tắt từ mấy năm nay. Mỗi gia đình Việt Nam sống ẩn trong đời sống gia đình, quanh quẩn trong gia đình, giềng mối trong gia đình. Những sinh hoạt bề ngoài có chăng là sự chào hỏi, hay gặp gỡ cuối tuần giữa vài ba gia đình thân quen, những sinh hoạt cộng đồng gần như đã tắt hẳn. Hôm nay có lẽ là ngày gặp nhau đông đủ để dự buổi lễ tiễn đưa sau cùng của một người trong địa phương đã mất. Nhưng vì cần giữ yên tĩnh cho buổi tụng niệm nên mọi người không thể chuyện trò nhiều và thân mật như lòng mong muốn. Mọi người bắt đầu chấp tay, mỗi người mỗi cách, khi vị thầy nói:

- Bây giờ chúng ta bắt đầu vào giờ tụng niệm.

Tiếng mõ cốc cốc kêu lên, xóa tan cái không khí u ám, yên tĩnh; tiếng mõ như đưa con người vào thế giới khác, thánh thoát, diệu huyền, lòng lắng xuống trong tiếng mõ và lời niệm đã vang vang.

Suốt mấy năm không gặp, nay gặp lại chú Chu qua cổ quan tài trong ngày tiễn đưa sau cùng, bài kinh vang lên làm Trường chú ý hơn là lời của chú trong mấy năm về trước: "... lâu lâu rước một thầy

về đây tụng kinh, nấu ăn chung một bữa cơm chay. Tui tui đến đây hai năm rồi mà chưa làm được !...".

Trường nhớ lại câu nói đó có chút xót xa trong hồn. Chẳng lẽ ngày chú toại nguyện lại là ngày chú không còn biết còn nghe gì nữa sao!? Nếu quả là chú còn biết còn nghe qua linh hồn, thì chắc chú cũng sẽ hiển vinh lắm trong ngày hôm nay: Một vị thầy với buổi tụng niệm và một lần ăn chay. Còn nếu chú nằm đó, nhưng không còn biết gì nữa trong cảnh thế gian này thì thật là đáng tiếc. Vì những gì chú ước ao đã được thực hiện trong ngày hôm nay cho chú đây!

Vị thầy với chiếc áo lam hiền hậu, tiếng mõ, mùi hương, lời kinh, như một chuỗi âm thanh kêu gọi, thôi thúc lòng người hãy từ bỏ cuộc vui và những nhục dục, để bước vào đời sống thiện chân: Không đòi hỏi, không lao xao, yên lành, miên viễn. Lời kinh có những lúc như lời thơ lục bát:

*...Xưa sao nói nói cười cười
Giờ sao lặng lặng như cây giữa rừng
Xưa sao cơm áo dề mề
Giờ sao nằm đó với vài năm cơm...*

Lời lẽ như than thân trách phận, hối tiếc một cái gì? Con đường cứu rỗi muộn màng hay nói lên cảnh nhân tình thế thái trong cuộc đời.

Lời kinh lại chuyển qua những lời sám hối của con trước thi thể của cha:

*... Xưa cha còn sống trên đời
Con không thấy kính thấy thương hàng ngày
Giờ cha đi khỏi đời này
Mình con trở tội cuộc đời từ đây...*

Thím và mấy đứa nhỏ thút thít khóc. Tình thương cho cha có lẽ không bút mực nào tả hết trong phút giây này, phút giây nghe lời kinh và giọng tụng thật trầm buồn của vị thầy. Có lẽ bà con đứng chung quanh ai cũng thấy buồn như vậy. Nghĩa tử nghĩa tận mà! Chết là hết! Dân tộc mình có nhiều câu nói đầy tình nghĩa lắm!

Mọi người chậm chạp rời khu nhà mồ. Tiếng hát một vài con chim lạc đàn trên cành cây, gọi không khí thêm buồn. Vài chiếc lá rơi trên mặt cỏ. Nắng chưa lên, không khí trong khu nhà mồ vẫn ngột ngạt..

Mùa hè năm 1977, trước ngày bãi trường độ 1 tuần, ông hiệu trưởng "cách mạng" đã "phấn khởi, hồ hởi" phát cho mỗi giáo viên chúng tôi một mẫu đơn để đi nghỉ hè ở bất cứ nơi nào trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Ông tươi cười nói thêm "nước ta đã hoàn toàn thống nhất và đang trên đường hướng đi lên, nhà nước đã ổn định và đời sống anh chị em cũng được "no cơm, ấm áo" nên bộ giáo dục "ưu ái" đến chúng ta, muốn cho chúng ta có dịp đi tham quan bất cứ nơi nào ta thích". Tưởng cũng nên nhắc lại ông hiệu trưởng trường tôi tên Sáu Khánh, tuổi dưới 30, có trình độ lớp 6. Trước "giải phóng" ông đã gia nhập vào hàng ngũ Cộng sản nằm vùng thuộc ngành giáo dục nên sau ngày 30.4 ông ta được ưu đãi làm hiệu trưởng cấp trung tiểu học. Trường tôi có tổng số 52 giáo viên, dưới Sáu Khánh là hiệu phó Huỳnh Văn Kỳ có trình độ cử nhân. Cảm tờ giấy nghỉ hè trên tay tôi miên man suy nghĩ "hay là mình đi Hà nội một chuyến, đưa cháu tập kết 1954 có viết thư mời ra thăm gia đình nó ở Vĩnh Phú. Đây cũng là một cơ hội "đi cho biết đó biết đây". Nhưng đi một mình tôi cũng... ngán quá. Sực nhớ tới Cúc, một giáo viên đồng nghiệp mà tôi đã xem Cúc như em gái. Cúc người Bắc nhưng sinh trưởng trong Nam cha mẹ cô di cư vào Nam 1954, có cậu dì còn ở tại Hà nội. Cúc cũng có người yêu là một thiếu úy Việt cộng, giải ngũ trước đây 1 năm và đã trở về quê làm cán bộ nông thôn ở một làng hẻo lánh Nam Định (tỉnh Hà-Nam-Ninh). Anh ta chẳng bệnh hoạn nhưng vì không vậy cánh nên bị cấp trên bạc đãi và cho giải ngũ với tính cách về quê cải cách nông thôn. Sau vài tháng nơi thôn xã - Nho - tên người yêu Cúc, biết mình bị "vắt chanh bóp vỏ" nên tìm

cách xin vào Nam công tác để gần người yêu và cưới vợ, nhưng đơn không được chấp thuận. Tình cảm giữa Cúc và Nho bị ngăn cách, chỉ còn liên lạc nhau bằng thư từ. Hôm sau, Cúc gặp tôi mừng vui như Tết - " Mẹ em đã đồng ý rồi, bà nhờ chị theo săn sóc dùm em". Lời nói của Cúc làm cho tôi không nhịn cười được. - " Gì mà săn sóc, em cũng lớn rồi chứ bộ 5-7 tuổi đầu mà săn sóc. Nói đi chung cho có bạn thì đúng hơn". Mà thật vậy, tuy Cúc đã quá vị thành niên rồi nhưng tánh vẫn còn trẻ con lắm, vui buồn bất chợt, có gì nói nấy, không màu mè khách sáo. Cũng vì bản tánh đó mà tôi và Cúc đã đối xử với nhau như tình chị em.

Chúng tôi chuẩn bị một chuyến đi Hà nội trước mấy ngày, nào quà cáp, thức ăn dọc đường, nào quần áo nhưng tôi không mang theo áo dài. Năm vừa qua, cháu tôi vào Nam thăm gia đình, Thảo có nói "ở ngoài Bắc không ai mặc áo dài hết đi ơi, cơm không đủ no, áo còn không đủ ấm có đâu quần rộng áo dài". Mà thật vậy, sau ngày "giải phóng", nữ giới viên chúng tôi không còn mặc áo dài tha thướt nữa, những cái áo thường sửa thành "bà ba tay ráp lằng", còn áo đẹp thì đã nằm yên trong ngăn tủ, chỉ thỉnh thoảng có đám tiệc mới mặc vào. Đứng trên bục gỗ giảng bài hoặc viết bài trên bảng mà mặc "áo ngắn" trông không "lịch sự" chút nào, nhưng đành phải chịu, đổi đổi mà! Lúc hai đứa chúng tôi mua được vé xe lửa rồi thì cả hai cùng đánh điện tín. Tôi đánh cho Thảo "đi khởi hành ngày...., Thảo đón ở ga Hàng Cỏ". Còn Cúc thì cũng đánh cho Nho một điện tín giống như tôi. Ngồi trên xe lửa suốt từ Sài Gòn ra Hà nội, đoạn đường dài khoảng 2000 km mà mất những 3 ngày 3 đêm, trên xe lửa tôi bị sốt cảm, may nhờ số thuốc mang theo thể mà cũng mất hơn một ngày không ăn uống, hết nóng rồi lạnh, phần thì ngoài trời nóng như thiêu đốt, bên trong xe lửa đồ đạc hàng hóa chất ngồn ngang, người lên kẻ xuống ở những trạm dọc đường phần đông là dân buôn bán. Cảnh tượng này càng làm cho tôi thêm khó thở. Cúc nhìn tôi lo lắng nhưng cô ta cũng chẳng giúp gì được ngoài những câu hỏi "chị đói không?", em mua cơm cho chị ăn nghen" hoặc "chị uống gì? em mua cho?" Cúc chẳng biết cạo gió thoa dầu gì hết. Khi xe lửa ngừng lại ga Đà Nẵng, nơi quê hương nhà chồng làm tôi càng thêm miên man suy nghĩ. Ngày trước, những lần tôi dẫn các con về thăm bên nội, Ba chồng tôi ra đón ở phi trường Đà Nẵng. Tôi và hai con ăn mặc sang trọng, bánh bao...Còn giờ này nếu thời gian cho phép tôi

ghé lại đây để thăm viếng bên chồng tôi cảm thấy mắc cỡ vô ngần...Xe lửa lại bắt đầu chạy, bỏ qua những ý nghĩ vu vơ, tôi thấy nhẹ người và quên chuyện ghé thăm gia đình bên chồng. Lúc tàu hỏa sắp tới ga Hàng Cỏ, thì tôi đã khỏe hẳn, giờ còn một nỗi lo "Khi tới biết có ai đón không?". Tôi hỏi Cúc và hy vọng người nhà có mặt ở nhà ga. Đến 12 giờ trưa ngày... thì đến Hà Nội, tôi có cảm tưởng "sau 21 năm Cộng sản ngự trị trên quê hương miền Bắc có còn giống như Hà nội ngày xưa không? Mặc dù trước đây chưa một lần đặt chân đến những qua sách vở, tiểu thuyết, qua sử học tôi nghĩ chắc Hà Nội thật đẹp, nó không xa hoa phù phiếm như Sài Gòn, không cổ kính như Huế nhưng nó là một thủ đô của vua chúa ngày xưa, xứ ngàn năm văn vật này đã tạo nên những anh hùng hào kiệt, những trang sử oai hùng - Hà nội 36 phố phường... Mọi người đều đổ xô và chen nhau bước ra cửa đã cắt đứt tư tưởng của tôi. Tôi và Cúc cùng chuyển hành lý và cũng là những người rời khỏi tàu sau cùng. Cảnh tượng của nhà ga đang ồn ào, rộn rịp tiếng mừng rỡ khi gặp người thân, tiếng trả giá của những con buôn đón mua hàng, tiếng cãi lộn, chửi thề... và cảnh chợ người cũng loảng đàng tra lại cho sân ga một cảnh đìu hiu, cũ rích và dơ bẩn. Một vài em bé bán cà rem, bánh kẹo còn đang lớn vờn đầu đây, nơi góc kia mấy người hành khách quần áo rách rưới đang ăn một ít xôi thừa của khách bỏ đi, bên nọ một vài trẻ không nhà đang nằm ngủ trên manh chiếu rách. Tôi và Cúc chờ đón người thân trong tuyệt vọng. Cúc rơm rớm nước mắt "Làm sao chị, em lo quá". Tôi sức nhớ địa chỉ của Đường, người anh họ vợ nó tôi còn giữ trong xách tay. Tôi nói "Em ở đây giữ đồ, chị tìm lại nhà anh Đường, gặp hay không cũng một lát sau chị trở lại". Cúc gật đầu. Nhà Đường tôi tìm không khó, vừa ra cửa ga, đi về phía trái độ 300m, vào một hẻm lớn vài mươi thước là gặp ngay. Tôi thật may mắn khi tới nơi đúng lúc Đường vừa đi làm về. Qua câu chuyện Đường biết tôi là dĩ ruột của Thảo từ Nam ra thăm, Đường rồi rít mời ngồi, mời nước nhưng tôi từ chối và cho biết còn có cô bạn đang chờ tôi ngoài nhà ga. Đường sốt sắng cùng tôi ra ga để đón Cúc và giúp chúng tôi mang hành lý về. Thấy tôi và Đường tới, Cúc mừng như vị cứu tinh xuất hiện. Trưa hôm ấy chúng tôi ăn cơm ở nhà Đường. Anh mua thêm thức ăn và nấu nướng cũng tươm tất lắm. Hoàn cảnh Đường cũng đáng thương vợ mất khi đưa con trai đầu lòng ra đời, năm nay thằng con vừa đúng 18 và anh

khoảng 40. "Gà trống nuôi con vất vả lắm đi ơi (anh cũng gọi tôi bằng đi giống như Thảo), nhưng cháu không muốn thêm một lần cưới vợ nữa, xã hội chủ nghĩa mà, càng thêm người thì cơm không đủ no". Trong bữa cơm thân mật và cởi mở tôi được biết Đường thổ lộ nhiều bất mãn với xã hội mà anh đang sống. Tối hôm đó tôi và Cúc đành phải ngủ lại nhà Đường. Nhà chỉ vòn vẹn một chiếc giường đôi trên gác cho hai cha con mà chủ nhà phải nhường cho chúng tôi ngủ. Tôi và Cúc đã mất ngủ trên tuyến đường từ Nam ra Bắc, bây giờ dù có lạ chỗ chúng tôi vẫn ngủ ngon lành. Đang ngủ ngon, chợt có tiếng nói xôn xao ở tầng dưới làm tôi choàng tỉnh giấc. Thì ra Thảo tới - "Vừa nhận được điện tín của đi cháu vội chạy ra nhà ga, tới nơi thì xe lửa vừa chạy, trễ một chuyến mất nửa ngày đó đi".

Phần tôi đã yên tâm rồi, còn Cúc... tôi nghĩ không biết sáng mai có về nhà bà đi không? Hay cô ta ở lại chờ Nho? Cũng may là sáng hôm sau Cúc cho biết sẽ về nhà đi ở cách đó khoảng 8 km. Chúng tôi hẹn 3 hôm sau sẽ gặp lại ở nhà Đường. Gia đình nhà vợ Thảo cũng thật tội, ông nhạc không có con trai, chỉ sinh được 3 cô con gái thì bà nhạc qua đời. Cô trưởng nữ lấy chồng người Bắc, cô giữa lấy cháu tôi người Nam, và cô út có chồng người Trung. Cũng may cho ông ta có 3 người rể thật hiếu thảo, dù nghèo bừa cháo, bừa rau nhưng cũng tranh nhau phục vụ nhạc phụ thật chu đáo. Tôi và Thảo đi chuyến xe lửa từ ga Hàng Cỏ về Vĩnh Phú đoạn đường 70km mất gần 4 tiếng đồng hồ. Tuyến đường xe lửa này gọi là "tàu chợ", nghĩa là phần đông là người buôn bán, mỗi lần tới trạm người lên kẻ xuống chen lấn nhau, hành lý, rau củ, gà vịt nằm ngổn ngang. Thảo biết tôi yếu đuối nên cố chen lấn dành cho tôi một chỗ ngồi khá yên ổn, nhưng sau đó vài trạm tôi đành phải đứng dậy để nhường chỗ cho một bà cụ đã bị xô đẩy té nằm lên một giỏ heo kêu ư ư. Quê hương Vĩnh Phú của cháu tôi không có vườn cây ăn trái mà chỉ có những bụi tre lớn tàng và một vài bụi trúc - "Bố vợ cháu sống nhờ bụi tre này đó đi, hàng ngày ông đan thúng rổ, nia, sàng đem ra chợ bán, có thiếu chúng cháu phụ thêm". Lời Thảo tâm sự. Chúng tôi về tới nhà lúc trời sụp tối, vợ con Thảo tiếp đón, mừng rỡ. Rồi các anh em nhà vợ từ xóm kia cũng tới chào. Rốt cuộc quà

của tôi mang theo để, biểu cũng chẳng thấm vào đâu. Ở đây tôi có dịp cùng gia đình Thảo ra chợ mua đồ. Chợ quê nghèo nàn, bày bán chỉ ít gà vịt, tôm cá, còn ngoài ra là rau cải, rau muống là thức ăn chính của người Bắc, giá sống Nam kỳ cũng có nhiều. Tôi mua mỗi thứ một ít, nhưng vợ chồng Thảo nói giá phải luật ăn mới khỏi tanh, tôi chịu theo ý "nhập gia tùy tục mà". Sau mấy hôm tôi và Thảo về Hà Nội, gặp lại Cúc thật là mừng rỡ, mới có 3 ngày mà tôi tưởng như 3 năm dài xa cách, Cúc nói với tôi muốn gặp Nho. Một mình cô ta đi tìm hay tôi đi theo? Tôi do dự bàn với Cúc: "Mình là con gái đi tìm con trai coi cũng kỳ, hay là...Thảo và Đường ngắt lời tôi: "Sao cô Cúc không đánh thêm một điện tín nữa gặp tại nhà này". Ý kiến hay, tôi và Cúc chạy ra bưu điện để gọi gấp một điện tín trong niềm hy vọng. Qua ngày hôm sau Cúc rủ tôi tới nhà đi của Cúc Chơi, ngủ lại đêm. Thảo dặn nhỏ tôi: "Coi chừng nghe di, ở đây không ai tin ai hết". Tối hôm đó ở nhà đi của Cúc chúng tôi tắm gội thoải mái vì nhà bà đi có một giếng nước trong và đầy, chúng tôi giặt đồ phơi bên hiên nhà. Di của Cúc hiền từ, dễ chịu, đêm hôm đó tôi và Cúc nằm ngủ trên một chiếc giường đôi, tôi mệt mỏi nên ngủ mau, còn Cúc cứ trăn trở mãi, hỏi ra Cúc mới tâm sự: "Mong cho anh Nho ngày mai lên đây tìm em", thì ra tôi vô tình quá, xin lỗi vậy. Vừa sáng Cúc dậy sớm để gom quần áo trở qua nhà Đường ngủ thì Cúc đã dựng tôi dậy: "Cái áo của em hôm qua phơi ở đây đâu mất rồi?. Còn cái áo của chị nữa cũng không còn? Kiểm điểm lại chúng tôi chỉ mất mỗi đứa một cái áo. Di của Cúc nói: "hôm qua đi quên lưng không nhắc hai cháu, ở đây ăn trộm như chúa chơm, hở ra là nó ăn cắp, không những ban đêm thôi mà còn ban ngày nữa, quần áo phơi ngoài sân phải thăm chừng, bằng không thì đạo tặc nó lấy chạy đi mình có la làng cũng chẳng ai màng để ý, chung quy cũng vì nghèo". Chúng tôi cùng đi ăn sáng trên một chiếc bàn tròn đã cũ. Di nấu cho chúng tôi một nồi khoai lang còn đang bốc khói. Vừa ăn đi vừa tâm sự "Lúc đình chiến 54, ba má Cúc trốn thoát vào Nam, di còn kẹt lại với cha mẹ già. Gia đình của ông bà ngoại Cúc giàu có, ruộng đất cho người ta thuê để lấy lúa, nhà cửa rộng lớn không thiếu người ăn kẻ ở, di là con gái út nên sống chung với cha mẹ. Sau đình chiến, di phải theo hàng ngũ thanh niên và là cháu ngoại Bắc Hồ, họ dụ dỗ đi kê khai tài sản của cha mẹ và cuối cùng trong một đêm tối trời bọn Cộng sản đưa gia đình di ra

"ĐÌNH CAO MUÔN TRƯỜNG" * TRÍ TUỆ LỀ TÈ !

*Cùng lúc "ba dòng" ** trôi thế nào !
Xuôi về đâu ? Ôi thân phận Việt Nam !
Bao triệu con dân chôn cuối đường hầm
Mất mở lớn không tìm ra ánh sáng.*

*Cùng một bọc, sao đồng bào ta ly tán ?
Khấp năm châu bốn bể ngậm ngùi đau !
Thời đại ta sao cứ mãi hận sâu
Thế hệ tới sẽ cười ra nước mắt !
Ô kìa! Một lũ da vàng, mũi tẹt*

*Mãi tôn sùng mấy "trí tuệ đỉnh cao"
Khúm núm khom lưng quỳ trước cổng vào
Nơi chánh điện Cẩm linh mà ra mắt*

*Cùng bọn quan thầy Lê-nin, Các-Mác
Gieo tai ương họa lớn cho toàn dân !
Đem giang sơn gấm vóc xuống làm than
Biến cuộc sống con người thành trâu ngựa ...*

*Ôi! Đổ nát điêu tàn con bình lữa !
Việt - Miên - Lào sát cánh hãy vùng lên.
Biến đau thương thành sức mạnh vô biên,
Đưa kháng chiến trường kỳ mau thắng lợi.*

*Tổ quốc ơi ! Quê hương ơi !
Bao ngày đêm mong đợi,
Tiếng quân hò vang dội lá Trường sơn.*

*Trà Giang Nguyễn, Phổ Đức
(Muenchen 89)*

* Chữ của bồi bút Tố Hữu

** "Ba dòng thác cách mạng" của đám đầu lãnh Hà nội

trước tòa án nhân dân để dấu
tố."Lời di càng thốn thức nghẹn
ngào: "Tụi nó độc ác lắm các cháu

ơi, nó bắt di phải hỏi ông cụ "ông
có biết tôi là ai không?". Ông
ngoại cháu vừa khóc vừa trả lời

"dạ tôi biết, tôi biết cô là con của tôi". Rồi một tên Cộng sản đứng bên, thúc dục đi hỏi tiếp, nhưng lúc đó đi nhìn hình ảnh của cha mẹ già hai đầu gối quỳ sụp xuống đất, tay bị trói ngược ra phía sau, đầu tóc xác xơ, đi không còn sức để theo chúng dấu tổ lại cha mẹ già nữa và đi đã ngất đi lúc nào không biết. Sáng hôm sau có người kể lại cho đi nghe ông bà ngoại của cháu đã bị bọn Cộng sản khích động và các tá điền nghe lời của chúng nên hòa nhau đánh ông bà ngoại cháu đến tấp thờ. "Nói đến đây đi thờ dài và tiếp." Sau ngày ông bà ngoại cháu mất thì nhà cửa ruộng đất bị tịch thu, đi không còn nơi nương tựa may sau đó đi gặp dưỡng cháu và đi lìa bỏ nơi chôn nhau cắt rốn mà về đây sống với dưỡng cho đến ngày nay." Nghe qua câu chuyện này tôi mới hiểu được tâm trạng và hoàn cảnh của người dân sống dưới chế độ Cộng sản và tôi cũng không còn có ý nghĩ oán trách bà đi độc ác đã đầu tổ cha mẹ già mà đã có lần Cúc kể cho tôi nghe sau ngày giải phóng. Chúng tôi từ già nhà đi để sang bên nhà Đường. Như có linh tính Cúc đi thật mau và nói năng như sáo, cô chạy vào nhà Đường bỏ xa tôi hàng chục bước, từ đằng xa tôi đã nghe giọng líu lo, khi bước vào nhà tôi ngạc nhiên thấy một chàng trai có vẻ quen quen. Cúc vui vẻ giới thiệu "Anh Nho đó chị", tôi ngạc nhiên, mới hơn một năm mà tôi đã quên mất rồi, ngày trước Nho trắng trẻo, mập mạp mà giờ này đen thui và ốm nhách. Tôi hỏi qua loa vài câu xã giao. Cúc phiên trách Nho tại sao không đứng hẹn. Anh ta buồn bã trả lời "Hôm đó vừa được điện tín của em từ Sài Gòn gửi ra là anh đi liền. Nhà anh trong quê, từ nhà ra xã khoảng 7km anh đi bằng xe đạp, từ xã ra thành phố Nam Định khoảng 15km anh đi bằng xe đò, lúc tới nhà ga mua vé xe lửa thì hỏi ôi cái "bóp tiền" và giấy phép đi đường luôn cả thế kiểm tra đã bị mất cắp. Anh khổ sở muốn phát điên nhưng cuối cùng đành phải chạy bộ về xã để xin lại giấy tờ và anh mượn được tiền của người quen nên đã trở ra Nam Định mua vé xe lửa về Hà nội. Khi đến ga Hàng Cỏ thì được biết trễ hẹn đón em mất nửa ngày. Buồn quá chẳng còn cách nào hơn anh đành ngồi ở nhà ga suốt 3 ngày, hy vọng em trở lại tìm anh. Sau 3 ngày tuyệt vọng anh đành phải trở về nhà. Vừa về đến nhà thì nghe má anh nói có điện tín hẹn gặp em ở nơi này". Ngồi nghe Nho kể mọi người đều thấy tội nghiệp và trong phút chốc bao nhiêu thành kiến với thằng Cộng con này không còn nữa. Tôi nghĩ với tuổi trẻ dù ở xã hội nào cũng có tình

yêu chỉ trách Cộng sản đã uốn nắn tuổi trẻ thành công cụ của chế độ độc ác mà thôi. Cúc ngó ý với tôi theo Nho về Nam Định, tôi do dự nhưng thấy hoàn cảnh của họ tôi không đành lòng. Tôi dặn dò Cúc "Nhớ cẩn thận nhen em" Cúc chỉ cười chứ không trả lời. Cúc và Nho đi ngay buổi sáng hôm đó, tôi không an tâm chút nào nhưng chẳng lẽ tôi theo làm "kỳ đà cản mũi hay sao?". Thảo đề nghị với tôi trở lại Vĩnh Phúc thêm vài hôm nữa. Về lần này Thảo dẫn tôi đi thăm bà con nhà vợ. Người anh em bạn rể của Thảo mời tôi ở lại dùng cơm chiều. Trong bữa ăn đàm bạc anh ta kể lại mùa hè đó lửa năm 1972, anh được lệnh vào Nam công tác (lời anh nhỏ dần) "đi biết không, ở nhà vợ con nheo nhóc, bữa cháo bữa rau, cháu không đành lòng nên có ý định trốn ở lại, nhưng vợ cháu khóc lóc, năn nỉ cháu đi, rồi cha vợ, em vợ, tất cả mọi người như muốn quý lạy để buộc cháu phải tuân lệnh của nhà nước". Tôi hỏi "nếu cháu không đi thì tội như thế nào? Có liên lụy đến ai không?". "Anh ta trả lời "nếu cháu trốn ở lại thì chẳng những gia đình cháu bị cúp hộ khẩu mà đến cả giòng họ nhà vợ lẫn gia đình ba má cháu đều bị cúp hết, liên lụy ba giòng đó đi". Á! thì ra tôi đã khám phá thêm một mưu mô thâm độc của Cộng sản miền Bắc. Tôi cũng ngao ngán cho miền Nam vừa mới bị Cộng sản cưỡng chiếm, thế hệ tuổi trẻ và tương lai sẽ như thế nào?. Tôi gặp lại Cúc sau 3 ngày ở Nam Định về. Cúc buồn bã làm tôi thêm lo, tôi vội hỏi Cúc "Có gì không em? Gia đình Nho đối xử với em như thế nào?" Cúc trả lời: "Ba má và em của anh tiếp em tử tế lắm, có điều là tình cảm giữa em và anh không thể kéo dài được mặc dù chúng em đã thật lòng yêu nhau. Tôi ngạc nhiên "Tại sao vậy? Cúc nói "chị nghĩ xem, anh không thể nào vào Nam ở được, hiện giờ anh là cán bộ nông cốt để xây dựng nông thôn. Còn em, em làm sao bỏ má em để về quê anh, nhà của anh ở miền quê nuôi toàn súc vật, chung quanh nhà chứa rơm và phân chuồng, nói thiệt với chị suốt 3 đêm liền em không ngủ được vì bên cạnh phòng ngủ là một hố phân bò". Vậy em tính sao?" Tôi hỏi. Cúc do dự "thấy anh thương em, em cũng khổ tâm lắm nhưng mà...kéo dài cũng vô ích thôi". Tôi trầm nghĩ, ngày xưa thời quốc gia là chân thật, không tính toán, khi yêu người ta chấp nhận "một túp lều tranh, hai quả tim vàng", còn thời "cách mạng đổi đời" này, tình cảm phải nằm trong 4 phép tính "cộng, trừ, nhân, chia" ý nghĩ này tôi không nói ra cho Cúc biết, về việc

tình cảm là quan trọng cả một đời người, để tùy cô ta quyết định. Giấy phép sắp hết hạn, chúng tôi chuẩn bị mua vé về Saigon. Các bạn của Đường bàn tán "mua được một vé xe lửa phải mất 3 ngày chờ đợi (đó là vào năm 1977, đến năm 1980 phải chờ mất một tháng như lời bác Tích Cốc trong hồi ký "Tôi đi học tập cải tạo" vào đoạn kết của báo Viên Giác số 50). Chúng tôi tới ga Hàng Cỏ từ lúc 7 giờ sáng đã thấy trước mặt hàng trăm người đứng lố nhố, công an cảnh sát cầm súng đi tới đi lui để giữ trật tự, số người mua vé mỗi lúc một đông mà số vé bán ra rất ít, tôi và Cúc buồn ra mặt, Thảo an ủi tôi "ràng chờ nghe đi...". Mới 12 giờ trưa đã hết vé rồi, ai muốn mua vé thì ngày mai trở lại sắp hàng tiếp còn không thì ngủ tại đây đến sáng hôm sau. Cúc than đói còn tôi cũng mệt ngất ngư. Thảo đành phải bỏ hàng ngũ đưa chúng tôi tới hiệu ăn quốc doanh. Phần đói, phần mệt chúng tôi ăn uống ngon lành. Mới 6 giờ sáng chúng tôi có mặt ở nhà ga, thấy ít người chúng tôi cảm thấy an tâm và tin chắc thế nào cũng mua được vé. Thật vậy, nhờ Trời, Phật phò hộ chúng tôi đã mua ngay được 2 vé vào buổi sáng hôm ấy. Thảo đề nghị với chúng tôi nên đi thăm một vài nơi nữa. Hồ Hoàn Kiếm cách đó không xa, chúng tôi đi xích lô hết 15 phút. Muốn vào đền Ngọc Sơn phải đi ngang một cái cầu bằng cây đã cũ bắt trên hồ. Bên ngoài đền thờ Đức Văn Xương và bên trong đền thờ Đức Quan Đế. Xa xa về phía tay phải có xây một cái tháp gọi là tháp Rùa. Tất cả đều đầy bụi bám rêu phong. Tục truyền rằng "một hôm Vua Lê Thái Tổ ngự ra cầu cá ở bờ hồ, bỗng có một con Rùa thật lớn nổi lên mặt nước. Vua lấy thanh kiếm ném con Rùa thì nó lặn xuống rồi đem thanh kiếm lên trả vua. Bởi thế nhà vua đặt tên là Hồ Hoàn Kiếm và Ngài cho xây một cái tháp đặt tên là tháp Rùa". Chúng tôi rời khỏi nơi đây và một lần nữa Thảo đề nghị với tôi "Hay là mình đi thăm làng Bác nghe đi". Nói thật ra từ lúc ra Hà nội đến giờ tôi chưa bao giờ có ý nghĩ "đi thăm làng Bác", và tôi cũng không muốn ai nhắc đến tên. Cúc lẹ miệng "chị, hay là mình tới đó cho biết". Tôi đành chịu theo ý của hai người "làng Bác" nằm giữa công viên Ba Đình, một bãi đất rộng thênh thang, yên tĩnh và mát mẻ. Những cây dương trồng rải rác trên thảm cỏ xanh rờn. Giữa công viên là một "cái làng" vuông vức xây bằng đá, đó là nơi an nghỉ cuối cùng của nhà độc tài đã sáng lập ra chế độ Cộng sản Việt Nam. Muốn vào thăm "Bác" phải đi qua một trạm gác, xét giấy tờ rất kỹ lưỡng. Thấy chúng tôi người miền

ĐƯỜNG SANG THIÊN TRÚC

TRẦN PHONG LỮ

(Tiếp theo Viên Giác số 51)

Buổi chiều, về lại chùa Việt Nam, đã thấy Sư Cà Miến Điện kéo giường "Thăng sàng" ra giữa sân để ngồi xem thợ Ấn độ xây cất. Lúc này bóng mát tòa Pháp xá đã che một khoảng sân lớn. Mọc dấu chùa Miến Điện, tòa ngang dãy dọc, vườn rộng, người đông, khách khứa ra vào tấp nập, công việc bề bộn suốt ngày. Vậy mà, trưa nào Sư cũng cắt công lợi bộ hơn cây số. Vén vật áo cà sa che đầu thay nón, theo ngõ tắt bằng đồng từ chùa Miến Điện đến đất chùa Việt để trông nom việc xây dựng chùa Việt Nam như công việc chùa của Sư vậy. Và dù đã cao tuổi Sư vẫn leo lên, leo xuống 3 tầng lầu để coi thợ đục nóc. Nhứt là những hôm thấy Huyền Diệu phải đưa khách hành hương viếng thăm bốn Động Tâm hay đang ở bên Tây, bên Mỹ. Lúc nào Sư cũng sẵn sàng góp ý với thầy Quốc về vật liệu xây dựng hay trình bày những kinh nghiệm về việc coi thợ, gọi thầu Ấn Độ. Sư chẳng ngại bàn bạc hàng giờ với tôi về các góc mái cong của chùa Việt Nam. Sư ngồi đó trông coi đến xế chiều. Trước khi thợ nghỉ việc, Sư ra giếng nước cùi sắn, vén y lên, xách nước giếng xối ào ào, tắm mát giữa trời đất, giữa nhĩ mục, quan chiêm. Rồi cùng lúc với Thầy thợ ra về, Sư cùng thông thả cuộc bộ bằng đồng quay về chùa Miến. Hơn thế nữa, Sư còn cho người, mướn trâu bò đến cày ruộng, dọn đất để cấy lúa, trồng hoa mầu phụ trên ruộng đất của chùa chúng ta.

Nam ra, người lính gác có vẻ "ưu ái", chúng tôi đi hàng một, thật chậm trên con đường cong queo trên công viên, xa trông đoàn người giống như rắn bò uốn khúc. Tối của lảng có 4 tên lính trẻ đứng gác, 2 người ở bậc thềm dưới và 2 người ở bậc trên sát cửa vào. Bước tới đây tôi hơi chùn chân và bỗng có ý nghĩ "nếu Bác có linh thiêng biết mình vào thăm không phải để chiêm ngưỡng mà để thêm nỗi căm thù thì chắc Bác cũng ngồi bật dậy để bóp cổ tôi", ý nghĩ bậy bạ này làm tôi nổi tóc gáy, xương sống lạnh ngắt cộng thêm cái lạnh trong phòng giữ xác đã làm cho tôi không còn tự chủ được nữa, "Bác nằm trong một khuôn kính hình chữ nhật, chiều ngang độ 1 mét, chiều dài có lẽ gấp đôi, mặt "Bác" đầy tàn nhan, râu tóc bạc phơ, điển tả qua bài hát "Mơ gặp Bác Hồ" thật không sai, "Bác" mặc bộ đồ kaki màu lợt và đắp mền cũng bằng loại mền nhà binh màu đậm hơn, một tay "Bác" để thẳng và tay kia gát lên bụng. Mọi người đi chậm chậm theo hàng một, đi qua chỗ không được dừng bước. Tay không được bỏ vào túi áo hoặc túi quần, nếu có một hành động nào phá hoại thì sẽ có 4 tên lính trẻ đứng 4 góc tường cũng mặc đồ kaki trắng trong thế nghiêm như 4 tên ngoài cửa. Ra khỏi nơi này tôi nhẹ người, thần kinh trở lại trạng thái bình thường. Tôi hỏi nhỏ vừa đủ Thảo nghe "Cháu có thăm "Bác" thường không". Thảo trả lời "Thì giữ đầu mà đi tới đây hả di, hơn nữa đầu phải lúc nào cũng mở cửa, mỗi ngày chỉ có mấy tiếng đồng hồ được vào thăm "Bác" rồi phải "đưa Bác" xuống phòng lạnh để giữ xác cho khỏi hư thối. Tôi chột rùng mình và có lẽ đây là lần đầu tiên trong đời tôi đã nhìn thấy xác của một người chết sau gần 10 năm. Tôi hỏi Thảo "Hằng ngày có nhiều người vào thăm "Bác" không?". Thảo lơ đãng trả lời "Tại họ không có gì làm nên mới vào đây "thăm Bác" để mua bánh mì và nước uống quốc doanh rẻ tiền đó đi". Thêm một sự ngạc nhiên nữa. Trên đường về Thảo kể tiếp "Di biết không, cả ngàn nhân viên phục vụ cho xác của ông đó, nào chuyên viên, lính gác, săn sóc vườn hoa. Hồi Bác mới chết dân miền Bắc khổ sở vô cùng". Tôi ngạc nhiên nên ngắt lời "Sao mà khổ, bộ dân ngoài này tôn sùng "Bác" lắm sao?"

- "Tôn sùng cái gì, chết rồi thì chôn đi cho rồi, dạng này nhà nước bắt dân phải lượm đá sỏi, mỗi vùng tìm một màu đá để làm "nhà mồ cho Bác".

Chúng tôi từ già Hà Thành vào một buổi sáng. Hà Nội 36 phố phường, Hà Nội với một trang sử

oai hùng, của "ngựa xe như nước áo quần như nêm" đã như không còn thấy được nữa. Thảo tiễn tôi tận ga, cuộc tiễn đưa nào không buồn người luyến tiếc, nhưng có lẽ đây là lần gặp mặt sau cùng của di cháu tôi để rồi không còn hy vọng gặp nhau lại nữa, bởi kẻ Bắc người Nam và cuộc đời từ đây nhiều biến đổi. Tôi cảm thấy thương Thảo vô cùng, ngày Thảo còn bé đã sớm mồ côi cha mẹ, Thảo có một người anh. Hai anh em sống với người di khó tánh, luận luôn bị rầy mắng suốt ngày. Ở vào tuổi 15,16 có biết gì nên anh em Thảo bỏ nhà trốn theo Cộng sản và khi hiệp định Genève chia hai đất nước (20.7.1954), lợi dụng tuổi trẻ, khuyến dụ hai anh em Thảo lên tàu tập kết ra Bắc.

- "Cho Thảo gọi lời thăm ngoại và các cậu di, nghe đi". Tiếng nói vọng lên của Thảo làm tôi sức tỉnh, tàu đã chuyển bánh tôi chỉ còn kịp vẫy tay chứ không kịp nói lên lời.

Chuyến về đồ vật và hơn chuyến đi vì thường con buôn chở hàng từ Nam ra Bắc chứ ít ai mua hàng từ Bắc vào Nam. Tôi được dịp nhìn ngắm hai bên đường rầy. Dãy Trường sơn trùng trùng điệp điệp, thấp thoáng bên sườn đồi vài cái chòi tranh của dân miền Thượng. Tối đèo Ngang vào buổi chiều, cảnh trí thật đẹp, thật nên thơ, hèn gì Bà Huyền Thanh Quan đã ngắm cảnh mà điển tả nên lời.

*"Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi Tiều vại chụ
Lác đác bên sông chợ mấy nhà "*

Khỏi lam chiều ở một chòi tranh bên bờ suối đã tô điểm cho bức tranh thêm sống động vào buổi hoàng hôn. Vào đến cầu Hiền Lương bắt ngang qua sông Bến Hải, nhìn giòng sông nước chảy lững lờ, hiền dịu giống như tên gọi, thế mà một thời đã chia cách giải đất của hai bờ...Con tàu tới vùng Phan Rang, Phan Rí, tôi được nhìn thấy những thành quách, lăng tẩm và đền đài điêu tàn của người Chiêm Thành còn in dấu lại, chạnh nghĩ đến ngày xưa chắc ông cha mình đã không gieo nhân lành, tạo ra bối cảnh thành Đồ Bàn sần sần, nên con cháu ngày nay không gặp được nhiều may mắn, phải chịu cảnh đất nước phân ly, thân chìm nơi đáy biển hay trôi giạt lẻ loi ở xứ người. Đó chỉ là ý nghĩ của tôi thôi, vì tôi hướng Phật, tôi tự tin có quả báo luân hồi.

Lại có hôm, thấy Huyền Diệu hết sạch cả tiền để trả thầy thợ và mua vật liệu. Thấy đành cho ngưng công trường và sửa soạn quay trở về Pháp để chạy tiền. Thị Sư sẵn sàng ứng ra ngay ba bốn trăm ngàn đồng một cách dễ dàng, mà không đòi một tờ giấy nợ nào, giữa một đất nước mà người ta tìm mọi cách gạt gẫm nhau, giựt của nhau hầu như hằng ngày.

Đêm đó chúng tôi được ngủ mừng voan xanh mới, drap, nệm, gối mềm mới. Nhưng không biết vì đêm đầu tiên ở Bồ Đề đạo tràng hay nghe tiếng muỗi vo ve, hoặc vì 2 chiếc mềm mỏng không đủ đắp ấm qua đêm đông Ấn Độ, mà tôi cứ trở mình mãi. Cho đến lúc phải ngồi dậy lấy áo ấm Đức mặc vào mới ngủ thiếp đi.

Chẳng biết được bao lâu, tiếng chuông mõ, tiếng tụng kinh công phu khuya vang vang của thầy Hội trưởng đã đánh thức mọi người dậy. Nhưng dường như chẳng có ai rời khỏi giường, mà cứ tiếp tục nằm đó, "Ngọa Thiên" trong chăn ấm nghe cho hết thời kinh. Rồi hoặc ngủ thiếp đi lại. Hoặc nằm yên chờ sáng.

Khi ánh sáng đầu tiên roi qua các khe thông hơi, chúng tôi mới tỉnh mẫn, ngồi dậy, mở tung các cánh cửa sổ để ngắm quang cảnh mênh mông của đồng ruộng bao quanh ngôi Pháp xá -

- Ô! Sao có nhiều người Ấn Độ ra đồng sớm? Dù cả già trẻ lớn bé, đàn ông, đàn bà, ông già con nít. Họ kêu réo ối đi, chào hỏi vùa đi vùa nói chuyện. Lại có người xách theo lon nước. Chợt nhớ lại sinh hoạt buổi sáng sớm ở các trại ty nạn Nam Dương: A thì ra họ rủ nhau đi đồng!

Sáng nay, chúng tôi hành hương thập tự. Đi một vòng viếng các chùa quanh Bồ Đề đạo tràng :

Trước tiên, chúng tôi dừng chân ở ngôi chùa nhỏ hầu như nằm lọt lỏi ngoài vòng khu chùa sấm sét, bao quanh khuôn viên Maha bồ đề, ở bên kia con đường chính. Mà chúng tôi quen gọi là chùa Tàu. Do các tổ Trung Hoa theo đường bộ sang hành hương đất Phật sáng lập từ đầu thế kỷ. Con đường đắp đất bắt qua hai vũng ao cạn dẫn vào Tam quan chỉ xây cách chính điện một khoảng sân hẹp. Tất cả xây dựng có vẻ sơ sài nhưng lại sơn phết qua nhiều

màu sắc hầu như đủ ngũ sắc. Màu xanh dương đối chọi mạnh với màu son, màu vàng màu nâu. Lại thêm màu xanh lá cây đậm đắp quá nhiều chi tiết không được chọn lọc kỹ. Mái thì cong vút một cách quá đáng. Tiêu biểu cho kiến trúc thợ mà, vẫn thường thấy hiện diện tại các khu vực người Hoa từ Chợ Lớn ra khắp

các quốc gia Đông Nam Á. Thêm nhang khói, đèn đuốc mịt mù, nên khách hành hương ít người lưu lại lâu. Ai cũng cảm với cây nhang, lễ mấy lạy nhét vài đồng vào thùng phước sường rồi đứng lên đi ngó đảo đạc một vòng và lẳng lẽ chuẩn ra.

Chùa Thái Lan nằm xéo bên kia đường được nhiều du khách viếng thăm hơn. Qua hai trụ cổng đồ sộ, hình ảnh ngôi chùa vàng của hoàng gia Thái Lan, trong qui mô nhỏ hơn, hiện ra giữa khu vườn có rộng. Tuy cái lùm cây, sân cỏ được cắt xén theo lối Tây phương. Nhưng các bệ tượng, hồ nước hình vuông, trang trí bốn góc, các tượng ý xiêm, và chiếc thuyền rồng bát nhả neo ở giữa vẫn khiến du khách tưởng mình đang viếng thăm Vọng Các. Tuy mái chùa được chõng xếp nhiều lớp với nhiều tượng ý đầu măng xà, long thần, hình rắn, thể thức hóa theo những đường cong uốn ngược nhau đặt ở các đầu mái, sóng nóc, góc cuối mái và diềm mái. Tuy cũng chạm khắc nhiều họa tiết tỉ mỉ, chen chúc phức tạp. Nhưng nhờ biết giới hạn ở một số thành phần kiến trúc. Nhờ xử dụng ít màu sắc. Chỉ thép vàng mái ngói đầu hồi, đầu cột, khung cửa với các cánh cửa gỗ nâu non và tường cột đều sơn trắng xám. Nên kiến trúc giữ được vẻ thuần sắc và vẫn thể hiện được phần sang quý

của một truyền thống nghệ thuật hoàng gia. Bên trong cũng được trang trí theo cùng sắc thái. Tường cuối chính điện được xây lõm sâu vào thành Phật điện. Mà ba mặt đều bọc nhúng nâu tím được đóng sát vào tường nhờ những đỉnh vòm với nắp đầu đỉnh chạm hình hoa thị, hoa mai, phối trí theo lối huy chương; Trần Phật điện căng thắm nhúng nâu tím thêu kim tuyến từng ô kỷ hà. Tượng Phật tiêu biểu Thái Lan sáng rực như đúc bằng vàng khối, được đặt trên bệ chạm khắc tỉ mỉ. Hai bên đặt tượng Long Thần Hộ Pháp và 2 vị đại đệ tử. Dưới bệ lại bày nhiều đồ tự khí, những đôi thuyền rồng bát nhả, những khay vàng nhiều tầng, những cặp đèn lồng. Hai bên Phật điện lại xây thêm hai khám tượng để thờ tháp xá lợi. Phía trái, bên dưới cũng đặt các khay vàng nhiều tầng để trên những ghế đơn thấp. Trên các khay vàng, bày các bình, các lọ hoa chưng cảnh vàng lá ngọc. Là một điều là chẳng thấy bày cúng hoa quả tươi. Dù trên Phật điện cũng thấy để các lọ, lục bình. Dưới khám tượng bên phải chưa trống, nhưng đặt một ghế dựa chạm khắc cẩn thận, tựa

lưng vào khung cột Phật điện chắc là ngại vàng của Sài Vương hay của nhà ma.

Trước Phật điện bày một saphthấp trái nhúng nâu non thêu viền kim tuyến. Trên không đặt chuông mõ mà để một khay nhỏ với những hũ lọ con, không biết có phải là khay trầu cau hay không. Phía trước đặt thêm đôi thuyền rồng bát nhả lớn. Sau hết là dãy hàng rào thấp bằng sắt ngọn mạ vàng ngăn cách giữa chư tăng và đại chúng.

Rời chùa Thái, vừa quẹo qua khúc quanh chúng tôi đã nhìn thấy quần thể kiến trúc của chùa Bhutan, một vương quốc nhỏ bé dưới rừng Hy Mã Lạp Sơn. Nhưng ở đầu đường bên kia còn một khu xây cất đồ sộ chỉ thấy toàn nền móng bê tông. Hỏi ra mới biết đây là Chùa Ấn. Họ đã chọn vị trí tốt nhất, khởi công trước nhất lại là đất bản địa của họ dân cư, điều kiện, vật liệu sẵn ngay tại chỗ. Thế mà cả chục năm qua trong khi các chùa sinh sau đẻ muộn, của các quốc gia

cách xa hàng ngàn, hàng vạn dặm, đã hoàn tất từ lâu và rất bề thế, con dân đức Phật tại chính Phật Quốc lại không xây chùa lên được khỏi nền móng. Phải chăng cội nguồn đã căn cõi hay đây là cá tính của dân tộc Ấn. Hình ảnh 2 ngôi chùa hiện rõ 2 thực thể mâu thuẫn đối kháng kịch liệt.

Vào được bên trong mới phục Phật tử Bhutan tuy đất ít, dân thưa cách xa một trời một vực với Ấn Độ đất quá rộng, người quá đông, mà đã dựng lên một công trình quy mô đến như vậy mà vẫn giữ được thể đồng nhất trong sự nghiên cứu nghệ thuật xây dựng từ tòa chính điện cho đến dãy nhà phụ. Và dù kiến trúc của họ khó phân biệt với kiến trúc Tây Tạng nhưng họ cũng thể hiện được đường nét màu sắc riêng : Các chân trụ cột vuông loe rộng hơn đầu cột so với trụ cột Tây Tạng. Thêm những hàng đầu đà hình vuông chạm hình hoa sen theo đủ các kiểu, khác màu, gói đầu từng dãy nhỏ dẫn ra hai hay ba hàng để chịu diềm mái ngói tròn, lập lại kiến trúc gỗ cổ truyền dù công trình này được xây bằng gạch, bê tông. Chính điện xây thành một tòa nhà vuông theo hình thức tòa phù đồ với 1 tầng thật xây cao, và 2 tầng giả bên trên chỉ có công dụng thông gió và nâng cao Phật điện. Đây là gạch nối giữa tòa Phù đồ hình cầu nguyên thủy ở Sanchi Ấn Độ và bảo tháp nhiều tầng trong kiến trúc Phật Giáo đại thừa. Do đó các mái tháp cũng dốc thật nhẹ và góc mái

uốn cong thật ít. Các đà con sơn
đẽo khắc theo những đường nét
khác những chi tiết chạm trở
cũng riêng biệt và màu sắc cũng
pha nhẹ nhàng hòa hợp. Đặc biệt
trên mái hiên cửa chính trên bốn
bệ tượng xếp nấc thang chạm trở
những tràng hoa sen và những
dây hoa lá dựng biểu tượng của
Phật Giáo tại vùng được gọi là
"Mái nhà thế giới" gồm hai con
nai vàng (có lẽ nhắc lại cảnh
vườn Lộc Uyển) chầu hai bên
pháp luân.

Chùa Nhật Bản chiếm một khu đất
rất rộng nhờ hưởng dụng cả phần
đất trước kia dành cho Phật Tử
Việt Nam, mà lúc đó không có
người trông nom. Những năm chiến
tranh sôi động đã khiến các vị
trách nhiệm trong Giáo Hội không
dành đủ thời gian và sự chú tâm
đến phần đất xa xôi này. Rồi đến
Cộng sản chiếm miền Nam. Đất từ
tử sang tay người khác, vì người
có bốn phần coi sóc sau cùng
cũng đã buông tay. Để đến nay
nhiều người phải đổ nhiều công
sức hao tài tốn của để mua từ
thuộc đất ở ngoài rìa xa khu Bồ
đề đạo tràng để xây một ngôi
chùa cho Việt Nam tại đất Phật.
Giữa một vườn có khoảng khoát
tô điểm vài cây cảnh, bụi lau.
Khóm lan đầy nét thiên vị Nhật
Bản, ngôi chùa Nhật nền vuông
rộng hơn trăm thước vuông với
hồ sen bao quanh được xây bằng
sàn lót đá hoa, mái đúc bê tông
viên gạch khảm mà
tương như ngôi đền thần đạo cổ
truyền bằng những cột gỗ lợp
mái tranh. Đằng kia dựng gác
chuông. Phía này xây thêm hội
trường và các văn phòng điều
hành và nhà phụ thuộc. Bên
trong trang trí nhẹ nhàng mà
vẫn gây được ấn tượng sâu đậm,
đơn giản mà vẫn trình bày được
nhiều nét mỹ thuật Nhật. Chỉ với
4 cột gỗ tròn sơn màu gỗ nâu
những trụ đèn lồng đặt trước và
ngay trong Phật điện. Hai đèn
treo phủ quanh bằng những chuỗi
rèm kết bằng những mảnh đồng mạ
vàng tạo ra một màn ánh sáng mờ
ào. Một hàng rào gỗ thấp chạm
khắc đơn sơ ngăn nhẹ dăm du
khách tò mò bên ngoài với hai
hàng thiên sinh đủ mặt Âu, Mỹ
văn tăng phục Bhutan, Tây Tạng
hay Nhật đang ngồi thiền một
cách tế chỉnh hàng giờ trước
Phật điện.

Qua cổng chùa Tây Tạng mới lúc
thờ còn đang bê bông sắt gắn
lên hàng rào cổng với đủ tượng
ý bát bửu Phật Giáo: pháp luân,
pháp loa pháp liên, tràng phan
bảo bình, pháp hoa, tàng lọng.
Chúng tôi vào đến khoảng sân cỏ
rộng mới trông còn dựng rào tam.
Tòa chính điện cũng xây trên

nền cao hình vuông nhưng to gấp
2, ba lần chùa Bhutan lại có
dây trụ lang bao quanh ba mặt
và xây cao 2 tầng. Bên trên nóc
bằng xây ở giữa một bực thấp
đặt biểu tượng hình mai chầu 2
bên pháp luân. Che phía trên
một mái vuông nhỏ, cong nhẹ ở
bốn góc. Kiến trúc và chi tiết
trang trí đều đơn giản hơn cái
chùa Tây Tạng và Bhutan xưa màu
sắc cũng sử dụng nhẹ nhàng hơn.
Đường nét rất gần kiến trúc hiện
đại, tuy vẫn còn giữ nhiều chi
tiết. Hời ra mới hay đây là công
trình của một kiến trúc sư người
Úc. Ngôi chùa đã hình thành
trong một câu chuyện cổ tích
Phật giáo: Một ông Hoàng tỳ phú
A Rập mắc chứng nan y. Các bệnh
viên danh tiếng từ Anh, qua Pháp,
Mỹ đều bó tay. Nhưng do một
phước duyên đặc biệt nhà tỳ phú
đã gặp được một vị đại Lạt Ma
Tây Tạng. Vì Lạt Ma này đã vui
lòng chú nguyện và chữa bệnh
cho ông ta bằng phương pháp
riêng của mặt tông. Sau một thời
gian, ông hoàng tỳ phú khỏi bệnh.
Cảm ơn cứu chữa, ông tỳ phú thiết
tha hồi vị Lạt Ma cần gì, để ông
có cơ hội đến đáp. Nhà sư Tây
Tạng tỏ bày hạnh nguyện từ lâu
là muốn xây một ngôi chùa tại
nơi đức Phật thành đạo. Thế là
ông hoàng ký ngay một ngân khoản
một triệu đô la Mỹ gửi qua nhà
chùa. Thêm một cơ duyên nữa là
một kiến trúc sư Úc có tâm đạo
sẵn sàng bỏ ra thời gian dài
nghiên cứu kiến trúc Tây Tạng.
Rồi bỏ hết sự nghiệp gia đình,
đất nước để sang đây, tại một
vùng xứ sở nghèo khổ này để vừa
tu học hàng ngày vừa nghiên cứu
thiết kế, vừa trông nom xây dựng.
Cho đến khi chùa hoàn thành, ông
ở lại tu luôn. Để tiếp tục xây
hết các dãy nhà phụ thuộc. Trong
tầng phục của một nhà sư Tây
Tạng, ông hiện đang hàng ngày
coi sóc thợ Ấn Độ bê các bông
sắt theo tượng ý bát bửu Phật
Giáo trên dãy rào cổng vào.
Và tinh túy nghệ thuật xây dựng
của Phật Giáo Tây Tạng đã được
diễn đạt qua trí thức và nhân
quan của một kỹ thuật gia Úc
châu.

(còn tiếp)



VƯỜN THỜ VIÊN GIÁC

BÔNG HỒNG
NỞ MUỘN VÀ
ĐẤT MẸ
LÀM THAN

NGƯỜI LÀM VƯỜN

Với các Thi hữu: An Lai
Thôn Nữ, Đoàn Đức Nhân,
Hà Đậu Đồng, Hoài Khê,
Hoài Việt, Thích Hạnh Tuấn,
Trà Giang Nguyễn Phó Đức,
Tùy Anh, Việt Chí Nhân

Cách đây hai tháng, Đại Lễ Vu
Lan đã về giữa lúc mùa hồng đang
nở rộ, tiết trời ấm áp, muốn hồng
ngàn tia đua tươi. Hoa hồng của
thiên nhiên, hoa hồng của lòng
người. Hồng nở trên áo anh. Hồng
nở trên áo chị. Hồng nở trên áo
bà con cô bác đủ mọi lứa tuổi.
Hồng đỏ cho ai còn Mẹ. Hồng
trắng cho ai đã mất điếm phúc
này.

Với đề tài trên, NLV muốn kết
hợp chủ đề của hai số báo 52 và
53 Vu Lan và Thân Phận Người
Ty Nạn để cảm tạ tất cả các Thi
hữu đã sáng tác hưởng ứng lời kêu
gọi của Viên Giác.

Một trong những vị cao niên nhất
trong Vườn Thơ Viên Giác, bà cụ
gần 80, thi hữu An Lai Thôn Nữ
cho ta những vần thơ tươi mát, trẻ
trung và tình mầu tử :

Mẹ ơi ! Mẹ ơi !
Mẹ thương con biển hồ lai láng
Con nhớ Mẹ ngày tháng không
ngươi
Đêm đêm tắc dạ bồi hồi

Ước mơ thấy Mẹ đứng ngồi bên con

.....

(Mùa Vu Lan Cảm Nhớ Mẹ)

một thứ tình cảm bất biến với thời gian, vì đối với các bậc sinh thành người con từ trẻ đến già lúc nào cũng cảm thấy nhỏ bé thơ dại.

.....

Con nên biết đủ là hay

Dạ ! Lời Mẹ dạy con nay nằm lòng

Con nguyện cố thoát vòng sân hận
Và nguyện sau khỏi những mê si
(MVLNCNM)

kể cả khi cha mẹ đã không còn hiện tiền, đã khuất bóng :

.....

Mơ màng Mẹ ẩn dấu non

Bâng khuâng tìm Mẹ mộng hồn bơ vơ

.....

(MVLNCNM)

Thi Hữu Đoàn Đức Nhân đề cập đến những lực lượng đen tối phải chịu trách nhiệm về thân phận những người ty nạn hôm nay :

.....

Vì chúng thờ tổ sư những thằng Lê
thằng Mác

Chủ thuyết lỗi thời người ta đã vứt
vào sọt rác

.....

(Cái Mà Nói)

Dân tộc ta là một dân tộc hiền hòa có quyền được hưởng hạnh phúc, thanh bình :

.....

Tôi muốn nắm tay anh cười nói
hiền hòa

Như thuở quê hương mình chuyển
dò nên quen một ngày nên nghĩa

Đồng bào gọi nhau bằng chị bằng
em bằng cô đi chú bác bằng u
bằng tía

Ngồi già cả thằng mất dạy cũng
chàng dâm mây tao

.....

(CMN)

nhưng chướng ngại vật của dân tộc ta là đảng Cộng sản cùng với cái má nổi của tên đầu lãnh mà các kẻ cuồng tín u mê thường gọi là "Lăng Bác Hồ" :

.....

Nhưng ơ hay tôi mơ mộng tào lao
Cái má nổi ô tĩ còn lù lù đó.

Thành hoàng phản quốc hại dân
của bọn quý đó

Anh còn khư khư ngưỡng vọng
trong lòng

Thì sao nhìn núi nhìn sông

Nhìn anh thấy mặt cháu rồng cháu
tiên

(CMN)

Sư Huynh Hà Đâu Đờng cũng hiện diện trên Viên Giác qua bài thơ "Thời Trang Tuổi Trẻ".

Điều này không có gì lạ. NLV nhờ lại hình ảnh của Thầy Như Điển và của Sư Huynh trong Đại Hội Trần Hưng Đạo được tổ chức tại Bremen năm trước. Đó là hình ảnh rất đẹp về tôn giáo khi cùng chung một mục đích là phục vụ dân tộc. Mỗi người một vẻ, cả hai vị đều có sức thuyết phục, thổi miên người nghe trong buổi hội thảo hôm đó. Với cách diễn tả nhẹ nhàng, sâu sắc, tác giả muốn lưu ý những người ty nạn về những cảnh thường gặp hằng ngày tại các nước Âu Mỹ :

.....

Tôi đã gặp anh hay nàng đôi lú

Đứa quá gầy, quá mập, đứa quá
cao

Đứa hoa tai, đứa tóc dựng lông
mào

Cả hai đứa tự hào về sắc đẹp

.....

(TTTT)

và cách tiếp thu của thanh niên ty nạn trong khi sống tại nước người :

.....

Những cảnh ấy trên phố phường
đông đảo.

Ta rào mắt nhìn ta rào bước đi
qua

Ta là ta, ta không bắt chước mù
lòa

Ta không kết án ai hay ai dỡ

.....

(TTTT)

tiếp thu nhưng không bắt chước nghĩa là tiếp thu có chọn lọc, bỏ cái xấu lấy cái tốt :

.....

Con đường ta đi ngàn năm vạn
thuở

Ta lắng tai nghe, ta ngước mắt
nhìn lên

Cái gì đẹp, cái gì quý làm bền

Ta tự kén chọn làm của riêng ta
vậy

(TTTT)

Thi hữu Hoài Khê khơi dậy trong lòng người ty nạn nỗi nhớ về quê cha đất tổ, về một nơi mà không có nơi nào đẹp bằng :

.....

Tôi đi trên mảnh đất này

Hồn còn ru mãi tháng ngày Việt
Nam

Quê hương ơi, chiếc nôi vàng

Ngọt dòng sữa mẹ chứa chan ân
tình

.....

(Thao Thúc)

và ước mơ về một đất thanh bình, không còn hận thù, không còn Cộng sản :

.....

Bao giờ đất mẹ hồi sinh

Bao giờ có một bình minh huy
hoàng

Ta đi trên đồng tro tàn

Xuôi dòng lịch sử xóa tan hận thù

.....

(TT)

đó là ngày đại thắng của dân tộc, không có kẻ thắng người thua, ngày đại thắng của tình cảm và lý trí với điều kiện duy nhất là chủ nghĩa Cộng sản phải ra đi :

.....

Không còn Quốc Cộng chia hai

Chỉ còn một mẹ hình hài Việt
Nam

Không còn đất nước tan hoang

Chỉ còn lại một Việt Nam phú
cường

Ta đi thấy lại Thiên đàng

Tự do hoa nở trên đường ta đi

(TT)

Thi hữu Hoài Việt, đồng thời là nhà khoa học ở Paris, nhà thơ nặng lòng với quê hương dân tộc, tác giả của nhiều tập thơ xuất bản từ năm 1962 đến nay, là nhà thơ gắn liền với nhận thức phù du và sự thăng trầm của đất nước (nhận xét của Thi hữu Đoàn Đức Nhân). Bằng những vần thơ mộc mạc, chất phác, Thi hữu cho ta những cảnh đẹp của quê hương với đầy đủ âm thanh, màu sắc :

.....

Có tiếng ve mùa hạ

Có gió hú mùa đông

Có nắng ấm mùa Xuân

Lá vàng rơi thu tới

.....

(Bài Thơ Quê Hương)

Và nhiều cảnh đã mắt hút trước
mắt ta nhưng còn hẳn sâu trong ký
ức :

.....

Có một em bé nhỏ

Nằm võng, mẹ ru hời

Mẹ cười, em hôn hờ

Em bé ấy là tôi

.....

(BTQH)

thiên nhiên vẫn còn rất gần gũi,
thân thương :

.....

Đêm rằm về nhớ ngắm ánh trăng
thanh

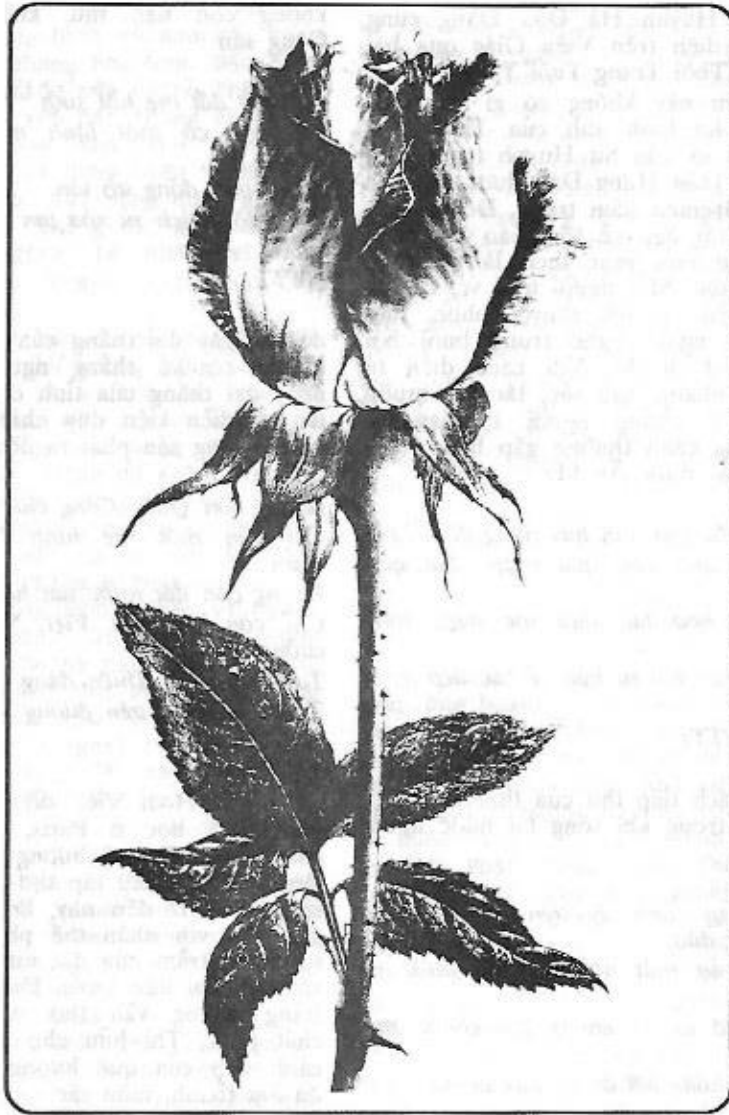
Đùa với nước trên đầm sen thơm
ngát

.....

(Em Về Làng Cũ)

Và còn gì thanh bình hơn khi :

.....



Em nghe dùm anh
tiếng cười tiếng hát
của trẻ em chơi cát bắt cạnh nhà
Em nghe dùm anh
trong gió mát ngàn xa
tiếng chuông chùa dịu êm
an lành thôn xóm ...

.....
(EVLC)

Vườn Thơ Viên Giác xin chào mừng sự xuất hiện của Đại Đức Thích Hạnh Tuấn qua bài thơ song ngữ Anh Việt "Trái Tim Của Mẹ" (Mom's Heart). Độc giả không rõ Thi hữu đã sáng tác bằng ngôn ngữ nào trước, Anh hay Việt, nhưng người đọc có cảm tưởng bản Anh ngữ là bản gốc rồi tác giả tự chuyển dịch ra Việt ngữ. Đúng hay sai thì đây cũng chỉ là sự tiên đoán cho vui. Điều cần biết là sáng tác thơ bằng song ngữ đòi hỏi phải có năng khiếu đặc biệt, mặt khác cũng là sự thừa hưởng và tiếp nối truyền thống văn học của cha ông ta xưa kia. Với bài "Trái Tim Của Mẹ" Thi hữu Hạnh Tuấn đã

thành công trong lối thơ song ngữ. Cách diễn đạt bằng những hình ảnh và từ ngữ cụ thể nói lên sự mạnh mẽ của tình mẫu tử, có một giá trị riêng biệt, giá trị mà ta thường thấy qua thi ca Âu Mỹ :

.....
Mẹ yêu ơi !
Con đang cần hơi ấm của Mẹ
mang
Áo tình thương
Nón
Dép
Khởi cơ hàn

Cho con hết những điều con mơ ước
.....
(Trái Tim Của Mẹ)

Tác giả diễn tả dễ dàng thành thơ những nhu cầu rất là thiết thực :

.....
Khi con đói
Thức ăn và đường khi
Lúc con buồn
Kẹo bánh ngọt tình thơ

Mẹ có ngay trong những phút đợi chờ
Và mang trọn những gì con cần đến

.....
(TTCM)
Và tình cảm cũng được diễn tả như là cho ta trông thấy được :

.....
Hỡi con yêu bé bỏng của Mẹ đâu
Đây vòng tay
Hãy nắm lấy - trong suốt những nhịp cầu
Rồi hãy nhớ - Vì con mà Mẹ bước

.....
(TTCM)
Ước mong và tin tưởng rằng các vị tăng sĩ tân học mang tâm hồn thi sĩ sẽ còn làm giàu thêm kho tàng thi ca Việt Nam sau này.

Thi hữu Trà Giang Nguyễn Phổ Đức cũng mới đến với VTVG, qua một số sáng tác vững vàng từ lời đến ý, từ hình thức đến nội dung.

Đây là những lời nói chân tình gửi những người Cộng sản :

.....
Ta về thôi nhé ta về
Bỏ xa chủ nghĩa Mác Lê thuở nào
Hãy xem như giấc chiêm bao
Hãy nghe như nước lao xao qua cầu

.....
(Trở Về)

Đó là điều mà các nước Cộng sản Ba Lan, Hung Gia Lợi đang làm, nhân dân Đông Đức đang trở dậy để làm. Khối Cộng Đông Âu đang tan vỡ từng mảng. Chỉ riêng Cộng sản Việt Nam vẫn có mặt như mù, có tai như điếc.

Một ngày qua đi là một ngày tội lỗi :

.....
Cùng bọn quan thầy Lê Nin, Các Mác
Gieo tai ương họa lớn cho toàn dân
Đem giang sơn gấm vóc xuống làm than
Biến cuộc sống con người thành trâu ngựa..

.....
(Đình Cao Muôn Trọng)
Trí Tuệ lè tè)

Việt Cộng vẫn thường huyền hoàng đánh Pháp, đuổi Mỹ nhưng đối với Liên Xô thì :

.....
Ồ kìa ! Một lũ da vàng mũi tẹt
Mãi tôn sùng mấy "trí tuệ đỉnh cao".
Khúm núm khom lưng
quỳ trước cổng vào
Nơi chánh điện Cẩm linh mà ra mắt

.....
(ĐCMT, TTLT)

Đó là chân dung của các "anh hùng" Việt Cộng, mà ai cũng thấy rõ, không sai một nét nào. Thực ra, chúng ta không muốn chủi suông những người Cộng sản Việt Nam. Điều mà dân tộc mong muốn là họ mau mau thức tỉnh, sớm ngày nào hay ngày đó, trước sức đề kháng trường kỳ của nhân dân ta và trước cao trào đòi hỏi Tự Do đang bùng nổ tại các nước Đông Âu, các nước anh em của chính họ.

Thi hữu Tùy Anh với tình cảm nhẹ nhàng, thanh thoát diễn tả bằng vần điệu bay bướm nói lên lòng hoài tưởng của người tỵ nạn từ nửa vòng trái đất hướng về những gì thân thương nhất :

.....
Người vẫn đợi
trên tròng khơi
nổi nhớ
Mẹ vẫn chờ,
trong mồn mõi niềm thương
Nghe lưu lạc
từ ngọn nguồn
thác lũ
Lời ca dao
từ nếp cũ
phai hương

.....
(Hoài Tường)

Trong hoàn cảnh hoàng hôn nơi đất khách, tác giả thấy lòng mình trùng xuống và trí tưởng tượng dâng cao :

.....
Nơi xứ lạ
dù xa vòng tay mẹ
lòng vẫn vui
theo đợt khói lam chiều
Thêm nồng ấm
ngỡ thấy mình còn trẻ
để nồng nàn
khi thầm nói : - Mẹ yêu !
(HT)

Nhân đây, NLV xin cảm tạ Thi hữu Tùy Anh đã "chạy tiếp sức" một kỳ VTVG trong lúc NLV lu bu công chuyện để đáp lại sự mến mộ của các Thi hữu và độc giả bốn phương đối với mục này. Thực ra mục VTVG như thừa chuyện từ lúc khởi đầu không phải là mục thường xuyên, mà chỉ xuất hiện khi số lượng thơ của các Thi hữu đủ để làm chất liệu cho mục này.

Qua bài "Khóc Mẹ", Thi hữu Việt Chí Nhân nói lên điểm cao nhất của tình mẫu tử, khi người Mẹ qua đời :

.....
Mẹ ơi, nước biển Thái Bình

Không bằng lệ mẹ vì tình thương con !

Vì con mẹ ngậm bồ hòn
Vì con mẹ chịu héo hơn một đời
Con chưa trả nửa phần mười
Mà nay mẹ đã ra người thiên thu !
(Khóc Mẹ)

Như cụ An Lai Thôn Nữ, Thi hữu Việt Chí Nhân lúc nào cũng cảm thấy nhỏ bé bên bà mẹ hiền từ :

.....
Mẹ ơi, con vẫn "tí hon"
Dù đầu nửa trắng, nửa còn hơi xanh
Khăn tang mẹ vấn một vành
Thì anh hùng cũng chẳng anh hùng gì !

.....
(KM)

Những vần điệu của Thi hữu mang âm hưởng của ca dao và giàu nhạc tính nên dễ đi vào lòng người và độc giả rất mau thuộc thơ của ông :

.....
Thơ xata mẹ hát bồi người
Khi ru con ngủ muôn đời còn vang
Rồi đây con bỏ khăn tang
Nhưng tâm con sẽ mãi mang trên đầu
Mênh mang đất thắm trời sâu
Từ đây sẽ chỉ một màu khăn tang

.....
(KM)

Có thể nói đã là người, không ai là không coi trọng chữ Hiếu đối với cha mẹ. Tuy nhiên, điều nên lưu ý là sự hiếu thảo đối với các bậc sinh thành là sự khởi đầu

không phải là tất cả tình thương trong thế gian. Không thể chỉ yêu thương cha mẹ mình mà không yêu thương người khác. Không thể có tình thương ích kỷ mà phải có tình thương rộng lớn chan hòa, theo giáo lý của đạo Phật, chữ Hiếu mới là một trong bốn trọng ân. Điều thử thách lớn lao nữa là từ biết cho đến làm, từ tri cho đến hành, không phải là chuyện đơn giản. Biết thì dễ làm thì khó. Có nhiều người biết mà không làm, hoặc thậm chí làm sai với những điều mình hiểu biết. Có lẽ vì thế mà cộng đồng vẫn bất hòa, xã hội vẫn bất ổn, nhân loại vẫn tương tranh. Và vẫn mình đi ngược chiều với sự tiến bộ của khoa học mặc dầu loài người sắp bước sang thế kỷ thứ 21.

Đã nhận được sáng tác của các Thi hữu :

A.L.TN, Q.Trung, N.P.Đức,
T.N.Ái, L.T.B.Lan, T.Hoan,
M.Tương, H.Việt, T.Anh,
Đ.Đ.Nhan, H.Khê.

Xin thành thật cảm ơn và mong nhận được các sáng tác mới.

Chủ Đề

Viên Giác số 54 mang chủ đề :
"Tương Lai Thanh Thiếu
Niên Việt Nam"

Bài viết xin vui lòng gửi về trước ngày 20.11.1989. Chân thành cảm tạ.

Tòa soạn



TUỔI HỌC TRÒ

LÊ THỊ THANH TRANG

Tiếng reng chuông báo hiệu giờ học đã chấm dứt. Tôi và mấy người bạn cùng lớp rời phòng học. Trên đường xuống cầu thang tôi hỏi Sandra cảm nghĩ của nó về cuốn sách "The Human Comedy" của William Saroyan, mà chúng tôi vừa đọc xong.

Sandra trả lời tôi một cách điềm nhiên, thông thả "Cuốn sách đó đọc cũng có nhiều ý nghĩa lắm chứ!". Rồi lại tiếp, "theo tôi nghĩ nó là một cuốn sách hay và rất đáng được đọc".

Chúng tôi ra khỏi sân trường và cầu chúc cho nhau cuối tuần này được nhiều vui vẻ, rồi mỗi đứa với vài đạp xe về nhà. Trên đường về tôi ngẫm nghĩ về câu trả lời của Sandra và đồng ý với cô ta là cuốn sách ấy rất hay, mặc dầu có những đoạn tác giả viết thật là buồn và đã làm tôi phải suy nghĩ nhiều. Hay chính vì những đoạn văn đó đã làm tôi hài lòng và công nhận sách đó hay!

Chỉ còn vài ngày nữa thôi là chúng tôi nghỉ hè rồi. Kỳ nghỉ hè này đối với tôi có khác hẳn với mọi năm, vì chúng tôi không còn dịp gặp nhau thường nữa. Mỗi đứa sẽ đi vào một khung trường mới, sau mấy năm trời cùng có những trận cười giòn giã trong giờ học và những lần giận nhau thật buồn chán. Thế là tôi lại phải xa bạn bè một lần nữa. Kỳ nghỉ này làm tôi nhớ lại lần chia tay với các bạn ở Việt Nam hơn. Lần tôi từ giã bà con, bạn bè để sang Tây Đức, tôi cũng buồn như hôm nay vậy. Cũng như mọi hôm về đến nhà là tôi với và hỏi má "Má à, có thư cho con không vậy? Tôi nôn nóng đợi chờ câu trả lời của má".

LTS : " Thời gian ở xứ người có bồi xóa được những kỷ niệm êm đềm của tuổi thơ trên quê hương hay không ? Sinh hoạt ở xứ người có làm chao động những hình ảnh thân yêu của khung trời nơi ta sinh trưởng lớn khôn ? Ngôi trường cũ, tình bạn bè, những lưu luyến của mùa hè tan trường, phượng vĩ "

VG xin giới thiệu đến bạn đọc tâm tình của Lê Thị Thanh Trang - cây bút mới, qua tác phẩm " Tuổi học trò".

"Con có thư của Tần gửi đến đó". Tôi mừng quá bỏ sách tập ra không kịp. Má tôi thấy thế lắc đầu rồi nói, "Sao con không ăn cơm rồi hẳn coi? Hôm nay con chưa đổi à?"

Tôi nôn nóng đợi thư, khi nhận được là phải mở ra coi mới được nên khê trả lời, "Má ăn trước cũng được, con phải coi thư nên ăn sau cũng được mà, há má!". Và thế là tôi cầm cúi đọc bức thư của Tần. Tần kể cho tôi về bạn bè cùng lớp và sinh hoạt của bạn ấy. Mấy đứa bạn cùng lớp giờ đã lớn cả rồi. Tôi thích nhất cái câu mà Tần đã viết "Các bạn trong lớp thường nhắc đến bạn luôn đó". Đó là điều mà tôi không ngờ được. Bọn con gái nhớ là phải rồi, còn mấy người con trai mà vẫn còn nhớ đến tôi sao? (It ra cũng thế chứ !!!).

Cứ những lần nhận thư của bạn từ Việt Nam gửi qua là những kỷ niệm tuổi học trò của tôi như sống lại. Thấm thoát tôi đã xa tụi bạn gần năm năm rồi. Năm năm có biết bao nhiêu là thay đổi, thời gian không bồi xóa những kỷ niệm giữa tôi và các bạn, và các bạn vẫn còn nhớ đến tôi. Nên đó cũng là niềm an ủi lớn cho tôi đó chứ!

Các bạn làm sao biết được, tôi quý mến các bạn đến dường nào !! Tôi chợt nhớ có lần chơi đá cầu với tụi bạn cùng lớp, bọn con gái chúng tôi thì làm sao chơi hay bằng mấy bạn trai được, nhưng chúng tôi lại có tài vẫn ní cho thêm mạng để đá nữa. Rồi cuộc chúng tôi thắng và được ăn một chậu chè. Lúc ra khỏi quán chè, Triết liền lên tiếng bảo, "Kỳ sau tụi con trai mình phải cứng rắn lên, không cho mấy người con gái nhiều mạng nữa thì mới mong thắng nổi, rồi sẽ được ăn chè do mấy cô này bao đây!". Thế là cả đám phá lên cười.

Tôi có những kỷ niệm nói ra thì thật là đơn sơ vậy đó, nhưng lại cũng khó quên làm sao, mà tôi cũng chẳng muốn quên tí nào cả.

Rồi hôm nay chỉ còn biết mong nhận được thư của bạn ở Việt

Nam thôi, để mà sống lại với dĩ vãng, kỷ niệm mà tôi đã có.

Bạn cùng lớp như Sandra, Nicole...tụi nó thường hỏi tôi về Việt Nam nhiều lắm. Tôi cũng thích kể cho tụi nó nữa, vì như thế tụi nó thông cảm và hiểu về tôi nhiều hơn, những lúc đó tôi cảm thấy vui sướng đã được sống ở Sài Gòn và là người dân của quê hương mình. Ngay cả thầy và tụi bạn đôi khi thường hay kêu tôi nói tiếng Việt cho họ nghe, tôi cũng phải nói cho họ được hài lòng nhưng lại cảm thấy lạ, vì chính mình lại nghe thấy tiếng mình, giống như là nói chuyện một mình mình vậy. Không phải chỉ thế thôi, tôi còn phải dịch qua tiếng Đức những gì tôi đã nói nữa. Đôi lúc như thế tôi thấy vui là lạ. Không biết kỳ tựu trường tới tôi có còn phải làm những việc này cho họ không nữa hoặc có được những cuộc trò chuyện vui như bây giờ không?

Hôm nay trời không đẹp lắm, mưa và gió nhiều nữa. Ngồi nhìn ra cửa sổ chợt tôi nhớ đến bài văn của Thanh Tịnh "Tôi đi học". Đó là một trong những bài văn tôi rất yêu chuộng ngay khi còn nhỏ. Lúc còn học cấp I (tiểu học) tôi có lần nghe chị tôi đọc và tôi đã thích nó ngay từ đó. "Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường. Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng..."

Đúng thế, tôi quên thế nào được, nói mà tôi đã có những kỷ niệm đẹp, dù đơn sơ giản dị nơi nắng ấm quê nhà. Tôi còn nhớ mãi những lần được má dẫn về Vĩnh Long đám giỗ bà ngoại, con đường thon thon dẫn đến nhà đi và giòng sông cạnh lối đi. Giòng sông mà chị em tôi đã có lần bơi lội đùa giỡn trong nó. Tôi yêu quê tôi, thích những buổi hoàng hôn quê ngoại. Bây giờ ngồi nghĩ lại tôi lại tiếc là những lần về Vĩnh Long má và chị em tôi chưa bao

LÁ THƯ TRANG SEN

giờ ở quá một tuần. Người lớn thì phải bận rộn rồi, con nít ngây thơ thì chỉ ham vui thôi, những vui chưa trọn thì lại phải chuẩn bị về. Để giờ tôi không còn có cơ hội để trở lại chốn đó nữa, điều đó có phải là điều đáng tiếc không ?

Những lần rảnh rỗi một mình trong phòng tôi lại lấy xấp thư của bạn bè ra đọc lại, đọc lại những dòng chữ nắn nót của tụi bạn, để rồi nỗi nhớ càng dâng cao hơn. Tôi thường hỏi tôi, sao tôi lại thích nhớ về di vãng và thích còn ngây thơ mãi. Câu hỏi này tôi cũng thường đặt ra cho chính mình, hầu tìm được một câu trả lời đúng đắn. Có phải tôi thích mãi sẽ là đứa học trò, để khỏi phải làm người lớn, khỏi phải có những lo âu, những vấn đề khó hiểu, để chỉ thích vui thích cười nói hoa loa. Dưới ánh mắt đứa trẻ cuộc sống và mọi thứ đều trong sạch, dễ dàng, đầu đầu cũng thấy hiển hiện hoa và phảng phất hương. Còn người lớn thì chỉ thấy những buồn bã, bất công và phũ phàng. Nhưng nếu là người lớn, tôi cũng sẽ cố gắng tìm những khía cạnh tốt, lạc quan, và đáng yêu của cuộc sống để cuộc đời đối với tôi không toàn là đau buồn, chán nản.

Nơi đây tôi cũng có nhiều bạn cùng lứa lắm chứ, nhưng giữa họ và tôi không có cái cảm giác thân thích nhau, như tôi và Tần. Chúng tôi, ở nơi đây, đều là không xa lạ, nhưng lại cũng không thân thuộc nhau. Có phải sang đây tánh tình những đứa trẻ như tôi lại thay đổi và tại sao lại thay đổi ??

Với thời gian tôi cũng quen dần với cuộc sống nơi đây, nhưng nói là quên Sài Gòn Việt Nam thì làm sao tôi quên cho được.

Juli 1989

- Anh Huỳnh Thanh Hùng (Thiện Long)/Volklingen: Tư bài của anh nghe hấp dẫn và action kinh khủng, nhưng rất tiếc là ngắn quá; nên "Cú đá vào hạ bộ" nghe tưng tưng làm sao ấy. Nếu cho "đi" e rằng độc giả sẽ nghĩ rằng dân bản xứ nặng tình thần kỳ thị chủng tộc và... phe ta lại thiếu tình thần hội nhập vào xã hội mới, cứ mang nặng "niềm đau chua xót của kẻ vong quốc ly hương, làm thân tỵ nạn nơi xứ người" như anh đã viết; mặc dù trong đây sâu tâm cảm của chúng ta vẫn luôn hoài vọng "mơ ước một ngày nào đó trở lại quê hương, tay súng, tay cờ trong quang phục ...".

Sẽ hoàn lại bản chính theo yêu cầu và mong nhận được những sáng tác mới của anh. Thân kính.

(PV).

Nhìn những chiếc lồng đèn mong manh trong bàn tay nhỏ nhỏ của các em vào một đêm đầu thu lành lạnh, Chị thấy mình như được sưởi ấm bằng những âm điệu Việt Nam. Một đêm Trung Thu xứ người tưởng chừng lạnh lẽo. Nhưng không - Các em đã đến thật đông đủ, gần tám chục em tuổi từ 5 đến 13, hỉ hục làm lồng đèn dưới sự hướng dẫn của các Anh Chị Phật Tử tại Bá Linh. Một buổi chiều trôi qua trong mọi cố gắng của các em. Rồi màn đêm buông xuống nhuộm màu sắc cho ánh nến lung linh trong những giấy màu xanh, vàng, đỏ, tím...

Hàng một các em rước lồng đèn qua phố phường mê ngủ nước người. Những đôi mắt sáng ngời, những ngôi sao lung linh. Các em đi thật nhẹ, bài hát "Tết Trung Thu rước đèn đi chơi..." đã nhỏ lại vì sợ làm phiền những nhà chung quanh. Vài bậc phụ huynh đi theo con cái. Một số anh chị Phật Tử hướng dẫn cũng cầm đèn cầy đi chung. Từ xa người ta chỉ thấy một đoàn người nhỏ nhỏ với những ngôi sao lung linh âm thầm di động. Một Trung Thu xứ người, một cái Tết Nhi Đồng nơi băng giá, trông nhạt nhẽo nếu so với Trung Thu ở quê mình. Nhưng không, nếu nhìn kỹ sẽ thấy một màn sống tuyệt vời, một ngọn núi lửa đang sùng sục cháy bên trong ... Các em, mà đa số được sinh tại đây, đã và đang thấy rõ mình là người Việt Nam, thật vui và thật mơ mộng với chuyện Chị Hằng thăng Cuội. Các anh chị Phật Tử đã nhận chân được công tác tiếp nối. Giữa hai thế hệ cha anh và con em nhỏ, hội nhập vào đời sống mới và giữ gìn văn hóa Việt. Các bậc phụ huynh, dù mệt mỏi với đời sống chạy đua ở Âu Châu vẫn không quên dành thì giờ hướng dẫn con cái vào nề nếp Việt. Cả ba lớp tuổi cùng đi rước đèn, hòa hợp vào nhau để xây dựng giữ gìn những "con người Việt Nam trên đất nước tạm dung. Hôm đó chị cũng được nghe các em hát.

Các em là thiếu nhi Việt Nam, Việt Nam

Các em nguyện trở về đất nước Việt Nam ...

Chao ơi ! Còn xúc động nào hơn nữa không ? Chắc chắn lúc đó những bậc cha mẹ không khỏi âm thầm rơi nước mắt sung sướng. Nói ra thì ghen ngào nhưng chị cũng không ngại lẽ.

Có lần chị được nghe băng giảng của thầy Nhất Hạnh nói về "Tương lai văn hóa Việt Nam" không gì hơn là nhìn vào đàn con của mình. Và hôm nay nhìn các em, chị thấy cả một trời hy vọng.

Các em thân thương của chị. Như những ngọn lau giữa đồng trống. Gió có lồng lộng thổi, ngọn lau có ngã có nghiêng cũng còn đó, vững bền. Các em của chị cũng vậy. Dù em theo cha mẹ vượt biên, hay đến bằng bảo lãnh hoặc được sinh trưởng ở bên này. Các em vẫn là thiếu nhi Việt Nam. Dù em còn giữ quốc tịch Việt Nam hay đã theo cha mẹ vào quốc tịch nước người. Các em vẫn nguyện trở về đất nước Việt Nam như lời em đã hát. Đó mới là chất liệu nuôi dưỡng các em trưởng thành. Không hoang mang, không nghi hoặc, không thắc mắc một lần tự hỏi "Tôi là ai? Tóc đen, da vàng, mũi tẹt nhưng A không ra A, Âu không Âu. Tiếng Việt không rành, tiếng Đức không thông ... Câu hỏi đó chị chắc chắn không dành cho các em "Thiếu Nhi Việt Nam" của chị.

Tâm Bạch.

(tiếp theo)

LÝ THÁNH TÔNG (1054 - 1072)

Kế nghiệp vua Thái Tông là thái tử Nhật Tông, tức vua Thánh Tông lấy niên hiệu lần đầu là Long Thụy Thái Bình (1054 - 1058) đặt quốc hiệu là Đại Việt.

Vua Thánh Tông nổi tiếng là một vị anh quân và có nhiều đức độ. Chính trị của ngài lấy sự thương dân như con làm căn bản.

Tháng tư năm Bính Thân (1056) ngài ban chiếu khuyến dân làm ruộng.

Tháng 8 năm Kỷ Hợi (1509) ngài cho chế triều phục cho có vẻ trang nghiêm khi vào chầu; ngài lập điện Thủy Tinh, Thiên Quang; ngài đặt các chức quan Phụ Quốc thái úy, Giám Nghị đại phu... Triều đại của ngài tiến dần đến chỗ vẻ vang.

Năm Canh Tuất (1070) trời làm đại hạn, ngài cho mở kho lấy tiền và thóc chẩn cấp cho dân. Ngài đặt tiền dưỡng liệm để tránh sự sa ngã cho quan lại; mỗi người ngục lại mỗi năm được 20 quan tiền và 100 bó thóc để nuôi tính trong sạch cho các hình quan.

Đối với các phạm nhân, ngài cũng mở lượng khoan hồng cho ăn mặc đầy đủ; ngài định lệ chuộc tội bằng tiền tùy theo lỗi nặng nhẹ.

Về võ bị, tuy nước được thái bình, ngài cũng rất lưu ý đến. Ngài định tám hiệu quân, mỗi hiệu chia ra bốn bộ, bốn bộ hợp lại thành 100 đội. Mỗi đội có lính kỵ mã và lính bắn đá. Số quân lính dưới đời vua Thánh Tông tăng lên gấp đôi. Quân đội nước ta vào hậu bán thế kỷ thứ XI có thể nói là rất hùng mạnh ở Đông Nam Á Châu.

1. Việc mở mang Phật Giáo và Nho Giáo:

Tháng giêng năm 1055 ngài cho sửa các miếu trong Đại nội. Năm Đinh Dậu (1058) ngài cho sửa cửa Tường Phù. Tháng 8 năm Canh Tý (1060) ngài cho làm Hành Cung bên cạnh Tây Hồ...

Tháng giêng năm Tân Hợi (1071) ngài viết chữ Phật vào tám bia dài một trượng 6 thước ở cửa chùa Tiến Du.

Năm Canh Tuất (1070), ngài cho xây miếu thờ Khổng Tử tại phía nam thành Thăng Long, cho tô tượng Chu Công, Khổng Tử và tượng tứ phối (Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư và Mạnh Tử) vẽ tượng 72 người học trò giỏi của Khổng Tử. Việc xây dựng văn miếu, đúc tượng thờ Khổng Tử và sùng bái chư hiền được thành lập và đi sau đạo Phật ở Việt Nam đã bắt đầu tiến triển từ bấy giờ.

2. Đánh Chiêm Thành:

Từ thế kỷ thứ hai dân Chiêm quen cấy thế hùng mạnh hay sang quấy nhiễu biên giới nước ta. Nên từ nhà Tiên Lê đã quan niệm rằng không đánh Chiêm thì Chiêm cũng đánh mình; từ đấy, khi đã chân chính nội bộ rồi, triều đại nào cũng mang quân Nam Chinh.

Năm 1068, lực lượng của Lý triều có chừng 5 vạn, vua Lý Thánh Tông cho sửa soạn thêm chiến thuyền, Lý Thường Kiệt được làm đại tướng tiên phong, em Thường Kiệt là Thường Hiến giữ chức Tân kỵ Vũ úy. Mỗi chiến hạm chở 250

quân và lương thực, có tất cả 200 chiếc.

Tại Nhật Lệ, thủy quân Chiêm xông ra cản đường, tướng của ta là Hoàng Kiệt, đánh tan quân Chiêm rồi thẳng tiến về phía Nam hướng về thành Phật Thệ. Tướng Chiêm là Bồ từ đà la dàn trận trên bờ sông Tu Mao chặn đánh. Quân ta xông lên giết được Bồ từ đà la và rất nhiều binh sĩ.

Lý Thường Kiệt vượt được sông Tu Mao, phải vượt qua 2 con sông nữa mới tới kinh đô Chiêm. Vua Chiêm là Chế Củ mang vợ con chạy trốn, dân trong thành ra hàng quân Đại Việt hết cả.

Lý Thường Kiệt đem quân truy tìm theo phía Nam, bắt được Chế Củ và năm vạn quân Chiêm.

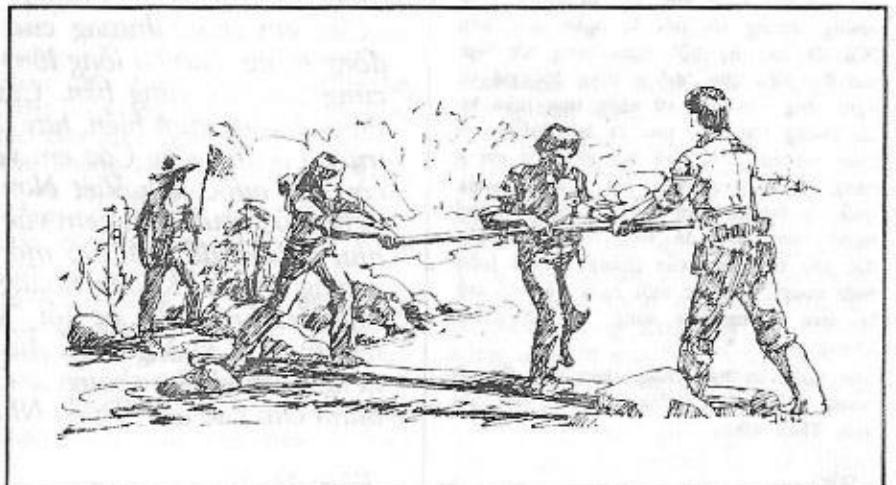
Ngày 17 tháng 7 năm Tân Dậu, đạo quân Nam chinh về tới Thăng Long. Cuộc đòn rước rất long trọng và rực rỡ. Vua Chiêm mình mặc áo vải trắng, đầu đội mũ gai, tay bị trói sau lưng, quyền thuộc đi sau cũng bị trói.

Chế Củ xin dâng ba châu: Bồ Chính, Ma Linh và Địa Lý để chuộc tội được tha về.

Cuối tháng 7, Thánh Tông làm lễ ở Thái Miếu mừng thắng trận và đổi niên hiệu Thiên Huống ra Thần Vũ để ghi chiến công oanh liệt của thời đại.

(còn tiếp)

THIỆN HẠNH



CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT

● Chùa KHÁNH ANH

(tiếp theo)

31. Một số người, vì dốt ky, bắt đầu chống lại Đức Phật. Họ thường nói "Sa môn Cù Đàm không có thần thông". Để dẹp yên họ, Đức Phật bằng lòng hiển hiện thần thông theo sự đòi hỏi của môn đồ. Ngài ăn một trái xoài và chôn hột xuống đất rồi rửa tay trên chỗ đó...Tức thời hạt này mầm và chẳng mấy chốc thành hình một cây lớn, rồi sinh trái.



Đức Phật còn thi triển nhiều thần thông khác.

32. Có lần Đức Phật ở trong rừng xa, khỏi các tăng chúng một thời gian. Có con voi và con khỉ đem đến dâng Ngài trái cây và nước uống



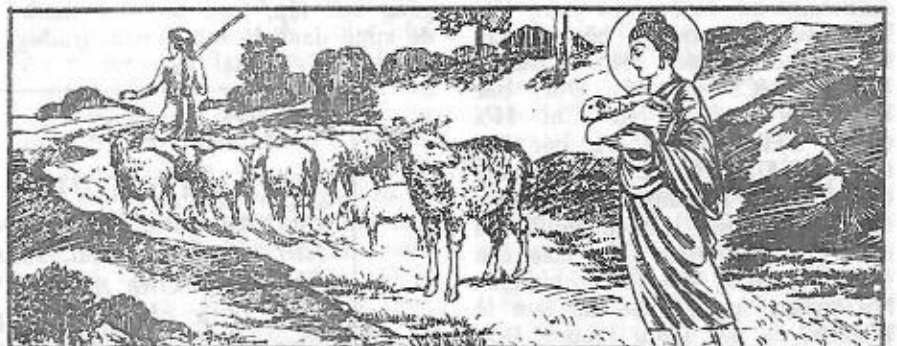
33. Một tên cướp ở thành Xá Vê (Savatthi) tên là Ương Quật Ma La (Angulimala) muốn làm một xâu các ngón tay của một ngàn người do hấn giết. Hấn giết đã nhiều người. Khi Đức Phật đi qua nơi đó, hấn xông đến định giết Ngài. Đức Phật vẫn bước đi chậm rãi như thường, nhưng gã ăn cướp không sao bắt kịp Ngài, dù hấn cố chạy theo Ngài. Cuối cùng Đức Phật thuyết pháp khiến người này từ bỏ tội ác.



34. Có con quỷ Dạ Xoa ở làng Arvik, gần thành Xá Vê, nơi một cây da. Người trong làng phải dâng cho quỷ mỗi ngày một người làm môn an. Trên đường du hóa, Đức Phật đến ngồi dưới gốc cây này, quỷ Dạ Xoa không tài nào làm gì được Đức Phật. Ngược lại, quỷ từ bỏ mọi tính hung ác, khi được nghe giáo pháp của Đức Phật.



35. Có lần Đức Phật thấy một mục đồng chăn cừu. Một con cừu bị thương ở chân. Nó bước đi khập khiễng một cách khó nhọc. Vì thế nó lết đi tuốt mãi phía sau. Cừu mẹ không ngớt quay lại ngó chừng con. Đức Phật bế cừu con vào lòng và đi sau đàn cừu.



(còn tiếp)

TRẠI LỘC UYỄN GIAI ĐOẠN II
HUẤN LUYỆN HUYNH TRƯỞNG SƠ CẤP
 từ ngày 28 đến 30.4.89 tại Nuernberg

Tường trình Thiện Căn
 (tiếp theo Viên Giác số 52)

Hôm nay trại sinh học rất nhiều về chuyên môn, trong đó có Morse, gút, dấu đi đường, âm hiệu mật mã, cách tập hợp theo đội hình do HT. Thị Lộc và Thiện Căn hướng dẫn, ngoài ra còn có 2 đề tài: "Khả năng quản trị và điều khiển" do HT. Tâm Cừ giảng huấn. "Đức tính và bổn phận của người huynh trưởng" do HT. Nhật Định trình bày.

Bắt đầu từ 15 giờ tất cả các trại sinh HT sơ cấp tham dự trò chơi lớn để thi trắc nghiệm tổng quát các phần chuyên môn đã được học tập, phần này được thực hiện ở ngoài trời chung quanh khu vườn rộng lớn của ngôi nhà hội trường. Trại sinh phải nhận Morse bằng cờ, còi, theo dấu đi đường và qua các trạm hỏi do các HT trong BOT chỉ định.

Các điểm này được cộng với phần điểm thi Phật pháp để xác định việc trúng cách cho trại sinh.

Buổi chiều, sau khi trại sinh qua các phần trắc nghiệm chuyên môn, chỉ HT Tâm Bạch lo sắp xếp cộng điểm ghi vào chứng chỉ và việc này cho xong trước khi Thầy về.

- 19 giờ 40 Phái đoàn của Thầy về đến nơi, hôm qua có thêm bác Thị Tâm Hội Trưởng HPTVNTN CS tại Tây Đức cùng về với Thầy để tham dự buổi lễ mãn khóa của các tân huynh trưởng.

- 20 giờ 30 Lễ truyền đăng tục nhiệm cho các tân HT bắt đầu.

Dưới bóng Phật đài khói hương nghi ngút, trước sự chứng minh của Th.Tọa cố vấn giáo hạnh, Ni sư Diệu Tâm trụ trì chùa Bảo Quang Hamburg, Sư cô Diệu Ân trụ trì NPĐ Quán Thế Âm Aachen, Chú Thiện Tín chùa VG Hannover và trong hàng quan khách có Bác Hội trưởng HPTVNTNCS tại Tây Đức, bác Phó Hội trưởng, bác Chi Hội trưởng CHPT Nuernberg, bác Gia trưởng GDPT Chánh Dũng cùng tất cả quý vị đạo hữu trong CHPT Nuernberg cũng như quan khách ngoài chi hội hiện diện. Các trại sinh HT trong đội hình quỳ giữa hội trường trước Phật đài làm lễ Phật và ca bài Trăm Hương Đốt. Trong giờ phút uy nghi và trang

trọng này, mọi người đều cảm thấy như có một cái gì linh thiêng đang phảng phất đâu đây và ngay lúc đó tim tôi cũng bắt đầu đập mạnh.

Trong nhiệm vụ HT giảng huấn thuộc BQT và đời sống trại tôi đứng ra kính bạch và tường trình sự học tập của các tân HT qua 2 giai đoạn trại Lộc Uyển. Giai đoạn I tại chùa Viên Giác Hannover và giai đoạn II tại đây cùng những thành quả đã thu nhận được. Kế đó hội trường tắt hết đèn, chỉ chừa lại nơi Phật đài. Thầy cố vấn giáo hạnh, Ni sư, Sư cô, các Huynh trưởng và mỗi trại sinh trên tay cầm một cây đèn cây có học hoa sen giấy màu vàng, thắp theo hàng đi ngang qua Phật đài mỗi nó cháy thành lửa thiêng, cầm nơi tay phải, trở về đứng lại vị trí cũ.

Thầy cố vấn giáo hạnh ban đạo từ, nhấn mạnh sự vinh dự của các tân huynh trưởng hôm nay, nhắc nhở nhiệm vụ của họ trong tương lai nơi xứ người đối với dân tộc và đạo pháp.

Tân huynh trưởng Quảng Niệm Lê Gia Tuyển người cao tuổi hơn bước ra khỏi hàng quỳ đọc lời phát nguyện cho các tân huynh trưởng trong hàng đọc theo :

- Là những tân huynh trưởng thuộc GDPT/VN tại Tây Đức, chúng con xin phát nguyện trọn đời hiến dâng lý tưởng của mình, cho Dân tộc và Đạo pháp.

- Là những tân huynh trưởng thuộc GDPT/VN tại Tây Đức, chúng con xin phát nguyện cố gắng vui sau cái vui của kẻ khác và chịu khổ trước cái khổ của mọi người.

- Là những tân huynh trưởng thuộc GDPT/VN tại Tây Đức, chúng con xin phát nguyện cố gắng học tập, trau dồi đức hạnh, để xứng danh là một huynh trưởng của GDPT/VN tại Tây Đức.

Ni sư, Sư cô ban đạo từ chúc mừng, lần lượt quý bác Hội trưởng, phó Hội trưởng, Chi hội trưởng, Gia trưởng lên máy vi âm chúc mừng, sau cùng HT Nhật Định Trưởng ban HT/GDPTVN tại TĐ đáp lời cảm ơn quý vị quan khách cùng gửi lời nhân nhượng đến các tân huynh trưởng hôm nay.

Tân huynh trưởng Thị Nhơn Ngọc Hiếu người đồ thủ khoa với niềm vui sướng đó, anh đã nghẹn ngào rơi nước mắt khi phát biểu cảm tưởng của mình, anh nhận thấy hiện tại có bốn phần lần trách nhiệm đối với tiền đồ của dân tộc và đạo pháp mà mọi người chung quanh tin tưởng giao phó trọng trách đó cho mình cùng với những bạn đồng khóa.

Tôi đứng điều khiển chương trình, chứng kiến việc xảy ra mà hồn tôi cũng bay bổng nơi đâu, lơ lơ, lửng lửng... như đem tôi về dự kiến lại những khóa sĩ quan QLVNCH ra trường.

Dưới bầu trời trong mây trắng, họ quỳ trước bàn thờ Tổ Quốc, trong nắng vàng rạng rỡ ban mai, đầu dây hồn thiêng anh hùng phảng phất, họ tuốt thanh gươm đeo lưng lẳng bên mình vung lên chỉ lời thề cùng sông núi, khẳng định hai vai gánh vác Tổ quốc và đồng bào. Người thủ khoa đại diện khóa mình dương cây cung bắn mũi tên bay bổng khắp phương trời để biểu tượng cho chí nam nhi tang bồng hồ thỉ, giữa tiếng kèn đục thúc quân reo.

Và họ ở đây cũng là những người thanh niên nam nữ, trong đồng phục chính tề, giọng cao ngon đèn để đốt sáng u minh, mê mờ che phủ, vai mang trọng trách cả hai tình tiết liên hệ giữa đạo và đời, nối nghiệp người trước đất diu kẻ sau cho thế hệ ngày mai nơi xứ người không quên nguồn cội, giữ vững cho dân tộc và đạo pháp được trường tồn.

Sau đó các tân HT lần lượt đến trước Phật đài nhận chứng chỉ do Th.Tọa, các Ni,Sư cùng BHT trao cấp, kèm theo cuốn sách "Lúa Tiều Ruộng Biên" của tác giả Hồ Trường An do Thầy cố vấn giáo hạnh tặng.

(còn tiếp một kỳ)

CHÚC MỪNG

Được tin Chị Thiện Hạnh Nguyễn Thị Hiền đã bước lên xe hoa về bên Anh Thiện Tấn Vũ Quang Tú. Hôn lễ đã cử hành tại Chùa Viên Giác ngày 30.9.1989 vừa qua.

Cầu chúc cho Anh Chị trọn đời bên duyên cảm sắc và mãi vui hạnh phúc bên nhau.

GDPT Tâm Minh và các bạn hữu tại Hannover.



VŨ NGỌC LONG



Làn sóng người Việt tỵ nạn CS ngày càng lên cao

VIỆT NAM VÀ KOMBODIA

- * Màn rút quân bịp của CSVN bị lật tẩy.
- * Kampuchea có cơ trận chiến bùng nổ lại.
- * Đám đón gió, trở cờ ở hải ngoại trắng mắt.

Gần 11 năm xưa quân xâm lăng nước láng giềng với toan tính thống trị cả vùng Đông Dương và làm bàn đạp cho đế quốc Liên Xô để các lãnh tụ điện Cẩm Linh thực hiện tham vọng nhuộm đỏ toàn cầu. Ngày 26.9.89 lính đánh thuê của bạo quyền Hà Nội đã phải khấn gói quì cổ hương. Khi quyết định của quan thầy Nga Xô bắt phải kéo số quân còn lại là 26.000 về nước. Tuy nhiên vấn đề tuyên bố rút quân của CSVN cũng như việc dần cảnh trình diễn các toán quân trở về, cho báo chí và các hệ thống truyền hình thế giới thấy. Đây là một trò bịp bợm rẻ tiền của đám lãnh tụ điện Cẩm Linh và đám nguy quyền Hà Nội. Như chúng ta biết tại Nga sau khi Gorbachev nắm được quyền lực, muốn phục hồi lại xứ Nga đã ruồng nát trên mọi mặt trừ quân sự. Gorbachev đã tung ra chính

sách ngoại giao toàn cầu mới. Một chủ trương ngoại giao cực kỳ mềm mỏng với khối Tây phương, hầu kêu gọi được sự giúp đỡ của các xứ tư bản Âu Mỹ bỏ vốn vào cứu nguy nền kinh tế Nga. Hơn 4 năm, năm quyền Gorbachev đã cố chà rữa bộ mặt sắt máu của các xứ CS, thành các xứ hiếu hòa, yêu chuộng hòa bình, tự do và dân chủ. Các lính đánh thuê lâu nay cho đế quốc Nga được lệnh phải rút về, tại Angola lính Cuba phải rút về nước, A Phú Hãn, thì Hồng quân Xô Viết cũng rút về, riêng tại VN bộ đội CS Hà Nội cũng phải rút về trên mặt nổi. Những điểm nóng trên thế giới, mà lâu nay do phía người CS gây ra đã được giải quyết thật êm dịu trên mặt nổi. Nếu nhìn bề ngoài chúng ta thấy các khối xung đột Đông Tây đã được giải quyết ổn thỏa, nhưng thực tế trái hẳn. Trở lại vấn đề rút quân của bạo quyền CSVN

khỏi Miên trong cuối tháng 9/89 vừa qua. Hầu hết các nhà bình luận về chính trị thế giới, cũng như báo chí, đều đưa ra những nhận định đầy nghi ngờ về thiện chí thực sự rút quân của Hà Nội. Thực tế đây là một cuộc thay quân, một số đơn vị được mang về, và thay vào đó các đơn vị bộ đội khác cũng như rất nhiều bộ đội CSVN đã thay đổi y phục, để trở thành lính Khmer Nam Vang. Bài bản lừa bịp trong những năm trận chiến Quốc Cộng ở VN được lặp lại. Như chúng ta biết trong những năm trước đây hàng chục sư đoàn quân chính qui Bắc Việt đã xâm nhập miền Nam, nguy trang dưới sắc áo lính miền Nam. Hành động bịp bợm đó ngày xưa CSVN đã che mắt được rất nhiều đám trí thức ngây thơ ở các xứ Âu Mỹ. Ngày nay trò cũ diễn lại bộ đội CSVN núp dưới sắc áo của lính Khmer Nam Vang và tiếp tục mộng thôn tính xứ láng giềng Miên. Tuy nhiên trò bịp cũ đã không còn che mắt được tất cả mọi người như trước nữa. Ngay sau khi bộ đội CSVN tuyên bố đã rút hết quân khỏi Miên. Thì một giới chức cao cấp Bộ Quốc Phòng Thái đã tuyên bố là dọc vùng biên giới Thái Miên còn trên 10.000 bộ đội CSVN trấn đóng và được trang bị vũ khí nặng. Với những bằng chứng rõ ràng phía bạo quyền Hà Nội, Tướng Nguyễn Văn Thái phát ngôn nhân Bộ Quốc Phòng Việt Cộng đã phải lên tiếng thú nhận nhưng với lập luận thật trơ trẽn. "Có thể còn từ 200 tới 350 bộ đội QĐNDCHXHCNVN vì đi lạc, hay mãi kiếm các chiến hữu bị mất tích nên chưa rút về kịp".

Như chúng ta biết hội nghị quốc tế về vấn đề tìm một giải pháp chính trị cho Miên ở Paris vào cuối tháng 8/89 đã tan vỡ. Khi phía CSVN và Khmer Nam Vang quyết không chia xẻ quyền lực cho phía Khmer Đỏ, cũng như CSVN nhất định không chấp nhận một lực lượng quốc tế kiểm soát cuộc rút quân. Trong khi đó giới quân sự ở Thái thì cho rằng hiện nay trên toàn xứ Miên có độ từ 70 đến 80.000 bộ đội CSVN dưới sắc phục lính Khmer Nam Vang và

được trang bị với những vũ khí tối tân và hạng nặng. Giới chức này cũng cho rằng với lực lượng quân sự đó vẫn là mối đe dọa cho các nước láng giềng. Ngoài ra còn trên 800 ngàn dân Việt hiện đang sống ở Miền đó cũng là vấn đề lo ngại cho nền độc lập của xứ Miền. Mặt khác phía Khmer Đỏ thì tuyên bố rằng "họ sẽ chiến đấu tới cùng khi nào không còn bóng dáng một bộ đội CSVN và người dân Việt trên quê hương Komboia của họ". Pol Pot lãnh tụ của Khmer Đỏ đã trở lại chiến trường, và trực tiếp chỉ huy lực lượng quân sự để chuẩn bị cho những cuộc tấn công mới. Tuy nhiên sau gần 11 năm bị đánh bật ra khỏi Nam Vang, cho tới nay phe Khmer vẫn chưa chiếm được một tỉnh nào ở Miền. Chiến thuật của du kích Khmer Đỏ là dùng rồi chạy, không chủ trương chiếm giữ. Nhưng mới đây trong thời gian hội nghị ở Paris, phe Khmer Đỏ đã toan tính mở những trận đánh lớn để chiếm tỉnh Battambang một thị trấn lớn thứ 2 ở Miền sau Nam Vang. Nhiều người cho rằng phe Khmer Đỏ toan tính lập một chánh phủ kháng chiến ở Battambang, nếu phe Sihanouk và Sonn San đồng ý giải pháp do CSVN và phe Khmer Nam Vang đưa ra là loại phe Khmer Đỏ ra khỏi chính phủ lâm thời. Tuy nhiên Sihanouk đã bác đề nghị của CSVN và Khmer Nam Vang và nói rằng gạt phe Khmer Đỏ ra ngoài là thiếu thực tế, cuộc nội chiến vẫn tiếp diễn ở Miền. Trong khi đó phía CSVN sau gần 11 năm chiếm đóng Miền, hầu hết các cơ cấu chính quyền Khmer Nam Vang đều là những người Miền gốc Việt. CSVN tin rằng sự sắp xếp đã ổn, nên dù có rút một số lực lượng về cũng không thể làm chính quyền Khmer Nam Vang một sớm một chiều sụp đổ được. Như chúng ta biết vào tháng 8/89 vừa qua tại Bangkok Nguyễn Cơ Thạch tuyên bố với báo chí là bộ đội CSVN sẽ trở lại Miền nếu có sự yêu cầu của chính quyền Nam Vang.

Gần 11 năm chiếm đóng Miền với trên 53.000 bộ đội CSVN bỏ xác tại chiến trường, và hàng trăm ngàn thương phế nhưng cái giá cho mộng xâm lăng và để làm trọn nghĩa vụ quốc tế do đàn anh Liên Xô giao phó. CSVN đã phải trả một giá quá đắt trong lãnh vực bang giao quốc tế và tái thiết quốc gia. Vì xâm lăng Miền nên Trung Quốc đã xua quân chiếm một số tỉnh miền Bắc VN, cũng như chiếm đóng luôn Hoàng Sa và Trường Sa. Mặt khác hiện nay còn một số làng trong tỉnh Hà Tuyên cực Bắc VN, quân đội Trung Quốc vẫn chiếm giữ sau khi nói

dạy cho CSVN một bài học vào 1979. Cũng vì xâm lăng Miền, CSVN đã bị bao vây kinh tế với các xứ Âu Mỹ và quanh vùng. Ngoài ra vì nuôi dưỡng cuộc chiến xâm lăng nên VN ngày nay là một trong những xứ nghèo đói nhất thế giới. Sau gần 11 năm chiếm đóng Miền, với hùng hổ của một lực lượng quân sự đứng hàng thứ 4 thế giới, nhưng CSVN đã thất bại không làm sao đè bẹp được 3 lực lượng kháng chiến Khmer. Tinh hình quân sự ở Miền vẫn tẻ tẻ như ngày nào. Phe Khmer Đỏ vẫn còn áp lực mạnh và có thể trở về chiếm quyền lại ở Nam Vang. Theo giới ngoại giao Đông và Tây Âu, tình hình an ninh đã suy đồi từ tháng 7/89 tới nay quanh vùng thủ đô Nam Vang. Giới ngoại giao này tiết lộ "những năm trước đây chiến trường là vùng biên giới Thái Miền nay tiếng súng đã nghe thấy quanh Nam Vang". Trong khi đó nhiều tiểu đoàn Khmer Đỏ đã thấy xuất hiện giữa vùng thuộc 2 tỉnh Kompong Thom và Kompong Cham phía Bắc Nam Vang. Ngoài ra cũng nhiều tiểu đoàn khác tới hoạt động ở phía Tây các tỉnh Pursat và Kompong Spen. Vào 5.9.89 vừa qua một tiểu đoàn Khmer Đỏ tấn công làng Am Lang 50 km Tây Nam Vang. Sau đó rút lui khi quân đội Khmer Nam Vang tới 7 giờ sau. Phòng tuyến 40 km quanh Nam Vang đã bị tấn công. Mặt khác trận chiến ở Pailin đã diễn ra từ tháng 5/89 tới nay Pailin nằm phía Tây Miền gần biên giới Thái, đây là vị trí chiến lược quan trọng cho con đường tiếp liệu chiến cụ từ Thái Lan cho các lực lượng kháng chiến. Thiếu tướng Ke Kim Yan chỉ huy lực lượng quân đội Khmer Nam Vang ở vùng này nói: "Nếu phe Khmer Đỏ chiếm được thị trấn Pailin thì rất thuận lợi cho cả 2 lãnh vực quân sự và kinh tế của chúng. Nên chúng tôi bằng bất cứ giá nào phải giữ Pailin". Về phía dân chúng ở Nam Vang đã bắt đầu tỏ ra lo ngại, một thương gia nói với một ký giả Tây phương "Sau 10 năm dân chúng Khmer có thể chống lại chúng nó, nhưng nay tôi thấy lo sợ rằng sau khi bộ đội CSVN rút về, quân đội chúng tôi không đủ mạnh để đương đầu với lính Khmer Đỏ, chúng nó lại trở lại lần nữa...không khí ngột ngạt đã bao trùm khắp Nam Vang, dân chúng bán đồ đạc mua vàng, trữ gạo, bỏ sản lên tất cả những phương tiện chuyên chở của họ. Nhiều dân Miền gốc Hoa gom góp tiền bạc gởi cho thân nhân ở ngoại quốc. Nhiều ngàn dân Việt qua Miền sinh sống trong những năm qua cũng khăn gói chuẩn bị kéo về nước lại. Phía chính quyền

ở Nam Vang từ đầu năm qua để trấn an dân chúng đã cho tự do buôn bán nhà cửa, đất cát trước tịch thu nay trả lại cho tư nhân. Ngoài ra lệnh bắt thanh niên thanh nữ đầu quân cũng gắt gao hơn. Tuy nhiên vấn đề tham nhũng của giới chức quân sự và hành chánh Nam Vang đã làm nhiều gia đình không cho con em đi lính (chỉ cần trả 10.000 Riel tương đương 50 \$US là được hoãn dịch). Trong khi đó vào giữa tháng 9/89 tình hình quân sự tại vùng thị trấn Pailin đã suy đồi, phe Khmer Đỏ đang chuẩn bị tràn ngập, vì tinh thần chiến đấu của phe Khmer Nam Vang quá suy yếu.

Trong lãnh vực chính trị, CSVN hy vọng rằng màn kịch bịp bợm rút quân vào cuối tháng 9 vừa qua, sẽ che mắt được thế giới. Hoa Kỳ sẽ tái lập quan hệ các xứ tư bản quanh vùng và Tây Âu sẽ nhanh chóng viện trợ kinh tế cho VN, nhưng vấn đề đã không diễn ra như Hà Nội mong đợi. Mới đây 6 ngoại trưởng các xứ trong khối Asean đã lên tiếng vận động tiếp cho cuộc bỏ phiếu vào 2.11.89 tại đại hội đồng Liên Hiệp Quốc yểm trợ cho chính phủ liên hiệp 3 phe kháng chiến do Sihanouk lãnh đạo. Ngoài ra cũng chỉ trích CSVN đã không tỏ ra thiện chí với vấn đề tìm một giải pháp cho nền hòa bình ở Miền. Bằng chứng rõ ràng là Hà Nội đã không đồng ý cho quân đội Liên Hiệp Quốc tới kiểm soát cuộc rút quân. Phía Mỹ cũng lên tiếng nói CSVN đã không thiện chí và trách nhiệm trong vấn đề giải quyết xung đột ở Miền và đó là lý do mối quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và CSVN chưa thể đặt ra trong lúc này. Canh bài bịp rút quân của CSVN đã bị lật tẩy, giới lãnh đạo Hà Nội bắt đầu lên giọng cứng rắn, lên án Mỹ mạnh mẽ là "đế quốc xâm lăng, đánh phá các nước xã hội chủ nghĩa". Tại Hà Nội trong cuộc họp của ủy ban trung ương đảng vào cuối tháng 8/89 vừa qua Nguyễn Văn Linh đã bị áp lực mạnh của phe cứng rắn trong đảng lên tiếng chống vấn đề chia sẻ quyền lực cho các thế lực nhân dân. Mặt khác một phái đoàn của hội phụ nữ VN đã được cử tới tòa đại sứ Balan ở Hà Nội đưa quyết nghị ủng hộ triệt để đảng CS Balan, để dành lại quyền hành từ Công đoàn Đoàn Kết và mong đảng CS Balan thoát qua giai đoạn khó khăn này...

Trong khi đó tại Hà Nội, Saigon tin đồn lan rộng về sự chống nhau giữa 2 phe mang danh cải cách và phe bảo thủ đã tới hồi quyết liệt. Một lá thư với chữ ký của trên

100 Đảng viên cao cấp đã về hưu gọi ủy ban trung ương đảng và quốc hội, đã thấy xuất hiện ở nhiều nơi. Trong lá thư này kêu gọi đảng thực thi quyền dân chủ thực sự trong vấn đề bầu cử và chọn thủ tướng qua một cuộc bầu phiếu kín ngoài áp lực của đảng. Với trên 100 chữ ký thấy có một vài nhân vật nổi tiếng như Nguyễn Văn Trân cựu đại sứ của CSVN ở Sô Viết, Thiếu tướng Phan Trọng Tuệ cựu tổng trưởng giao thông và liên lạc, Nguyễn Khang cựu đại sứ ở Trung Quốc, Hà Huy Giáp cựu phó tổng trưởng giáo dục, Tướng Trần Văn Trà và Tướng Nam Long... v.v. Riêng trong lá thư gọi quốc hội có phần đề nghị chọn một thủ tướng, phải là người không bảo thủ, không chậm chạp, không quan liêu, không máy móc, không nói nhiều, nhưng làm ít, không nói một đảng làm một nẻo. Theo giới báo chí đây là nhắm vào chỉ trích Đỗ Mười đương kim thủ tướng, thuộc phe bảo thủ. Sau những lời tuyên bố của Nguyễn Văn Linh trong buổi họp Trung ương đảng vào hạ tuần tháng 8 và ngày Quốc Khánh 2.9. thấy khuynh hướng bảo thủ đã lên chân lại. Theo giới ngoại giao Lê Đức Thọ vẫn được coi là người còn nhiều quyền lực và cầm đầu phe cứng rắn, phe của Thọ đã tấn công những thất bại kinh tế, sự mở rộng mối quan hệ với Tây phương, và cho tự do viết lách của báo chí trong thời gian vừa qua... Dựa vào các yếu tố trên phe của Thọ đã nói làm suy giảm uy tín của đảng và lung lay niềm tin của đảng viên... Sự lên chân của phe cứng rắn khiến Nguyễn Cơ Thạch phải đình chỉ chuyến viếng thăm Nhật lẽ ra vào cuối tháng 8 vừa qua. Mặt khác trên 500 văn nghệ sĩ trí thức miền Nam phải tái đi học tập tư tưởng trong thời hạn 2 tháng (?) cũng như nhiều nhà xuất bản bị đóng cửa, báo chí bị kiểm soát gắt gao lại, nhiều cửa tiệm bị kiểm kê, tịch thu, niêm phong nhất là các tiệm bán quí kim.

Trong khi đó phe cải cách biểu trưng bởi nhóm do Trần Văn Trà và Trần Bạch Đằng cựu phó bí thư thành ủy Saigon đã cho phát hành 2 tờ báo mang tên "Truyền thống dân tộc, và tiếng nói của chiến sĩ dân tộc" đã mạnh mẽ đã kích phe bảo thủ, vạch những tội tham nhũng hối lộ, vô trách nhiệm của một số đảng viên cao cấp. Trong một bài báo trên tờ Truyền thống dân tộc đã viết "Tiêu đề của Cộng Hòa XHCN VN là độc lập, tự do và hạnh phúc nhưng đã qua một thời gian dài mà VN vẫn chẳng độc lập, chẳng tự do, và chẳng ai hạnh phúc... Mặt khác các tờ báo này cũng đề cập tới

trường hợp Võ Nguyên Giáp bị loại khỏi Bộ Chính trị 1982 vì những thế lực vây cánh chú Giáp không có lỗi lầm gì. Trong tất cả các kỳ đại hội quân đội Giáp vẫn được số phiếu tín nhiệm cao nhất. Cho tới nay mức tranh chấp giữa 2 phe bảo thủ và cải cách lại càng gia tăng, sau khi bộ đội CSVN rút quân khỏi Miên mà Mỹ và các xứ Tư bản vẫn lên án sự thiếu thiện chí, cũng như không viện trợ kinh tế. Phe cứng rắn dựa vào vấn đề này tấn công mạnh phe cởi mở. Ngày tháng tới sẽ có nhiều dấu hiệu thay đổi, tuy nhiên hiện nay Nguyễn Văn Linh đã phải tạm thời ngã theo phe cứng rắn, để trấn áp phe hô hào cởi mở. Dưới áp lực của quan thầy Liên Sô trong vấn đề nổi lòng, cải cách, để rửa bộ mặt sứt máu của CS lâu nay. Chắc

Trong khi đó tại hải ngoại khối người Việt mang danh ty nạn chính trị gần 2 triệu ở các xứ Âu Mỹ, trước vài biến chuyển của tình hình thế giới cũng như ở Đông Dương nhiều giao động trong khối người hỗn tạp này. Đặc biệt tại Mỹ, Pháp, Đức một vài khuôn mặt quen thuộc trong các cộng đồng ty nạn bỗng trở cờ, đón gió, lên tiếng kêu gọi bắt tay với cộng sản. Đám người này gồm các tay trí thức khoa bảng, cũng như một số tay quân phiệt hết thời lâu nay làm cách mạng kiểu đón gió, giờ lũ người này đánh hơi thấy một vài biến chuyển của thế giới như hội nghị 4 phe Khmer ở Paris để giải quyết vấn đề Kampuchea, vài dấu hiệu cho thấy Mỹ và CSVN sẽ nối lại quan hệ ngoại giao cũng như đặc sứ của Đức Giáo Hoàng



Tương lai Thanh Thiếu Niên Việt Nam. Ai gây nên tội ?

chấn rồi dây bao quyền CS Hà Nội phải thay hình đổi lối. Để vừa lòng quan thầy và cũng để dễ bề xin xỏ viện trợ của các xứ Tư bản hầu cứu nguy nền kinh tế đui chột hiện nay. Rồi sau khi đủ lông, đủ cánh CSVN lại tìm cách áp bức đàn áp dân chúng, chủ trương bản cùng hóa dân chúng vẫn là điều các tên chóp bu ở Hà Nội theo đuổi. Mặt khác CSVN sẽ áp dụng đúng bài học của quan thầy Liên Sô ở A. Phú Hãn tiếp tục yểm trợ và khuynh loát chính quyền bù nhìn Nam Vang. Chiến tranh vẫn tiếp diễn ở Đông Dương, và bộ đội CSVN vẫn chiếm đóng 2 nước láng giềng Miên, Lào. Liệu toan tính "Bá đạo" này của đám lãnh tụ Hà Nội có thành công không, chỉ tương lai trả lời mà thôi. Tuy nhiên xương máu dân Việt sẽ mãi còn phải trả.

Paul II đi Hà Nội. Đám trở cờ đón gió này đoán già đoán non thời cơ đã đến với lũ chúng. Mấy tháng qua chúng ta thấy đám này cao giọng hô hào hòa hợp hòa giải, xa hơn nữa lay lục xin gặp một vài tên đại diện của bạo quyền Hà Nội để xin làm tay sai hầu kiếm chút lợi lộc. Nhưng cả "lũ chính khách xôi thịt, đón gió này đã trắng mắt mọi tiên đoán của chúng đã sai lầm tất cả". Hội nghị 4 phe Khmer ở Paris đã tan vỡ, hòa bình chẳng được ở Miên, mà còn có cơ chiến tranh trở nên khốc liệt trở lại. Vấn bài rút quân bịp bợm của CSVN ở Miên đã bị các nước Asien và Âu Mỹ vạch trần. Hoa Kỳ vẫn lên tiếng chỉ trích CSVN thiếu thiện chí trong vấn đề giải quyết xung đột ở Miên và đó là lý do chưa thể tái lập quan hệ ngoại giao chính thức.

Mặt khác đặc sứ của Đức Giáo Hoàng đi Hà Nội với ý định nối lại mối quan hệ giữa Vatican và CSVN cũng như đưa một vài đề nghị khác như Tòa Thánh cử Tổng giám mục Nguyễn Văn Thuận làm phó để chuẩn bị thay thế Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình xin về hưu, cũng như hồng y đặc sứ của tòa thánh mang thông điệp của Đức Giáo Hoàng tới tuyên đọc trước giới tu sĩ Thiên Chúa giáo La Mã tại VN. Tuy nhiên tất cả đã bị bạo quyền Hà Nội thẳng tay bác bỏ ngay thông điệp của Giáo Hoàng cũng bị cấm phổ biến. Đại diện Vatican sau khi viếng thăm VN trở về đã mạnh mẽ lên án bạo quyền CSVN là vẫn còn ngấm ngấm đàn áp tôn giáo... Tất cả các sự kiện trên đã diễn ra ngoài sự ước đoán của đám trí thức "hữu học vô tri" cùng đám quân phiệt hết thời, màn đón gió của đám này đã bị bẽ bàng, lâm lạc. Ngày tháng tới lũ này lại chui rúc vào xó xỉnh để trùm mèn chờ thời cơ khác... Tuy nhiên oan hồn của hàng triệu quân dân VNCH chết dưới mũi súng, lưỡi dao của CS cũng như hồn thiêng của hàng trăm ngàn thuyền nhân dưới lòng biển lạnh đã bỏ thân trên đường lánh xa hoài quí Đờ, những oan hồn nay sẽ trở về réo gọi và không để cho lũ trở cò, đón gió và gia đình lũ chúng yên ổn sống, những năm tháng cuối đời của lũ này là những ngày trần trụi, đớn đau, thế hệ thanh niên ở hải ngoại sẽ nhìn lũ chúng như loài sâu bọ, một loại ký sinh trùng, và rồi đây lũ chúng có tái xuất đầu lộ diện, thế hệ trẻ ty nạn sẽ dành cho lũ chúng những bãi nước bọt khinh khi, cũng như nói lên cho đồng bào biết lũ "sáng là cò, chiều là sâu"...

Mặt khác các biến chuyển ở VN nói riêng và ở Đông Dương nói chung đã diễn ra trong chiều hướng càng ngày càng đi vào bế tắc. Các thế lực siêu cường chưa thực tâm muốn giải quyết vấn đề. Hòa bình cho dân chúng Khmer vẫn chỉ là giấc mơ thoáng hiện để rồi vụt tắt, thương đau và thống khổ vẫn mãi hoài theo dưới 3 dân tộc Đông Dương.

Trở lại các sinh hoạt của khối người Việt ty nạn ở hải ngoại trong mấy tháng qua. Tại Mỹ vào 21.8.89 Đoàn Văn Toại một tên cán bộ CS được gọi ra hải ngoại hoạt động. Tuy những năm qua Toại đã hồ hào bắt tay với lũ Cộng, vào ngày trên Toại đã bị một nhóm người lạ mặt bắn cho nhiều phát tại California thương tích trầm trọng... Trong khi đó tại Tây Đức vào thượng tuần tháng 9 một nghị hội mang tên nghị hội Âu Châu kỳ 2, với sự tham dự của

trên 38 tổ chức, chánh đảng, M.T. liên minh... Sau ba ngày nghị hội đã đi tới một nghị quyết, mạnh mẽ lên án chủ trương hòa hợp hòa giải với bạo quyền CSVN, cũng như lên tiếng kêu gọi đồng bào ở hải ngoại cảnh giác trước những lời đường mật của lũ đốn gió, trở cò và đám cán bộ CS.

Mặt khác một tin tức hiện đang gây sôi nổi ở hải ngoại trong mấy tháng gần đây, tuy vẫn đề chỉ diễn ra trong nội bộ của Việt Nam Quốc Dân Đảng nhưng liên hệ tới một cá nhân lâu nay đồn đảo hoạt động trong nhiều lãnh vực ở hải ngoại. Đó là Tiến sĩ Cao Thế Dung. Theo tin tức một số báo phát hành ở Mỹ trong hạ tuần tháng 8, và thượng tuần tháng 9/89 đã đăng tải một văn thư mang số 13/HĐPH/VT/NQ của VNQDD với nội dung được ghi nhận là : T.S. Cao Thế Dung không phải là đảng viên VNQDD, bản văn có chữ ký của ông Nguyễn Hòa Quang thay mặt Hội đồng phối hợp, phó chủ tịch đặc trách đảng vụ. Được biết văn thư này được phổ biến sau khi 3 cơ chế lãnh đạo trung ương của VNQDD mở hội nghị ở Houston, Texas với sự tham dự của các ông Hà Thúc Ký (Đại Việt QĐĐ) ông Nguyễn Đình Thư (Duy Dân Đảng) và Đặng Văn Đệ một cấp chỉ huy kháng chiến nổi tiếng. Đồng thời đó một thông báo của văn phòng Phó Chủ tịch Hội đồng nguyên lão đặc trách Âu Châu cũng được phổ biến với nhiều chi tiết xoay quanh T.S. Cao Thế Dung và các tổ chức do ông thành lập từ 1985 tới nay. Các tin tức trên đã gây nên nhiều nguồn dư luận trong nhiều giới. Chúng ta biết VNQDD là một chánh đảng có quá trình hoạt động từ nhiều thập kỷ qua, cái chết oai hùng của 13 liệt sĩ Yên Bái là một tấm gương chói lòa trong lịch sử chống ngoại xâm của dân Việt, nên sự thăng trầm của chánh đảng này đều mang ít nhiều ảnh hưởng đến sinh hoạt chung của cộng đồng người Việt ty nạn. Nhất là trong thời gian qua T.S. Cao Thế Dung trong tư cách lãnh đạo cấp cao của VNQDD đi hoạt động riêng lẻ. Cho tới cuối tháng 9/89 chưa thấy lời tuyên bố nào từ phía T.S. Cao Thế Dung cũng như các tổ chức đại diện của ông lên tiếng cả.

Trong khi đó tại các trại ty nạn ở Đông Nam Á những bóng mây đen dày đặc đang che phủ số phận gần 100.000 thuyền nhân VN. Riêng tại Hồng Kông với con số mới nhất là trên 56.000 người ở trong các trại trên lãnh thổ Hồng Kông số phận các thuyền nhân này cực kỳ bi đát. Anh Quốc và CSVN

Ủy ban trao giải Nobel Hòa Bình của chính phủ Na Uy đã chính thức loan báo giải Nobel Hòa Bình 89 được trao cho vị Phật sống Tây Tạng Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhà lãnh đạo tinh thần và tranh đấu giải phóng cho dân chúng Tây Tạng hiện bị Trung Quốc chiếm đóng. Ủy ban đã nêu lý do để trao giải thưởng là Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tranh đấu cho sự tự do của dân Tây Tạng. Phía Trung Quốc đã cực lực phản đối chính phủ Na Uy về việc trao giải này, nhưng Na Uy đã tuyên bố Ủy ban Nobel hoạt động hoàn toàn độc lập với chính phủ. Trung Quốc đã gọi Đức Đạt Lai Lạt Ma là một thứ "găng tơ chính trị" chứ không phải là một nhà lãnh đạo tôn giáo.



Một tượng Phật bằng đồng để ngoài trời lớn nhất thế giới đang được dựng lên ở đảo Lantau Hồng Kông, tượng nặng 270 tấn, cao 33 mét, đặt trên một ngọn đồi cao 482 mét, số tiền phí lên tới 7,7 triệu \$US. Số tiền này do sự đóng góp của Phật Tử trên khắp thế giới trong đó có cả Phật Tử ở Trung Quốc. Được biết chương trình này khởi đi từ 1974 nhưng đã gặp nhiều khó khăn vì vấn đề mua số đồng cần thiết để làm tượng mãi tới 1986 một công ty của Trung Quốc đảm nhận việc này, 272 mảnh đồng được đúc tự tỉnh Nanjing Trung Quốc và chở qua Hồng Kông. Chương trình sẽ hoàn tất cuối năm 1990 này.

Chính phủ Nhật đã lên tiếng chính thức mời Chủ tịch Gorbachev của Liên Xô viếng thăm Nhật vào 1991. Nhật hy vọng rằng chuyến viếng thăm của lãnh tụ điện Cẩm Linh sẽ giải quyết vấn đề hiện Nga còn chiếm đóng một số đảo của Nhật sau thế chiến thứ 2. Chính vì vấn đề này mà mối quan hệ Nhật Nga đã không diễn ra tốt đẹp lâu nay.

Nhà độc tài tham nhũng Ferdinand Marcos của Phi đã qua đời ở tuổi 72 với nhiều chứng bệnh ; thận, tim, gan... Sau khi bị lật đổ bởi thế lực nhân dân vào 1986,

đã có những trao đổi bí mật, chính quyền Hồng Kông sẽ lần lượt cưỡng bức trên 90% số người trên trở lại VN, đổi lại Hà Nội sẽ nhận được số tiền tính trên đầu người 1.000 \$US. Những chuyến tàu khởi hành từ Hồng Kông và cập bến Hải Phòng đầy những thuyền nhân, mà một số báo chí Hồng Kông đã tiết lộ mới đây. Trong khi đó nhiều vụ hỗn loạn đã diễn ra ở các trại vì những lý do ăn cắp, ăn trộm, hăm hiếp v.v... cũng như những hành động dã man của cảnh sát Hồng Kông đối với những người tỵ nạn.

Ngoại trưởng Anh mới đây viếng thăm Hồng Kông đã tuyên bố "chẳng còn hy vọng nào cho các thuyền nhân VN cả vì không một

xứ Âu Mỹ nào còn có ý định đón nhận họ nữa".

Với cái nhìn chung ở cả hải ngoại lẫn quốc nội, đây là những tháng năm bi thiết và đầy nhục tui của dân Việt. Tại VN bạo quyền CS dày dân, bán nước rồi bán dân... tại hải ngoại khối người vênh vác khoác lên ngực 4 chữ tỵ nạn chính trị, nhưng tỵ hiềm dổ kỵ, hăm danh háo lợi. Tại các trại tỵ nạn Đông Nam Á thì các thuyền nhân VN bị các chính quyền địa phương và dân chúng coi như những con vật, giấy bút nào, ngôn ngữ nào diễn tả hết cái đau cái nhục của dân Việt trong những năm tháng cuối của thế kỷ 20 này !!!

Marcos cùng gia đình đã qua Hawaii tỵ nạn. Được biết vào những tháng năm cuối của chế độ Marcos dù được Mỹ yểm trợ mạnh mẽ, nhưng trước thế trào dâng của dân chúng Phi, chống Marcos vì độc tài, tham nhũng và bè cánh.



Ngày 25.2.86 tại dinh Malacanang ở Manila trực thăng của Mỹ đã tới đón Marcos ra căn cứ không quân Clark và sau đó qua Hawaii.

Chính quyền của nữ tổng thống Aquino đã từ chối không cho đội xác của Marcos về chôn tại quê nhà... với lý do an ninh quốc gia.

Ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch của CSVN đã gọi văn thư thông báo tới Liên Hiệp Quốc là: "Kể từ 27.9.89 không còn một bộ đội CSVN nào ở Miền cả". Nhưng ngay đó 6 nước trong khối Asean đã tố cáo CSVN đã không thực tâm tìm một giải pháp cho hòa bình ở Miền. Riêng giới quân sự Thái Lan thì đã trưng nhiều bằng chứng là có những bộ đội CSVN dưới sắc phục lính Khmer Nam Vang.

Vũ Ngọc Long
14.10.1989

THỜI SỰ THẾ GIỚI TRONG THÁNG QUA

Những ngày tháng cuối của năm 1989 tình hình thế giới đã có những biến chuyển thật dồn dập và đầy sôi nổi. Người ta nghĩ rằng những gút thắt trong giòng sinh mệnh của nhân loại trong thế kỷ 20, như đang từ từ được tháo mở ra. Cơn lốc Đỏ xoáy lộn, làm chao đảo thế giới trên 7 thập kỷ qua, từ Âu qua Á tới Phi và lan qua các xứ chậm tiến vùng Châu Mỹ La Tinh, gần 2 tỷ người sống trong những cùm xích của chủ nghĩa CS đang lần lượt đứng lên bứt bỏ cùm gông lý thuyết Marx Lénine đang tràn trở sống trong những tháng năm cuối trước khi những trang sử thâm đậm máu nước mắt của nhân loại được lật qua. Những tiếng thét của dân chúng Đông Đức trên đường Đông Bá Linh, Leipzig, Dresden ... của dân chúng Nga trên đường phố Mạc Tư Khoa, hay trong những thành phố băng giá vùng Tây Bá Lợi Á ... "chúng tôi muốn tự do, chúng tôi cần bánh mì...!!" Hoặc hình ảnh kiêu hùng của những sinh viên Trung Quốc mang chính thân xác mình ra làm hàng rào cản ngăn những làn xích chiến xa hung bạo, quyết nghiền nát những người đã quyết đứng lên đòi quyền làm người mà lâu nay bị những người CS tước đoạt. Con dã thú chủ nghĩa CS như cổ vung lên độc hết những ngón đòn ác độc nhất của loài dã thú, trước khi gục xuống.

Trong những sôi động và đầy đe dọa cho nền hòa bình mong manh của thế giới dường như đang từ từ diễn ra. Một viễn ảnh của một cuộc cách mạng tương tự như cuộc cách mạng 1789 ở Pháp và 1898 ở Châu Âu đang diễn ra ở Đông Âu nói riêng và trong các xứ CS nói chung của thế giới.

Trong bối cảnh này chúng tôi xin ghi lại những biến cố của thời sự thế giới được ghi lên hàng đầu

trong 2 tháng qua. Trước hết tại Liên Xô, thành trì của chủ nghĩa CS. Chủ tịch Gorbatshev sau hơn 4 năm nắm quyền với chủ trương mới, quyết cứu tử chủ nghĩa CS. Với chính sách cải cách kinh tế và tạo mối hòa dịu thế giới. Sau 4 tuần đi nghỉ hè ở vùng Hắc Hải, những tiếng đồn vang trên đường phố Mạc Tư Khoa, về một cuộc đảo chánh có thể xảy ra bất cứ lúc nào, cũng như những truyền lan về tin tức, chính quyền trung ương đang mất dần tất cả các quyền kiểm soát ở các địa phương. Ngay từ khi trở lại Mạc Tư Khoa Gorbatshev đã lên hệ thống truyền hình đọc 1 bài diễn văn quan trọng để trấn an dân chúng Nga, cũng như dân mặt phe cánh bảo thủ tác giả những nguồn tin trên. Trong khi đó những chủ trương cải cách kinh tế của Nga đều thất bại, giá cả vẫn tăng, hàng hóa sản xuất vẫn không đủ cung ứng cho nhu cầu của dân chúng. Trong lĩnh vực nông nghiệp dù có nhiều nỗ lực cho dân chúng, nhưng mức sản xuất cũng chẳng gia tăng như mức độ mong muốn của đảng và nhà nước. Mặt khác vấn đề xung đột sắc tộc trong các Cộng hòa ở Liên Xô ngày một gia tăng. Ba Cộng hòa vùng Baltic đứng lên đòi độc lập, đã khiến chính quyền trung ương phải nhượng bộ trao trả nhiều quyền tự quyết cho các chính quyền địa phương. Trong khi đó các cộng hòa miền Nam vấn đề xung đột sắc tộc cộng thêm vấn đề tôn giáo, đã làm tình hình ngày thêm nóng bỏng. Thêm vào đó trước những khó khăn của kinh tế, mức sống của người công nhân Nga ngày thêm bị đặt khắp nơi các cuộc đình công của công nhân các khu hầm mỏ đòi cải thiện đời sống, đã bùng lên. Vài hứa hẹn của các chính quyền địa phương

hậu trấn an, cũng như biện pháp vũ lực đã được sử dụng làm cho phong trào tranh đấu tạm lắng xuống, nhưng chưa có dấu hiệu bấp cho thấy là các cuộc tranh đấu đòi quyền sống này lun tắt. Nhìn chung chủ trương cởi mở, nới lỏng do Gorbatshev đề xướng trong mấy năm qua tại Liên Xô trong lãnh vực kinh tế và cải thiện xã hội đã thất bại. Để vớt vát lại những tòi tẽ ở trong nước, giới lãnh đạo điện Cẩm Lĩnh đã tìm cách, tìm những chiến thắng trong lĩnh vực bang giao quốc tế. Từ tháng 3/85 khi chiếm được quyền lực Gorbatshev đã tới tập đưa những đề nghị tài giảm binh bị với Mỹ và Tây Âu. Mỗi đây tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc ngoại trưởng Nga Schevardnadze đã đưa đề nghị cùng Mỹ, hủy bỏ tất cả các vũ khí hóa học, liền ngay đó phía Mỹ đã chấp thuận ở mức độ 80% sự tài giảm. Vì theo tin tình báo Mỹ thì hiện nay Nga có trên 50.000 tấn hóa học để chế các loại vũ khí nguy hiểm này, trong khi Mỹ chỉ có 30.000 tấn. Mặt khác trong cuộc viếng thăm Mỹ mới đây ngoại trưởng Nga đã tuyên bố là chính quyền Nga sẽ thực hiện một chủ trương cải cách ở Nga thật mới mẻ và mong đợi sự tiếp tay của Mỹ và các xứ Tây Âu. Chính sách mới này gồm những điểm chính sau : Chính quyền Nga sẽ bán các công sản quốc gia như đất cát, nhà cửa cho dân chúng ; mức dự trữ thu được là 500 tỷ US.

- Cố gắng đẩy đồng Ruble của Nga gia nhập chung khối tiền tệ thế giới, chính quyền Nga sẵn sàng dùng vàng để mua hàng hóa, cũng như các dụng cụ sản xuất. Ngoài ra ngoại trưởng Nga cũng nhận mạnh là mong đợi sự tiếp tay của Mỹ qua hình thức khuyến khích tư bản Mỹ nhanh lẹ bỏ vốn vào đầu tư ở Nga.

Trong khi đó trước những thất bại kinh tế tại Mạc Tư Khoa phe bảo thủ chống đối những chủ trương cải cách của Gorbatshev mới đây trong cuộc họp trung ương đảng, phe Gorbatshev đã quyết tìm cách loại dần các phe cánh bảo thủ, sự cách chức chủ tịch đảng ở Cộng hòa Ukrainian là 1 biến cố chính trị quan trọng ở Nga. Mặt khác đại hội đảng lẽ ra được triệu tập vào cuối 1991 nhưng nay được triệu tập sớm hơn 1 năm. Nhiều quan sát viên thế giới bình luận rằng đại hội đảng CS Xô Viết vào năm 1990 tới đây sẽ rất gay go, một là Gorbatshev còn ở lại nắm quyền hai là Gorbatshev bị hạ bệ như Khrushchev trước đây và phe cứng rắn trở lại nắm quyền. Nhiều thay đổi sẽ diễn ra tại Nga, cũng như tình hình thế giới sẽ có nhiều đổi thay và chắc chắn mối hòa dịu Đông Tây sẽ khó êm như trong 1 hai năm gần đây. Cho tới nay nhiều người đang đặt câu hỏi Ghanost và Persetroika của Gosbatshev sẽ đi về đâu. Liệu ngày tháng tới Cộng hòa liên Bang Xô Viết chiếc nội của chủ nghĩa CS sẽ trôi nổi về đâu, khi chủ nghĩa CS đang trên

đà phá sản. Những biểu tượng linh thiêng của các đảng viên CS quốc tế là Marx - Lénine đã lần lượt bị giạt sập ở các nơi.

Cũng trong khối Cộng tại Đông Âu các xứ Cộng sản chủ hầu của Liên Xô lâu nay và cũng là thành quách bao bọc cho đế quốc Xô Viết mấy thập kỷ qua. Nay dần dần tan vỡ ra từng mảnh. Ba Lan, Hung đã đi những bước đầu trong chủ trương xa rời chủ nghĩa CS và tách dần khỏi sự kiểm soát của Liên Xô, tại Ba Lan, trước những khát khao đòi hỏi tự do dân chủ của toàn dân, cũng như chế độ CS Balan đã xô đẩy nhân dân anh hùng những đây thống khổ Ba Lan tới vực sâu của sự thương đau.

Công nhân Ba Lan giai cấp mà những người CS cho là chiến sĩ tiên phong của chủ nghĩa vô sản thế giới đã đứng lên đòi quyền làm người. Dưới sự lãnh đạo cực kỳ khéo léo của Walesa, nguyên chỉ là một tay thợ quần mọtư điện. Đã làm biến đổi lịch sử Ba Lan nói riêng và thế giới CS nói chung. Dưới sự lãnh đạo của Walesa công đoàn Đoàn Kết đã áp lực khiến đảng CS Ba Lan đã phải chia sẻ quyền lực, luật sư Mazowiecki người của công đoàn Đoàn Kết đứng ra thành lập chính phủ với sự liên minh của các đảng Dân Chủ, nông dân và Cộng sản. Đây là lần đầu tiên một chính quyền CS đã phải chia sẻ quyền lực khi họ đang có thế lực trong tay. Qua cuộc bỏ phiếu của quốc hội với tỷ lệ 378/4 đã chọn luật sư Mazowiecki trong chức vụ thủ tướng, sáu ngày sau khi Czeslan Kiszczak người được chủ tịch Jaruzelski đề nghị làm thủ tướng phải từ chức vì những cuộc biểu tình đình công của công nhân cũng như không kiểm soát được giá sinh hoạt tăng vọt.

Phe công đoàn Đoàn Kết đã đứng ra nhận lãnh 1 xứ Ba Lan đổ nát với 39 tỷ US nợ các xứ tư bản Âu Mỹ, quân đội chiếm đóng vẫn còn ngự trị và coi Ba Lan là tổng hành dinh của Hồng quân Xô Viết ở Đông Âu. Đời sống của đại đa số dân chúng Ba Lan hãy còn khổ sở, giá sinh hoạt tăng vùn vụt. Lãnh tụ công đoàn Đoàn Kết Walesa kêu gọi khẩn thiết các xứ tư bản Âu Mỹ hãy giúp chính quyền Ba Lan vượt qua những khó khăn này. Ông cũng nhận mạnh rằng nếu sự thất bại của chính quyền do phe công đoàn Đoàn Kết lãnh đạo, sẽ làm tan vỡ niềm tin vào chính sách cải cách dân chủ của dân chúng các xứ CS khác. Và phe CS cực đoan sẽ có lý do để kiểm soát dân chúng các xứ của họ nhiều hơn.

Được biết đáp lời kêu gọi của Walesa, Mỹ đã viện trợ số tiền là 119 triệu US, cũng như T.Thống Bush đã kêu gọi các xứ tư bản Tây Âu cùng tiếp tay với Mỹ, để yểm trợ cho chính quyền Ba Lan, nhiều xứ trong khối thị trường chung Âu Châu đã lên tiếng giúp Ba Lan. Tuy nhiên điều quan trọng vẫn chỉ chính dân chúng Ba Lan mới có thể cứu được họ mà

thôi. Ngày tháng tới là những thử thách lớn cho chính phủ của công đoàn Đoàn Kết. Tuy nhiên vấn đề đảng CS Ba Lan phải chia sẻ quyền lực với thế lực nhân dân đây là một chiến thắng lớn cho tiếng nói của công binh và lẽ phải và cũng là dấu hiệu báo giờ phút lâm chung của chế độ CS tại Ba Lan nói riêng và mặt khác cũng tại Đông Âu một biến cố lịch sử thật quan trọng đã diễn ra tại Hung Gia Lợi sau gần 2 ngày thảo luận của đại hội đảng CS Hung đã đi tới quyết định khai tử đảng CS Hung. Ba mươi ba năm sau cuộc nổi dậy của dân chúng Hung vào 1956, Xô Viết đã mang Hồng quân đàn áp dân Hung 1 cách dã man. Đường phố Budapest đã tràn ngập máu dân Hung yêu nước dưới làn xích chiến xa của Hồng quân Nga. Ba mươi lăm năm sau với sự tranh đấu kiên trì và đầy can đảm của dân Hung, đảng CS Hung đã phải từ khai tử, và cũng chính tại Hung, hình tượng Lénin đã bị dân chúng giạt sập ở nhiều nơi.

Sau 36 giờ thảo luận 1256 đại biểu hiện diện đã đi tới biểu quyết 80,7% đồng ý đã đến lúc đảng CS Hung không còn lý do tồn tại nữa. Vào thượng tuần tháng 10, Rezso -Nyers người lãnh đạo đảng CS Hung trước đây được chọn làm chủ tịch của đảng xã hội Hung. Nyers 66 tuổi đã được 1065 phiếu trong số 1276 đại biểu hiện diện trong cuộc đầu phiếu. Phe cải cách đã toàn thắng, một thể chế dân chủ mô phỏng theo các xứ Tây Âu đã được thành hình ở Hung, một hệ thống chính trị dân chủ, bao gồm tự do bầu cử và tự do kinh tế. Ngoài ra các đại biểu quốc hội cũng chọn Nyers như là ứng viên trong chức vụ tổng thống trong cuộc bầu cử tới đây với 1 chính phủ 25 người bao gồm 1 số vẫn còn là đảng viên đảng CS Hung. Mặt khác các đại biểu cũng bỏ phiếu coi đảng công nhân xã hội công sản Hung coi như không còn nữa. Tuy nhiên Imre Pozsgay 1 trong những lãnh tụ của đảng CS Hung thuộc cánh cấp tiến đã tuyên bố vẫn ở lại với đảng CS, nhưng sẽ yểm trợ cho chính quyền của Nyers. Tiếp theo những cuộc biểu quyết kế tiếp của các đại biểu trong đảng mới mang tên xã hội Hung là tách ra khỏi khối Đông Âu để mở đường cho cuộc bầu cử tự do đầu tiên trong 41 năm qua : cũng tại diễn đàn quốc hội và các buổi họp của đảng xã hội yêu cầu gạt các đảng viên CS ra khỏi chính phủ. Trong khi đó phe cải cách quyết tâm cộng mạnh để quét sạch tàn tích của đảng CS. Khi chủ tịch đảng xã hội Nyers tuyên bố ủng hộ các sinh hoạt chính trị trong các xí nghiệp, công sở ... phe cải cách đã kích lệ lối sinh hoạt này cũng tương tự như đảng CS đã làm trước đây. Trước thái độ ngập ngừng của Nyers phe cải cách đã chỉ trích và 1 vài lãnh tụ của phe này tuyên bố Nyers sẽ chỉ chọn tạm thời, nếu cuộc bầu cử tới đây diễn ra không tốt cho đảng xã hội,

1 số các nhân vật khác như thủ tướng Nemeth, Pozsgay và ngoại trưởng Gynla Hern sẽ thay thế. Trong khi đó phe, báo thù của đảng CS Hung vẫn cố vớt vát tuyển bổ đảng viên còn sống và yêu cầu đảng viên đừng bỏ đảng. Tuy nhiên đại đa số trong số 700.000 đảng viên đảng CS Hung đã xin gia nhập đảng Xã Hội.

Như chúng ta biết trong thời gian gần đây chính quyền Hung đã có những thay đổi quan trọng, nhiều yếu nhân trong đảng CS Hung đã tuyên bố đảng CS lý thuyết Marx Lenin không còn thích hợp với chủ trương cải cách ở Hung được nữa và đặc biệt trong đầu tháng 5 vừa qua hàng rào kẽm gai ngăn chia biên giới Áo Hung được mở. Con đường tự do cho dân chúng Đông Đức đã được mở ra qua lãnh thổ Hung, chỉ mấy tháng qua hàng chục ngàn dân Đông Đức đã được sự tiếp tay của chính quyền Hung qua Áo trước khi tới Tây Đức. Được biết trong những năm qua nhiều dấu hiệu cho thấy tình hình chính trị ở Hung đã nổi lòng cho dân chúng làm ăn buôn bán, báo chí đã được phần nào tự do. Nay trước sự suy thoái quyền lực của Liên Xô ngay tại chính quốc đây là cơ hội bằng vàng những người yêu nước Hung tìm được độc lập cho xứ sở và tự do cho nhân dân. Budapest 1956 cuộc nổi dậy kiêu hùng của dân Hung đã phải trả giá đắt trước sự hung bạo của Hồng quân Xô Viết, chắc chắn còn sống trong ký ức người dân Hung. Nay thời cơ đã đến, một nước Hung thật sự dân chủ và tự do liệu có thật sự thành hình không? Câu hỏi vẫn còn được đặt ra, liệu bài học Thiên An Môn hay một Budapest tắm máu 1956 có tái diễn lại ở Hung hay không? liệu trước những tan vỡ của khối Đông Âu thành bọc của đế quốc Nga, có làm cho phe bảo thủ ở Liên Xô vùng lên lật đổ Gorbatschev, xua quân đàn áp các xứ Hung, Ba Lan hay không? chưa ai tiên đoán được vấn đề này. Trong khi đó ngoại trưởng Nga mới đây trong bài diễn văn đọc tại Liên Hiệp Quốc đã đưa ra những lời cảnh cáo, nếu sự xáo trộn ở các xứ Đông Âu sẽ là mối đe dọa cho mối quan hệ Đông Tây và hòa bình thế giới.

Cũng tại Đông Âu khởi đi từ tháng 5/89 khi biên giới Áo Hung được mở làn sóng người dân Đông Đức tràn qua Tây Đức càng ngày càng nhiều cho tới nay làn sóng tỵ nạn vẫn ào ào chưa chấm dứt. Vấn đề người tỵ nạn Đông Đức đã trở thành vấn đề thời sự nóng bỏng của thế giới trong mấy tháng qua. Rất nhiều câu hỏi đã được đặt ra, ngoài nguyên nhân khát khao tự do của dân chúng Đông Đức hay đây là chủ trương một nước Đức thống nhất với sự đồng ý từ phía Liên Xô để Tây Đức rút ra khỏi NATO, và trở thành 1 siêu cường quốc trung lập vùng Trung Âu sẽ biến thành vùng phi nguyên tử.

Tiếp theo đó 1992, 1 Tây Đức thống nhất với sự gia nhập của Áo, Hung..., vùng Tây Âu và Trung Âu nghiêm nhiên trở thành 1 thế lực kinh tế và quân sự tách khỏi ảnh hưởng của Mỹ. Nhiều bình luận gia tên tuổi của thế giới đã đặt những câu hỏi về làn sóng người tỵ nạn Đông Đức. Nhiều cuộc phỏng vấn của báo chí, truyền thanh truyền hình thế giới với những người tỵ nạn. Đa số nói ra đi để tìm tự do, nhưng tự do thì phải có nhiều hình thức và đâu là đích thực của vấn đề tự do. Có phải 1 chính phủ có tiếng nói đích thực đại diện cho dân chúng, đại khái như ở Ba Lan, hay Liên Xô hiện nay là đủ không? Có 1 số



Lech Walesa, lãnh tụ Công Đoàn "Đoàn Kết" ở Ba Lan, với nét mặt nghiêm nghị trong hội nghị "bàn tròn" vào ngày 6.2.89 tại Ba Lan.

người tỵ nạn Đông Đức nói nếu có một chính phủ cởi mở họ sẽ trở lại. Một số người thì nói họ đi tìm 1 cuộc sống kinh tế khá hơn ở Tây Đức. Trong khi đó phía chính quyền Bonn đã dành cho người đồng hương của họ những ưu tiên đặc biệt, như khi đặt chân tới Tây Đức các người này đương nhiên mang thông hành Tây Đức, lãnh 125 US, hưởng các trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm y tế, được mượn 5000 US với lãi suất nhẹ, đồ ăn và quần áo được hoàn toàn miễn phí v.v...

Mặt khác theo những nhà bình luận thế giới thì các vấn đề được hưởng ưu điểm trên cũng chưa là động lực đích thực của làn sóng người tỵ nạn Đông Đức. Vấn đề chính tiềm ẩn ở trong đó là sự khát khao thống nhất của dân Đức đã đến lúc họ phải quyết định lấy.

Vì chung quanh họ cả những đồng minh hay không đồng minh không nước nào muốn họ thống nhất cả. Phản ánh vấn đề này có lẽ câu nói của đại văn hào Pháp Mauniac "Tôi rất yêu mến nước Đức, nhưng tôi càng yêu nhiều hơn nếu nước Đức mãi mãi chia hai". Ngược lại thời gian trước đây đồng minh gồm Mỹ, Anh, Pháp vào 1955 đã ký kết với nhau một văn kiện, sự thống nhất 2 xứ Đức chỉ diễn ra khi phía Đông Đức có tự do, dân chủ được qui định rõ ràng như Tây Đức và cùng trong hội đồng Âu Châu. Mặt khác sau thế chiến thứ 2 Hitler bại trận, 4 cường quốc Mỹ, Anh, Nga và Pháp đã họp bàn và ký kết với nhau những hiệp ước về sự phân chia 2 xứ Đức. Nên ngày nay sự thống nhất phải được sự đồng ý của 4 xứ này.

Từ sau thế chiến đến nay, phía Liên Xô luôn luôn không đồng ý một sự tái thống nhất nước Đức còn phía Mỹ, Anh, Pháp thì nếu lý do cần phải cứu xét vì nó ảnh hưởng tới những nước chung quanh. Tuy nhiên thời gian gần đây phía Nga với chủ trương mới của Gorbatschev kêu gọi một Âu Châu thống nhất, nhưng liệu phía Mỹ, Anh, Pháp thì sẽ ra sao. Chưa có câu trả lời chính thức nào cả. Hoặc phía Liên Xô bác bỏ 1 sự thống nhất của Đức, nhưng chấp nhận 1 sự cải tổ sâu rộng ở Đông Đức cho các đảng phái khác ngoài đảng Cs sinh hoạt, Đông Đức vẫn ở trong khối Warsaw cùng như liên hệ với cả Đông Tây hay 1 xứ Trung lập. Riêng phía Tây Đức thì không thể tự ý làm việc này được. Tuy nhiên trong khát khao chung của dân chúng Đức ở cả 2 phía Đông và Tây về một sự thống nhất nước Đức. Nhưng vì các thế lực chung quanh họ chưa thực hiện được, thì giải pháp hay nhất là làm sao nâng mức sống người dân phía Đông Đức lên cao bằng phía Tây. Giới trẻ Đông Đức được qua phía Tây với sự đồng ý ngầm của 2 phía. Tại Tây Đức họ sẽ học hỏi những kỹ thuật tân tiến hiện đại. Mai đây 1 nước Đức thống nhất hay phía Đông Đức đổi mới, họ sẽ trở về. Cuộc phục hưng kinh tế toàn xứ Đức sẽ nhanh chóng và hòa nhịp giữa Đông và Tây Đức. Đến lúc đó họ sẽ tự giải quyết vấn đề thống nhất của họ, bất kể các thế lực chung quanh.

Cho tới nay mức sống của dân chúng 2 xứ đã có những cách biệt theo sự thống kê của 1 tạp chí Mỹ như sau:

- Tây Đức
- Dân số 62 triệu
- Lợi tức đầu người 24.000 US
- Tổng sản lượng quốc gia 697 tỷ US
- Xuất cảng 183 tỷ
- Nhập cảng 158 tỷ
- Tiêu quốc phòng 3,3 %
- Tiêu giáo dục 9%
- Xe hơi 83%
- Điện thoại 92%
- Tôn giáo

Đông Đức
 Dân số 17 triệu
 Lợi tức đầu người 12.000US
 Tổng sản lượng quốc gia 168 tỷ US
 Xuất cảng 25 tỷ US
 Nhập cảng 23 tỷ US
 Tiêu quốc phòng 6,3%
 Tiêu giáo dục 6%
 Xe hơi 48%
 Điện thoại 7%
 Tôn giáo
 Thiên chúa / Tin lành 6% / 38%

Theo 1 ước tính của 1 nhà sử học Tây Đức nếu bây giờ 2 xứ thống nhất, phải cần 50 tỷ US để nâng vấn đề tiện nghi đời sống và liên lạc cho Đông Đức để bắt kịp dân chúng Tây Đức.

Mới đây trong ngày kỷ niệm 40 năm thành lập xứ Đông Đức, dân chúng đã biểu tình ở nhiều thành phố lớn. Cũng nhân dịp chủ tịch Gorbatshev của Liên Xô viếng thăm Đông Đức 2 ngày, các đám biểu tình réo gọi Gorbatshev và mong được sự giúp đỡ để họ được tự do. Sau những cuộc biểu tình của dân chúng, cộng lộn sóng dân chúng bỏ nước ra đi bỗng gia tăng mạnh mẽ mà hầu hết là thành phần trẻ. Chính quyền Đông Đức đã rơi vào sự khủng hoảng lớn: Bộ chính trị của Đảng CS Đông Đức đã phải triệu tập khẩn cấp. Những

tiếng nói đòi cải cách đã gia tăng mạnh, mặt khác Gorbatshev trong 2 ngày ở Đông Đức cũng áp lực Honecker tổng bí thư đảng CS Đông Đức phải nhanh chóng cải cách thực hiện tự do dân chủ nhiều dấu hiệu cho thấy Honecker khó cưỡng lại khuyến hướng đòi cởi mở đã lan rộng. Một đảng Dân chủ Xã hội đã ra đời ở Đông Đức. Nếu sự ra đi của Honecker vào những ngày tới đây, 1 sự thay đổi lớn ở Đông Đức diễn ra như Ba Lan hoặc Hung Gia Lợi. Vấn đề gì sẽ đến cho dân chúng Đức nữa? Một nước Đức thống nhất và trung lập sẽ tới? Âu Châu và thế giới sẽ có nhiều biến chuyển vào tháng năm tới. Chưa ai tiên đoán được những tốt đẹp hay tồi tệ sẽ diễn ra cho nền hòa bình Âu Châu nói riêng và thế giới nói chung.

Quay qua phía Hoa Kỳ, năm đầu của Tổng Thống Bush, tất cả mọi việc như đang trong thời kỳ dò dẫm, thí nghiệm. Khác với người tiền nhiệm là Reagan, T.T Bush đã tỏ ra chậm chạp, mềm mỏng nhiều khi đi tới sự thiếu quyết định nhanh chóng, những vấn đề lẽ ra phải nhanh lẹ, sự thất bại trong cuộc đảo chính lật đổ tướng Noriega ở Panama, vì T.T Mỹ đã e dè một quyết định dứt khoát và nhanh lẹ. Uy tín của Mỹ và T.T

Bush đã giảm nhiều sau vụ này. Vụ Panama của Mỹ người ta thấy quyền lực của Mỹ đã biểu lộ một sự suy giảm rõ ràng. Trong khi đó vấn đề các căn cứ Mỹ ở Phi Luật Tân chưa thấy dấu hiệu nào được coi là sáng sủa. Ràng phía Phi sẽ tiếp tục cho Mỹ duy trì trên đất nước họ. Chính quyền Mỹ đã nghĩ tới vấn đề thiết lập căn cứ mới ở Singapore. Chuyến viếng thăm Phi của Phó tổng thống Mỹ Quayle mang mục đích trao đề nghị của T.T Bush tới nữ Tổng Thống Phi Aquino về vấn đề Mỹ và Phi thảo luận vào tháng 12/89 này vì các căn cứ Mỹ ở Phi. Theo hiệp ước đã ký trước đây thì tới 1991 là hết hiệu lực. Trong khi đó vấn đề chống ma túy đã được phát động mạnh ở Mỹ. Vào cuối tháng 9 vừa qua, tại Los Angeles phía Bắc trung lũng San Fernando giới an ninh đã khám ra được 1 kho chứa 20 tấn bạch phiến, đây được coi là con số kỷ lục của thế giới, trị giá trên 7 tỷ US giá thị trường ở California. Mặt khác Mỹ cũng yểm trợ mạnh cho chính quyền Colombia để chống đám Mafia ma túy đã chính thức tuyên chiến với quân đội chính phủ. Nạn ghiền ma túy đã thành "mode" cho dân Mỹ, hầu hết giới trung lưu ở Mỹ đều ghiền bạch phiến. Trong những năm qua hàng năm chính phủ Mỹ bỏ ra hàng tỷ dollars để chống ma túy, nhưng không đạt kết quả nào. Các thành phố lớn trong các tiểu bang phía Đông Mỹ, ma túy được các trẻ em rao bán khắp nơi.

Bước qua lãnh vực bang giao giữa Mỹ và Trung cộng sau vụ thảm sát ở Thiên An môn hồi tháng 6 vừa qua. Chính quyền và quốc hội Mỹ đã mạnh mẽ lên án hành động đã man của quân đội Trung quốc cũng như áp dụng vài biện pháp chế tài về trao đổi quốc phòng, kinh tế. Từ đó đã đưa tới sự căng thẳng trong mối bang giao hai nước. Mới đây tân Tổng bí thư đảng CS Trung Quốc Jiang Zemin đã xuất hiện trên hệ thống truyền hình Trung quốc và đưa ra những lời tuyên bố Trung quốc trở lại sự giới hạn tiếp xúc với các xứ phương Tây; tại trong nước kinh tế khuyến khích tập trung lại tư nhân chỉ được làm chủ những cơ xưởng nhỏ, sinh viên phải học 1 năm dự bị chính trị trước khi theo học các ngành nghề chuyên môn. Mới đây phía Mỹ tuyên bố sẵn sàng bắt tay thân thiết lại với Trung quốc nhưng phía Trung quốc chưa đưa ra lời bình luận nào.

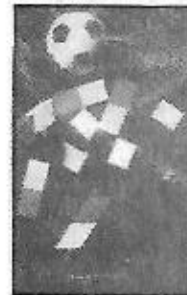
Nhìn chung trong những tháng qua tình hình thế giới đã nóng bỏng trong những chuyển biến ở các xứ CS Đông Âu, Ba Lan, Hung, Đông Đức và các cuộc tranh đấu về vấn đề sắc tộc ở Liên Xô. Làn sóng người tỵ nạn Đông Đức tràn qua Tây Đức. Một diễn biến thời sự khác đều xuống hàng thứ yếu. Nhiều thay đổi sẽ diễn ra vào những tháng cuối của thập niên 80, hòa bình thế giới đi về đâu? vẫn là câu hỏi được nhiều người nói đến.



(Jackson Hole) Cuộc gặp mặt giữa Baker và Schewanardse bàn về giảm binh bị

TIN THỂ THAO

GIẢI TỨC CẦU THỂ GIỚI TỪ 8.6.1990 ĐẾN 8.7.1990



Chỉ trong vòng 16 ngày mà mỗi đội phải đá 4 hay 5 trận, thật là vất vả. Không hiểu tại sao Tổng cục túc cầu thể giới lại sắp xếp như vậy!

Phi Châu - Được chọn 1 đội. Gồm các quốc gia sau đây sẽ tranh giải vô địch Phi châu từ 6.10 đến 17.10.89. Đội nào vô địch sẽ đại diện đi Ý.

- Algerien
- Ai Cập
- Tunesien
- Kamerun

Đội Maroc trong giải túc cầu thể giới 1986 tại Mexico đã đá rất hay, làm thất vọng bất đảo các đội khác. Không hiểu tại sao lần này lại vắng mặt.

Châu Đại Dương - Được chọn 1 đội

- 1- Do Thái
- 2- Úc
- 3- Tân Tây Lan

Do Thái nằm ở Trung đông lại lọt vào Châu đại dương!

Còn Tây Đức thì sao? Hiện giờ đang đứng thứ nhì toán 4. Nhưng còn hy vọng vì còn đá 2 trận nữa tại sân nhà. Ngày 4.10.89 đụng với Phần Lan tại sân vận động Dortmund (lượt đi Đức thắng 4:0). Ngày 15.11.89 đụng với Wales tại sân ở Koeln (lượt đi hòa 0:0).

Đến bây giờ (15.9.89) sau kết quả của những trận đấu, các đội banh của Costa Rica, Nam Tư và Bạ Tây đã chắc chắn được vé đi Ý. Còn Nga, Bỉ và Tây Ban Nha thì trận trẻ hy vọng trên 90%. Ang Lê thì sao? Đội banh của ông bầu Bobby Robson đang đứng đầu bảng toán 2, vừa rồi ngày 6.9.89 đụng với Thụy Điển tại Stockholm hòa 0:0. Do đó dân hồng mao, ủng hộ viện đội cầu đã làm náo loạn ở thủ đô Thụy điển, nào đập phá siêu thị, xe cộ, tấn công người đi đường v.v... Ông Robson tố cáo là đám du côn, dù đang Anh đã phá đội banh của chúng ta. Bà Thủ tướng M. Thatcher và ông Bộ trưởng thể thao Colin Moynihan phải duyệt xét lại là có nên cho đội cầu Anh quốc tiếp tục tranh giải nữa không? Đang cứu xét, hãy chờ xem!

4- Pháp

Toán 6

- 1- Tây Ban Nha
- 2- Ai Nhĩ Lan
- 3- Ungarn
- 4- Bắc Ai Nhĩ Lan
- 5- Malta

Toán 7

- 1- Bỉ
- 2- Tiệp Khắc
- 3- Bồ Đào Nha
- 4- Thụy Sĩ
- 5- Lục Xâm Bảo

4 toán, mỗi toán có 5 đội, thi hai đội nhất và nhì được đi. (8 đội)

3 toán, mỗi toán có đội, thi đội đứng đầu được đi. (3 đội)

Riêng 3 đội đứng thứ hai của 3 toán, mỗi toán có 4 đội thì sẽ chọn hai đội hay nhất căn cứ theo:

- 1/ Số điểm
- 2/ Sai biệt số bàn thắng, bại
- 3/ Nếu hai điều kiện trên cũng giống nhau thì sẽ tranh lại với nhau tại một quốc gia khác để quyết định.

Bắc Mỹ Châu - Được chọn 2 đội.

- 1- Costa Rica
- 2- USA
- 3- Trinidad/Tobago-USA
- 4- Guatemala
- 5- El Salvador

Nam Mỹ Châu - Được chọn 3 đội

Toán 1

- 1- Bolivien
- 2- Uruguay
- 3- Peru

Toán 2

- 1- Paraguay
- 2- Kolumbien
- 3- Ecuador

Toán 3

- 1- Ba Tây
- 2- Chí Lợi
- 3- Venezuela

Đội A Cáp Đỉnh đương kim vô địch nên miễn tranh vòng loại.

Á Châu - Được chọn 2 đội. Các quốc gia sau đây sẽ tranh từ 12.10.89 để chọn hai đội nhất và nhì.

- Trung Quốc
- Nam Triều Tiên
- Bắc Triều Tiên
- Soudi Arabien
- Kaţar
- Tiểu vương Quốc Ả rập

Gải bóng tròn thế giới cứ 4 năm tranh 1 lần. Năm 1986 do Mê Tây Cô (Mexico) đảm trách tổ chức, năm 1990 sẽ do Ý Đại Lợi tổ chức.

Thứ sáu ngày 8.6.1990 lúc 18 giờ đội banh A Cáp Đỉnh (Argentina) đương kim vô địch sẽ đá trận đầu tiên với một đội banh chưa biết rõ để khai mạc giải bóng tròn thế giới tại vận động trường Giuseppe Meazza ở Mailand. Trận chung kết sẽ tranh tại Rom.

Sẽ có 24 đội banh của 24 quốc gia đá tại Ý để tranh chức vô địch thế giới. Để quyết định xem đội nào đi dự giải, thế giới được chia làm 6 khu vực để tranh vòng loại như sau:

Âu Châu : Được chọn 13 đội. Có 32 đội được chia làm 7 toán. Riêng đội banh của Ý được miễn tranh vòng loại vì nước tổ chức. Đến ngày 30.11.89 các đội phải đá xong để ngày 9.12.89 sẽ rút thăm tại Rom để chia toán tranh chung kết.

Sau đây là các quốc gia nằm trong các toán và thứ hạng được tạm xếp đến ngày 15.9.89 vì mỗi đội còn phải đá 2-3 trận nữa mỗi xong.

Toán 1

- 1- Rumaenien
- 2- Đan Mạch
- 3- Hy Lạp
- 4- Bulgarien

Toán 2

- 1- Anh
- 2- Thụy Điển
- 3- Ba Lan
- 4- Albanie

Toán 3

- 1- Nga
- 2- Áo
- 3- Thổ Nhĩ Kỳ
- 4- Đông Đức
- 5- Island

Toán 4

- 1- Hòa Lan
- 2- Tây Đức
- 3- Phần Lan
- 4- Wales

Toán 5

- 1- Nam Tư
- 2- Schottland
- 3- Na uy

QUẦN VỢT

GIẢI GRAND SLAM US. OPEN

TỪ 28.8 ĐẾN 10.9.1989

Tổ chức tại Flushing Meadow ở New-York. Bên nữ, bên nam mỗi bên có 128 người ghi tên tham dự. Đường kim vô địch:

Bên Nữ : Cô Steffi Graf (Tây Đức) năm 1988 vào chung kết hạ cô Gabriela Sabatini (A' Căn Đình) với tỷ số 2:1

Bên Nam : Anh Mats Wilander (Thụy Điển) năm 1988 vào chung kết hạ anh Ivan Lendl (Tiệp Khắc) với tỷ số 3:2

Lần này người ta hy vọng cô Arantxa Sanchez (Tây Ban Nha) vừa đoạt giải Grand Slam Paris sẽ một lần nữa nêu cao thành tích, ở giải này. Nhưng vào vòng tứ kết cô bị cô Gabriela Sabatini hạ với tỷ số 3:6, 6:4, 6:3. Còn cô Monica Seles (Nam Tư) mà báo chí thể thao Tây Phương gọi là cô bé thần đồng thì lại rớt ở vòng 4, bị cô Christ Evert Mill (Mỹ) hạ với tỷ số 6:0, 6:2. Nhìn chung thì các cây vợt trẻ phái nữ mỗi lên đánh không đều. Khi thì đánh rất hay, khi thì đánh rất dở. Các cô cần phải tập luyện nhiều hơn nữa mới mong hạ được cây vợt số 1 thế giới.

Vào vòng bán kết còn lại 4 cây vợt sau đây:

- Cô Steffi Graf dụng cô Gabriela Sabatini.

- Cô Martina Navratilova dụng cô Zina Garrison (Mỹ).

Kết quả :

- Cô S.Graf hạ G.Sabatini với tỷ số 3:6, 6:4, 6:2.

- Cô M. Navratilova hạ Z.Garrison với tỷ số 7:6, 6:2.

Vào chung kết hai cây vợt nhút, nhủ thế giới lại gặp nhau, Kề tám lạng người nửa cân. Chỉ cách có hai tháng từ giải Grand Slam Wimbledon đến giải U.S Open. Giải Wimbledon cô S.Graf hạ M. Navratilova với tỷ số 6:2, 6:7, và 6:1. Ra sân lần này M.Navratilova quyết tâm phục thù, tất cả những kinh nghiệm trong mười mấy năm cầm vợt cô đều đem ra xử dụng. Nhưng, một bên là cây vợt đã về chiều, đã đạt tới đỉnh vinh quang bây giờ đang trên đà đi xuống, một bên thì còn trẻ, đầy nhựa sống thì làm sao mà M.Navratilova chặn bước tiến của S.Graf được.

Trên 20 ngàn khán giả theo dõi trận phục thù hào hứng này. Một điều đặc biệt là lần này cô S.Graf mặc một cái váy màu xanh đậm khi ra sân. Ván đầu cô M.Navratilova đánh rất hay, nhiều trái cô trả về phía trái tuyệt đẹp, khán giả vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt, cô thắng dễ dàng với 6:3; Qua ván thứ hai cô dẫn trước 4:2, 80% cầm

chắc cái thắng trong tay, cô đưa 2 ngón tay lên để cho biết chỉ còn hai bàn nữa là đoạt giải. Thế mà cô để cô S.Graf gỡ hòa và ăn luôn ván này với tỷ số 7:5. Thật là uống! Ngừng vài phút, cô S.Graf chạy vào buồng thay cái váy màu trắng mà cô thường mặc. Có lẽ cái váy màu xanh đậm không hên chăng? Cũng tin đi đoạn !

Qua ván thứ 3, cô Navratilova như ngọn đèn hết dầu, càng đánh càng thua nhiều trái banh không đáng thua. Thừa thắng xông lên S.Graf thắng luôn bàn này với tỷ số 6:1. Super Graf ! Đoạt giải, tiền thưởng 300 ngàn đô la. trận đấu kéo dài 110 phút.

Trên đường đi đến vinh quang, cô đã lần lượt hạ những cây vợt dưới đây :



Cô Terry Phelps (Mỹ). Tỷ số 6:1, 6:1 trong 38 phút. Vòng 3



Cô Rosalyn Fairbank (Nam Phi). Tỷ số 6:4, 6:0 trong 66 phút. Vòng 4



Cô Etsuko Inone (Nhật). Tỷ số 3:6, 1:6 trong 56 phút. Vòng 1



Cô Helena Sukova (Tiệp Khắc). Tỷ số 6:1, 6:1 trong 44 phút. Vòng tứ kết.



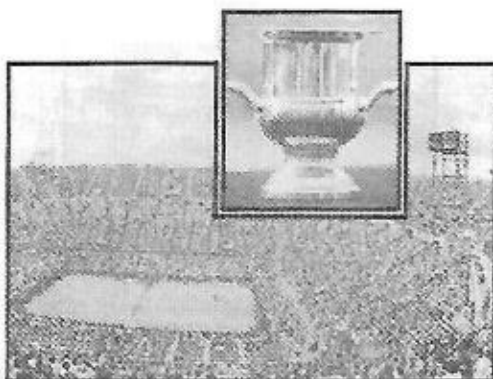
Cô Nathalie Herrman (Pháp) Tỷ số 6:1, 6:1 trong 43 phút. Vòng 2



Cô Gabriela Sabatini (A' Căn Đình). Tỷ số 3:6, 6:4, 6:2 trong 115 phút. Vòng bán kết.



Cô Steffi Graf (Tây Đức). Sinh 14.6.69. Cao 1m76- Nặng 60 kg. Hạng Thế giới



Cúp giải US. Open. S.Graf đoạt 2 lần: 1988 thắng G.Sabatini 6:3, 3:6, 6:1; 1989 thắng Navratilova 3:6, 7:5, 6:1



Cô Martina Navratilova (Tiệp Khắc). Sinh 18.10.1956 - Hạng Nhũ thế giới

Chung kết

Trận chung kết nữ cặp Martina Navratilova/ Hana Mandlikova (Tiệp Khắc hạ cặp Mary Joe Fernandez/Pam Shriver (Mỹ) với tỷ số 5:7, 6:4, 6:4.

Bên Nam, chuyện bất ngờ xảy ra là anh Mats Wilander đương kim vô địch vào đến vòng 2 gặp anh Pete Sampras (Mỹ) một cây vợt vô danh hạ với tỷ số 5:7, 6:3, 1:6, 6:1 và 6:4. Còn anh Stefan Edberg cây vợt số 3 thế giới bị cây vợt lão thành Jimmy Connors (Mỹ - 37 tuổi) hạ 3 ván trắng với tỷ số 6:2, 6:3, 6:1. Riêng anh Michael Chang gốc Đài Loan dân Mỹ ở giải Wimbledon vào đến vòng 4 gặp Tim Mayotte, anh thua 3:6, 1:6 và 3:6. Lần này anh cũng vào đến vòng 4 và cũng gặp Tim Mayotte, mặc dù hết sức cố gắng anh vẫn bị thua 5:7, 1:6, 6:1 và 3:6. Lối đánh của Chang chắc chắn không thể nào anh tiến lên được nữa. Thủ nhiều, công ít, thỉnh thoảng lên lưới một lần, lụp chup lại đánh banh vào lưới.

Vào vòng bán kết còn lại 4 tay vợt sau đây:

- Ivan Lendl đụng André Agassi
- Boris đụng Aaron Krickstein

Kết quả:

- I. Lendl hạ A. Agassi với tỷ số 7:6, 6:1, 3:6 và 6:1
- B. Becker hạ A. Krickstein với tỷ số 6:4, 6:3, và 6:4

Vào chung kết hai cây vợt nhứt, nhì thế giới gặp nhau. 13 lần đụng độ, Lendl thắng 7 lần, Becker thắng 6 lần. Lần này không biết Becker có quân bình được tỷ số không? Ngày hôm trước S.Graf đã đoạt giải lâm tinh thần anh lên cao. Ra sân với quyết tâm phải thắng để lập lại thành tích như giải Wimbledon.

Sân số 1 bán hết vé, trên 20 ngàn khán giả theo dõi từng đường

banh qua lại, và hồi hộp với những trái banh dứt điểm của đôi bên. Sau 3 giờ 51 phút, dưới sức nóng 50 độ C, B. Becker xét trái banh Tie-break để kết thúc trận đấu (Matchball), I.Lendl đỡ, banh vào lưới. Super, Becker vô địch! anh giờ hai tay lên trời, một lúc sau anh liệng cây vợt lên khán đài tặng khán giả, chạy lại bắt tay Lendl. Mấy chục ngàn khán giả đứng dậy vỗ tay hoan nghênh mấy phút đồng hồ. Anh thắng với tỷ số 7:6, 1:6, 6:3, và 7:6. Tiền thưởng 300 ngàn đô la! Lần đầu tiên một người Đức thắng được giải này. Năm 1937 cách đây 52 năm một người Đức vào được chung kết nhưng bị loại.

Cô Steffi Graf và anh Boris Becker đã phá kỷ lục trong làng banh nỉ, vì từ trước tới nay chưa có cặp nam, nữ nào cùng một quốc tịch, đã thắng liên tiếp 2 giải Grand Slam. Báo chí ngoại quốc hết lời ca ngợi cặp nam nữ thần đồng này. Nhân dân Tây Đức cũng lấy làm hạnh diện về thành tích đạt được của hai đứa con mình.

Trên đường chiến thắng, Boris đã lần lượt hạ những tay vợt dưới đây:



David Pate (Mỹ). Tỷ số 6:1, 6:3, 6:1 trong 1g38phút. Vòng 1



Derrick Rostagno (Mỹ). Tỷ số 1:6, 6:7, 6:3, 7:6, 6:3 trong 4g27phút. Vòng 2



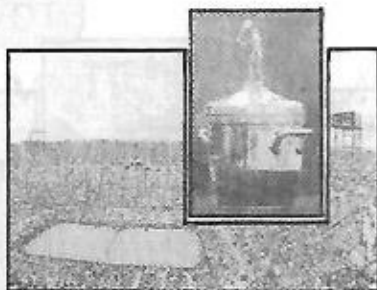
Milostaw Mercir (Tiệp Khắc). Tỷ số 6:4, 3:6, 6:4, 6:3 trong 3g2phút. Vòng 3



Mikael Pernfors (Thụy Điển). Tỷ số 5:7, 6:3, 6:2, 6:1 trong 3g28 phút. Vòng 4



Yannick Noah (Pháp). Tỷ số 6:3,6:3,6:2 trong 1g54 phút. Vòng tứ kết



Cúp giải US.Open. Becker hạ Lendl tỷ số 7:6,1:6,6:3,7:6 trong 3g51 phút, đoạt giải lần đầu tiên.



Boris Becker (Tây Đức). sinh 22.11.67. Cao 1,93th. Nặng 84 Kg. Hạng 2 thế giới



Aaron Krickstein (Mỹ). Tỷ số 6:4,6:3,6:4 trong 2g48 phút. Vòng bán kết

Chung kết

Trận đôi nam chung kết, cặp Mc.Enroe/Woodford (Mỹ/Úc) hạ cặp Flach/Seguso (Mỹ) với tỷ số 6:4,4:6,6:3 và 6:3

Trận đôi nam nữ chung kết, cặp White/Canon (Mỹ) hạ cặp Lech/Mc.Grath (Mỹ) với tỷ số 3:6,6:2,7:5.



Ivan Lendl (Tiệp Khắc). Sinh năm 1960. Hạng 1 thế giới

Môn quần vợt ở tương lai

Không có một chiến thắng nào mà không lao tâm, tốn sức. Nhìn đoạn đường mà anh B.Becker đi từ khởi điểm cho đến bước cùng vinh quang thật là gian nan vất vả, phải có đầy đủ sức khỏe và bền bỉ mới chịu đựng nổi. Do đó ai muốn trở thành tay vợt nhà nghề (Profí) lấy môn quần vợt làm lẽ sống, thì trước hết phải có thể lực, có nghĩa là phải lớn con, cao ít nhất 1,74th, thân hình phải cân đối với tầm vóc, sức khỏe thật dồi dào. Điển hình là trong trận bán kết giải David Cup ngày 21-23/7/89 giữa Tây Đức và Mỹ. Trận Boris Becker đụng A. Agassi, hai ván đầu Agassi thắng dễ dàng vì còn sức khỏe, nhưng 3 ván sau vì không đủ thể lực nên bị thua lại. Còn Becker thì càng đánh lâu càng dẻo dai, kỹ thuật và lối đánh cũng biến chuyển theo từng trái banh.

Môn quần vợt đang trên đà đi lên, mấy ông bầu tổ chức tìm mọi cách để lôi cuốn khán giả ham mê môn banh nỉ này để hút bạc. Tiền thưởng mỗi ngày mỗi tăng, do đó sẽ có nhiều người bỏ vốn ra đầu tư cho con cháu mình. Nhưng muốn trở thành nhà nghề, vận động viên môn quần vợt ở tương lai cần phải có 3 điều kiện là Thể Lực - Kỹ Thuật và Nghệ Thuật

MƯỜI CÂY VỢT ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI

(Tennis Weltrangliste * Tennis World Top Ten)

Giá trị đến ngày 25.9.1989

Bên Nữ

- 1- Steffi Graf (Tây Đức) 303 điểm
- 2- Martina Navratilova (Tiệp Khắc) 214 đ.
- 3- Gabriela Sabatini (Á Căn Đình) 140 đ.
- 4- Arantxa Sanchez (Tây Ban Nha) 115 đ.
- 5- Chris Evert Mill (Mỹ) 114 đ.
- 6- Zina Garrison (Mỹ) 109 đ.
- 7- Mannela Maleeva (Bulgari) 96 đ.
- 8- Helena Sukova (Tiệp Khắc) 88 đ.
- 9- Pam Shriver (Mỹ) 76 đ.
- 10- Monica Seles (Nam Tư) 79 đ.

Bên Nam

- 1- Ivan Lendl (Tiệp Khắc) 198 điểm
- 2- Boris Becker (Tây Đức) 191 đ.
- 3- Stefan Edberg (Thụy Điển) 133 đ.
- 4- John Mc.Enroe (Mỹ) 113 đ.
- 5- André Agassi (Mỹ) 85 đ.
- 6- Micheal Chang (Mỹ) 82 đ.
- 7- Brad Gilbert (Mỹ) 81 đ.
- 8- Tim Mayotte (Mỹ) 71 đ.
- 9- Jakob Hlasek (Thụy Sĩ) 65 đ.
- 10- Thomas Muster (Áo) 61 đ.

NGƯỜI GIÁM BIÊN

TÌM HIỂU THẾ GIỚI NGÀY NAY

Một Cái Nhìn Mới Về Stalin

Tháng 3 vừa qua, bảo tàng viện trưng bày di tích của Joseph Stalin tại thành phố Gori nơi sinh của ông ta đã bị đóng cửa vô hạn định. Chánh quyền cho biết rằng nó có thể sẽ không bao giờ được mở cửa lại. Tại sao? Theo lời của sử gia Xô Viết ông Alexander Sam-sonov nói: "Tại vì những lỗi lầm quan trọng của nhà độc tài Stalin trong thời gian cai trị liên bang Xô Viết đến năm 1953 là đưa quốc gia này đến bờ thảm họa trong cuộc chiến thế giới thứ 2".

Những lời buộc tội và những sự chỉ trích nặng nề từ chánh quyền đến nhân dân về những chính sách tai hại thảm khốc ở trong nước mà Stalin đã áp dụng.

Tháng 11 năm 1987 nhân kỷ niệm lần thứ 70 cách mạng Bolshevik, lãnh tụ Xô Viết ông Mikhail Gorbatschow nói: "Cái tội của Stalin và những cộng sự viên thân tín của ông ta trước đảng và nhân dân là những biện pháp đàn áp dã man, những hành động vô pháp luật không thể nào tha thứ và quên được" Gorbatschow tiếp: "Stalin phải nhận thấy những kết quả tàn khốc đã mang lại cho đất nước do sự cai trị của ông ta".

Ngày nay, những sử gia Tây phương ước tính rằng dưới thời Stalin, ông ta và đám thân tín quá khích giết hại người dân Nga vô tội trong thời bình còn nhiều hơn là số người đã chết trong thời chiến tranh xâm lược của Đức quốc xã. Ogoniok, tờ tuần báo Xô Viết tiết lộ rằng với đường lối sai lầm, vô hiệu quả về chính sách kinh tế qua, sự tập sản hóa và tập quyền của nhà độc tài Stalin làm cho nhân dân Nga đến ngày nay vẫn còn nghèo đói không thể tự cung cấp lương thực và thực phẩm được.

Ông M. Gorbatschow giải thích: "Trung thành với sự thật lịch sử, chúng ta phải thấy... những sự lạm dụng quyền hạn gây ra bởi Stalin và những người chung quanh ông ta đã làm cho nhân dân Xô Viết phải trả một cái giá quá đắt gây ảnh hưởng trầm trọng đến đời sống xã hội của chúng ta... Đó là một bài học cho tất cả những thế hệ mai sau".

Ông Radomir Bogdanov, phụ tá thị trưởng thành phố Moscow đã nhìn thấy sự lo âu hiện lên nét mặt của nhân dân Xô Viết, Ông trấn an như sau: "Cái gì của chúng ta đang thức sự tranh đấu để thực hiện hôm nay sẽ được bảo đảm một cách chắc chắn rằng nó sẽ không bao giờ và không bao giờ lặp lại những gì đã xảy ra trong quá khứ".

Nhưng lịch sử như là một tuồng hát dài vô tận, nối tiếp nhau bởi nhiều màn... Màn Stalin đã bị hạ;

Màn Gorbatschow được kéo lên. Những gì Gorbatschow sẽ diễn? Hỷ, nộ, ái, ố? Trên 200 triệu dân Nga đang chờ xem, lúc hạ màn sẽ lượng định đúng sai.

Sự Ô At Rời Khỏi Hồng Kông (Die Massenflucht aus Hongkong hay HongKong Exodus)

Sửa soạn vali chuẩn bị lên đường. Nì xong chưa? Ngộ đã sẵn sàng. Đó là những việc quá tầm thường đang xảy ra hằng ngày ở Hồng Kông.

Ngày 1.7.1997, lá cờ Anh quốc, lần đầu tiên đã được kéo lên vào năm 1841, sẽ bị hạ xuống. Lá cờ Trung cộng sẽ được thượng lên. Hồng Kông, hòn đảo thuộc địa của Vương quốc Anh sau 156 năm bị tách rời khỏi vòng tay mẹ, sẽ trở về lại với mẫu quốc.

Những nhà lãnh đạo của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc đã cam kết rằng Hồng Kông sẽ tiếp tục hưởng quyền tự trị ít nhất là 50 năm, vẫn duy trì đặc tính tư bản và truyền thống tự do.

Nhưng hiện giờ một đám mây đen đang bao trùm hòn đảo nhỏ bé thịnh vượng này cho đến ngày trao trả chủ quyền. Người ta nghi ngờ và tự hỏi: "Một quốc gia với hai thể chế chính trị cũng như quản trị có thể tiến hành hiệu quả được hay không?"

Những người trí thức, kỹ nghệ và chuyên gia nói tiếng Anh đang liên tục rời khỏi Hồng Kông mỗi ngày mỗi gia tăng. Hầu hết họ đến Canada, Úc và Hoa Kỳ. Đã có vào khoảng 500.000 người Hoa ở Hồng Kông đang sống ở Canada. Nếu làn sóng di dân này vẫn tiếp tục, rồi đây Toronto sẽ có một phố Tàu (China town) có số người Hoa đông nhất ở Bắc Mỹ, vượt hẳn Nữ Ước (New-York).

Tại sao lại có tình trạng xảy ra như vậy? Tại vì chẳng ai dám tin lời cam kết của những lãnh tụ Bắc Kinh. Bằng chứng là sự xử dụng Quân Đội Nhân Dân và xe tăng đàn áp đám máu sinh viên và nhân dân xuống đường đòi hỏi tự do dân chủ ở quảng trường Thiên An Môn giữa đêm ngày 3 rạng 4.6.1989. Người Trung Hoa ở Hồng Kông cũng như người Việt Nam quốc gia đang cùng đứng chung một giới tuyến và có cùng chung một tự tương là "Đừng tin những gì Cộng sản nói, mà hãy nhìn những gì chúng làm". Do đó cam kết thì cam kết, còn ra đi thì vẫn ò ò ra đi.

Rồi đây sau năm 1977, khi bị thay ngôi đổi chủ, Hồng Kông sẽ vắng khách hào hoa lui tới, trở nên hiu quạnh như những hòn đảo khác nằm bên cạnh bờ biển Thái Bình Dương.

Liên Xô Ngày Nay

Lãnh tụ trung ương cấp cao thì tranh giành ảnh hưởng và quyền lợi; Cán bộ đảng viên cấp trung và thấp thì tham nhũng, lừa bịp và làm việc tắc trách; Dân chúng thì thờ ơ lãnh đạm, bị trên búa dưới liềm nhân rằng lãnh đù. Đó là phản ảnh của xã hội Liên Xô ngày nay.

Lúa Mì - Khoai Tây - Đạo Đức - Cách Mạng

Liên Xô là một quốc gia giàu nguyên liệu nhất trên quả địa cầu, có một diện tích đất đai canh tác được rộng lớn hơn bất cứ một quốc gia nào trên thế giới. Thế mà đảng và nhà nước không cung cấp đủ lương thực, thực phẩm cho dân chúng tiêu dùng!

Tại sao? Tại vì 25% ngũ cốc, 30% mùa màng, thu hoạch được về khoai tây bị hư hại vì chuyên chở và tồn trữ. Đây là lỗi lầm của chánh quyền Xô Viết sau một cuộc nghiên cứu điều tra về tệ trạng này.

Tờ báo Ogoniok viết: Những goong xe lửa thì sập gổ bị mục lung lổ được dùng để chở ngũ cốc và phân bón nên bị cháy dọc đường hao hụt quá nhiều! Lúa mì trong vụ bị lên mốc vì nước mưa bị dột nước. Bắp cải được chở trong những chiếc xe có trang bị hệ thống động lạnh quá cũ kỹ, máy điều chỉnh nóng lạnh bị hư. Nên khi xe đến Moscow, mở ra thì hơi ôi! Bắp cải bị đóng lại như nước đá! 30 tấn gạo mất trắng bị để ở ngoài trời ga nọ dưới ánh nắng mặt trời, vì dầu máy xe lửa bị hư không có cái khác thay thế. Do đó phó mát bị lên men chua. Nhưng nhà nước cũng đem ra bán và buộc dân chúng mua!

Viết tới đây tôi sự nhớ ở Saigon vào năm 1982-1983 nhà nước xuất cảng chuối khô sang các nước XHCN đàn anh. Vì chuối thiếu tiêu chuẩn phẩm chất kém nên bị trả về. Nhà nước phân phối cho các Hợp tác xã và cũng buộc công nhân viên và dân chúng mua. Đúng là thầy trò học có một sách.

Năm 1988, ở Kuibyschew, hầu hết mùa khoai tây bị hư thối trong những kho của nhà nước vì thiếu phương tiện chuyên chở để phân phối và thiếu phòng tồn trữ đặc biệt.

Cả chửa từ Astrachan chở đến Moscow và Leningrad bị dập nát vì không có thùng đựng. Tại sao? Tại vì nhà sản xuất quốc doanh ở Astrachan không phải cung cấp cho nông trường tập thể 7 triệu cái thùng nhựa, nhưng chỉ giao có 1 triệu cái. Lý do: Nhà máy làm khuôn quốc doanh (cũng quốc doanh) giao cho nhà sản xuất thùng quá ít khuôn nên làm không kịp. Lỗi của cán bộ điều hành.

Tại nhà ga, Muelhalden ở Moscow, những goong chở cà tộ mát, dưa hấu, dưa gan v.v... của

các hợp tác xã đậu cả ngày dưới sức nóng mặt trời làm hư hại cả chục triệu Đức mã!

Vậy tình thần làm việc và đạo đức cách mạng của các cấp cán bộ đảng viên để đâu? Đội nón đi theo châu Lenin hay cha chung không ai khóc? Ngược lại, nho, trái đào, cá tằm, rau cải v.v., được chở từ Taschkent đến chợ Kolchos ở Moscow khoảng cách 2300 cây số vẫn còn nguyên vẹn và tươi tốt. Vì sao? Vì đó là của tư hữu của những người được cấp phát một miếng đất nhỏ để tự canh tác và bán được lấy tiền tự bỏ túi riêng nên họ giữ gìn cẩn thận.

Ngay Đến Hòm Chôn Cũng Khán Hiếm

Một phóng viên của tờ Thời Báo Luân Đôn có mặt tại Moscow đã tường thuật như sau: Một chủ nhà hòm phải dỡ gỗ ở hàng rào để sửa lại những cái hòm bị mục. Không có hối lộ thì không có hòm tốt để chôn!

Liên Xô, cái nôi của cách mạng nhân dân, 70 năm xây dựng XHCN, người dân phải sắp hàng hàng giờ, hàng buổi mới mua được mấy trăm Gam thịt, 1 ký khoai v.v....

Chúng ta hãy nghe anh Alexander Y.Pletuyov 32 tuổi, thợ mỏ ở Tây bá lợi A' (Sibiria) nói lên những lời cay đắng như sau: "14 năm làm thợ mỏ, một vợ hai con, chúng tôi sống trong 1 cái phòng có 11 thước vuông! Nhà này do tù binh chiến tranh Đức xây từ sau Đệ nhị thế chiến... Ba gia đình chỉ có 1 nhà vệ sinh. Khi trời mưa nước rịn qua tường chảy ướt nhà. Mùa đông gió lạnh thấu xương thổi qua những kẽ hở vào trong phòng. Chúng tôi phải luôn mặc áo măng tó". Một phóng viên báo chí Tây phương hỏi anh hiện đang mơ ước điều gì? Anh trả lời: "Chúng tôi chỉ mơ ước có được một cái nhà nhỏ với 3 phòng và lương thực, thực phẩm được phân phối khá hơn". Anh tiếp: "Nếu chúng tôi còn sống đến năm 2000 mà tình trạng này chưa được cải thiện, chừng đó hoặc là sẽ có một cuộc cách mạng lật đổ bạo quyền hay là sẽ có một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa giai cấp công nhân bị trị và giai cấp lãnh đạo thống trị để đánh lại quyền sống và quyền làm người".

Mặt nạ của cái gọi là thiên đường cộng sản đã đang và sẽ bị lột, bộ mặt thật của chủ nghĩa xã hội cũng đã đang và sẽ bị phơi bày. Nguyên vọng của anh Alexander chắc chắn cũng là nguyên vọng của trên 200 triệu dân Nga, họ đang mong đợi một sự thay đổi từng ngày.

Nhìn về Việt Nam đau thương, chủ nghĩa xã hội được áp đặt trên 30 năm ở miền Bắc, trên 14 năm ở miền Nam. Hậu quả, ngày nay Việt Nam được xếp vào một trong các quốc gia nghèo nhất thế giới. Có một nền kinh tế bị phá sản, mức lạm phát phi mã trên 2000%, lại còn phải đài thọ chi phí cho đoàn quân viễn chinh xâm lược ở Campuchia và Lào. Hỏi những người lãnh đạo già nua nhưng tham quyền cố vị bất tài nhưng báo thù ở Bắc bộ phủ. Các người có nhìn thấy chủ nghĩa Cộng sản đang trong thời kỳ suy tàn không? Các giáo điều của Mác - Lê bị văn minh khoa học chôn vào nghĩa địa không? Nguyên vọng

của trên 60 triệu dân Việt Nam đang bị trị cũng giống như nguyên vọng của anh thợ mỏ Alexander ở Tây bá lợi A'. Họ sẽ vùng lên như đồng thác lũ, cuốn trôi tất cả những ai làm chướng ngại kèm hãm sự sống của họ.

Hãy tính đây nhìn xem thế giới bên ngoài, từ bỏ chủ nghĩa phi dân tộc, kèm kẹp, áp bức, nếu không, các người sẽ là những con vật tế thần cho đồng thác lũ nêu trên.

50 Năm Sau Thế Chiến II (1.9.1939 - 1.9.1989)

Ngày 1.9.1939, quân đội phát xít Đức do nhà độc tài Hitler lãnh đạo chiếm Ba Lan, 3 ngày sau Anh và Pháp tuyên bố chiến tranh với Đức, mở màn cho cuộc chiến đẫm máu thế giới thứ II. Hầu hết các nước Tây Âu bị lôi vào vòng chiến. Liên Xô gần như bại trận, quân đội phát xít đã vào gần đến Leningrad. Nhưng nhờ Mỹ mở mặt trận thứ hai, đổ bộ lên bờ biển Normandie của Pháp làm Hitler phải rút bớt lực lượng tấn công để đưa về phòng thủ. Do đó Liên Xô có cơ hội phản công tái chiếm những phần đất bị tạm chiếm. Hậu quả sau thế chiến thứ hai là:

- Khoảng 55 triệu người bị thiệt mạng.
- Riêng Đức có 5 triệu 250 ngàn người chết; trong đó có khoảng 500 ngàn thường dân.
- Khoảng 5 triệu người Do Thái bị Hitler tiêu diệt trong các lò hơi ngạt.
- Nước Đức bị chia đôi; một phần theo chế độ Cộng Hòa, một phần theo Cộng sản. Ba Lan, Tiệp Khắc, Ruman, Hungari và Bulgari bị nhuộm đỏ. Chế độ Cộng sản bắt đầu phát triển mạnh ở các nước Đông Âu này và chiến tranh lạnh giữa hai khối Tự do và Cộng sản bắt nguồn từ đó.

50 năm sau, người dân của bất cứ nước nào, từ Âu đến Phi sang Á, sống dưới chế độ Cộng sản cũng nghèo đói, bị đàn áp bức hiếp, mất tất cả quyền làm người, không bao giờ nhìn thấy được ánh sáng cuối đường hầm.

Nơi nào có áp bức, nơi đó có đấu tranh. Đó là định luật sinh tồn của con người. Do đó họ đã vùng lên đấu tranh, khi thì bạo động, lúc bất bạo động để giành lại quyền sống và quyền làm người. Kết quả là những nhà lãnh đạo hai nước

anh em của Liên xô như Hungary và Ba Lan đã phải nhượng bộ.

HUNGARY Đổ Áo Lỗi Thời

- Bộ Chính trị bị tước quyền.
- Sẽ có nhiều đảng phái sinh hoạt chính trị trong nước.
- Sẽ có bầu cử tự do vào giữa năm 1990.
- Tự do báo chí.
- Hàng rào kẽm gai biên giới giữa Áo và Hungary được chính tay quân đội Hung cất bỏ.

Ba Lan Lột Xác

Gần 10 năm, công đoàn Đoàn Kết dưới quyền lãnh đạo của ông Walesa với người bạn cùng chí hướng là ông Tadensz Mazowiecki đã tay nắm tay kiên trì đấu tranh cũng để giành lại quyền sống và quyền làm người. Khi vào khám, lúc ra tù, cuối cùng giới lãnh đạo Ba Lan của tướng Zaruselki phải nhượng bộ và ông T. Mazowiecki một người không phải Cộng sản, được mời làm thủ tướng chính phủ. Ông được quốc hội biểu quyết với:

- 378 phiếu thuận
 - 4 phiếu chống
 - 41 phiếu không có ý kiến
- Một điều hết sức bất ngờ và ngạc nhiên là số 173 dân biểu Cộng sản chỉ có 4 người bỏ phiếu chống mà thôi!
- Nội các của tân thủ tướng gồm có:
- 10 Bộ trưởng thuộc công đoàn Đoàn Kết.

- 4 thuộc đảng Cộng sản
 - 4 thuộc đảng Nông dân
 - 3 thuộc đảng Cộng Hòa
- Bộ trưởng ngoại giao là Giáo sư Skubiszewski không đảng phái. Bộ này Cộng sản đòi hỏi nhưng không được.

Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước Cộng sản lại là thành viên quan trọng của Khối liên minh quân sự Varsovie được cầm quyền bởi một chính phủ không Cộng sản.

Đây là mở màn cho ngày tàn của chế độ Cộng sản, một chế độ phi nhân, lỗi thời, đầy dân hại nước, kèm hãm sự sản xuất để bần cùng hóa nhân dân.

THỊ TÂM



Anh quân nhân Hung đang cất bỏ rào kẽm gai giữa 2 biên giới Áo-Hung để khai tử chế độ Cộng sản độc tài và phi nhân

Frankfurt

Hội cứu quân cán chính VNCH tại CHLB Đức tổ chức buổi thảo luận vấn đề đoàn kết giữa các đoàn thể tại Tây Đức.

Trong không khí cởi mở và đầy tinh thần tự giác, hầu hết các tổ chức lớn hiện đang hoạt động ở Tây Đức, đã hiện diện trong buổi thảo luận với chủ đề "vấn đề đoàn kết của các hội đoàn quốc gia chống cộng tại CHLB Đức" do Hội Quân cán chính VNCH tại Tây Đức tổ chức vào ngày 23.9.89 tại thành phố Frankfurt.

Cựu sĩ quan quân y quân lực VNCH Nguyễn Văn Kim trong giọng trầm hùng qua hơn 1 giờ thuyết trình trong đề tài trên đã làm cử tọa say mê theo dõi. Tiếp đó các đại diện các tổ chức lần lượt phát biểu ý kiến, trong tinh thần thật háng say và đầy cởi mở. Tuy nhiên đôi lúc có những ý kiến bất đồng của một, hai phe nhóm được nêu ra, nhưng chủ tọa đoàn đã nhanh chóng khéo léo chuyển đề. Nên không khí thảo luận vẫn diễn ra thật nồng ấm. Sau gần 6 giờ thảo luận háng say với sự phát biểu của tất cả các đại biểu tham dự không thiếu một ai. Buổi thảo luận đã được kết thúc qua phần đúc kết của chủ tọa đoàn. Những ý kiến chính trong phần thảo luận được có đọng lại, cũng như những đề nghị về sự ra đời của một tổ chức mới mang nhiệm vụ liên lạc giữa các tổ chức hiện đang hoạt động ở Tây Đức. Nhiều ý kiến khác thì cho rằng hiện tại có tổ chức Liên Hội nên giao nhiệm vụ này cho Liên Hội đảm trách. Tuy trong tư cách ban tổ chức, ban chấp hành hội Quân cán chính tại Tây Đức xét thấy rằng cả hai ý kiến đều có những vấn đề khó khăn của nó, nên đã cho thông qua. Phần cuối của bản đúc kết cựu chuyên viên Bộ Dân Vận Chiêu Hồi Vũ Ngọc Long trong tư cách chủ tọa đã kết thúc bằng ý kiến sơ dĩ các tổ chức hiện đang hoạt động ở Tây Đức chưa có được sự đoàn kết cùng nhau vì một lý do chính đó là sự thiếu gặp gỡ thường xuyên, để trao đổi những bất đồng và kinh nghiệm cho nhau, cũng như các tổ chức không biết nhiều về nhau. Giải quyết được khía cạnh này là giải quyết được tất cả...

Được biết Hội Quân cán chính VNCH tại CHLB Đức ra đời tới nay được hơn 3 tháng với thật nhiều khó khăn của buổi ban đầu. Cũng như những sự đánh phá của nhiều phần tử vô trách nhiệm và thiếu ý thức. Nhiều chiếc mũ đã được chụp lên Hội, nào là nhận tiền của cá nhân này, ngoại vi của tổ chức kia. Tuy nhiên anh em trong Ban chấp hành vẫn tâm nguyện rằng "Đầu cho khó khăn bao nhiêu đi chăng nữa, nhưng vẫn cố gắng". Mặt khác để đẩy mạnh sự xích lại gần nhau giữa các tổ chức hiện đang hoạt động tại CHLB Đức vào ngày 18.11.89 tôi đây cũng tại thành phố Frankfurt Hội Quân cán chính thêm một lần nữa đứng ra tổ chức "Ngày nói cho mọi người biết về tổ chức mình" tất cả các chánh đảng, Liên Minh, Mặt Trận, Phong Trào... hiện hoạt động ở Tây Đức được mời tới thuyết trình. Hy vọng rằng buổi gặp gỡ mới này sẽ tạo thêm mối giây liên hệ tốt đẹp cùng nhau, và đây cũng là cơ hội để các tổ chức nói cho đồng bào biết về mình, và nhất là cho giới thanh niên biết, hầu có thể tham gia hoặc yểm trợ các tổ chức mà họ xét thấy đáp ứng ý nguyện của họ...(Chính Phương ghi.)

Hội Thảo Về Nhân Quyền

Gần 30 người đấu tranh cho nhân quyền Việt Nam từ Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Thụy Sĩ và Đức đã tham dự trại hội thảo từ chiều 25 tới chiều 27.8.89 tại Trung Tâm Fatima, Thụy Sĩ. Đây là lần đầu tiên tại Âu Châu 1 trại Hội Thảo Nhân Quyền quy tụ đồng đạo các người Việt đang đấu tranh cho nhân quyền từ nhiều nước Âu Châu.

Các thành viên đã thuyết trình các đề tài liên quan đến "làm thế nào đấu tranh nhân quyền chống bạo quyền Việt cộng được hữu hiệu hơn trong tình hình và điều kiện mới" qua sự phối hợp của ông Âu Dương Thệ và ông Lâm Đăng Châu.

Ngoài buổi hội thảo còn có đêm thơ nhạc "Xa quê hương không quên tổ quốc làm than". Buổi hội thảo kết thúc thật đẹp và trại Hội Thảo nhân quyền năm 1990 dự định sẽ được tổ chức tại Bỉ.

Biểu Tình Và Sinh Hoạt Tại FRANKFURT-Tây Đức

Thứ bảy ngày 2.9.1989 khoảng 200 người, phần đông đại diện cho 19 Tổ Chức, Đoàn Thể và đồng bào khắp nơi tại Cộng Hoà Liên Bang Đức đã kéo về thành phố Frankfurt, đứng trước Tòa Thị Sảnh cùng nhau biểu tình : Chống kinh tài Việt Cộng và tố cáo tội ác của bạo quyền trước dư luận ngoại quốc.

Chương trình bắt đầu từ lúc 10 giờ 30 bằng lễ chào quốc kỳ, quốc ca và một phút mặc niệm để tưởng nhớ tiền nhân có công giữ nước, dựng nước và những đồng bào cùng các Kháng chiến quân đã hy sinh vì Tổ Quốc Việt Nam Tự Do. Tiếp theo là bài diễn văn khai mạc của Đại diện Ban tổ chức do anh Võ Hùng Sơn ngỏ lời chào mừng đồng bào và nói lên mục đích của cuộc biểu tình là để tố cáo các cơ sở kinh tài Việt cộng tại địa phương, đồng thời tố cáo tội ác dã man của bạo quyền Việt cộng trên toàn cõi lãnh thổ Đông Dương.

Sau đó là những câu khẩu hiệu hô to : **Đả Đào Kinh Tài Việt Cộng. Cương Quyết Chặt Cánh Tay Dài Của Bọn Kinh Tài Việt Cộng. Tinh Thần Kháng Chiến Việt Nam Bất Diệt..** với những bài đọc bằng tiếng Đức kêu gọi dân chúng ngoại quốc ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, chống lại sự chà đạp nhân quyền, tước đoạt tự do và lên án hành động xâm lăng, hiếp đáp của bạo quyền Việt cộng trên hai quốc gia Lào và Campuchia. Xen kẽ vào trong chương trình là những bài ca cộng đồng, những bài ca tranh đấu như : Bài Việt Nam Việt Nam, Quê Hương Ngạo Nghê, Đồng Tiến, Thế Kỳ Này Thế Kỳ Của Chúng Ta... Nhận thấy có sự đóng góp hào hứng của nhóm nhạc trẻ **Đóm Lúa** và **Lúa Hồng** qua những bài hợp ca : **Thề Khung Phán Bội** Quê Hương, hay dân ca ba miền và biểu diễn đặc sắc những bài đờn tranh cồng lồi kéo đồng dao người

ngoại quốc cùng đứng chung vào đoàn biểu tình, phải nói đây là một cuộc biểu tình không chỉ riêng người Việt chúng ta, mà còn có sự tham dự rất đông đảo của người Đức nhập cuộc.

Hơn 2000 tờ truyền đơn đã phát đến tay người ngoại quốc. Những biểu ngữ đường cao trong địa điểm biểu tình như : **MENSCHENRECHT FUER VIETNAM. HILFE FUER HANOI: EIN FASS OHNE BODEN. ASICO: VERSORGUNGSBASIS DER KRIEGSKASSE HANOIS...** đã lôi kéo sự chú ý và càng được sự đồng tình ủng hộ của người ngoại quốc.

Cuối cùng là phần phát biểu của các đại diện tổ chức, đoàn thể, kêu gọi đồng bào trong cộng đồng tích cực đập tan âm mưu kinh tài Việt cộng, cùng nhau quyết tâm tranh đấu để mau chóng giải phóng Tổ Quốc. Cuộc biểu tình kết thúc lúc 12 giờ 30.

Được biết tờ báo Frankfurt - Rundschau loan tải tin tức và đài truyền thanh Hessen 1 phát thanh cuộc biểu tình trong ngày rất có thuận lợi cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

14 giờ 30 tại hội trường : Christuskirche, beethovenplatz Ffm. ban tổ chức đọc Thánh Nguyễn Thư, với nội dung yêu cầu các cơ quan công quyền điều tra, theo dõi việc chuyển tiền, chuyển vàng... Của cơ sở ASICO để có biện pháp thích nghi. Và có biện pháp với một thiểu số người Việt có quy chế tự nạn du lịch về Việt Nam, yêu cầu chính quyền Đức thu hồi quy chế tự nạn chính trị và trục xuất những người du lịch Việt cộng về Việt Nam để những quy chế đó cho những đồng bào ta còn đang tạm trú trong các trại tự nạn A' Châu. Ban Tổ Chức đưa Thánh Nguyễn Thư cho các đoàn thể ký vào và sau đó sẽ gửi đến : Bộ Nội Vụ Liên Bang, Bộ Nội Vụ Tiểu Bang và ông Thị Trưởng thành phố Frankfurt.

Sau đó là phần thuyết trình của ông Trần Đức, Khu Bộ Trưởng Khu Bộ Âu Châu thuộc Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam trình bày nỗ lực đấu tranh trực diện và tiếp vận Kháng Chiến của đồng bào ta trong cuộc đấu tranh giải phóng tổ quốc và cũng tường thuật lại chuyển công tác của ông trong chiến khu quốc nội trong những tháng vừa qua. Trong hội trường trên 200 người Việt chú ý theo dõi kỹ và đã đặt những câu hỏi thắc mắc: liên quan đến Kháng Chiến Quốc Nội, liên quan đến các cuộc đấu tranh và tình hình biến chuyển của các đại cường quốc, đã được ông trả lời cặn kẽ, thỏa đáng.

Trong buổi sinh hoạt này đồng bào tự đóng góp một số tiền khá quan nhờ ông Trần Đức chuyển về cho các anh chị em Kháng Chiến Quân quốc nội, nói lên tinh thần toàn dân tham gia Kháng Chiến.

Cuối cùng anh Sơn chủ tịch Hội Người Việt Tự Nạn Cộng Sản tại Frankfurt đại diện ban tổ chức và thay mặt đồng bào gửi lời thăm hỏi đến Hội Đồng Kháng Chiến Toàn Quốc và anh chị em Kháng Chiến Quân quốc nội, chúc đời dào sức khỏe để

vượt qua mọi khó khăn, gian khổ và mau chóng giải phóng tổ quốc Việt Nam thân yêu.

Buổi sinh hoạt kết thúc lúc 18 giờ 30. Sau đó là phần buổi cơm chiều thân mật, rồi chia tay. (Võ Lan ghi.)

GIỚI THIỆU

Thuyết Trình

Hội Cựu Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa tại Tây Đức vừa gửi văn thư đến các Tổ Chức, Hội Đoàn Việt Nam tại Tây Đức mời thuyết trình và tham dự "Ngày nói cho mọi người biết về tổ chức của mình".

Buổi thuyết trình này sẽ được tổ chức từ 9 giờ sáng đến 20 giờ tối ngày thứ bảy (18.11.89) tại Pfarrgemeindeforum Alt - Zeilsheim 18 - 20 . 6230 Frankfurt - Zeilsheim.

Xin liên lạc với quý vị sau đây để biết thêm chi tiết :

Nguyễn Văn Kim, Tel. 069/366884;
Phan Xuân Khang, Tel. 0261/33589;
Huỳnh Ngọc Minh, Tel. 07231/32568;
Nguyễn Kinh Tân, Tel. 0751/31749

Ban Chấp Hành Mới

Ngày 3 tháng 9 năm 1989 vừa qua đồng bào tại Dorsten đã bầu lại thành phần Ban Chấp Hành 89-90 của Hội Người Việt tỵ nạn Cộng sản tại Dorsten như sau :

Chủ tịch: Ông Trần Ngọc Bảo; Phó Chủ tịch nội vụ: Bà Nguyễn Thị Minh Châu; Phó Chủ tịch ngoại vụ: Anh Lê Bình; Thủ quỹ: Cô Trần Hoàng Yến; Thư ký: Anh Lê Tấn Thắng; Ủy viên Văn hóa : Anh Lê Tấn Toàn; Ủy viên Văn Nghệ: Anh Trần Hữu Cường; Ủy viên Thể Thao: Anh Nguyễn Văn Lệ.

Mọi thư từ qua Hội, xin liên lạc về địa chỉ sau:

Ông Trần Ngọc Bảo, Surick 19, 4270 Dorsten 11, Tel. 02369/ 6498

Hướng Đạo Việt Nam

Hội Đồng Trưởng Hướng Đạo Việt Nam tại Đức trong phiên họp ngày 26.8.89 vừa qua đã tín nhiệm Trưởng Nguyễn Anh Phong trong trách vụ Chi Nhánh Trưởng Hướng Đạo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, nhiệm kỳ 89 - 91.

Vậy kể từ nay, mọi liên lạc xin qua địa chỉ :

Trưởng Nguyễn Anh Phong, Karl - Fuerstenbergstr.1, 7888 Rheinfelden - Baden, Tel. 07623 - 62293

Sách mới

- Để sống lại quãng đời hoa niên đầy thơ mộng.

- Để nâng niu, gìn giữ mãi lứa tuổi học trò giàu mơ, lắm ước.

- Để tặng người yêu, khi đã biết yêu và đang yêu.

- Để làm quà mừng đám cưới, lễ sinh nhật hay trong dịp Tết.

Hãy tìm mua ngay: 4 Tập Thơ Tình của Vũ Hoàng Chương - Xuân Diệu - Nguyễn Bính - Bằng Bá Lân tại Nhà Xuất Bản Quê Hương - 995 Dufferin St. Toronto - Ontario M6H 4B2 Canada - Tel. (416) 588 - 2577

Phiếu xem mẫu sách

Chúng tôi đang soạn và sẽ xuất bản trọn bộ Việt Sử Bằng Tranh gồm 30 cuốn viết bằng 3 thứ chữ là Việt, Anh và Pháp nhằm mục đích để cho các em thiếu nhi Việt Nam sinh ra tại hải ngoại nếu đọc được chữ Việt là hay nhất bằng không thì các em có thể đọc được chữ Pháp hay chữ Anh để biết về Lịch Sử và Danh Nhân Việt Nam từ đời Hùng Vương tới nhà Nguyễn Tây Sơn.

Phần tranh vẽ đã có các họa sĩ Vi Vi Võ Hùng Kiệt, Nguyễn Thành Danh, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Thái Tú Hòa, Bùi Bảo Thạch v.v... đảm nhận.

Vậy nếu quý vị nào muốn xem mẫu loại sách Việt Sử Bằng Tranh xin điền vào phiếu sau đây rồi gửi về cho chúng tôi. Chúng tôi xin gửi mẫu sách tới quý vị ngay mà không có điều gì ràng buộc cả.

Ô.Bà.....ở tại số
Đường Tiểu bang
Quốc Gia..... Zip Code
Xin gửi về cho Nhà Xuất Bản Quê Hương - 995 Dufferin Street, Toronto, Ontario M6H - 4B2 Canada.

Hoàn tiền lại

Những ai có ký thác, nhứt là có cổ phần của Ngân Hàng Đông Phương hay cổ phần khác để tại Ngân Hàng Đông Phương trước ngày 30.4.1975 có thể làm đơn rút ra tất cả tồn khoản ngân hàng.

Hồ sơ phải được kèm theo tất cả văn kiện chứng minh đầy đủ những tồn khoản và tất cả số tiền ký thác,

gửi về địa chỉ : Trần Quý Thân P.O. Box 6956, Berkeley, Albany, Br. California 94706 - 6596. Cũng một bản khác của hồ sơ được gửi đến : Steven I Pinter Chief Licensing, US Treasury Department, Office of Foreign Assets, Control, 1331 G Street, Washington D.C 20220, USA

Những hồ sơ sẽ được cứu xét cẩn thận, luật lệ bảo hiểm thất lạc vì chiến tranh sẽ được áp dụng.

Những ai có gửi hồ sơ, đơn xin cứu xét việc hoàn ngân hàng tồn khoản gửi đến đều được trả lời xác nhận việc thân chủ có đệ đơn hiện đang cứu xét.

Xin lưu ý : Gửi thẳng đến hai địa chỉ trên, và tuyệt đối không được nhờ một cơ quan kinh tài nào, một tờ báo nào, một công sở nào chuyển hộ, một tư nhân nào làm trung gian.

CAP ANAMUR V

Bắt đầu giữa tháng 9 năm 1989, Ủy Ban Cap Anamur lại tiếp tục tăng cường những cứu giúp đến người Việt Nam còn trong nước và ngoài biển đông. Một con tàu mới lại ra khơi, tàu Inger Riss, cũng mang tên Cap Anamur V, chiều dài 67m, rộng 11m, trọng tải 1.210 tấn, được trang bị nhiều dụng cụ và trên đó sẽ có mặt 3 nhân viên của Ủy Ban : Nguyễn Hữu Huấn, Nữ Bác Sĩ Uda Shibata và 1 y tá. Con tàu này có nhiệm vụ bảo vệ thuyền nhân VN trước hải tặc tại biển Đông.

BIỂU TÌNH

Một cuộc biểu tình đấu tranh toàn diện do các Hội Đoàn Việt Nam tỵ nạn tại Đức dự định tổ chức vào lúc 11 giờ đến 17 giờ chiều ngày 28 tháng 10 năm 1989 tại Muenster Platz, Bonn-Zentrum gồm có biểu tình và hội thảo. Mục đích của



cuộc biểu tình là tố cáo trước dư luận Quốc tế về thủ đoạn rút quân của CSVN, xác định tư cách tỵ nạn chính trị của chúng ta và kêu gọi các nước Tây phương tiếp tục thu nhận đồng bào đang kẹt trong các trại tỵ nạn ...

Mọi liên lạc xin gửi đến Ban Tổ Chức - Postfach 110559, 4100 Duisburg 11.

NHÂN TIN

* Tìm anh Trần Minh An, vượt biên năm 1978. Năm 1971 là trưởng huấn luyện kiêm phó trưởng trường tại Học Viện Trung Sơn. Xin liên lạc gấp về em HLV. Trung Tín (Nguyễn Hoàng Minh) VT 231. G3 - hangra prathet Prabrurin 22121 Thailand.

* Lương Văn Sinh con ông "Liên Xương" trước ở Ngã Bảy - Chợ Lớn. Xin liên lạc với chị Bé con bà Chín thợ may "Tân Xuân"- Địa chỉ: Nguyễn Ngọc Điệp - Es-selbornstr.10, 6100 Darmstadt

* Ông Tống Văn Sói, trước ở Phan Thiết, rời Việt Nam năm 1982 - 83 sang Tây Đức và đã cư ngụ tại: Regentenstr. 89, 4050 Mönchengladbach 1, nay ở đâu xin liên lạc gấp về Dr. Francis Hồ, Kirchgasse 5, 8641 Stienbach - Windheim, Tel. 09268 - 493 và xin cho tin tới anh Hoàng Phúc, 11718 Sea Shore Dr., Houston, TX 7702, USA. Tel. (713) 568 - 8717. Lý do: Có chuyện quan trọng về con của ông là Tôn Thị Thanh Vân

RAO VẬT

Vì bận việc riêng, sang gấp với giá rẽ 135.000 DM cửa hàng thực phẩm A Châu rộng rãi, đang phát triển tại Hamburg, gồm kho hàng và các đồ trang bị. Sẵn sàng chỉ dẫn để kinh doanh. Xin liên lạc từ 10 đến 18 giờ. Tel. 040/ 653 3347 và sau 18 giờ xin gọi số Tel. 040/ 653 5802.

ĐỔI ĐỊA CHỈ

Chùa Khánh Hòa, dưới sự chủ trì của Sư Cô Thích Nữ Minh Loan đã được dời về địa chỉ mới như sau. Mọi liên lạc, xin quý Đạo Hữu và Phật Tử gửi về địa chỉ dưới đây:

Chùa Khánh Hòa, Altstaedter Kirchen Weg 11, 7530 Pforzheim, Tel. 07231/ 15004

THÔNG CÁO CỦA BỘ NGOẠI GIAO

(Văn thư số 301-544.80/0/VIE/allg, Bonn ngày 01.09.1989)

I. Trong những năm vừa qua tiêu chuẩn đoàn tụ gia đình dành cho những người Đông Nam Á đang tỵ nạn tại Tây Đức có thay đổi ít nhiều. Để cho mọi người đều được tương tri, Bộ Ngoại Giao thông báo đến quý vị những tiêu chuẩn hiện thực nhất.

Những điều quy 1 a-b và 2 a-b (trong vòng thân tộc) thuộc về diện đoàn tụ gia đình mà xưa nay vẫn thường áp dụng trong phạm vi giúp đỡ nhân đạo cho người tỵ nạn Đông Nam Á: Tiêu chuẩn 1c, 2c-h và 3 thuộc về những "trường hợp khó khăn" hơn. Theo thống kê thì mặc dầu những đơn xin đoàn tụ trong "trường hợp khó khăn" được cứu xét kỹ lưỡng hơn, vẫn có một số đồng trong trường hợp này được chấp nhận đoàn tụ. Trong tương lai những trường hợp đặc biệt khác chiết vẫn có thể được cứu xét.

Tiêu chuẩn căn bản vẫn là trong gia đình đã có người tỵ nạn tại Tây Đức. Sau đó những thành viên sau đây, với đầy đủ giấy chứng thực, sẽ được liệt vào chương trình đặc biệt dành cho người tỵ nạn Đông Nam Á.

1) Từ Việt Nam và từ các trại tạm cư.

a/ Những em vị thành niên bảo lãnh cha mẹ hoặc ngược lại.

b/ Vợ bảo lãnh chồng và ngược lại.

c/ Anh chị bảo lãnh em mồ côi còn vị thành niên.

2) Từ các trại tạm cư.

a/ Những em vị thành niên bảo lãnh cha mẹ hoặc ngược lại.

b/ Vợ bảo lãnh chồng và ngược lại.

c/ Anh chị bảo lãnh em mồ côi còn vị thành niên.

d/ Anh chị em còn vị thành niên bảo lãnh nhau (cha mẹ hiện còn ở Việt Nam).

e/ Cha mẹ hoặc anh chị bảo lãnh con em trưởng thành (cho đến 35 tuổi) còn độc thân.

f/ Con cái trưởng thành bảo lãnh cha mẹ.

g/ Bảo lãnh cháu, anh chị em họ còn vị thành niên.

h/ Cha mẹ, anh chị bảo lãnh con em trưởng thành và có gia đình; kể cả chồng vợ và con cái hiện ở chung trong trại tạm cư. Trường hợp h được chấp thuận trong vòng 3 năm kể từ 15.8.1989 cho những ai đến trại trước 14.3.1989.

3) Những thành viên đến trại sau 14.3.1989 chỉ được cứu xét khi được UNHCR công nhận là tỵ nạn chính trị. Như trên chỉ những trường hợp từ a-g là được chấp thuận.

II. Ngoài ra Bộ Ngoại Giao còn xin lưu ý:

Theo tiêu chuẩn thì những người được bảo lãnh chỉ có thể xin bảo lãnh vợ chồng, cha mẹ hoặc con cái vị thành niên hiện ở Việt Nam. Một vài trường hợp khác có thể được cứu xét theo quy chế đặc biệt.

Điều kiện này thích ứng với điều lệ về di dân và chính sách ngoại kiều được thỏa thuận giữa các tiểu bang. Vì thế vấn đề những trẻ em được bảo lãnh, không thể bảo lãnh cha mẹ mình. Trường hợp này cũng có hiệu quả cho những đơn xin bị chánh quyền Việt Nam từ chối giấy xuất cảnh. Những đơn xin bảo lãnh cũng hết được cứu xét khi người xin đã trưởng thành, không phân biệt độc thân hay có gia đình.

Cho đến nay Bộ Ngoại Giao vẫn cứu xét đơn cho những ai đã trưởng thành. Nhưng hiện nay chánh quyền Việt Nam có lẽ đã thay đổi cách đối xử với những người tỵ nạn; du lịch thăm quê, người tỵ nạn tại trại tạm cư trở về Việt Nam. Theo đà cởi mở của Việt Nam năm 1989 một số đơn đã bị từ chối (mặc dầu đã từng được chấp thuận) trong trường hợp người xin đơn lập gia đình. Với sự thỏa thuận của Bộ Nội Vụ những quy chế sau đây được đưa ra:

1. Khi người xin đơn lập gia đình, đơn xin sẽ không còn giá trị.

2. Kể từ bây giờ những đơn mới sẽ không còn giá trị khi người xin đến tuổi trưởng thành. Để tránh mọi sự hiểu lầm, trong thơ trả lời đơn xin chúng tôi sẽ nhấn mạnh điều này.

3. Những đơn đã được chấp thuận: nếu người xin đơn nay đã trưởng thành, đơn này sẽ có giá trị đến 31.12.1989, cho đến ngày đó nếu thân nhân ở Việt Nam vẫn chưa có giấy xuất cảnh của Việt Nam, thì đơn sẽ bị bác bỏ.

Bộ Ngoại Giao đặc biệt lưu ý những vị đã có đơn được chấp thuận cho thân nhân mình ở Việt Nam biết những điều lệ mới này.

Thiện Tín phòng dịch.

Bonn, den 01.09.1989

Betr.: Indochinaflüchtlinge
hier: Aufnahmekriterien

Anlg.: - 1 -

Sehr geehrte Damen und Herren,

das Auswärtige Amt wäre dankbar, wenn in der von Ihnen herausgegebenen Informationsschrift bzw. in Ihren Gesprächen mit hier lebenden Indochinaflüchtlingen beigefügter Hinweis Verwendung finden würde.

Um ein Exemplar der Nummer mit Ihrer Veröffentlichung darf gebeten werden.

In Auftrag

(Dr. Günther)

I. In Laufe der letzten Jahre haben sich gewisse Änderungen bei den Kriterien für die Familienzusammenführung im Rahmen der Humanitären Hilfsaktion der Bundesrepublik Deutschland für Indochinaflüchtlinge ergeben. Im Sinne einer größeren Transparenz möchte das Auswärtige Amt den derzeitigen Stand der Kriterien mitteilen.

Die unten stehenden Kriterien 1 a-b und 2 a-b (Kernfamilie) betreffen die klassische Familienzusammenführung im Rahmen der Humanitären Hilfsaktion für Indochinaflüchtlinge; die Kriterien 1 c, 2 c-b und 3 betreffen sogenannte Härtefälle. Aus der Aufstellung ist ersichtlich, daß trotz der bekannten strengen Kriterien ein hoher Prozentsatz an Härtefällen aus Vietnam und aus den Lagern berücksichtigt werden kann. Auch in Zukunft kann die Aufnahme besonders gelagerter Einzelfälle unter dem Gesichtspunkt außergewöhnlicher Härte erwogen werden.

Voraussetzung einer Familienzusammenführung ist nach wie vor, daß ein Angehöriger sich bereits in der Bundesrepublik Deutschland befindet. Danach können folgende Personen - bei Vorlage einwandfreier Personenstandsurkunden und Unterlagen - in das Sonderprogramm für Indochinaflüchtlinge einbezogen werden:

1. Aus Vietnam und aus den Flüchtlingslagern

- minderjährige Kinder zu ihren Eltern und umgekehrt;
- Ehegatte zu Ehegatte;
- minderjährige Vollwaisen zu Geschwistern.

2. Aus den Flüchtlingslagern

- minderjährige Kinder zu ihren Eltern und umgekehrt;
- Ehegatte zu Ehegatte;
- minderjährige Vollwaisen zu Geschwistern;
- minderjährige Geschwister zu Geschwistern (Eltern noch in Vietnam);
- volljährige (bis 35 Jahre) ledige Kinder bzw. Geschwister zu Eltern bzw. Geschwistern;
- Eltern und Elternteile zu hier lebenden volljährigen Kindern;

- minderjährige Enkel/innen, Cousin/en und Neffen/Nichten zu hier lebenden Angehörigen;
- volljährige verheiratete Kinder/Geschwister zu hier lebenden Eltern/Geschwistern; eingeschlossen sind auch die mit ihnen in Lagern lebenden Ehegatten und Kinder. Aufnahmemöglichkeit für Personen unter Punkt h besteht ab 15.08.1989 für drei Jahre, sofern sie vor dem 14.03.1989 in den Flüchtlingslagern angekommen sind.

3. Personen, die nach dem 14.03.1989 in Lagern angekommen sind, können erst nach Anerkennung ihres Flüchtlingsstatus durch den UNHCR unter dem Aspekt einer Familienzusammenführung geprüft werden; wie bisher, käme eine Aufnahme lediglich für die unter 2 a-g genannten Gruppen in Betracht.

II. Das Auswärtige Amt möchte ferner auf folgendes hinweisen:

Nach den Kriterien für die Familienzusammenführung ist der Familiennachzug aus Vietnam zu in der Bundesrepublik Deutschland lebenden Kontingentflüchtlingen bekanntlich auf Ehegatten sowie minderjährige Kinder zu ihren Eltern und umgekehrt beschränkt. Andere Personen in Vietnam sind von Familiennachzug ausgeschlossen; Ausnahmen können in besonderen Härtefällen zugelassen werden.

Diese Regelung steht in Einklang mit den einwanderungs- und ausländerpolitischen Grundsätzen, die zwischen Bund und Ländern einvernehmlich festgelegt worden sind. Eltern von hier lebenden Kindern gehören daher nicht zum nachzugsberechtigten Personenzusammenhang. Dies gilt auch dann, wenn der Familiennachzug zu einem noch Minderjährigen bisher daran gescheitert war, daß Vietnam die Ausreise verweigert hat. Der Verlust des Nachzugsrechts durch Eintritt der Volljährigkeit des hier Lebenden ist unabhängig davon, ob die volljährig gewordene Person ledig oder verheiratet ist.

Das Auswärtige Amt hatte bisher aus humanitären Erwägungen die für Angehörige in Vietnam erteilten Aufnahmezusagen auch über den Eintritt der Volljährigkeit des hiesigen Antragstellers hinaus aufrechterhalten. Inzwischen hat sich die Haltung Vietnams gegenüber geflüchteten Staatsangehörigen aber offensichtlich geändert; Besuchsreisen sind möglich, Flüchtlinge aus den Lagern können in ihre Heimat zurückkehren. Im Hinblick auf die zunehmende Liberalisierung war deshalb 1989 Übergangsweise eine Rücknahme von Zusagen bei Heirat des hier Lebenden eingeführt worden. In Übereinstimmung mit dem Bundesminister des Innern gilt nunmehr folgende Regelung:

- bei Heirat des hier lebenden volljährig gewordenen Antragstellers werden die Aufnahmezusagen für seine Angehörigen in Vietnam zurückgenommen;
- ab sofort eingehende Neuanträge: Aufnahmezusagen werden in Zukunft zurückgenommen, sobald der hier lebende Antragsteller die Volljährigkeit erreicht hat. Da Mißverständnisse bei den Betroffenen auszuschließen, wird künftig bereits bei der Entscheidung über den Familiennachzug zu Minderjährigen auf die Rechtsfolge der Volljährigkeit hingewiesen;
- in der Vergangenheit zugewiesene Aufnahmezusagen: ist der hier lebende Antragsteller inzwischen volljährig geworden, so bleiben die Aufnahmezusagen bis 31.12.1989 aufrechterhalten. Angehörige in Vietnam, die bis zu diesem Datum die Ausreisegenehmigung der vietnamesischen Behörden erhalten, können auf ihre alten Zusagen hier einreisen. Liegt bis zum 31.12.1989 keine vietnamesische Ausreisegenehmigung vor, sind die Zusagen verfallen.

Das Auswärtige Amt empfiehlt allen Flüchtlingen, ihre Angehörigen in Vietnam, die im Besitz von Aufnahmezusagen sind, von dieser Regelung zu unterrichten.

TIN PHẬT SỰ NGOÀI TÂY ĐỨC

Thượng Tọa Thích Đức Nhuận và Đại Đức Thích Tuệ Sĩ

Trong thời gian gần đây các chùa tại Ngoại quốc đã nhận được tin tức của Thượng Tọa Thích Đức Nhuận và Đại Đức Thích Tuệ Sĩ từ trong nước gởi ra qua thư từ và băng cassette. Được biết tình trạng của quý Thầy trong hiện tại rất khó khăn và quý Thầy đã nhờ chư Tăng cũng như quý Đạo Hữu Phật Tử xa gần ở ngoại quốc gia tâm hỗ trợ cho. Có lẽ sợ bị kiểm duyệt nên quý Thầy không nói rõ. Tuy nhiên chỉ chừng đó cũng có thể cho chúng ta hiểu rằng cộng sản Việt Nam trong hiện tại vẫn chưa có gì thay đổi cả và bản án 20 năm tù của ĐĐ. Thích Tuệ Sĩ và ĐĐ. Thích Trí Siêu vẫn còn treo lơ lửng chưa giải quyết. Vì thế mong rằng các giáo hội Phật Giáo tại ngoại quốc sẽ gia tâm can thiệp vấn đề này để quý Thầy được trở về với chùa chiền và Giáo Hội.

Lễ Vu Lan tại Chùa Phổ Đà Marseille

Ngày 20.8.89 vừa qua, chùa Phổ Đà tại Marseille đã cử hành Đại Lễ Vu Lan tại khuôn viên chùa, tọa lạc ở quận 15, thành phố Marseille.

Buổi lễ bắt đầu vào lúc 10 giờ sáng, với đầy đủ các nghi thức tụng niệm do Ni Sư trụ trì Thích Nữ Như Tuấn chủ lễ, và dưới sự chứng minh của Đại Đức Thích Giác Đăng đang trên đường công tác Phật sự tại Âu Châu. Đại Lễ Vu Lan năm nay tại Phổ Đà Ni Tự đã qui tụ hơn 100 Phật Tử cư ngụ tại Marseille và các vùng phụ cận.

Sau phần thọ trai, vào lúc 2 giờ chiều, chư Phật Tử đã hoan hỷ tham dự buổi thuyết pháp của Đại Đức Thích Giác Đăng với đề tài "Ý nghĩa của ngày Lễ Vu Lan đối với người Phật Tử". Đặc biệt, Đại Đức đã đưa ra một đề nghị nhằm mục đích cá biệt hóa ngày Đại Lễ Vu Lan. Theo Đại Đức, hàng năm cứ đến ngày Lễ Giáng Sinh là người tín đồ Thiên Chúa Giáo lại làm cây Noel và hang đá, như một biểu tượng cho ngày Chúa ra đời, thì tại sao người Phật Tử chúng ta lại không tìm ra một phương thức nào đó để tạo cho ngày Đại Lễ Vu Lan có những nét cá biệt, đặc thù so với những ngày lễ khác trong năm. Đại Đức đề nghị, hàng năm cứ đến mùa Vu Lan, mỗi gia đình nên quét dọn nhà cửa cho sạch sẽ, gọn gàng; lau chùi và trang hoàng bàn thờ cho đẹp để trang nghiêm. Đến ngày lễ, con cháu tụ họp đông đủ, quý ông bà cha mẹ để tỏ lòng biết ơn công sinh thành dưỡng dục. Đề nghị này của Đại Đức Thích Giác Đăng đã được hầu hết chư Phật Tử hiện diện trong buổi thuyết pháp tán thành nhiệt liệt. Chắc chắn là trong mùa Vu Lan sang năm, đề nghị này sẽ bắt đầu được thực hiện.

Sau buổi thuyết pháp, là phần nghi lễ Công phu thí thực các vong linh, cũng là phần chốt của chương trình, được chấm dứt vào lúc 5 giờ chiều cùng ngày. Được biết, trong suốt tuần lễ tiếp theo, mỗi ngày Ni Sư trụ trì Thích Nữ Như Tuấn đều tụng kinh cầu siêu cho chư hương linh được thờ tại chùa.

Ban thông tin PĐNT

Chùa Quan Âm Canada

Thế theo lời mời của Ban Trị sự và Đại Đức Thích Minh Thông, trụ trì chùa Quan Âm, T.T. Thích Như Điển đã đến Mont-

réal từ ngày 24 tháng 8 đến 6 tháng 9 năm 1989.

Vào ngày 26 tháng 8 năm 89 T.T. Thích Như Điển đã tham gia lễ bế giảng lớp Việt Ngữ Quan Âm, qui tụ khoảng 270 học sinh và gần 30 Thầy Cô giáo làm việc thiện nguyện. Khóa học đã đạt được nhiều thành quả tốt đẹp sau 4 năm đào tạo mầm non của Dân Tộc và Đạo Pháp.

Ngày 27 tháng 8 có buổi lễ Phật định kỳ và nhân cơ hội này chùa Quan Âm đã phát động một chương trình vận động xây hậu tố, tăng phòng cũng như lớp học Việt Ngữ. Kết quả thật khả quan và rất đáng khích lệ. Được biết năm 85 chùa Quan Âm đã xây xong Chánh Điện và phòng đa dụng, phí tổn tổng cộng là 170.000 đô la Canada; và cho đến tháng 8 năm 89 vừa qua chùa đã trả xong nợ cho ngân hàng. Đó là một điều đáng mừng.

Từ 29 đến 31 tháng 8 năm 89 một khóa học Phật pháp ngắn hạn dành cho các Phật Tử tại gia dưới sự hướng dẫn của T.T. Thích Như Điển đã được tổ chức tại chùa Quan Âm và có khoảng 70 học viên tham dự khóa này. Lần này các Phật Tử đã học về các tông phái Phật Giáo của Trung Hoa; đặc biệt về Duy Thức tôn đã có nhiều học viên hâm mộ.

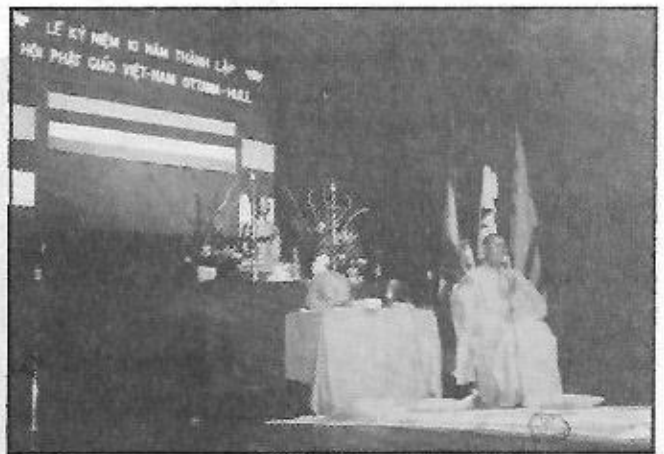
Chùa Từ Ân OTTAWA-Canada

Mới đó mà chùa Từ Ân tại Canada đã sinh hoạt đúng 10 năm và nhân cơ hội này Hội Phật Giáo tại đây đã mời T.T. Thích Như Điển sang Canada để chứng minh buổi lễ này vào ngày 3 tháng 9 năm 1989 vừa qua. Vì trước đây 10 năm, T.T. Thích Như Điển đã có lần giúp đỡ ý kiến cho việc thành lập Hội PGVN tại Ottawa-Hull; nên Ban Trị Sự muốn có sự hiện diện của Thượng Tọa, để buổi lễ thêm phần ý nghĩa hơn.

Buổi lễ và đêm văn nghệ kỷ niệm qui tụ khoảng 800 người. Có ông bà Đại Sư Tích Lan đến chúc mừng và có sự tham dự của cụ Nhân, cụ Hồng và cụ Như là những vị cựu Hội Trưởng tiền nhiệm.



Ông Đại Sư Tích Lan và Ban Trị Sự Chùa Từ Ân Ottawa-Canada



TIN PHẬT SỰ TẠI TÂY ĐỨC

Đại Lễ Vu Lan

Đại Lễ Vu Lan năm nay (2533-1989) chùa Viên Giác tổ chức tại Hannover từ 18 đến 20 tháng 8 năm 1989 vừa qua dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Thiên Định, Viện Chủ chùa Pháp Hoa Marseille cũng như chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni tại Đức, Na Uy và Hòa Lan. Ngoài chư Tăng Ni trong Chi Bộ PGVN tại Tây Đức ra còn có quý Sư Tây Tạng và quý Sư người Đức. Đại Đức Thích Trí Minh đến từ Na Uy, Đại Đức Thích Minh Giác đến từ Hòa Lan cũng đã tham gia và chứng minh Đại Lễ này.

Suốt 2 ngày Đại Lễ, qua các buổi nói chuyện của ông Dr. Bùi Hạnh Nghi về nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, buổi nói chuyện của Sư Huỳnh Hà Đâu Đồng về niềm tin tôn giáo, các buổi lễ quy y, nghe giảng, đêm văn nghệ và tham gia Đại Lễ, số người tham dự lên đến khoảng 1.500 người. Đây là lễ Vu Lan đầu tiên có số người tham dự cao như thế.

Lễ Phật tại Frankfurt

Vào lúc 10 giờ sáng ngày 9 tháng 9 năm 1989 vừa qua hai Chi Hội PTVNTN tại Wiesbaden và Frankfurt đã tổ chức một buổi lễ Phật cầu an cho các Phật Tử quanh vùng dưới sự chứng minh của T.T.Thích Như Điển và có khoảng 70 Phật Tử hiện diện. Sau phần

nghe lễ và thọ trai là phần thuyết giảng về một trong bốn chỗ động tâm nơi Đức Phật thành đạo. Sau phần thuyết giảng là phần họp Ban Chấp Hành của 2 Chi Hội để tường trình một số công việc Phật sự tại địa phương cũng như dự định chương trình làm việc cho thời gian tới.

Cầu An tại Muenster

Thế theo lời mời của Ban Chấp Hành Chi Hội Phật Tử Việt Nam ty nạn Muenster, Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, Trụ Trì Báo Quang Ni Tự Hamburg vào ngày 10.9.89, đã đến Muenster chủ trì buổi lễ cầu



Chư Tăng chứng minh Đại Lễ Vu Lan 2533



Buổi nói chuyện của Sư Huỳnh Hà Đâu Đồng tại Chùa Viên Giác



Chư Phật Tử cúng dường lễ Trai Tăng



Chư Phật Tử tham dự Đại Lễ

an cho các Phật Tử địa phương và các vùng lân cận.

Buổi lễ bắt đầu vào lúc 10g30 sau phần giới thiệu và chào mừng của ông Chi Hội Trưởng, kế đến là lễ cầu an cho Cụ Hà Tổng Giang (đương thọ 80 tuổi) nhưn ngày sinh nhật của ông.

Đến 12 giờ, nghỉ giải lao và ngộ trai. Kế đến các Phật Tử xem chiếu phim Video về buổi văn nghệ cúng dường đại lễ Vu Lan ở Hamburg và phim Thiên Viện Thường Chiếu.

Sau phần chiếu phim, Ni Sư thuyết pháp và giảng dạy cho các Phật Tử cách ngồi thiền và nghi lễ Phật giáo.

Buổi lễ kết thúc vào lúc 17 giờ sau tiệc trà thân mật. Có 2 vị đại diện Hội Từ Thiện Caritas, Sư Huynh Hà Đậu Đồng, ông Chủ tịch Cộng đồng Công giáo và đông đảo Phật Tử và bà Lenz (Phật Tử Đức) tham dự.

Lớp Học Thiền Cho Học Sinh Đức

Vào ngày 15 và 28 tháng 9 vừa qua tại chùa Viên Giác có tổ chức 2 buổi học thiền cho các học sinh người Đức lớp 10 và lớp 12 đến từ Hannover và Oldenburg. Lớp học được hướng dẫn bởi T.T.Thích Như Điển, Chú Thiện Tín và ĐH. Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp.

Cũng như những lần trước, sau phần nghe kinh Bát Nhã, các học sinh Đức được nghe T.T. Thích Như Điển giảng về Thiền và sau giờ giảng là giờ thực tập thiền định trong 15 phút. Sau khi thực tập thiền, T.T. giảng qua về giáo lý căn bản của Đạo Phật và cuối cùng là giờ đặt câu hỏi của các học sinh Đức.

Sau 2 tiếng đồng hồ học hỏi là giờ cơm trưa và những học sinh Đức cũng đã học hỏi trong cách xử dụng đũa, trong khi dùng cơm như người Á Đông chúng ta. Tất cả đều mới lạ đối với một số học sinh Đức; nhưng tất cả đều rất hài lòng cho những gì đã học hỏi được.

Trung Thu tại Hannover

Cứ mỗi năm đến rằm tháng 8 là ngày Tết của Nhi Đồng. Trung Tâm Văn Hóa, Chi Hội PTVN tại Hannover và Gia Đình PT Tâm Minh không quên điều đó; nên năm nay đã tổ chức tại chùa Viên Giác vào lúc 16 giờ ngày 16 tháng 9 năm 1989 vừa qua để mừng lễ trên. Buổi lễ có 2 phần: Múa lân và rước đèn. Phần đầu có sự tham dự của T.T. cố vấn giáo hạnh, ĐH. Thị Tâm Ngô văn Phát Hội Trưởng Hội PTVNIN tại Tây Đức, ĐH. Minh Tôn Nguyễn văn Phong Chi Hội Trưởng CHPTVNIN tại Hannover và quý phụ huynh cũng như các em thiếu nhi. Phần 2 vừa múa lân vừa rước đèn. Ngoài lân mẹ ra còn có lân con cũng được các em cũng như phụ huynh hoan hô nồng nhiệt.

Thọ Bát Quan Trai

Phật chế giới bát quan trai một ngày một đêm cho Phật Tử tại gia hành trì, học hạnh của người xuất gia và trong thời gian qua từ 23 đến 24 tháng 9 Chi Hội PTVNIN tại Berlin đã tổ chức cho 27 Đạo Hữu và Huynh Trưởng cũng như Đoàn Sinh GDPT Chánh Niệm tham dự.



Buổi lễ Phật cầu an tại Muenster dưới sự chứng minh của Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm

T.T. Thích Như Điển đã hướng dẫn khóa tu này và đã thuyết giảng về đề tài Bát Quan Trai giới cho các giới tử thọ giới.

Cầu Nguyện tại Nuernberg

Chi Hội PTVNIN tại 3 vùng Erlangen + Fuerth và Nuernberg đã tổ chức một buổi lễ cầu an vào lúc 11 giờ ngày 1 tháng 10 năm 1989 dưới sự chứng minh của T.T. Thích Như Điển.

Tháp tùng theo T.T. kỳ này có các anh Huynh Trưởng Thị Lộc Võ văn Mai và HT. Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp trong Ban Huynh Trưởng Trung Ương về Nuernberg để tham gia lễ Phật và thăm viếng các Đoàn Sinh của GDPT Chánh Dũng.

Sau phần thuyết giảng của T.T., Huynh Trưởng Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp đã trình bày một đề tài tương đối khá thiết thực. Đó là "Làm Tôn giáo và Văn hóa có phải làm chính trị không?". Bài thuyết trình đã được phụ huynh và các đoàn sinh lưu tâm cũng như đóng góp ý kiến cho sự lớn mạnh của GDPTVN tại Tây Đức.

Sau phần ngộ trai là buổi họp của Ban Chấp Hành Chi Hội 3 vùng; trong khi đó Huynh Trưởng Thị Lộc Võ văn Mai và HT. Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp sinh hoạt cũng như trao đổi kinh nghiệm với Ban Huynh Trưởng và đoàn sinh của GDPT Chánh Dũng.

Sau cùng là bổ khuyết thành phần BHT của GDPT Chánh Dũng dưới sự chứng minh của T.T. cố vấn giáo hạnh gồm có những anh chị em như sau: Thiện Nguyễn Lý Hùng Sơn - Liên Đoàn Phó; Nguyễn thị Yến - Đoàn Trưởng ngành Thiếu Nữ; Đức Tín Hồ Trung-Đoàn Trưởng ngành Thiếu Nam; Từ Đường Hồ Thị Kim Hiếu- Đoàn Phó Thiếu Nữ đặc trách Oanh Vũ.

Gia Đình Phật Tử

Trong sự lớn mạnh và phát triển GDPTVN tại Tây Đức, Ban Huynh Trưởng Trung Ương vẫn luôn luôn đi sát với sự trưởng thành này. Nơi nào đã có GDPT, BHT Trung Ương sẽ lui tới thường xuyên để trao đổi kinh nghiệm

với BHT địa phương và các đoàn sinh. Nơi nào chưa có, BHT Trung Ương sẽ đến đó để thăm viếng và tạo môi trường tốt cho các em sinh hoạt. Vì thế vào ngày 7 tháng 10 vừa qua, tại Bảo Quang Ni tự, dưới sự chủ trì của Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, các anh chị trong BHT Trung Ương đã về đây sinh hoạt với các em và trao đổi những kinh nghiệm để mong rằng trong tương lai gần tại Hamburg sẽ có một GDPT thực thụ.

Múa Lân

Nhằm trao đổi cũng như giới thiệu văn hóa của Việt Nam đến cho người Đức; nên vào ngày 7 tháng 10 vừa qua đội lân và đội vũ của GDPT Tâm Minh đã đến Goettingen để trình diễn những điệu vũ dân tộc và các màn múa lân đặc sắc nhân một buổi lễ hằng năm tại thành phố này tổ chức.

Lễ Phật tại Freiburg

Ngày 7 và ngày 8 tháng 9 Chi Hội PTVNIN tại Freiburg và Ban Liên Lạc PTVNIN tại Karlsruhe đã tổ chức 2 buổi lễ Phật cho bà con Phật Tử quanh vùng. Hai buổi lễ tại 2 nơi trên đều đặt dưới sự hướng dẫn của T.T. Thích Như Điển và có sự tham gia khá đông đủ của bà con Phật Tử quanh vùng.

CHPT tại Muenster

Hằng năm Chi Hội PTVNIN tại Muenster vẫn thường tổ chức những buổi lễ Phật và học hỏi giáo lý để bà con Phật Tử quanh vùng có cơ hội đến lễ bái cũng như nghe pháp. Và mỗi lần như thế đều có Thầy hoặc Ni Sư về hướng dẫn. Trong trường hợp không có, các Phật Tử cũng tự động làm lễ và ngồi lại với nhau để bàn bạc giáo lý và công việc Phật sự.

Vào ngày 14 tháng 10 vừa qua tại đây cũng đã tổ chức một buổi lễ Phật dưới sự chứng minh của T.T. Thích Như Điển và đã có rất đông Phật Tử quanh vùng về tham dự.

DIỄN TIẾN VIỆC XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(tiếp theo)

Ở Âu Châu, đặc biệt tại Đức năm nay có mùa hè kéo dài trong 5 tháng; bắt đầu từ tháng 5 cho đến hết tháng 9. Mọi người Việt ở đây đều rất hài lòng cho thời tiết của năm nay.

Một điều đặc biệt khác nữa là suốt 10 năm qua chùa Viên Giác tổ chức lễ Phật Đản hoặc Vu Lan đều bị mưa, chỉ có năm nay là không mưa và bầu trời trong những ngày lễ rất tốt. Có lẽ đó cũng là một điềm lành. Mà tốt hơn nữa là chùa đổ bê tông móng, sàn, cột v.v... đều nằm trong mùa hè đặc biệt này. Hy vọng với ngoại cảnh tốt đẹp đó, chùa Viên Giác sẽ vững chắc hơn.

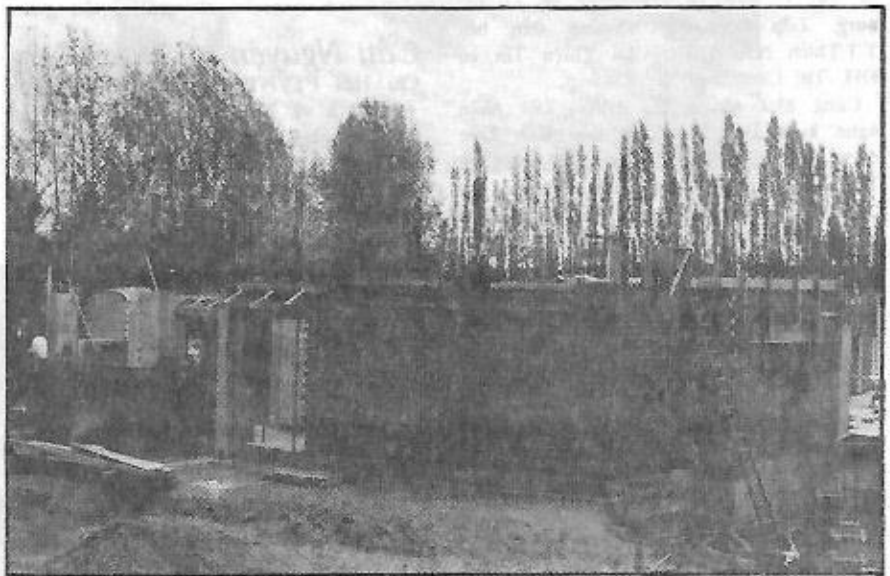
Như tất cả quý vị đều biết qua 2 kỳ báo Viên Giác vừa qua về diễn tiến xây chùa. Hôm nay chúng tôi xin tường thuật tiếp những công việc đã xây cất được. Kể cho đến bây giờ sau 5 tháng xây cất, chùa đã thực hiện xong được 1 tầng hầm của dòng đường và các anh em Phật Tử chuyên về điện đã đến làm công quả bắt điện gần xong tầng này. Phần chánh điện gồm có 2 tầng. Tầng dưới dùng làm hội trường và nơi sinh hoạt. Tầng trên dùng làm nơi thờ Phật và lễ bái. Cho đến hôm nay (3.10.89) hãng thầu đã xây xong nền móng, trụ cột và gần 4 bức tường của tầng trệt này. Thợ sắt và thợ đổ bê tông đang lo cho việc đổ sàn của chánh điện.

Bất cứ Phật Tử nào về chùa lễ Phật, ghé qua chùa mới để xem cũng đều trầm trồ rằng: "người Đức xây kỹ quá". Mà quả thật thế, nhìn những cây đà gác ngang qua chánh điện chiều dài 25 m; 20 m với khoảng 18 đến 20 cây sắt to chen chúc vào nhau để gánh chịu với một diện tích chánh điện rộng rãi như thế, ai cũng hài lòng. Chiều dài của chánh điện là 30 m và chiều ngang chỗ lớn nhất là 25 m, chỗ nhỏ nhất là 15 m. Với 2 tầng cả chánh điện và hội trường khi xây xong, số người dung chứa có thể lên đến trên dưới 1.000 người. Cho đến cuối tháng 12, nếu thời tiết không có gì thay đổi, hy vọng các trụ cột của tầng trên chánh điện sẽ được đổ lên thẳng đến nóc chùa.

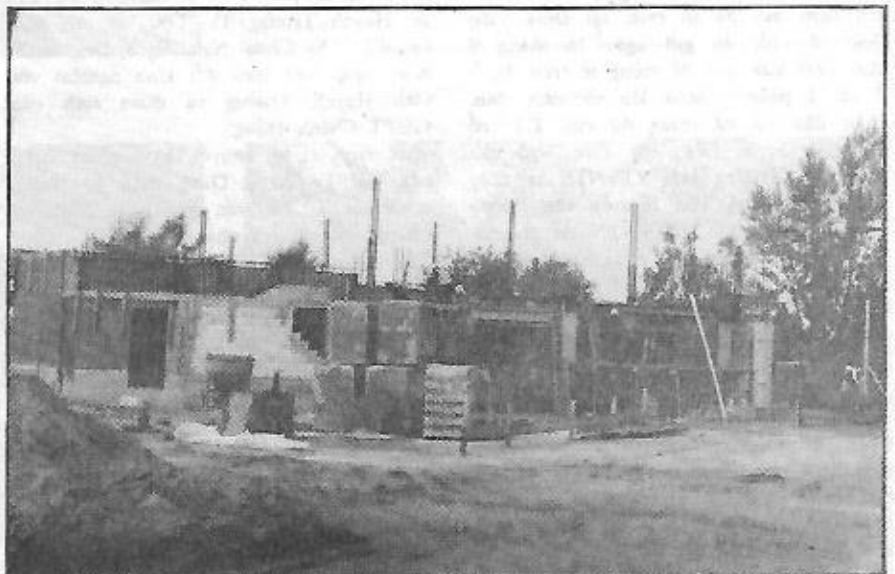
Sau khi khảo giá 7 hãng thầu, chùa đã nhận hàng thầu của ông Mehmel, là một hãng tương đối có tiếng tại Hannover và tương đối những điều kiện của chùa đưa ra cũng như của hãng ông ta đều đáp ứng thỏa đáng cả. Do đó việc xây cất cho đến nay vẫn tiến hành một cách đều đặn. Sự cách biệt của sự đầu giá giữa các hãng thầu với nhau là 1 triệu DM. Hãng đầu cho đầu giá 1 triệu 800 ngàn; hãng cuối là 2 triệu 800 ngàn. Cuối cùng chùa lấy hãng 2 triệu của ông Mehmel; và đợt đầu cho đến

tháng 5 năm 90 chùa phải trả xong 1 triệu 400 ngàn DM để sau đó còn tiếp tục đợt 2.

Làm bất cứ một việc to lớn nào, dĩ nhiên cần phải có những sự đóng góp từ bàn tay, khối óc cũng như tài và vật lực của tất cả mọi người. Vì thế chúng tôi mong rằng sự thành công của chùa Viên Giác cũng là sự thành công chung của người Việt - Phật Tử cũng như không Phật Tử, ở xứ Đức nói riêng và khắp nơi trên thế giới nói chung. Vì thế chúng tôi tha thiết kêu gọi quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần tiếp tục hỗ trợ cho đại sự này được thành công viên mãn qua việc cho mượn hội thiện không lời, cúng dường định kỳ xây chùa hàng tháng, hay hỷ cúng bất định kỳ v.v... tất cả đều cho một việc chung. Đó là việc xây dựng ngôi chùa Viên Giác. Hy vọng sẽ có nhiều Đạo Hữu Phật Tử tiếp tay hơn nữa.



Chánh điện nhìn từ phía trước. (Hình chụp ngày 18.10.1989)



Chánh điện nhìn từ phía hông mặt.

(còn tiếp)

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa
VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến
nhà Bank của Quý vị làm đơn
chuyển tịnh tài theo lối:

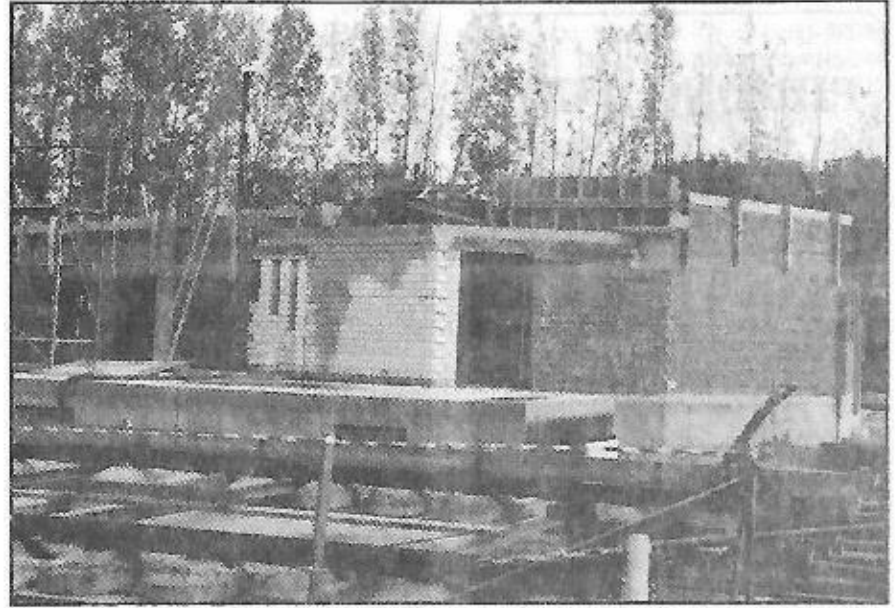
DAUERAUFTRAG

vào trường mục của Chùa
như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.



Chánh điện nhìn từ phía hông trái.

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ :

- Đức Ông P. Trần Văn Hoài
 - Linh mục Tuyên Úy A. Huỳnh Văn Lộ
 - Linh mục V. Trần Văn Bằng
 - Thượng Tọa Thích Như Điển
 - Các nữ tu dòng Mến Thánh Giá Phú Cam tại Strassburg.
 - Liên Hội NVTN tại CHLBĐ
 - Mặt Trận OGTNGPVN tại CHLBĐ
 - Tòa Soạn Độc Lập
 - Trung Tâm Độc Lập
 - Tòa Soạn Măng Non
 - Trung Tâm ViDi
 - Hội NVTN tại Frankfurt và VPC
 - Cộng Đoàn Công Giáo tại Frankfurt
 - Chi Hội Phật Tử VNTN tại Frankfurt
 - Chi Bộ Mê Linh thuộc MTQGTNGPVN tại Frankfurt và Wiesbaden
 - Nhóm - Ban Biên Tập Hướng Việt
 - Hướng Đạo VN/ Liên Đoàn Hùng Vương tại Frankfurt
- cùng thân bằng quyến thuộc xa gần đã chia buồn, phúng điếu và hiệp
ý cầu nguyện cho Thân Mẫu, Nhạc Mẫu, Bà Ngoại, Cô Ngoại chúng
tôi là :

Cụ Bà Madalena **UNG TRẠO**

sớm về nơi vĩnh phúc. Tang gia đồng cảm tạ

GD. Bùi Hạnh Nghi

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Cụ Ông **CAO VĂN SỬ**

là thân phụ của Đạo Hữu
Nguyễn Tổ Nga và Nhạc Phụ
của Đạo Hữu Võ Toàn Trung
Hamburg vừa thất lộc ngày
22.8.89 tại Việt Nam. Hưởng
Thọ 68 tuổi.

Xin nguyện cầu hương linh
Cụ được siêu sanh miền Cực
Lạc và thành kính chia buồn
cùng tang quyến.

* Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa
Bảo Quang

* Chi Hội Phật Tử VNTNCS
tại Hamburg.

PHÂN ƯU

Chúng tôi được tin trê

Ông **NGUYỄN THẮNG**

là thân phụ anh Nguyễn Chúc,
và là nhạc phụ chị Vũ Thị
Bích Nga đã tạ thế ngày 26.6.
1989 tại Tuy Hòa, Việt Nam
Hưởng thọ 66 tuổi. Nguyễn
cầu hương linh Cụ sớm về cõi
Phật.

* Chi Hội Phật Tử VNTN
Reutlingen & VPC.

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

Tính đến ngày 2.10.1989

Tam Bảo

ĐH Hà Thị Hai (G'marienhuetten) 100DM.
ĐH Như Thân Hà Phước Nhuận (Hannover) 50DM. ĐH Thiện Sơn Nguyễn Thị Giang (Augsburg) 200DM. ĐH Nguyễn Thị Trung Tuệ (*) 50DM. ĐH Trương Iệ Nga (Áo) 1.000Schl. ĐH Nguyễn Thị Mai (*) 200Schl. ĐH Quan Ngọc Sim (Danmark) 30DM. ĐH Cao Chí Thuận (Kortal) 50DM. ĐH Ấn danh (Schoerndorf) 20DM. ĐH Từ Minh Lê Thị Ngọc (Saarbruecken) 30DM. Chùa Tây Tạng (Hamburg) 100DM. ĐH Ấn danh (Pháp) 15DM. ĐH San Dương Cun (Reutlingen) 300DM. ĐH Ấn danh (Saarbruecken) 20DM. ĐH Phạm Phương (Langen) 50DM. ĐH Phạm Đăng Anh Tuấn (Kassel) 300DM. HHHHLĐH Trang Thị Nhung. ĐH Du F. Tung (Loerrach) 50DM. ĐH Đỗ Trinh (Aalen) 50DM. ĐH Lê Văn Trường (Karlsruhe) 50DM. ĐH Đặng Thị Xứng (Saarbruecken) 50DM. ĐH Chí Tâm (Pháp) 100DM. ĐH Hồ Thị Dung (Holland) 50Guld. ĐH Phạm Nhân (Berlin) 100DM. Frau Hoffmann (Hannover) 10DM. ĐH Huỳnh Tường Hoan (Berlin) 100DM. ĐH Lai Ngọc (M'gladbach) 50DM. ĐH Võ Văn Tâm (Rheine) 100DM. ĐH Kim Tang (Lucneburg) 100DM. ĐH Huỳnh Khiết Ngọc (*) 50DM. ĐH Nguyễn Lệ Anh (Saarbruecken) 50DM. ĐH Nguyễn Lệ Tuyết (*) 50DM. ĐH Dương Thị Ân (*) 20DM. ĐH Diệu Đắc (Hamburg) 20DM. ĐH Trần Quang Trung (Oberhausen) 20DM. ĐH Huỳnh Thanh Bình (Goettingen) 20DM. ĐH Vương Tuyết Băng & Văn (*) 20DM. ĐH Cẩm Steiner (Ludwigham) 10DM. ĐH Nguyễn Xuân Quang (Guctersloh) 50DM. ĐH Diệu Viên (Holland) 7DM + 15Guld. ĐH Tạ Thị Y (Weil am Rheine) 40DM. ĐH Đặng Tú Trần (Nienburg) 20DM. China Restaurant Pazific (Sulingen) 100DM. ĐH Lâm Quách Chu & Quách Bích Huệ 100DM. Fam. Sandig 20DM. ĐH Trịnh Văn Thu (D'dorf) 100DM. Cô Tâm Quảng (Hannover) 100DM. Cô Diệu Hiếu (*) 100DM. ĐH Tang Kai Ming (*) 50DM. China Restaurant Lê Hà (Salzbach) 100DM. ĐH Nguyễn Hùng Cường (Oberhausen) 20DM. ĐH Cao Xuân Mai (USA) 50DM. ĐH Thái Bình 50DM. ĐH Huỳnh Denis (T.Si) 50FS. ĐH Đào Kim Thúy

(Saarlouis) 50DM. ĐH Thiện Nam (Kreuth) 10DM. ĐH Lý Xương Huỳnh (Muenster) 20DM. ĐH Dương Đoàn Thanh (Schwettingen) 100DM. ĐH Đỗ Thị Minh Nguyệt (T.Si) 10FS. ĐH Trần Văn Thâm (Holland) 15Guld. ĐH Phạm Văn Thành (Laatzen) 200DM. HHHHL. Phạm Văn Tợ. Fam. Trần Lưu (Neumuenster) 50DM. ĐH Hồ Thị Mai (Pháp) 100FF. ĐH Po Wing Mok (Berlin) 100DM. Cô Diệu Thái (Laatzen) 100DM. ĐH Nam Huy (Pháp) 50DM. ĐH Dương Mộc Vinh 10DM. ĐH Triệu Thành, Thiện An, Thiện Lạc (Hannover) 200 DM. ĐH Lâm Muội (*) 20DM. ĐH Tou Tou 30DM. ĐH Lê Thị Lan 10DM. ĐH Kỳ Cang (Laatzen) 20DM. ĐH Nguyễn Trọng Phu (Canada) 30Can. ĐH Tâm Anh (*) 100Can. ĐH Đào (*) 20Can. ĐH Thiện An & Chí Pháp (*) 200US. ĐH Paul Taran & Nguyễn Mai Phương (*) 30Can. ĐH Minh Tâm (2) 20Can. ĐH Ấn danh (*) 50Can. ĐH Từ Thị Sang (*) 50Can. ĐH Nguyễn Bình Tuyên (*) 50Can. ĐH Hứa Tú Mẫn (*) 20Can. ĐH Nguyễn Tây Sơn (*) 50Can. ĐH Đỗ Thị Minh Nguyệt (*) 100Can. Quý ĐH & PT khóa giáo lý tháng 10 (*) 290Can. ĐH Minh Tâm & Chí Nghĩa (*) 100Can. ĐH Ấn danh (*) 40Can. ĐH Tâm Từ (*) 20Can. ĐH Vũ Văn Vy (*) 20Can. PT thợ bát quan trai chùa Từ An Ottawa (*) 300Can. ĐH Diệu Hòa (*) 50Can. ĐH Trần Văn Đức (*) 20Can. Hội. PG chùa Quan Am (*) 850Can. ĐH Nguyễn Thị Vê (D'dorf) 50DM. ĐH L'homme Trần & Thị Hoa (Pháp) 700FF. ĐH Udo Classen 30DM. ĐH Lâm Chí Hằng (Dillingen) 20DM. ĐH Huệ Lạc (Berlin) 200DM. HHHHLĐH Cao Văn Tân ĐH Lương Ngọc Dân (Hamburg) 50DM. ĐH Giang Phước Lợi (Muenchen) 220DM. ĐH Hoàng Tôn Long (Frankfurt) 20DM. ĐH Ấn danh (Wiesbaden) 50DM. ĐH Tường Thị Lành

(*) 50DM. ĐH Huỳnh Thị Xuân Hương (*) 20DM. ĐH Võ Thị Mỹ (*) 30DM. ĐH Phan Thị Lý (*) 20DM. ĐH Nguyễn Ngọc Châu (*) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Liễu 50DM. ĐH Trần Thị Hương 100DM. ĐH Phương Thị Đại (Klein Ostheim) 50DM. ĐH Nông Ngọc Vinh (Babenhausen) 20DM. ĐH Văn Huy Quang (GM-Huetten) 20DM. ĐH Mai Kim Mỹ (*) 20DM. ĐH Quan Ngọc Siêu (Danmark) 100DM. HHHHLĐH Quan Cẩm Phi. ĐH Đỗ Trinh (Aalen) 30DM. Cô Diệu Thái (Laatzen) 100DM. ĐH Minh Thanh (*) 50Guld. ĐH Hoàng Khôi (Úc) 50 Úckim. HHHHLĐH Nhật Mậu. ĐH Le Nicole (Kaiserlautern) 150DM. ĐH Eliane Hilaire (*) 100DM. ĐH Reiland Ludwig (Hannover) 20DM. Trường Trung Học Hombuch (Hannover) 50DM. ĐH Tô Khải Đức (Schweinfurt) 20DM. GĐĐH Thiện Ý & Quảng Niệm (Hannover) 200DM. HHHHLĐH Nguyễn Thị Diệu Pd Thị Thiên. Bác Nguyễn Lưu (Pháp) 1.000FF. ĐH Thiện Hải Trần Thu Hà (Hamburg) 30DM. ĐH Theo Bischoff (Oberur) 50DM. ĐH Đỗ Thuận Phát (Hannover) 200DM. HHHHL. nội tổ. ĐH Kang Quay & Lim Leng (Muenchen) 200DM. ĐH Tô Thị Loan (Bergkamen) 30DM. ĐH Dr. Med. R. Luedemann (Bremen) 50DM. GĐĐH Nguyễn Thị Hiền (Loerrack) 100FS + 25Guld. ĐH Liu Bắc Sang (Fuerth) 20DM. ĐH Trương Lệ Nga (Áo) 50US. ĐH Trần Thiên Thảo (Paderborn) 200DM. HHHHLĐH Trang Thị Hồng Nhung tuần chầu thất. ĐH Huỳnh Thị Cờn (Pháp) 200FF. ĐH Võ Linh Lực (Berlin) 50DM. ĐH Tôn Thất Thị Hiền (*) 50DM. ĐH Ngọc Đăng Nguyễn Thị Tâm (*) 100DM. ĐH Diệu Thủy (*) 100DM. ĐH Lưu Kim Thanh (*) 150DM. HHHHLĐH Lưu Văn Khánh. ĐH Diệu Bích (*) 200DM. HHHHLPT Lư Minh. Quý ĐH và PT Berlin 400DM. ĐH Nguyễn Thị Liên (Aschaffenburg) 20DM. ĐH Huỳnh Gia Xung 20DM. ĐH Trương Định Cầm 20DM. ĐH Huỳnh 20DM. ĐH Diệu Thiện (Hamburg) 50DM. ĐH Mai Hoàng Thiện (Kocin) 50DM. ĐH Diệu Đạo (Hamburg) 20DM. ĐH Hoàng Quốc Luân (Oberhausen) 40DM. ĐH Trần Thị Minh Nguyệt (Duisburg) 20DM. ĐH Đặng Quyền Chính 20DM. ĐH Hoàng (Leer) 20DM. Cô Diệu Niên (Hannover) 50DM. Cô Diệu Thái (*) 50DM. Cô Tâm Quảng (*) 50DM. ĐH Nguyễn & Trần 10DM. ĐH Văn Đoàn (Hannover) 10DM. ĐH Hứa Văn Mộc (Darmstadt) 20DM. ĐH Tăng Ngọc Trinh 20DM. ĐH Đỗ Thị Minh Nguyệt (T.Si) 10FS. Herr Steinmann (Hannover) 60DM. ĐH Đỗ Hữu Ái (Oberhausen) 20DM. Caecilien Schule (Oldenburg) 90DM. ĐH Phạm Thị Chuyển (Úc) 30 Úckim. ĐH Thiện Tấn Vũ Quang Tú & Thiện Hạnh Nguyễn Thị Hiền (Seelze) 300DM. ĐH Diệu Phát Giang Lăng Muối (Nuernberg) 10DM. CHPTVTTN tại Fuerth + Erlangen + Nuernberg 100DM. ĐH Diệu Hương (Erlangen) 100DM. ĐH Văn (*) 100DM. ĐH Diệu Thiện (*) 100DM. ĐH Diệu Tịnh (Fuerth) 50DM. ĐH Thiện Như (Nuernberg) 50DM. ĐH Giang Liên & Thiện Hồng & Thiện Chúc (Nuernberg) 40DM. ĐH Lê Hà 50DM. ĐH Được 20DM. GĐĐH Huỳnh Thành (Nuernberg) 40DM. ĐH Hồ Thị Y (Saarlouis) 20DM.

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến nhà Bank của Quý vị làm đơn chuyển tịnh tài theo lối:

DAUERAUFTRAG

vào trường mục của Chùa như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

Báo Viên Giác

ĐH Quách Uy Trung (Berlin) 50DM. ĐH Nguyễn Thị Kim Loan (*) 20DM. ĐH Hồ Bửu Hiệp (*) 100DM. ĐH Karl Schmiedt (Fischbackam) 100DM. ĐH Nguyễn Bán (Freiburg) 50DM. ĐH Thiện Sơn Nguyễn Thị Giang (Augsburg) 100DM. ĐH Lý Nguyệt Thường (Bonn) 10DM. ĐH Như Đức Đức Thị Hòa (Neuenkirchen) 50DM. ĐH Tôn Quốc Vinh Việt (*) 50DM. ĐH Tôn Thúy Hằng, Joan (Pháp) 50DM. ĐH Phạm Văn Phương (Leonberg) 20DM. ĐH Trần Hải Hòa (Spaichingen) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Lương (Bỉ) 500FB. ĐH Nguyễn Thị Thế (Muenster) 30DM. ĐH Huỳnh Thị Kim Huệ (Nuernberg) 20DM. ĐH Tất Tố Hà (Hamburg) 50DM. ĐH Phạm Trọng Nguyên (*) 100DM. ĐH Ngô Kiệt Lan (Giessen) 20DM. ĐH Lai Kim Thạch (Kassel) 50DM. ĐH Trần Thu Hương (Soest) 20DM. ĐH Nguyễn Tử Hùng (Luenen) 20DM. ĐH Thiện Nam (Kreuth) 10DM. ĐH Trương Quang Vũ & Mai Thị Huệ (Hamm) 20DM. ĐH Đỗ Kim Bang (Duesseldorf) 20DM. ĐH Hồ Thủy (Muenster) 10DM. ĐH Trương Văn Nhiệm (Albstadt) 30DM. ĐH Phạm Văn Thành (Laatzen) 50DM. ĐH Trần Thu Hằng (Hamburg) 20DM. ĐH Hồng Văn Phan (Hooftdorp) 50 Gulđ. ĐH Tâm Anh (Canada) 20US. ĐH Hoa (*) 50Can. ĐH Minh Tâm (*) 50Can. ĐH Lê Thanh Dương (*) 50Can. ĐH Trần Thị Kim Chung (*) 15Can. ĐH Thiện Niệm Ngô Thị Biên (*) 50 Can. ĐH Tâm Giác (*) 60Can. ĐH Minh Tâm + Chí Nghĩa (*) 100Can ủng hộ mua máy in. ĐH Nguyễn Yên (*) 30Can. ĐH Ngô Thế Chú (*) 50Can. ĐH Thùy Linh (Metzingen) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Tài Nguyễn (Wiesbaden) 10DM. ĐH Roãn Thị Luân (Berlin) 10DM. ĐH Bé Ngân Tuyền (Recklinghausen) 50DM. ĐH Dr. Bùi Hạnh Nghi (Ofenbach) 100DM. ĐH Thiện Hải Trần Thu Hà (Hamburg) 20DM. ĐH Nguyễn Ngọc Anh (Pháp) 200FF. ĐH Nguyễn Kim Chương (Koeln) 50DM. ĐH Ấn danh (Sweden) 100Kr. ĐH Nguyễn Thị Lan (*) 50Kr. ĐH Liu Bắc Sang (Fuerth) 50DM. ĐH Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 50DM. ĐH Diệu Tịnh (Berlin) 50DM. ĐH Lâm Kim Thu (Frankfurt) 10DM. ĐH Lê Thị Tuyết (Viersen) 20DM. ĐH Hồ Minh Hoàng (Oberhausen) 20DM. ĐH Đinh Thị Hồng Thu (Ravensburg) 10DM. ĐH Chung Lý Hoa (Mainz) 30DM. ĐH Nguyễn Thị Thùy Minh (Berlin) 20DM. ĐH Trần Thị Đức (Muenchen) 20DM. ĐH Đỗ Hỷ Trạc (T.Si) 50FS. ĐH Nguyễn Ngọc Diệp (

Ấn Tống

ĐH Lê Thị Thanh (Berlin) 50DM. ĐH Giang Lăng Mai (Saarbrücken) 10DM. ĐH Trương Thị Linh (Koblenz) 500DM. ĐH Cao Thị Yến (Berlin) 50DM. ĐH Huỳnh Tường Hoan (*) 50DM. ĐH Berlin 30DM.

ĐH Phan Thành Phước (*) 27DM. ĐH L'homme Trần & Thị Hoa (Pháp) 300FF. ĐH Đặng Quốc Hùng (Konstanz) 20DM. ĐH Đức Thị Hiền (Neuenkirchen) 50DM.

Vu Lan

ĐH Lý Mỹ Quyên + Lý Thanh Hùng + Lý Mỹ Phụng + Lý Mỹ Linh (Hannover) 200DM. ĐH Trúc Ngô & Đạt Huệ (Berlin) 100DM. ĐH Lê Văn Lợi (Schwab.G'Muend) 20DM. ĐH Đỗ Văn Kiên (Braunschweig) 50DM. ĐH Đoàn Thanh Hùng (Hamm) 50DM. ĐH Phạm Văn Tùng (M'Gladbach) 50DM. ĐH Hàng Ngọc Hoa (Muenster) 50DM. ĐH Phan Thị Ngọt (Landstuhl) 40DM. ĐH Vương Lý Minh Lang (Gocctingen) 20DM. ĐH Đặng Thị Đông (Stade) 20DM. ĐH Phúc Thịnh (Frankfurt) 50DM. ĐH Quách Uy Trung (Berlin) 50DM. ĐH Cam & Ngô (*) 100DM. ĐH Nguyễn Thị Gòong (Neustadt) 50DM. ĐH Lâm Vĩnh Phong (Schweinfurt) 10DM. ĐH Trần Kim Cúc (Schweitzingen) 50DM. ĐH Phạm Ngọc Sơn (M'Gladbach) 20DM. ĐH Nguyễn Bán (Freiburg) 50DM. ĐH Diệp Thị Phước (Konstanz) 20DM. ĐH Huỳnh Văn Thời (Saarbrücken) 20DM. ĐH Lý Kiến Cường (*) 20DM. ĐH Giang Lăng Mai (*) 20DM. ĐH Chơn Ngọc (Oberhausen) 20DM. ĐH Mã Chi (Muenster) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Lan (Essen) 20DM. ĐH Nguyễn Xuân Quang (Danmark) 200Kr. ĐH Phùng Lê Miên (Kaiserslautern) 50DM. ĐH Lý Nguyệt Thường (Bonn) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Bảy (Krefeld) 20DM. ĐH Võ Thông (Muenster) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Mười (Rheine) 20DM. ĐH Diệp Hồ Phan Thị Út (Langen) 40DM. ĐH Thị Thuý Cao Thị Chi (Berlin) 10DM. ĐH Như Đức Đức Thị Hòa (Neuenkirchen) 100DM. ĐH Antony Đỗ, Helène (Duesseldorf) 100DM. ĐH Lưu Ngọc Tam (Krefeld) 20DM. ĐH Trần Văn Nam (Pforzheim) 40DM. ĐH Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe) 30DM. ĐH Nguyễn Hữu Mừng Chi (Oberhausen) 30DM. ĐH Trần Hữu Hòa (Spaichingen) 30DM. ĐH Châu Nam & Bánh Thăng (*) 40DM. ĐH Vương (Wuppertal) 30DM. ĐH Phạm Đăng Anh Tuấn (Kassel) 50DM. ĐH Vương Mỹ Linh (Leverkusen) 50DM. ĐH Đỗ Ngọc Oanh (Reutlingen) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Tâm (Koeln) 20DM. ĐH Phan Ngọc Bình (Nuernberg) 30DM. ĐH Ngô Trung Cường (Achim) 50DM. ĐH Trịnh Kim Phượng (Berlin) 25DM. ĐH Lê Gia Tuyền (Hannover) 50DM. ĐH Lê Thị Ty (Hannover) 50DM. ĐH Thị Phi (Muenster) 20DM. ĐH Võ Hữu Xán (*) 50DM. ĐH Huỳnh Ngọc Anh Tuấn (Aurich) 50DM. ĐH Tăng Hương (Lingen/Ems) 100DM. ĐH Lâm Anh (Meppen) 20DM. ĐH Lý Lê Anh (Lingen/Ems). ĐH Lý Ngọc Hạnh (Muenster) 20DM. ĐH Tăng Bích Phân (Lingen/Ems) 20DM. ĐH Hồ Thị Dung (Holland) 50 Gulđ. ĐH Thị Khiêm (Norden) 50DM. ĐH Lê Trung Hiếu (Berlin) 50DM. ĐH Ngô Kim (Garbsen) 20DM. ĐH Ngô Jan (*) 20DM. ĐH Trần Như Kỳ (Dortmund) 50DM. ĐH Huỳnh Mộc Lâm (Bad Pyrmont) 100DM.

ĐH Trần Nguyễn Anh (Bomlitz) 30DM. ĐH Nguyễn Tịnh (Nuernberg) 70DM. ĐH Phạm Thị Ngọc (Laatzen) 50DM. ĐH Huỳnh Thị Kim Huệ (Nuernberg) 30DM. ĐH Võ Thị Ngọc Châu (Sigmaringen) 20DM. ĐH Võ Thành-Tri (*) 20DM. ĐH Đặng Thị Lan (Sigmaringen) 100DM. ĐH Nguyễn Văn Phương (Bremervoeder) 100DM. ĐH Nguyễn Thị Hiệp (*) 50DM. ĐH Lê Thị Láng (*) 50DM. ĐH Nguyễn Văn Hoàng (Muenster) 20DM. ĐH Diệu Y (Hamburg) 40DM. ĐH Nguyễn Văn Tân (*) 30DM. ĐH Hoàng Quang Đăng (Berlin) 30DM. ĐH Trương Thị Giỏi (Villingen) 100DM. ĐH Lý Vương Chương (*) 50DM. ĐH Lý Châu Oanh (*) 50DM. ĐH Lâm Anh Hao (*) 100DM. ĐH Sonja Knoche (St.Goergen) 20DM. ĐH Tô Tý (Marienhafe) 100DM. ĐH Ấn danh (Holland) 50DM. ĐH Nguyễn T. Thu Xương (Wedel Karlten) 100DM. ĐH Thang Trạch (Wuppertal) 50DM. ĐH Chung Cẩm Hưng (*) 50DM. ĐH Hoàng Tôn Long (Frankfurt) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Xuyên (Mỹ) 50DM. ĐH Trần Hữu Hải (Hanau) 50DM. ĐH Ngô Kiệt Lan (Giessen) 30DM. ĐH Khương Thủy Linh (Crailsheim) 20DM. ĐH Trần Phong Lưu (Trier) 20DM. ĐH Lê Hữu Hạnh (Weihingen) 50DM. ĐH Đỗ Thuận Phát (Hannover) 100DM. ĐH Nguyễn Trí & Nguyễn Từ (Usingen) 50DM. ĐH Phù Di Tà (Frankfurt) 100DM. ĐH Dương Thị Ân (Saarbrueckenú+40DM. ĐH Nguyễn Thị Hạnh (Braunschweig) 300DM. ĐH Lý Quốc Đồng (Rotenburg) 50DM. ĐH Lê Phụng Nhung 30DM. ĐH Phan Đình Lợi (Frankfurt) 20DM. ĐH Vương Kim Sơn (Bremervoeder) 20DM. ĐH Tiết Minh (VN) 50Gulđ + 20DM. ĐH Bùi Liên (Bỉ) 500FB. ĐH Lương Vinh Sam 20DM. ĐH Lưu Trí Viễn 40DM. ĐH Dương Phan Thị Phụng 20DM. ĐH Quách Vi Hùng 20DM. ĐH Nguyễn Thị Đua 10DM. ĐH Nguyễn Mạnh Hùng 20DM. ĐH Chung Tố Hà 50DM. ĐH Trung Quan 10DM. ĐH Lương Thương 10DM. ĐH Huỳnh Mộc Khắc 20DM. ĐH Lê Văn Trường 20DM. ĐH Hứa Lê Hoa 20DM. ĐH Bùi Văn Chương 10DM. ĐH Nguyễn Châu Bình 20DM. ĐH Phan Bế Ái 10DM. ĐH Vương An Quốc 10DM. ĐH Châu Trí Lương 20DM. ĐH Trần Trương 50DM. ĐH Nguyễn Thị Nhuận 10DM. ĐH Hứa Thị Quê 10DM. ĐH Phạm Thị Minh 50DM. ĐH Nguyễn Thị Thanh Thủy & Lê Trí Lạc 50DM. ĐH Chung Tố Mười 20DM. ĐH Triệu Quốc Tuấn 20DM. ĐH Huỳnh Lý + Mỹ Diệu + Phước Anh 40DM. ĐH Giang Văn Phương (Nuernberg) 50DM. ĐH Vương Thiếu Vi 10DM. ĐH Diệu Bình 50DM. ĐH Lê Ngọc Thanh 20DM. ĐH Lê Hiếu & Từ Chi 30DM. ĐH Nguyễn Ngọc Minh 50DM. ĐH La Quốc Hưng 50DM. ĐH Nguyễn Văn Kiên & Giang Ái 20DM. ĐH Trương Thị Linh (Koblenz) 20DM. ĐH Lưu Chi Thang (*) 10DM. ĐH Trần Xiêu Cúc (Duisburg) 20DM. ĐH Trần Siêu Yến (*) 30DM. ĐH Hứa A Tri (Wilhelmshaven) 50DM. ĐH Châu Đệ (*) 20DM. ĐH Trần Thị Xuyên (Stade) 20DM. ĐH Chiêm Thị Bùi & Huỳnh Thị Hôn (*) 30DM. ĐH Nguyễn Thanh Bình (*) 10DM. ĐH Nguyễn Thanh Danh (Recklinghausen) 20DM. ĐH Nguyễn Văn Rê (*) 20DM.

ĐH Văn Cách (Meppen) 10DM. ĐH Bùi Thị Trâm (Bielefeld) 20DM. ĐH Lương Thùy Trang (Stadthagen) 30DM. ĐH Nguyễn Văn Nam (*) 50DM. ĐH Nguyễn (*) 50DM. ĐH Houk Phoulivong (Minden) 5DM. ĐH Menoi Phoulivong (*) 20DM. ĐH Adam Phoulivong (*) 5DM. ĐH Kong Pra Phoulivong (*) 10DM. ĐH Phượng Khai (Ludwigshaven) 50DM. ĐH Nguyễn Thị Hai (*) 40DM. ĐH Thái Văn Hải (*) 50DM. ĐH Huỳnh Luận Võ (*) 20DM. ĐH Trần Du Xuân (Neustadt) 40DM. ĐH Dương Thị Bé Từ (*) 20DM. ĐH Dương Thị Út (*) 50DM. ĐH Mai Kim Hoàng (*) 10DM. ĐH Trần (*) 50DM. ĐH Tăng Quốc Cơ (Laatzen) 20DM. ĐH Đặng Thị Ngọc (Laatzen) 10DM. ĐH Diệu Hiền (*) 20DM. ĐH Diệu Hằng (*) 50DM. ĐH Trương Mỹ Anh (Muenster) 20DM. ĐH Âu Thị Phụng (*) 10DM. ĐH Từ Dung (*) 20DM. ĐH Hoàng Thị Thuận (*) 100DM. ĐH Lưu Hiền Hải (Lueneburg) 20DM. ĐH Dương Siêu (*) 70DM. ĐH Dương Sang (Helmstedt) 50DM. ĐH Khu Mỹ Anh (*) 40DM. ĐH Kỳ Kinh Chi (*) 40DM. ĐH Huỳnh Thành (*) 50DM. ĐH Liêu Mánh (*) 30DM. ĐH Trần Xó (*) 30DM. ĐH Nguyễn Minh Huệ (D'dorf) 20DM. ĐH Phan Thị Thơm (*) 10DDM. ĐH Châu Văn Trạch (Hamburg) 20DM. ĐH Thiện Lý (*) 10DM. ĐH Diệu Cao (*) 30DM. ĐH Nguyễn Văn Dung (*) 10DM. ĐH Lương Anh (*) 10DM. ĐH Lai Kim Dung (*) 30DM. ĐH Giang Lê Kiên (*) 10DM. ĐH Diệu Đạo (*) 20DM. ĐH Nguyễn Văn Bội (*) 10DM. ĐH Nguyễn Thị Nhân (*) 20DM. ĐH Giang Chí Cường (*) 20DM. ĐH Từ Dung Đệ (*) 30DM. ĐH Giang Tuyết Bình (*) 20DM. ĐH Võ Thị Hoàng Mai (*) 60DM. ĐH Nguyễn Phước Hí (*) 20DM. ĐH Thị Hoa (*) 50DM. ĐH Nguyễn Văn Nam (Braunschweig) 30DM. ĐH Huỳnh Thị Chấn (*) 50DM. ĐH Nguyễn Văn Nhơn (*) 10DM. ĐH Châu Ngọc Lan (*) 20DM. ĐH Lâm Vĩnh Phước (*) 100DM. ĐH Lâm Siêu Khùng & Lương Phước. ĐH Hàn Thị (*) 50DM. ĐH Liêu Thị Thà (*) 20DM. ĐH Trần Tư Phụng (*) 10DM. ĐH Đặng Thị Thanh (*) 20DM. ĐH Nguyễn Phúc Vinh (Berlin) 20DM. ĐH Huỳnh Thị Chi (*) 20DM. ĐH Phùng Thế Phụng (*) 20DM. ĐH Lý Tam (*) 20DM. ĐH Cao Chánh Bé (*) 20DM. ĐH Phan Thị Riêu (*) 10DM. ĐH Trần Việt Hùng (*) 10DM. ĐH Tăng Nguyễn (*) 30DM. ĐH Nguyễn Thị Đợi (*) 100DM. ĐH Thiện Hải, Thiện Tịnh, Giác An, Giác Phổ, Giác Mỹ, Thiện Khiết (*) 140DM. ĐH Ngụy Hứa Thu Ngọc (*) 20DM. ĐH Ngô Mỹ Châu (Bad Iburg) 100DM. ĐH Huỳnh Tư (*) 40DM. ĐH Lương Khai & Xuân Hoa (*) 50DM. ĐH Diệu Loan (Berlin) 20DM. ĐH Lê Việt Tiên (*) 100DM. ĐH Văn Thị Thúy (*) 50DM. ĐH Lâm Trần Thắng (*) 20DM. Cò Diệu Hiếu (Hannover) 50DM. ĐH China Restaurant Jasmin (*) 100DM. ĐH Lâm Tô (Austria) 10DM. ĐH Lê Thị Thanh (*) 50DM. ĐH Trần Thu Hương (Soest) 20DM. ĐH Lại Thị Hảo (Dortmund) 20DM. ĐH Huỳnh Quốc Tuấn (*) 20DM. ĐH Đỗ Như Lạc (*) 20DM. ĐH Tôn Quốc Vinh (Saarbruecken) 50DM. ĐH Tôn Quốc Hồng (Saarlouis) 30DM. ĐH Trần Thuận Đạt (Nuernberg) 30DM. ĐH

Trương Chánh (Friesoythe) 20DM. ĐH Đặng Văn Địch (Koblenz) 20DM. ĐH Phạm Hồng Sáu (Lingen/Ems) 20DM. ĐH Hứa Tôn Thái (Ludwigshaven) 50DM. ĐH Nguyễn Thị Bạch Huệ (Karlsruhe) 20DM. ĐH Nguyễn & Trần Thị Thuận (*) 40DM. ĐH Ô Thị Hai (Haren) 50DM. ĐH Tạ Thanh Tâm (M'Gladbach) 50DM. ĐH Lai Vũ Châu (Memmingen) 20DM. ĐH Trương Văn Tảo (Eriangen) 20DM. ĐH Đỗ Thị Rốt (Velzen) 20DM. ĐH Lý Tấn Thắng (Koeln) 10DM. ĐH Nguyễn Thị Hương (Krefeld) 20DM. ĐH Trần Thị Hoa (Bochum) 20DM. ĐH Quách Thị Liên (Luebeck) 50DM. ĐH Fam. Hứa (Weisenthurm) 50DM. ĐH Nguyễn Ngọc Châu (Wiesbaden) 10DM. ĐH Đào Văn Chung (Weiden) 50DM. ĐH Trương Hồng Hiếu (Wahlstedt) 20DM. ĐH Trần Văn Cam (Guetersloh) 20DM. ĐH Trương Quang Bình (Moschheim) 20DM. ĐH Trương Quang Phục (*) 30DM. ĐH Nguyễn Văn Chao (Schluetchern) 20DM. ĐH Huỳnh Quốc Thanh Tùng (Witten) 20DM. ĐH Võ Vĩnh Trung (Ibbenbueren) 20DM. ĐH Phương Thị Đại (Klein Ostheim) 50DM. ĐH Thái Kim Huệ (Duisburg) 50DM. ĐH Trần Văn Các (Bremen) 20DM. ĐH Nguyễn Đức (Ludwigshafen) 20DM. ĐH Trần Hữu Lộc và Văn (Stuttgart) 30DM. ĐH Kong Penc Phoulivong (Minden) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Liễu (Aschaffenburg) 30DM. ĐH Lê Thị Tâm (*) 20DM. ĐH Phan Thị Sáu (Nordenham) 20DM. ĐH Kim Tiên (Bergkamen) 20DM. ĐH Bùi Thị Ngọt (*) 20DM. ĐH Trần Văn Phước (Ulm) 20DM. Fam. Lam (Rengsdorf) 20DM. ĐH Ngô Tấn Trường (USA) 20DM. ĐH Tô Thành Quang (Bayreuth) 30DM. ĐH Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 30DM. ĐH Đỗ Văn Hồng (Berlin) 50DM. ĐH Phù Di Tạ 10DM. ĐH Nguyễn Thị Hằng 10DM. ĐH Lưu Minh Thanh 50DM. ĐH Cao Thị Chi 10DM. ĐH Tăng Cảnh Thái 40DM. ĐH Văn Đoàn (Hannover) 10DM. ĐH Lý Thị Buốt (Koeln) 20DM. ĐH Tạ Thị Cừ (Pháp) 100FF. ĐH Nguyễn Văn Huệ (Eischweiler) 50DM. ĐH Nguyễn Thị Thu Hương (Luennen) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Liên (*) 20DM. ĐH Tạ Ngọc Hoa (Wedel) 50DM. ĐH Thiện Trang (Saarlouis) 100DM. ĐH Nguyễn Văn Tư (Berlin) 30DM. ĐH Lý Vĩnh Cường (*) 20DM. ĐH Trạm Tiểu (Vechta) 30DM. ĐH Trương Hôn Quyền (*) 30DM. ĐH Nguyễn Trương Mạnh Mãi (T.Si) 60FS.

Xây Chùa

ĐH Nguyễn Thị Thoa & Nguyễn Thị Oanh (Berlin) 1.000DM chuyển từ cổ phần hội thiện. ĐH La Cửu (Hamburg) 200DM. ĐH Ấn danh (Sindelfingen) 100DM. ĐH Phan Thị Lan (Weil am Rhein) 50DM. ĐH Diệu Hồ Phan Thị Út (Langen) 100DM. ĐH Nguyễn Thị Hương (Braunschweig) 100DM. ĐH Như Đức Dục Thị Hòa (Neuenkirche) 100DM. ĐH Trần Thị

Ngọc (*) 50DM. ĐH Dương Thị Đàm (Nordhorn) 50DM. ĐH Khúc Thế Hiền (Babenhhausen) 20DM. ĐH Lý Phách Mai (Immenstadt) 1.000DM. ĐH Lý Vạn Tân. ĐH Tin (Salzgitter) 100DM. ĐH Đỗ Hữu Hiền (Braunschweig) 100DM. Trung Tâm Vũ Ly (Bergkamen) 150 DM. ĐH Trần Văn Giàu (Bergisch Gladbach) 100DM. ĐH Dương Mỹ Linh (Levekusen) 50DM. ĐH Huỳnh Mộc Lâm (Bad Pyrmont) 100DM. ĐH Ấn danh (Muenster) 1.000DM. ĐH Nguyễn Mác (*) 100DM. ĐH Trần Cao Đăng (England) 60 Pounds. ĐH Dương Văn Hảo (*) 10 Pounds. ĐH Hà Thị Lan Anh (Meldensbach) 30DM. ĐH Trần Thị Nết (Essen) 50DM. ĐH Huỳnh Thị Chính (*) 50DM. ĐH Thái Hôn Nguyễn (Frankfurt) 20DM. ĐH Đỗ Thuận Tài (Hannover) 50DM. ĐH Lê Văn Thiệt (Hamburg) 20DM. ĐH Lê Văn Trường (Karlsruhe) 50DM. ĐH Đỗ Ngọc Oanh (Reutlingen) 30DM. ĐH Châu Aí Hương (Muenster) 100DM. ĐH Nguyễn Thị Tâm (Koeln) 50DM. ĐH Nguyễn Văn Tiến (D'dorf) 20DM. ĐH Nguyễn Trần Đình (Steinfurt) 100DM. ĐH Hà Thích Trí (Berlin) 20DM. ĐH Huỳnh Vĩnh Hưng (*) 50DM. ĐH Nguyễn Chí Thắng (Krefeld) 50DM. ĐH Thái Nhân (Grailsheim) 20DM. ĐH Phạm Ngọc Bình (Nuernberg) 30DM. ĐH Huỳnh Trung Tâm (USA) 100DM. ĐH Đặng Thị Xứng (Saarbruecken) 50DM. ĐH Nguyễn Thị Tân (Diepholz) 40DM. ĐH Diệu Cao (Hamburg) 30DM. ĐH Nguyễn Văn Anh (Holland) 200 Guld. ĐH Huỳnh Thế Mỹ (Hamburg) 30DM. ĐH Ngô Trung Cường (Achim) 50DM. ĐH Trịnh Kim Phượng (Berlin) 25DM. ĐH Đỗ Thuận Phát (Hannover) 500DM. Ban Văn nghệ (Hamburg) 210DM. Cò Diệu Như (*) 150DM. Fam. Goh (Berlin) 600DM. ĐH Khu Nhãn (Nieburg) 100DM. ĐH Nguyễn Tứ Hùng (Luenen) 130DM. ĐH Trần Thu Hằng (Hamburg) 30DM. ĐH Tăng Quốc Lương (Laatzen) 500DM. ĐH Trần Thị Bông (Nordenham) 100DM. ĐH Trần Quốc Thiên (Pháp) 100US. ĐH Ấn danh (*) 20US. ĐH Tâm Anh (Canada) 100US. ĐH Thiện Tài & Thiện Hiếu (*) 100Can. ĐH Thiện Hóa (*) 100Can. ĐH Diệu Phát (*) 100Can. ĐH Minh Tâm & Chí Nghĩa (*) 400Can. ĐH Trương Thị Thanh Xuyên (*) 100Can. ĐH Ngô Thế Chụ (*) 200Can. Hội Phật Giáo Chùa Quan Âm (*) 500Can. ĐH Lô Hing Pong + Lô Dung + Stefanie Lo (Oldenburg) 500DM. ĐH Lương Kim (*) 150DM. ĐH Dr. Nguyễn Thế Hùng (Nordhorn) 2.000DM. ĐH Nguyễn Văn Sĩ (USA) 50US. ĐH Diệu Thanh (*) 50US. ĐH Minh Quang (*) 50US. ĐH Minh Thanh (*) 50US. ĐH Trần Minh Sang (Hildesheim) 20DM. ĐH Thùy Linh (Metzingen) 30DM. ĐH Nguyễn Thị Kim Nhung (Dorsten) 20DM. ĐH Phan Thị Châu Văn (T.Si) 20FS. ĐH Đào Tú Khương (*) 50FS. ĐH Trần Thị Liên (*) 10FS. ĐH Bellavigna A. (*) 30FS. ĐH Lâm Tân (*) 50FS. ĐH Nguyễn Tuy (*) 20FS. ĐH Thái Văn Tý (Y) 10FS. ĐH Ngô Kim Phượng (*) 1FS. ĐH Tăng Vị Xuyên (USA) 20US. ĐH Ấn danh (*) 40FS. ĐH Diệp Quốc Tuấn (T.Si) 20FS. ĐH Trần

Thế Sĩ (*) 10FS. ĐH Phan Thanh Nam (*) 10FS. ĐH Trần Ngọc Tuyết (*) 20FS. ĐH Dr. Buelend von Lexmond (*) 50FS. ĐH Mme C. Buelendl. (*) 50FS. ĐH Félix Eigenheer 50FS. ĐH Cao Đồng Vinh (*) 50FS. ĐH Cao Đình Huế (*) 120FS. ĐH Phan Thanh Nam (*) 10FS. ĐH Châu Thị Yến Châu (*) 10FS. ĐH Tăng Đức Sâm (*) 5FS. ĐH Tăng Man, Sing (*) 5FS. ĐH Tăng Báu (*) 10FS. ĐH Tăng Phúc (*) 5FS. ĐH Trần Phi Long (*) 10FS. ĐH Võ Tấn Minh (*) 10FS. ĐH J. Pierre & Mme Adam-Margot (*) 15FS. ĐH Tăng Lệ Châu (*) 20FS. ĐH Lâm Ngọc Linh (*) 10FS. ĐH Lâm Sĩ (*) 10FS. ĐH Lâm Ngọc Tiên (*) 10FS. ĐH Diétique Mandala (*) 10FS. ĐH Bùi Văn Dương (*) 50FS. ĐH Hà Văn Thành (Frankfurt) 400DM. ĐH Lê Đức Trung (USA) 200DM. ĐH Ấn danh (Sindelfingen) 100DM. ĐH Trịnh Quang Khánh (Recklinghausen) 200DM. Chùa Khánh Hòa (Pforzheim) 500DM. ĐH Trang Bửu Châu (Koblenz) 240DM. ĐH Trần Thị Huỳnh Mai (Pforzheim) 50DM. ĐH Lê Thị Bích Minh (Muenchen) 50DM. ĐH Nguyễn Văn Minh (Canada) 100Can. ĐH Đỗ Thuận Phát (Hannover) 500DM. ĐH Kang Quang & Lim Leng (Muenchen) 1.000DM. ĐH Nguyễn Tấn Hà & Nguyễn Kang Huoi (*) 600DM. ĐH Kang Huong (*) 500DM. ĐH Lâm Văn Ba (*) 50DM. ĐH Nguyễn Thị Lan (Sweden) 50Kr. ĐH Trần Duyệt Sương (Homburg) 150DM. ĐH Khúc Thế Hiếu (Babenhausen) 30DM. ĐH Ấn danh (Berlin) 1.000DM. ĐH Tăng Thị Ngân (Aachen) 50DM. ĐH Nguyễn Đức Giang (Danmark) 100DM. ĐH Nguyễn Công Cường (Wilhelmshaven) 50DM. ĐH Nguyễn Ngọc Thông (Goettingen) 100DM. ĐH Trà Thị Đức (Muenchen) 30DM. ĐH Diệu Tuệ Trịnh Thị Quý (Pháp) 500FF. ĐH Nguyễn Thị Kim Nhung (Dorsten) 20DM. Quý ĐH Diệu Viên (Holland), Trần Thu Hương (Soest), GĐ Họ Lý (Rotenburg/W), Diệu Nữ (Stadthagen), Trần Thị Kim Nhi (Hannover), GĐ Hồ Châu (Neustadt), Phạm Thị Côi (Hamburg), Diệu Mẫn & Nguyên Huế (Sankt Augustin), Vũ Thị Huế (Hamburg) 8000DM phát hành các loại bánh trong kỳ đại lễ Vu Lan. ĐH Diệu Hằng Nguyễn Thị Tân (Laatzen) 1.000DM chuyển từ HT sang. ĐH Tăng Thị Muôn (Canada) 1.000DM HT sang. ĐH Kang Quay (Muenchen) 1.000 HT sang. ĐH Nguyễn Tấn Hà (*) 1.000DM HT sang.

Bảo Viên Giác

Xây Chùa

ĐH Nguyễn Văn Quyền (Landshut) 200DM. ĐH Nguyễn Thị Liên (Hamburg) 200DM. ĐH Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc (Berlin) 200DM. ĐH Trương Lệ Kiều (Cloppenburg) 200DM. ĐH Trịnh Thị Tuyết Hạnh (*) 200DM. ĐH Nguyễn Ngọc Châu (Wiesbaden) 200DM. ĐH Nguyễn Bạch Tuyết (Muenchen) 200DM. ĐH Nguyễn Đắc Trụ (Oberhausen) 200DM. ĐH Tạ Thị Cử (Pháp) 200FF. ĐH Trương Quang Vũ & Mai Thị Huế (Hamm) 150DM. ĐH Bành Vĩnh Hoa (Ludwigshaven) 200DM. ĐH Dr. Phạm Hữu Minh

(Lampertheim) 200DM. ĐH Hà Văn Thành (Frankfurt) 200DM. ĐH Nguyễn Thị Xuân Lan (Kuenzelsau) 200DM.

Một Thuộc Đất

Xây Chùa

ĐH Trương Văn Thịnh (Krefeld) 135DM/1m2. ĐH Cao Minh Du & Kim Lịch (USA) 135DM/1m2. ĐH Phùng Văn Thanh & Lê Xuân Hoa (Stuttgart) 140DM/1m2. ĐH Lê Thị Hà (Úc) 200US + 50DM/2m2.

Hương Linh Kỳ Tụ

Xây Chùa

ĐH Trần Nguyễn Anh (Bomlitz) 300DM/ đợt I thờ tro cốt và các hương linh. ĐH Trần Hoàng Việt (Hannover) 200DM HL. Trần Quang Vinh & Trần Hoài Hà. ĐH Bành Chức Quân (Ludwigshaven) 300DM HL. Bành Phát. ĐH Đỗ Thị Lan (Wien) 200DM HL. Đỗ Tấn Sĩ. ĐH Trần Thiên Thảo (Paderborn) 300DM HL. Trang Thị Hồng Nhung.

Mua Hậu Cho Người Sống

Xây Chùa

ĐH Đặng Thị Soan (Kiel) 2.000DM cho ĐH Đặng Văn Khoa & Trần Thị Tâm. ĐH Dương Thị Ân (Saarbrücken) 900DM. ĐH Thiện Thanh Nguyễn Xuân Tân (Kuenzelsau) 800DM.

Mua Hậu Cho Người Qúa Vãng

Xây Chùa

ĐH Nguyễn Thanh Vân (Naghaeusel Kirlach) 500DM HL. Nguyễn Văn Diệp. ĐH Phùng Lê Miên (Kaiserlautern) 1.000DM HL. Phùng Văn Chử.

Hội Thiện

Xây Chùa

ĐH Dr. Hồ Hữu Vẹn (Muenster) 2.000DM /2. ĐH Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc (Berlin) 1.000DM. ĐH Võ Bá Tông (Zweibruecken) 1.000 DM. ĐH Phạm Thị Diên (Merzig) 200DM/ đợt 3. ĐH Ấn danh (Canada) 32.000 DM/ 32. ĐH Huỳnh Tường Hoan (Berlin) 200DM. ĐH Hồ Thị Hoa (*) 300DM/ đợt 2 - 6 + 7 + 8/89. ĐH Trịnh Kim Phượng (*) 400DM đợt 2/6 + 7 + 8 + 9/89. ĐH Lê Trung Hiếu (*) 200DM đợt 3/6 + 7/89. ĐH Giác Mỹ & Thiện Kiệt (*) 2.000DM/2. ĐH Thiện Đắc Hà Thị Minh Tâm (Hannover) 1.000DM. ĐH Thiện Ứng Hà Thị Minh Cẩm (*) 1.000 DM. ĐH Thiện Luận Hà Phước Minh Thảo (*) 1.000 DM.

Trại Tặng

ĐH Như Đức Dục Thị Hòa (Neuenkirche) 20DM. ĐH Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe) 20DM. ĐH Trần Hải Hòa (Spaichingen) 20DM. ĐH Cố Diệu Thái (Hannover) 50DM. Cố Diệu Hiếu (*) 50DM. Cố Diệu

Nhứt (Berlin) 50DM. Cố Tâm Quảng (Frankfurt) 50DM. ĐH Trương Thị Diệu (Laatzen) 10DM. ĐH Trần Thị Nở (*) 20DM. ĐH Từ Thu Muối (*) 10DM. ĐH Thị Tâm (*) 50DM. ĐH Viên Tuyết (*) 50DM. ĐH Nguyễn Văn Phong (*) 50DM. ĐH Diệu Giác (Berlin) 200DM. ĐH Thị Khiêm 50DM. ĐH Phạm Thị Út 50DM. ĐH Quách Hạnh 50DM. ĐH Diệu Bích (Berlin) 200DM. Chú Thiện Thĩ (Hannover) 50DM. ĐH Diệu Minh (Giessen) 50DM. ĐH Fred Guenter Bathke (*) 50DM. ĐH Tâm Diệu (Hannover) 20DM. ĐH Châu Thủy 50DM. ĐH Diệu Huế (Rotenburg) 20DM. ĐH Diệu Anh (*) 50DM. ĐH Diệu Kim (*) 50DM. ĐH Quảng Ngộ (Laatzen) 20DM. ĐH Thiện Ý (Hannover) 20DM. ĐH Thiện Sơn (Ausburg) 20DM. ĐH Trương Lệ Nga (Austria) 20DM. ĐH Quảng Thái (Hannover) 10DM. ĐH Ngô Kim + Jan (Garbsen) 20DM. ĐH Quảng Niệm (Hannover) 20DM. ĐH Diệu Kim 50DM. ĐH Diệu Huế 10DM. ĐH Diệu Đạo (Hamburg) 20DM. ĐH Thị Thiện (Bremen) 50DM. ĐH Lý Cẩm Hương (*) 20DM. ĐH Thực Giác (*) 50DM. ĐH Vũ Quang Tú (Seelze) 20DM. ĐH Trần Kiến Bình (Hildesheim) 20DM. ĐH Nguyễn Ngọc Tuấn (Stuttgart) 50DM. ĐH Đại Tú Huế (Giessen) 50DM. ĐH Minh Đạt (Hamburg) 50DM. ĐH Minh Hiếu (Giessen) 20DM. ĐH Thiện Nguyễn (Stuttgart) 50DM. ĐH Lâm Văn Tốt (Laatzen) 10DM. ĐH Võ Hữu Xán (Muenster) 10DM. ĐH Thiện Hữu + Từ Diệu (Stuttgart) 10DM. ĐH Hồ Thị Dung (Holland) 50DM. ĐH Lê Thị Ngo (Saarlouis) 10DM. ĐH Dục Thị Hòa 10DM. ĐH Hồ Vĩnh Giang (Hannover) 20DM. ĐH Thiện Bắc (Berlin) 50DM. ĐH Trần Thị Nết (Essen) 20DM. ĐH Phan Thị Minh (Berlin) 10DM. ĐH Hà Thị Lan Anh 10DM. ĐH Diệu Nữ 20DM. ĐH Nguyễn Thị Minh Tâm (Wiesbaden) 20DM. ĐH Nguyễn Từ 50DM. ĐH Diệu Hằng 10DM. ĐH Thiện Như 10DM. ĐH Phạm Thị Cội 20DM. ĐH Lê Quốc Vinh (Amberg) 50DM. ĐH Lê Công Thành (Berlin) 10DM. ĐH Tâm Bích (*) 10DM. ĐH Tạ Như Sơn (*) 20DM. ĐH Diệu Nhân (*) 10DM. ĐH Lâm Liêng Nguyệt (*) 20DM. ĐH Lâm Thị Múi (*) 50DM. ĐH Lê Trung Hiếu (*) 20DM. ĐH Vương Văn Nho (*) 20DM. ĐH Trần Như Kỳ (Dortmund) 30DM. ĐH Trần Hoàng Việt (Hannover) 20DM. ĐH Phạm Thị Cúc (Bad Pyrmont) 20DM. ĐH Trương Tấn Lộc (Laatzen) 50DM. ĐH Diệu Trang (Minden) 10DM. ĐH Quảng Phước (*) 20DM. ĐH Nguyễn Đạo (Hamburg) 20DM. ĐH Diệu Cao (Hamburg) 20DM. ĐH Diệu Đắc (*) 20DM. ĐH Phạm Thị Bưởi (*) 20DM. ĐH Diệu Mẫn (St. Augustin) 20DM. ĐH Diệu Tịnh (Fuerth) 20DM. ĐH Lệ Cư (Nuernberg) 20DM. ĐH Châu Tho 5DM. ĐH Châu Ái Hương 10DM. ĐH Hoàng Thị Thuận 10DM. ĐH Huỳnh Thị Chi 20DM. ĐH Lương Thị 10DM. ĐH Diệu Thơ 10DM. ĐH Nguyễn Kiên Trinh 20DM. ĐH Đỗ Như Lạc 5DM. ĐH Lại Thị Hào 5DM. ĐH Mai Thị Kim Hoàng 5DM. ĐH Diệu

Anh (Hamburg) 30DM. ĐH Diệu Thủy 10DM. ĐH Diệu Lý 10DM. ĐH Dương Thị Út 10DM. ĐH Nguyễn Văn Nhung (Laatzen) 10DM. ĐH Đạt Huệ (Berlin) 20DM. ĐH Thiện Tĩnh (*) 10DM. ĐH Giác An (*) 10DM. ĐH Thái Mỹ Vân (Grailsheim) 5DM. ĐH Nguyễn Hào Hùng (Hannover) 10DM. ĐH Huỳnh Vũ Hoa (Bad Iburg) 10DM. ĐH Lương Tố Tư (Hannover) 20DM. ĐH Nguyễn Phước Hòa (Frankfurt) 20DM. ĐH Vương Diên Hiếu (Koeln) 20DM. ĐH Lê Thị Thanh Tâm (*) 20DM. ĐH Quảng Tín (Hamburg) 20DM. ĐH Thiện Nữ 10DM. ĐH Trương Thị Gấm (Luenen) 10DM. ĐH Hồ Thị Uyên (Muenster) 20DM. ĐH Tăng Quý Hào 10DM. ĐH Trương Tôn Châu (Giessen) 20DM. ĐH Võ Ngọc Sương (Bremen) 20DM. ĐH Kim Năm 10DM. ĐH Lương Bá Truyền (Bremen) 50DM. ĐH Diệu Loan (Berlin) 10DM. ĐH Phạm Thị Nhiều 10DM. ĐH Phạm Thị Thường 10DM. ĐH Đinh Thị Oanh (Uelzen) 10DM. ĐH Thái Len 10DM. ĐH Trần Xiêu Anh (Duisburg) 20DM. ĐH Cao Xuân Mai (USA) 20DM. ĐH Nguyễn Văn Tấn (Hamburg) 10DM. ĐH Lương Vĩnh Sâm (Koblenz) 20DM. GĐĐH Hứa 20DM. ĐH Hứa Mỹ Nga 10DM. ĐH Lâm Thị Kiều Thanh (Rengsdorf) 10DM. ĐH Tô Tỷ (Marienhafte) 40DM. ĐH Phạm Thị Reo 10DM. ĐH Hề Thanh Quang (Laatzen) 10DM. ĐH Lê Thị Liễu 10DM. ĐH Cao Thị Chi 20DM. ĐH Nguyễn Thị Nhi (Secvetal) 20DM. ĐH Trần Huệ (Nordhorn) 20DM. ĐH Tiêu Thị Thi (Erlangen) 40DM. ĐH Đặng Thị Xúng (Saarbruecken) 20DM. ĐH Dương Thị Âu (*) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Toet 10DM. ĐH Lan Chi 50DM. ĐH Thiện Sơn (Berlin) 10DM. ĐH Giác Chánh (*) 10DM. ĐH Thiện Lễ (*) 10DM. ĐH Giác Phổ (*) 10DM. ĐH Thiện Khiết (*) 20DM. ĐH Giác Mỹ (*) 20DM. ĐH Lê Nh. Trang (*) 10DM. ĐH Trần Minh Hùng (Neustadt) 20DM. ĐH Huỳnh Thế Mỹ (Hamburg) 10DM. ĐH Trương Anh Trinh (*) 10DM. ĐH Huỳnh Kim Thanh (Bielefeld) 20DM. ĐH Nguyễn Thị Vẽ 20DM. ĐH Bùi Thị Trân 10DM. ĐH Khanh Triết (Hannover) 10DM. ĐH Trần (*) 10DM. ĐH Nguyễn Thị Chi (Norden) 6DM. ĐH Nguyễn Minh Hưng (Hannover) 20DM. ĐH Lê Thị Thanh (Australia) 10DM.

Chùa Việt Nam

ĐH Thị Lộc Võ Văn Mai (Norden) 100US/QN. ĐH Lê Đức Trung (USA) 100DM. ĐH Trần Ngọc Hậu (Hamburg) 20DM. ĐH Nguyễn Ngọc Châu (Ibbenbueren) 50DM. ĐH Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 100Gulden.

Trại Mùa-Trại Cù-Cổ Nhi Viện tại Việt Nam

ĐH Trần Ngọc Hậu (Hamburg) 10DM. ĐH Nguyễn Ngọc Châu (Ibbenbueren) 100DM. ĐH Phan Thị Lưu (Paris) 100DM.

GĐPT Tâm Minh (Hannover) 100DM. ĐH Nguyễn Văn Anh (Holland) 300 Guld. ĐH Chung Thế (Wilhelmshaven) 20DM. ĐH Lâm Anh (Meppen) 20DM. ĐH Lý Lệ Anh (Lingen/Ems) 20DM. ĐH Lý Ngọc Hạnh (Muenster) 20DM. ĐH Tăng Bích Phần (Lingen/Ems) 20DM. ĐH Nguyễn Kim Chương (Koeln) 50DM. ĐH Nguyễn Công Cường (Wilhelmshafen) 20DM. Ân danh (Berlin) 50DM

Trại Ty Nạn

ĐH Trần Ngọc Hậu (Hamburg) 10DM. ĐH Trần Thượng Hiền (Muenster) 1.162,04 DM. ĐH Văn Công Tuấn (Hamburg) 100DM. GĐPT Tâm Minh (Hannover) 50DM. BTC. Trung Thu CHPT Hamburg 230DM. ĐH Như Đức Dực Thị Hòa (Neuenkirche) 50DM. ĐH Chung Thế (Wilhelmshaven) 20DM. ĐH Lâm Anh (Meppen) 20DM. ĐH Lý Lệ Anh (Lingne/Ems) 20DM. ĐH Lý Ngọc Anh (Muenster) 20DM. ĐH Tăng Bích Phần (Lingen/Ems) 20DM. ĐH Trần Nguyễn Anh (Bomlitz) 50DM. ĐH Lý Thị Buối (Koeln) 10DM. ĐH Nguyễn Công Cường (Wilhelmshafen) 30DM. ĐH Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 20DM. ĐH Oanh Hải Linh (Bad Pyrmont) 50DM. ĐH Lê Đức Trung (USA) 100DM.

Số tiền trên đây, Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm đã chuyển đến trại ty nạn Hồng Kông qua Cô Tuyết ngày 30.9.89 vừa qua.

Lễ Quy Y

ĐH Cao Minh Tùng (Berlin) 100DM.

Định Kỳ Hàng Tháng Xây Chùa Viên Giác

Số tịnh tài ủng hộ định kỳ xây chùa Viên Giác của Quý vị qua ngân hàng bằng lối chuyển Dauerauftrag hoặc Lastschrift cũng như tiền mặt, chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải danh sách của Quý vị để Quý vị dễ theo dõi. Đồng thời để đơn giản hóa vấn đề giấy tờ chúng tôi xin được phép đăng tải tên của Quý vị chỉ một lần trong suốt thời gian hộ trì xây chùa. Vạy kính mong Quý vị thông cảm cho. Tiếp theo Viên Giác số 41 + 42 + 43 + 44 + 45 + 46 + 47 + 48 + 49 + 50 + 51 + 52

1045 Chung Hoa 10DM 9/89
1046 Thi Thơ Crave 30DM-8/89
1047 Nguyễn Bá Nhân 10DM-7/89
1048 Ngô Thị Biên 10Can-7/89
1049 Nguyễn Thị Ninh 10Can-4/89
1050 Phan Tiêu Mân 10Can-4/89
1051 Việt Cường 10Can-7/89
1052 Đ.H. Hiệp 30Can-4/89
1053 Nguyễn Văn Trúc 100DM-10/89

1054 Chơn Ngọc (Hồ Minh Hoàng) 20DM-8/89

Chúng tôi thành tâm kêu gọi Quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ chùa bằng cách đóng định kỳ hàng tháng qua ngân hàng lối Dauerauftrag để việc thực hiện xây chùa có thể khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng chùa, xin Quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích chuyển cho mục gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về chùa. Riêng Quý vị tại Pháp, xin gửi Mandat hoặc tiền mặt thì tiện hơn. Vì Check của Pháp không nhận ở ngoại quốc một cách dễ dàng được. Kính mong Quý vị lưu tâm cho.

Tất cả mọi sự cúng dường định kỳ hay bất thường hoặc những lễ lạc khác cho chùa. Quý vị đều có thể lấy giấy khai thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm Quý vị có thể khai khấu trừ thuế với chính phủ. Quý vị nào cần xin liên lạc về chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy trên đến Quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài việc xây chùa xin chuyển vào số Konto như sau :

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 8657470 01
BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover.

Quý vị chuyển về chùa trong những mục khác, xin chuyển về một trong 2 số Konto sau đây :

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 865 74 70.
BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover.

Hoặc :
Pagode Vien Giac
Konto Nr. 865 02 28
BLZ 250 700 70.
Deutsche Bank Hannover.

Ngoài chùa thành tựu và phát triển được hay không vẫn nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của Quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi Quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên, để ước nguyện của chúng ta sớm thành tựu.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.



NHỮNG SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TẠI HOA KỲ CÓ PHÁT HÀNH TẠI CHÙA

01. *Bài học của lịch sử.* Nguyễn Hiến Lê - Trần Lương Ngọc dịch (18DM)
02. *Căn nhà ngói đỏ.* Nguyễn Xuân Hoàng (18DM)
03. *Cỏ và tuyết.* Đỗ Quý Toàn (18DM)
04. *Chân dung Bác Hồ.* Kiều Phong (22DM)
05. *Chiếc cầu trên sông Drina.* Nguyễn Hiến Lê dịch (32DM)
06. *Đời viết văn của tôi.* Nguyễn Hiến Lê (23DM)
07. *Đường một chiều.* Nguyễn Mộng Giác (16DM)
08. *Giai thoại Hồng.* Hồ Trường An (30DM)
09. *Hồi ký tập III.* Nguyễn Hiến Lê (20DM)
10. *Hồi ký thời cách mạng kháng chiến.* Phạm Duy (30DM)
11. *Lịch sử văn minh Ấn Độ.* Nguyễn Hiến Lê dịch (30DM)
12. *Long lanh hạt bụi.* Nguyễn thị Hoàng Bắc (30DM)
13. *Một chút riêng tư.* Mai Kim Ngọc (22DM)
14. *Muôn kiếp cô liêu.* Mai Kim Ngọc (30DM)
15. *Mưa (8 tác giả).* Nguyễn Hiến Lê (26DM)
16. *Mùa biển động tập 5. (Tha Hương)*
Nguyễn Mộng Giác (46DM)
17. *Mùa hè, một nơi khác.* Phan Thị Trọng Tuyến (22DM)
18. *Nơi trại trồng giới.* Vũ Huy Quang dịch (22DM)
19. *Ở chỗ nhân gian không thể hiểu (1985-1989).*
Du Tử Lê (30DM)
20. *Phía bên kia Thiên Đường.* Phạm Trọng Phúc (26DM)
21. *Quê Hương (thơ).* Định Nguyên (16DM)
22. *Tiếng kèn.* Nhật Tiến (18DM)
23. *Tôi tập viết tiếng Việt.* Nguyễn Hiến Lê (16DM)
24. *Tựa đề ở bên trong.* Ngu Yên (18DM)
25. *Thần, Người và Đất Việt.* Tạ Chí Đại Trường (36DM)
26. *Thơ Cao Tần.* Cao Tần (14DM)
27. *Thơ Trang Châu.* Trang Châu (16DM)
28. *Truyện ngắn II.* Võ Phiến (30DM)
29. *Xuôi dòng.* Nguyễn Mộng Giác (16DM)
30. *Xứ sấm sét.* Võ Đình (18DM)
31. *Yêu con, dạy con nên người.* Việt Đỗ Quý Toàn (16DM)
32. *Yoga căn bản.* Võ Đình Mai (18DM)
33. *Yoga.* Trần Văn Kha (32DM)

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua, Viên Giác đã nhận được những thư tín, tin tức tài liệu và bài vở của quý vị và tổ chức hội đoàn dưới đây. Viên Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng những

sáng tác của Văn, Thi Hữu gửi về, chúng tôi đã chuyển đến Ban đọc và chọn đăng. Xin cảm ơn và mong đón nhận thêm những sáng tác mới.

Nguyễn Thị Liệp Tuyết (Lausanne)-
Thái Nguyệt Cầu (Koblenz)-Võ Lanh
(Duisburg) -Nguyễn Văn Thịnh
(Bonn) -Nguyễn Ang Ca (Bi)-Aus-
waetiges Amt (Bonn) -Lê Thị Bạch
Nga (Canada)- Lưu Nhơn Nghĩa
(Úc) -Đào Trọng Nghĩa (Karlsruhe) -
Trà Giang (Muenchen) -Nguyễn Bính
Thịnh (Pháp) - Lương Minh Trường
(Neuss) - An Lại Thôn Nữ (Bi) -

Nguyễn Tấn Phú (Philippines) -Võ
Hữu Xán (Muenster) - Huỳnh Thanh
Hùng (Voelklingen) -Phổ Đà Ni Tự
(Pháp) -Trung Tâm Độc Lập (Stutt-
gart) -Landes Hauptstadt Hannover -
Der Oberstadtdirektor (Hannover)
-Komitee Cap Anamur (Koeln) -
Sozial-Station der Niedersachsichen
Sozialminister (Hannover) -Thượng
Tọa Thích Trí Chơn (Mỹ) -Nguyễn
Hòa (Hamburg) -Thiền Căn Phạm
Hồng Sáu (Lingen/Ems) -Hồng
Nhiên (Lingen/Ems) -Hoài Việt
(Pháp) -Nguyễn Ang Ca (Bi) -
Nguyễn Ngọc Anh (Mỹ) -Nguyễn Đức
Hoàn (Pháp) -Hoài Khê (Hamburg)
-Trần Nguyễn Huyền Đan (Berlin) -
Tùng Ngọc Phong (Hamburg) -Thiền
Hạnh (Seelze) -Đoàn Đức Nhân
(Pháp) -Vũ Ngọc Long (Lichtenstein)

Ngoài ra trong thời gian qua, chùa Viên Giác đã nhận được những kinh, sách, báo chí của các chùa, các tổ chức hội đoàn khắp nơi gửi về biếu. Viên Giác xin thành thật cảm tạ và xin trân trọng giới thiệu đến quý độc giả xa gần.

Tây Đức : Buddha Haus Nr.1/89 -
Das Beste Nr.9/89 - Hồn Việt số 8 -
Bản Tin Tây Đức số 8/89 -Politik
Information aus Bonn Nr. 5/89 -Độc
Lập số 8/89 -Bản tin Cap Anamur
8/89 -Diễn Đàn Thanh Niên 8/89 -
Entwicklung und Zusammenarbeit
8.9/89 -Development and Cooperation
Nr.4 -Nguồn Thật số 12 - Kháng
Chiến số 91 -Tây Đức Kiều Báo số
192 + 193 -Woche im Bundestag số
13-16 -Bản Tin PTTGUBQTYT
VNTD -Bản tin Tây Đức số 9 - Tây
Đức Kiều Báo số 194 -Tibetische
Zentrumsnachrichten Nr.4 -Bản tin
Cap Anamur 9/89 -Das Beste
Nr.10/89 - Sinh Hoạt Cộng Đồng
9/89 -Thông Tin ViDi Nr. 7+8/89 -
Fluechtlinge Nr. 4/89 -Woche im
Bundestag Nr.16. Úc: Phật Giáo VN
số 35 - Phật Giáo VN số 8.
Canada : Hòa Đạo số 3 -Phật Đàn
số 26 - Liên Hội số 30. Hoa Kỳ :
Chính Nghĩa Dân Tộc 1/89 - Chân
Trời Mới số 34 -Đuốc Từ Bi số 35 -
Phật Giáo Việt Nam số 69 -Bản Tin
Bảo Tinh số1/89 -Liên Hoa số 63 -
Phật Giáo Thống Nhất số 5 -Hoa
Sen số 8. Thụy Sĩ: Mục Vụ số 81-
82. Hòa Lan : Việt Nam Nguyệt
San số 63. Anh : Giác Quang số
8+9. Nhật : Sen Trắng số 9.

Kinh Sách : Trúc Lâm Thiền
Phái tại Huế do Tổ Đình Từ Đàm
Hải Ngoại xuất bản - Hé Mờ Cửa
Giải Thoát -Kinh Bách Du (Pháp) -
Hiển Đạo Tùng Thư (Pháp) -Lòng
Tủ Mầu (Đức) -Kòsò, Wasan (Áo) -
Tủ Võ Lương Tâm (Hoa Kỳ).

BÓNG CỜ LAU

NHIP ĐI

HOÀNG QUÝ

Ta cùng nhau đi thăm nơi hùng xua oai linh đứng muôn
đôi giữa nơi sông cùng núi và sân đá tường rêu dãi
gan sương cùng mìa . Ngàn bóng lau reo đùa theo chiều
gió phất phới . Hay bóng cờ năm xưa còn ầu đây .
Kìa bao tiếng trầu xa còn vọng trong khói mờ dề chúng
như tiếng loa trong rừng cây . HOA LÚ ơi ! Non
lau còn trong sương gió . Đến muôn đời mà
không dứt lời ca . Vội tiếng gió HOA LÚ
ơi vội tiếng gió HOA LÚ ơi ! Muôn năm còn trong sương
gió . Đứng oai hùng cùng với nước nhà . Ta cùng nhau...nhà .

Trích từ tuyển tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử do Hàn Lệ Nhân sáng tác và sưu tập, chùa Khánh Anh Paris xuất bản năm 1982 - Phật Lịch 2526 -